

## Chương VIII

# PHONG TRÀO NÔNG DÂN TÂY SƠN

### 1. NHỮNG NGÀY ĐẦU CỦA PHONG TRÀO

Tây Sơn thuộc huyện Phù Ly, phủ Quy Nhơn, dinh Quảng Nam, gồm 2 vùng:

- Tây Sơn Thượng đạo (nay thuộc Gia Lai);
- Tây Sơn Hạ đạo (nay thuộc Bình Định).

Ba anh em nhà Tây Sơn gồm Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ sinh ra và lớn lên ở ấp Kiên Thành, thuộc Tây Sơn Hạ đạo.

Tổ tiên của ba anh em Tây Sơn vốn họ Hồ (Hồ Phi Khang), quê ở làng Thái Lão, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An. Năm 1655, quân của chúa Nguyễn đã có lần vượt qua sông Gianh đánh chiếm bảy huyện ở Nghệ An đã bắt nhiều nông dân đưa vào Đàng Trong. Ông tổ bốn đời của ba anh em nhà Tây Sơn bị bắt đi trong dịp đó và bị đưa vào Tây Sơn khai hoang lập ấp. Đến đời cha là Hồ Phi Phúc mới dời đến ở ấp Kiên Thành<sup>1</sup>, thuộc huyện Tuy Viễn<sup>2</sup>, nhờ làm ăn cần cù, chịu khó, cơ nghiệp đã có phần khá giả và trở thành một gia đình giàu có.

Thuở nhỏ, ba anh em đều được gia đình cho đi học. Họ được Thụ nghiệp Giáo Hiến (không rõ họ) dạy cho. Thầy giáo là một nho sĩ, nguyên là môn khách nhà Trương Văn Hạnh, ngoại hữu dưới triều Định vương (1765-1778). Sau khi Trương Văn Hạnh bị Trương Phúc Loan giết chết, Giáo Hiến phải trốn vào Quy Nhơn,

---

1. Tức thôn Phú Lạc thuộc huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định.

2. Tức Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

mở trường dạy học ở ấp An Thái. Trong ba anh em Tây Sơn thì Nguyễn Huệ là em thứ hai<sup>1</sup> và là người có vóc dáng đặc biệt, vừa khỏe mạnh lại can đảm, mắt sáng như chớp, tiếng vang như chuông. Thực là tướng mạo của một người phi thường. Nhờ những kiến thức của thầy dạy cho mà họ hiểu biết thêm tình hình xã hội, trong đó có tình hình chính quyền chúa Nguyễn. Có lẽ, nhận thức này đặt nền móng tư tưởng cho ba anh em khi tiến hành khởi nghĩa.

### **Nguyên nhân dẫn đến khởi nghĩa**

*Thứ nhất:* Xã hội Đàng Trong từ cuối thế kỷ XVII, miền đồng bằng sông Cửu Long đã được di dân người Việt vào khai phá, đến đầu thế kỷ XVIII, đã trở thành một bộ đất đai của Đàng Trong<sup>2</sup>. Vùng đất mới này, một mặt đã đem lại tiềm năng về sản xuất lúa gạo, tăng cường sức mạnh cho họ Nguyễn nhưng đồng thời lại là khó khăn cho bộ máy chính quyền Đàng Trong. Lãnh thổ được mở rộng đòi hỏi bộ máy quản lý chính quyền phải được kiện toàn nhằm giải quyết những nhu cầu của nhân dân cũng như nhu cầu quản lý của chính quyền Đàng Trong. Song, điều đó vào thời điểm này chính lại là một khó khăn mà chính quyền các chúa Nguyễn chưa thể giải quyết ngay được. Để khắc phục, các chúa Nguyễn đã ngày càng tăng cường quán xuyên hơn đối với những vùng đất quan trọng, đặc biệt là vùng Quy Nhơn. Nhân dân từ Quy Nhơn đến Bình Thuận không chỉ thường xuyên phải cung cấp người và của cho quan quân chúa Nguyễn trong việc đánh dẹp cuộc nổi dậy của người cao nguyên Đá Vách mà còn phải cung cấp số lượng thuyền bè đáng kể cho chính quyền để vận chuyển lương thực từ đồng bằng sông Cửu Long ra Thuận Hóa phục vụ cho nhân dân khi dân số ngày càng gia tăng. Quy Nhơn là một trong 9 địa phương theo yêu cầu của chính quyền đã phải cung cấp 93 trong tổng số 341 thuyền<sup>3</sup> mà đáng lẽ nếu bình quân thì mỗi địa phương chỉ phải cấp

- 
1. Cũng có tài liệu ghi Nguyễn Huệ là em thứ ba (BT).
  2. Năm 1698, Thống suất Nguyễn Hữu Kính (Cảnh) kinh dinh vào đồng bằng sông Cửu Long, thành lập phủ Gia Định.
  3. Li Tana, *Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*, Sđd, tr. 206.

gần 40 chiếc. Nhân dân còn phải chịu mức thuế khóa nặng nề. Lê Quý Đôn cho biết: “Phủ Quy Nhơn 3 huyện, gạo cung đốn theo đầu mẫu là 1.028 bao 5 thưng 3 cáp, tiền là 528 quan 7 tiền 8 đồng”<sup>1</sup>. Trong khi đó, mức thu thuế ở phủ Quảng Ngãi và Phú Yên như sau: “Phủ Quảng Ngãi 3 huyện, gạo cung đốn theo đầu mẫu là 559 bao 22 thưng 2 cáp, tiền 167 quan 9 tiền... Phủ Phú Yên 2 huyện, gạo cung đốn theo đầu mẫu là 106 bao 17 thưng 9 cáp, tiền là 81 quan 7 tiền 39 đồng”<sup>2</sup>. Việc thu thuế quá nhiều khiến cho người ta nghĩ rằng chính quyền Đàng Trong hình như chỉ tập trung vào mỗi việc là thu thuế. Đội ngũ quan lại thu thuế chuyên ngạch gọi là *Bản đường quan* đã được đặt riêng trực thuộc vào Nội phủ không liên quan đến hệ thống chính quyền cơ sở là một bằng chứng. Các quan thu thuế không được Nhà nước trả lương mà chỉ được hưởng ngụ lộc từ phía người dân, nên họ ra sức hoành hành. Dưới thời chúa Nguyễn Phúc Thuần (1765-1775) nhân dân oán thán rất nhiều về quyền thần tàn bạo Trương Phúc Loan. Nguyễn Phúc Thuần lên ngôi chúa lúc 12 tuổi (do Trương Phúc Loan lập nên) vào năm 1765. Cho nên từ sau năm 1765, chính quyền Phú Xuân chủ yếu do Trương Phúc Loan điều khiển. Trương Phúc Loan là người đã từng chuyên quyền hơn 30 năm, lại khá tàn bạo, giết chóc dân chúng không ghê tay. Sự chuyên quyền độc đoán, tham lam tàn bạo của đội ngũ quan lại cùng với chế độ thuế khóa nặng nề đã khiến cho cuộc sống của nhân dân trở nên cơ cực; và từ lâu đã ẩn chứa trong nó những mâu thuẫn đối kháng. Mâu thuẫn giữa chính quyền phong kiến và giai cấp thống trị với tất cả các tầng lớp xã hội và các dân tộc ở Đàng Trong. Đây chính là một trong những nguyên nhân gây nên sự bất bình của dân chúng đối với chính quyền Đàng Trong và ngược trở lại khi ngọn cờ Tây Sơn giương cao, họ là một lực lượng đáng kể đi theo và ủng hộ phong trào Tây Sơn.

*Thứ hai:* Cuộc nội chiến Trịnh - Nguyễn từ năm Đinh Mão (1627) đến năm Nhâm Tý (1672), kéo dài 45 năm, 7 lần đánh

---

1, 2. *Phủ biên tạp lục*, quyển 3, Sđd, tr. 141.

nhau<sup>1</sup> đã gây nhiều tổn thất về sức người và sức của khiến cho lòng dân ly tán. Thuế khóa nặng nề, giá thóc gạo cao vọt, nạn đói hoành hành. Điều này đã được sử nhà Nguyễn chép như sau: “Mùa Đông, tháng 10, năm Giáp Ngọ (1774) Thuận Hóa bị đói to, mỗi lè gạo trị giá một tiền, ngoài đường có xác chết đói, người nhà có khi ăn thịt nhau”<sup>2</sup>. Giáo sĩ La Bartette của xứ đạo Cổ Vưu (Trí Bưu, Quảng Trị) ghi lại: “Chiến tranh và đói kém đã làm thiệt hại nhiều người ở đây đến nỗi dân trong miền chết hơn một nửa. Đôi khi có nhiều gia đình chết cả cùng một lúc vì họ uống thuốc độc mà chết cho khỏi phải chết đói... thường thấy thịt người bày ra bán ở chợ...”<sup>3</sup>. Tất cả những điều đó dẫn đến sự khủng hoảng căn bản về hậu thuẫn lấy dân là gốc cho chính quyền Đảng Trong.

*Thứ ba:* Những cuộc bạo động của nông dân, của các dân tộc thiểu số ở Đảng Ngoài diễn ra từ giữa thế kỷ XVIII, đã có tác động lớn đối với sự bùng nổ của phong trào Tây Sơn.

*Thứ tư:* Nguyên cơ dẫn đến sự chống đối của ba anh em nhà Tây Sơn bắt đầu bằng sự kiện năm 1771. Nguyễn Nhạc vốn làm Tuần Biện lại ở Vân Đồn, giữ nhiệm vụ thu thuế trong một đồn đê nộp vào quốc khố. Nhưng Nguyễn Nhạc là người ham thích đánh bạc nên số tiền thu thuế của năm 1771 đã dùng để đánh bạc hết sạch. Đốc trưng Đàng đã nhắc nhở Nguyễn Nhạc nhiều lần số tiền thuế phải nộp, nhưng vô hiệu. Vì lý do đó mà Nguyễn Nhạc bị lòng bất rạo riết. Ông đã bí mật vào núi rồi ngầm bàn với Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ dựng trại, lập đồn, xưng hùng ở miền núi Tây Sơn Thượng đạo (nay thuộc xã Yang Nam, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai) bắt đầu gây dựng nên phong trào Tây Sơn từ đó.

---

1. Xem chương I (mục *Nội chiến Trịnh - Nguyễn 1627-1672*).

2. *Đại Nam thực lục, Tiền biên*, quyển 11, tập I, Sđd, tr. 179.

3. Dẫn theo: Đỗ Bang - Hoàng Phủ Ngọc Tường - Lê Văn Hào - Phan Thuận An - Mai Khắc Ứng, *Nguyễn Huệ - Phú Xuân*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1986, tr. 51.

### **Xây dựng căn cứ ở Tây Sơn Thượng đạo**

Năm 1771, ba anh em nhà Tây Sơn dựng cờ khởi nghĩa và lập căn cứ ở Tây Sơn Thượng đạo. Nguyễn Nhạc đã cho xây dựng thành lũy ngay trên đỉnh đèo An Khê (Gia Lai)<sup>1</sup>. Buổi ban đầu, dưới ngọn cờ Tây Sơn đã thu hút được nhiều tầng lớp nhân dân tham gia. Số quân lên đến vài nghìn người. Đồng thời, nghĩa quân còn nhận được sự giúp đỡ của một số nhà giàu trong hạt Quy Nhơn như Huyền Khê, giúp về tài chính. Thỏ hào Nguyễn Thung cũng tham gia giúp sức. Từ đó, anh em Tây Sơn có điều kiện mộ lính, sắm sửa khí giới khiến cho thanh thế Tây Sơn càng ngày càng mạnh, họ kéo quân đánh các ấp xung quanh, đánh đến đâu thắng đến đó.

Để tỏ rõ mục đích của phong trào và cũng để thu hút sự tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân vốn đang bất bình với chính quyền Đàng Trong đương thời, mà đại diện là Quốc phó Trương Phúc Loan. Anh em nhà Tây Sơn truyền hịch đi khắp nơi kể tội quan tham Trương Phúc Loan và bày tỏ ý định lập Hoàng tôn Phúc Dương làm chúa mới. Hoàng tôn Phúc Dương là cháu đích tôn của Nguyễn Phúc Khoát, bị Trương Phúc Loan phế truất. Trong bài Hịch của Nguyễn Nhạc có câu: "*Giận Quốc phó ra lòng bội đạo, nên Tây Sơn xưng nghĩa Cản Vương. Trước là ngăn cột đá giữa dòng, kéo đảng nghịch đặt mưu ngấp nghé*". Lời hiệu triệu trên đã làm cho lực lượng phân hóa thành hai phe: Phe ủng hộ Quốc phó Trương Phúc Loan và Định vương; Phe ủng hộ Hoàng tôn Dương và Tây Sơn. Lúc bấy giờ để phân biệt quân của hai phe

---

1. Ở vùng An Khê nhân dân còn lưu truyền truyền thuyết là nghĩa quân Tây Sơn từ Thượng đạo xuống giải phóng Hạ đạo theo con đường giao thông cổ - đỉnh đèo An Khê (còn có tên là đèo Mang. Mang tiếng Ba Na là cửa). Đèo Mang là địa danh cổ có trước thế kỷ XVII. Đèo Mang - Đèo Cửa, cửa ngõ của Tây Sơn Thượng đạo, cửa ngõ vào Tây Nguyên. Xem: Phan Huy Lê, Phan Đại Doãn, Vũ Minh Giang, Nguyễn Quang Ngọc, *Tư liệu về Tây Sơn - Nguyễn Huệ trên đất Nghĩa Bình*, tập I, Sở Văn hóa Thông tin Nghĩa Bình xuất bản, Quy Nhơn, 1988, tr. 102-107.

người ta đã truyền nhau câu: “*Binh triều, binh Quốc phó; Binh Ó<sup>1</sup>, binh Hoàng tôn*”, gọi binh Nguyễn Nhạc là binh Hoàng tôn. Cũng từ sau lời hiệu triệu của anh em nhà Tây Sơn, nhiều tầng lớp nhân dân đã nhiệt liệt hưởng ứng phong trào. Từ căn cứ Tây Sơn Thượng đạo, các lãnh tụ Tây Sơn mở rộng địa bàn hoạt động sang các nơi khác. Huy động sức người, sức của trong nhân dân, nhất là động viên nhân dân tăng cường sản xuất, tích trữ lương thực, tiền bạc, chuẩn bị cho cuộc nổi dậy. Nguyễn Nhạc đã lấy vợ thứ người Bana tên là Ya Đố. Bà rất có tài thuần phục voi và đã giúp đỡ ông rất nhiều trong quá trình tiến hành khởi nghĩa.

Hoạt động của anh em Tây Sơn lúc này là đem quân đi cướp của nhà giàu chia cho dân nghèo trong phạm vi của mình, khiến cho dân nghèo càng ngày càng ủng hộ Tây Sơn. Một giáo sĩ Tây Ban Nha viết về quân Tây Sơn: “Họ tuần hành trong các làng, tuyên bố với dân chúng rằng họ không phải là giặc cướp mà là những người làm theo ý của trời; họ muốn thực hiện công lý trong xã hội và giải phóng nhân dân khỏi ách chuyên chế của bọn vua quan. Họ tuyên truyền sự bình đẳng về mọi mặt... lấy của cải của quan lại và phú hào để phân phát cho dân nghèo. Những làng xã khổ ở dưới gánh nặng thuế má hà khắc hăm hờ tuyên thệ theo họ...”<sup>2</sup>.

### **Tiến xuống Hạ đạo, mở rộng địa bàn hoạt động ở đồng bằng**

Sau khi xây dựng lực lượng, thời điểm này phong trào Tây Sơn được củng cố cả về thế và lực. Nguyễn Nhạc là người chủ động khởi xướng phong trào, lại vốn là người cơ trí, nên lúc này, vai trò lãnh đạo tối cao thuộc về Ông. Còn Nguyễn Huệ chịu sự chỉ huy của anh.

---

1. Ó: nghĩa là la ó. Quân Tây Sơn hễ kéo đến đâu cũng hò reo la ó đến đó. Kê hú, người thừa âm ý, làm cho thanh thế mạnh mẽ. Vì vậy nhân dân bấy giờ thường dùng hai tiếng “quân ó” để chỉ quân Tây Sơn.

2. Chesneaux, *Contribution à l'histoire de la nation vietnamienne*, tr. 59-60. Dẫn theo: *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập III, Sđd, tr. 281.

Mùa Thu năm Quý Tỵ (1773), quân Tây Sơn đánh chiếm được *áp Kiên Thành*, miền hạ đạo huyện Tuy Viễn và những vùng xung quanh, mở rộng địa bàn hoạt động. Khi chiếm gần hết phủ Quy Nhơn, quân Tây Sơn tiến hành sắp đặt về tổ chức:

Nguyễn Nhạc làm chúa trại Nhất, quản hai huyện Phù Ly và Bồng Sơn (đều thuộc Quy Nhơn).

Nguyễn Thung, chúa trại Nhì, cai quản huyện Tuy Viễn (thuộc Quy Nhơn)<sup>1</sup>.

Huyền Khê làm chúa trại Ba, cung cấp lương thực.

Quân Tây Sơn một mặt tiếp tục xây dựng lực lượng bên trong, đồng thời liên lạc với lực lượng bên ngoài: chiêu dụ những lực lượng như Nhung Huy và Tứ Linh<sup>2</sup>; mật ước với nữ chúa Chiêm Thành là Thị Hòa đem quân sang đóng ở trại Thạch Thành làm thế ý giốc.

Sau đó, quân Tây Sơn tiến hành đánh úp thành Quy Nhơn và chỉ trong vòng một đêm thành Quy Nhơn của quan quân chúa Nguyễn đã bị hạ<sup>3</sup>. Nguyễn Nhạc sai Nguyễn Thung cầm đầu cùng với Nhung Huy và Tứ Linh tiến vào thành đốt doanh trại, giết tướng sĩ, cả thành hoảng loạn và tan vỡ. Tuần phủ Quy Nhơn Nguyễn Khắc Tuyên bỏ chạy. Quân Tây Sơn chiếm được thành bèn thả hết tù ra, chiêu dân làm binh, dựng cờ hiệu Tây Sơn. Rồi, không dừng lại đó, thừa thắng, Nguyễn Nhạc kéo quân đến đánh Kiên Dương (Trường Thạch, xã Cát Tiên, huyện Phù Cát) và Đạm Thủy

---

1. Sau Nguyễn Thung bị Nguyễn Nhạc giết chết.

2. Sau cả hai đều bị Nguyễn Nhạc giết chết.

3. *Cương mục, Chính biên*, quyển 44, tập II, Sđd, tr. 720 chép: "Văn Nhạc là người nhiều cơ mưu trí tuệ. Một hôm tự ngồi vào trong cũi gà rồi sai đồ đảng luân chuyển báo đi rằng: "Bắt được Văn Nhạc đem giải nộp trấn doanh". Viên tướng giữ trấn không ngờ là sự trí trá, bèn mở cửa doanh thu nhận. Đêm hôm ấy, đồ đảng của Nhạc lén đến ngoài thành, Nhạc liền phá cũi mà ra, mở toang cửa thành, đốt doanh trại, giết tướng giữ trấn, bèn chiếm cứ thành Quy Nhơn".

(xã Cát Minh, huyện Phù Cát)<sup>1</sup> đều thuộc thành Quy Nhơn, tịch thu kho thóc. Đốc Trung Đẳng và Khâm sai Lượng cũng bỏ chạy. Nhưng trong lòng Nguyễn Nhạc vốn chứa sẵn mối thù trước đó nên cả Đẳng và Lượng đều bị quân Tây Sơn đuổi theo và giết chết. Nguyễn Nhạc còn ra lệnh tru di cả họ nhà Đẳng. Sau thắng lợi này "Hào mục bản thổ đua nhau nổi dậy hưởng ứng với giặc, thế giặc (tức quân Tây Sơn - tác giả) càng ngày càng bùng lên"<sup>2</sup>. Một số lái buôn người Thanh như Lý Tài, Tập Đình đều theo về Tây Sơn.

Như vậy, lúc này (1773) quân Tây Sơn đã làm chủ được phủ Quy Nhơn, một dải từ thành Quy Nhơn đến địa phận Quảng Nam trở thành căn cứ địa vững chắc cho phong trào Tây Sơn. Từ đây, phong trào Tây Sơn có điều kiện phát triển lên một giai đoạn mới.

Trước tình hình đó, chúa Nguyễn đương nhiên không thể để yên cho quân Tây Sơn hoạt động. Chúa liền sai Chương cơ Nguyễn Cửu Thống, Nguyễn Cửu Sách, Cai cơ Phan Tiến, Cai đội Nguyễn Vệ, Tổng nhung Tống Sùng, Tán lý Đỗ Văn Hoàng đem quân đi đánh Tây Sơn. Nhưng quân chúa Nguyễn đã bị quân Tây Sơn đánh cho thất bại. Sử nhà Nguyễn chép: "Bấy giờ bình tĩnh đã lâu, tướng sĩ không quen trận mạc, khi phải đi đánh, phần nhiều thác cớ cầu miễn. Trương Phúc Loan thì lại ăn hối lộ mà sai thay người khác, mọi người đều cảm oán, ra trận là chạy ngay. Do đó thế giặc (tức quân Tây Sơn - tác giả) càng thịnh"<sup>3</sup>. Nguyễn Nhạc còn chiêu tập những thổ dân cải làm người Thanh, khi ra trận thì uống rượu say,

---

1. Kết quả khảo sát thực địa của tác giả Nguyễn Quang Ngọc cho biết: Gò Kho ở thôn Đức Phở, xã Cát Minh, huyện Phù Cát, tục truyền là kho thóc có từ trước thời Gia Long chính là di tích của kho Đạm Thủy hay kho Nước Ngọt của chúa Nguyễn. Kho trước ở huyện Phù Ly, nay nằm ở vị trí giáp giới các thôn Xuân Hiên, Gia An, Đức Phở, xã Cát Minh, huyện Phù Cát. Xem: Phan Huy Lê, Phan Đại Doãn, Vũ Minh Giang, Nguyễn Quang Ngọc, *Tư liệu về Tây Sơn - Nguyễn Huệ trên đất Nghĩa Bình*, tập I, Sđd, tr. 117-118.

2. *Cương mục, Chính biên*, quyển 44, tập II, Sđd, tr. 720.

3. *Đại Nam thực lục, Tiền biên*, quyển 11, tập I, Sđd, tr. 177-178.



cời trần, liều chết mà xông ra, làm cho quân chúa Nguyễn hoảng sợ không thể địch nổi.

Tháng 12 năm 1773, quân Tây Sơn tiếp tục chiếm được phủ Quảng Ngãi. Thừa thắng, Nguyễn Nhạc cùng quân sĩ đánh chiếm luôn hai phủ Diên Khánh và Bình Khang rồi tiến đánh Quảng Nam. Nhưng sau đó quân Tây Sơn bị Nguyễn Cửu Dật đánh úp ở kho Mỹ Thị, phải lui về giữ thế thủ ở Thiên Lộc<sup>1</sup>.

Tới lúc này, quân Tây Sơn đã làm chủ được một vùng đồng bằng rộng lớn từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận, cắt đứt kinh thành Phú Xuân với Gia Định làm cho quan quân chúa Nguyễn vô cùng lo sợ.

Năm Giáp Ngọ (1774), mùa Xuân, tháng Giêng, quân chúa Nguyễn do Tôn Thất Thăng (con Tôn Thất Tú) điều quân đến dinh Quảng Nam đánh quân Tây Sơn. Nhưng, Tôn Thất Thăng sợ uy thế quân Tây Sơn, nên đến đêm bỏ chạy.

Đến mùa Hạ năm 1774, chúa Nguyễn lại tổ chức tấn công quân Tây Sơn lần nữa. Lần này, quân chúa Nguyễn do Tổng Phước Hiệp, Nguyễn Khoa Thuyên thống lĩnh tướng sĩ 5 dinh Bình Khang, Bình Thuận, Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ<sup>2</sup> đồng thời đưa hịch mộ binh ứng nghĩa nên các đạo quân thủy bộ cùng phối hợp tấn công và làm thất bại quân Tây Sơn. Quân Nguyễn thu lại ba phủ Bình Thuận, Diên Khánh, Bình Khang, sau đó đóng quân tại Hòn Khói (thuộc tỉnh Khánh Hòa). Mạc Thiên Tứ ở Trấn Giang nghe tin quân chúa Nguyễn đánh nhau với quân Tây Sơn liền sai người chở một thuyền lương thực về Kinh giúp. Nhưng, dọc đường đi đến vùng biển Quy Nhơn đã bị quân Tây Sơn chặn đánh.

Phú Yên cũng bị quân Nguyễn đánh chiếm lại. Trừ có đại bản doanh của Nguyễn Nhạc ở Quảng Nam là được bảo vệ vững chắc.

---

1. Thiên Lộc ở phía Nam chợ Sùi, sù chép là Sài Thị.

2. Tướng sĩ do Điều khiển Gia Định Nguyễn Cửu Đàm thống lĩnh, bấy giờ ủy cho Tổng Phước Hiệp.

Lúc này, Trương Phúc Loan vẫn nuôi hy vọng trông cậy vào sự giúp sức của nhà Thanh để chống lại họ Trịnh. Dưới con mắt của Trương Phúc Loan chỉ có họ Trịnh mới là đối thủ ngang hàng. Trương Phúc Loan không mấy để ý đến thế lực Tây Sơn. Cho nên, một mặt Trương Phúc Loan cho người sang dâng biểu nhà Thanh xin làm phiên thuộc. Mặt khác, sắp đặt triều nghi, đổi sắc phục, thay pháp độ, quy mô như một vương quốc để tỏ ra không chịu kém chúa Trịnh.

Nhưng, cũng chính trong thời điểm này, ở Đàng Ngoài, họ Trịnh đã nắm bắt được tình hình cuộc chiến ở Đàng Trong và đây chính là thời cơ để họ Trịnh xuất quân đánh chúa Nguyễn hùng lược xứ Thuận Hóa.

## **2. ĐÁNH BẠI THẾ LỰC HỌ NGUYỄN, ĐÁNH TAN QUÂN XIÊM XÂM LƯỢC**

### **Tiến quân vào Nam đánh bại thế lực họ Nguyễn**

Anh em nhà Tây Sơn dấy binh khởi nghĩa, lúc đầu nhằm tiêu diệt Trương Phúc Loan và sau đó tiến tới lật đổ chính quyền chúa Nguyễn. Nhưng tình thế lúc này đặt ra cho anh em nhà Tây Sơn là phải lựa chọn thời cơ. Bởi chiến cuộc xuất hiện thêm một thế lực khác. Đó là quân Trịnh ở Đàng Ngoài, nhân cơ hội quân Tây Sơn đánh quân chúa Nguyễn đã tổ chức tiến quân vào Đàng Trong.

### ***- Quân Trịnh tiến đánh quân Nguyễn và quân Tây Sơn***

Tháng 5-1774, Trịnh Sâm cử Quận việp Hoàng Ngũ Phúc<sup>1</sup> làm Thống tướng, Bùi Thế Đạt làm Phó tướng, Hoàng Phùng Cơ, Hoàng Đình Thê thống lĩnh tướng sĩ 23 dinh và binh lính thủy bộ các đạo Thanh - Nghệ và Đông Nam tiến đến Nghệ An để sắp đặt việc quân. Khi Hoàng Ngũ Phúc ra đi được chúa Trịnh Sâm căn dặn trong bức thư do chính tay chúa viết: “Ông đến Nghệ An, nên tùy cơ mà trừ tính, định liệu, trước hết đưa thư cho các tướng giữ

---

1. Người làng Phụng Công, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh.

biên giới, nói thác rằng: Việc hành quân này chỉ cốt phòng bị giặc Tây Sơn chạy trốn. Nói như thế để thăm dò tình hình của họ. Nếu họ đã bình định được giặc Tây Sơn, thì lại đưa thư đề đạt ý chí rồi dẫn quân về, đừng làm cho họ sinh nghi, lại gây hấn khích ở nơi biên giới”<sup>1</sup>.

Bấy giờ, ở Thuận Hóa đã mấy năm mất mùa đói kém, việc tiến quân vào Nam của quân Trịnh gặp khá nhiều khó khăn về lương thực. Nên việc tích trữ lương thực phục vụ quân đội là một trong kế hoạch quan trọng của quân Trịnh. Kế hoạch đó được triển khai như sau: việc thu mua và vận tải lương thực được đặt ở ba trường sở:

1. Trường sở Sơn Nam đặt ở Mỹ Lộc, do Nguyễn Đình Diễm cai quản;

2. Trường sở Nghệ An đặt ở Hà Trung, do Nguyễn Đoàn Thực chịu trách nhiệm vận tải vào Quảng Bình;

3. Trường sở Quảng Bình lập ở Động Hải (thuộc huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình), do Ngô Dao giữ việc vận tải tất cả số lương, để cấp phát lương thực cho binh lính<sup>2</sup>.

Đến tháng 9 năm 1774, quân của Hoàng Ngũ Phúc đã tiến đến châu Bắc Bố Chính. Ngay tháng sau (tháng 10-1774), quân Trịnh bí mật vượt sông Gianh (Linh Giang), đóng ở xã Cao Lao. Quân Nguyễn thấy vậy vội cử Cai đội Quý Lộc (không rõ họ), Câu kê Kiêm Long (không rõ họ) đến khao quân Hoàng Ngũ Phúc và bày tỏ ý định không cần sự trợ giúp của quân Trịnh trong việc đánh dẹp quân Tây Sơn. Nhưng thật không may cho quân Nguyễn, Kiêm Long đã phản bội sự tin cậy của chúa Nguyễn mà bí mật tiết lộ cho quân Trịnh biết là có thể tiến đánh dinh Bố Chính. Thấy thế, Hoàng Ngũ Phúc liền ra lệnh tấn công và chiếm được lũy Trấn Ninh, một đồn lũy có tiếng là hiểm trở, rồi đóng quân ở dinh Quảng Bình. Với việc chiếm được Quảng Bình, tức là chìa khóa cửa ngõ của giang sơn chúa Nguyễn đã bị rơi vào tay quân Trịnh.

---

1, 2. *Cương mục*, quyển 44, tập II, Sđd, tr. 710.

Sau khi chiếm được Quảng Bình, Hoàng Ngũ Phúc tiếp tục tiến quân vào Nam. Để cuộc tiến quân được thuận lợi, Hoàng Ngũ Phúc liền truyền hịch rằng, lần này xuất quân là cốt để trừ tên gian thần Trương Phúc Loan, cứu nhân dân khỏi lầm than, thực không có ý xâm đoạt.

Thực trạng này làm cho chúa Nguyễn rơi vào tình thế rất nguy ngập, cùng một lúc phải đối phó với hai thế lực là quân Trịnh và quân Tây Sơn. Trong trường hợp này, chúa Nguyễn đã lựa chọn giải pháp là tạm làm yên lòng quân Trịnh là mưu bắt Trương Phúc Loan giao nộp cho Hoàng Ngũ Phúc với hy vọng quân Trịnh sẽ rút quân. Tháng 12-1774, các tướng Tôn Thất Huống, Nguyễn Cửu Pháp<sup>1</sup> lập mưu bắt được Trương Phúc Loan nộp cho Hoàng Ngũ Phúc. Nhưng, vấn đề của nhà Trịnh không chỉ nhằm vào Trương Phúc Loan mà quan trọng là tiêu diệt quan quân chúa Nguyễn để thâm tóm đất Thuận Hóa. Trương Phúc Loan chỉ là chiêu bài.

Hoàng Ngũ Phúc rất mừng rỡ khi bắt được Trương Phúc Loan, lập ngay kế hoạch kết hợp với quân Nguyễn cùng tiêu diệt quân Tây Sơn. Nhưng, chúa Nguyễn đã không tin, một mặt, sai đội quân do Tôn Thất Hiệp làm thống binh trá hàng để dụ quân Trịnh. Mặt khác, tổ chức chiêu dụ hào mục ở các dinh Quảng Bình, Bố Chính hưởng ứng việc hợp sức đánh quân Trịnh, chia đóng đồn để quấy rối sau lưng quân Trịnh. Nhưng, kết quả đã không được như họ Nguyễn mong muốn. Sau vài trận giao chiến trên bộ và thủy, quân Nguyễn đã thua.

Chúa Nguyễn liền bố trí lại quân đội và ra lệnh chém đầu những viên tướng nào đã tự ý rút lui trong chiến đấu để làm gương cho người khác. Nhưng, những cố gắng của họ Nguyễn ở Đàng Trong không làm thay đổi được tình hình của quan quân chúa Nguyễn lúc bấy giờ, khi: “Lòng người trong nước đều oán Trương Phúc Loan chuyên quyền mà bao nhiêu tướng giỏi quân mạnh ở các

---

1. Nguyễn Cửu Pháp: Người huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là con công thần Nguyễn Cửu Thế.

đinh thì đã điều vào Quảng Nam đánh giặc cả, từ sông Hiền Sĩ trở ra, binh tướng toàn là già yếu, không quen đánh trận, cho nên khi quân Trịnh đến thì chẳng ai chống giữ. Chỉ một mình Nguyễn Văn Chính đem quân sở bộ ra chống đánh, binh uy có hơi phần chấn. Hoàng Ngũ Phúc cũng đã e sợ. Nhưng Văn Chính không biết mưu lược cầm quân, chỉ uống rượu nói suông, ngoài ra không có kế đánh giữ gì cả, rốt cuộc cũng thất bại”<sup>1</sup>.

Mùa Đông năm 1774, quân Trịnh thừa thắng tiến vào Phú Xuân, Nguyễn Duệ Tông (1765-1778) phải chạy đi Giá Tân (Bến Giá, thuộc tỉnh Quảng Nam). Quân Trịnh đã chiếm được Thuận Hóa.

Sau thắng lợi này, chúa Trịnh Sâm rất vui mừng. Mùa Xuân, tháng Giêng năm 1775, Trịnh Sâm ở Hà Trung đã sai người vào phong cho Hoàng Ngũ Phúc là Đại Trấn phủ kèm theo phần thưởng 100 lạng vàng và một bức thư với nội dung: “Nay đã bình định được Thuận Hóa rồi, còn Quảng Nam cũng nên lần lượt bình định nốt. Việc này nếu không phải tay nguyên lão, không ai có thể đương nổi trách nhiệm. Vậy phạm điều khiển các việc, võ về hay đánh dẹp, đều cho phép được tùy tiện thi hành...”<sup>2</sup>.

Sau khi bị quân Trịnh đánh bại, quân Nguyễn lại phải đối đầu với cuộc tấn công của quân Tây Sơn vào tháng Giêng năm 1775 với mục tiêu đánh chiếm Quảng Nam.

### *- Quân Tây Sơn tấn công quân Nguyễn ở Quảng Nam thắng lợi*

Sau khi chiếm được thành Quy Nhơn, hào mục các nơi đua nhau nổi dậy hưởng ứng, thanh thế quân Nguyễn Nhặc ngày càng mạnh. Khi bắt đầu khởi nghĩa, anh em Nguyễn Nhặc đã mượn danh nghĩa lập Hoàng tôn Phúc Dương nhằm gây chia rẽ trong nội bộ quân Nguyễn. Hoàng tôn Phúc Dương trước đây đã trốn khỏi

---

1. *Đại Nam thực lục, Tiền biên*, quyển 11, tập I, Sđd, tr. 181.

2. *Cương mục*, quyển 44, tập II, Sđd, tr. 718.

quân Tây Sơn về với chúa Duệ Tông và được lập làm Đông cung (Tháng 1 - 1775), bây giờ Nguyễn Nhạc âm mưu muốn đón Đông cung về để lập làm vua nhằm tranh thủ sự ủng hộ của dân chúng. Thời gian này Đông cung đang ở Quảng Nam, nên Nguyễn Nhạc thực hiện ngay ý định đánh Quảng Nam để bắt Đông cung. Nguyễn Nhạc cử Thống suất Diện và Tiên phong Tường (đều không rõ họ) đem 2.000 quân đóng đồn ở Thúy Loan và Bồ Bản (thuộc tỉnh Quảng Nam) làm thượng đạo. Tập Đình và Lý Tài chỉ huy 2.000 quân đóng ở Ba Độ làm trung đạo. Đốc chiến Phong, Hồ tướng Hãn (đều không rõ họ) đem 2.000 quân đóng ở Hà Thân làm hạ đạo, hễ ai rước được Đông cung thì trọng thưởng, còn Nguyễn Nhạc dẫn quân đi tắt sông Thu Bồn. Cánh quân thượng đạo của Diện và Tường nghe theo lời chiêu dụ của Đông cung đã cùng Đông cung chạy vào Gia Định. Các đạo quân khác cùng tiến đánh Quảng Nam và thu được thắng lợi. Tướng Nguyễn là Nguyễn Cửu Du giữ đồn Quảng Nam bị thua trận. Xa giá của Duệ Tông và Đông cung trên đường chạy vào Gia Định đến Ô Da thì bị quân của Tập Đình và Lý Tài đánh tan quân của Diện và Tường. Đông cung được giải về Hội An cho Nguyễn Nhạc (vào tháng 4-1775)<sup>1</sup>. Quân của Nguyễn Nhạc đã chiếm được Quảng Nam.

### **- Quân Trịnh đánh chiếm Quảng Nam**

Cùng thời gian đó (tháng 4-1775), quân của Hoàng Ngũ Phúc kéo qua cửa Hải Vân (giáp giới giữa Thừa Thiên và Quảng Nam) tiến vào Quảng Nam, chỗ quân Tây Sơn và chúa Nguyễn đang đánh nhau. Nguyễn Nhạc sai Tập Đình làm tiên phong, Lý Tài làm Trung quân đón đánh quân Trịnh ở Cẩm Sa (thuộc tỉnh Quảng Nam). Quân Trịnh do Hoàng Đình Thê, Hoàng Phùng Cơ đem quân khinh kỵ xông vào tiêu diệt khá nhiều quân của Tập Đình. Nguyễn Nhạc và Lý Tài phải chạy về Bán Tân (Bến Ván; chỗ giáp giới Quảng Nam, Quảng Ngãi). Cuộc chiến với quân Trịnh ở Cẩm Sa đã khiến cho quân của Nguyễn Nhạc bị thua đậm. Nguyễn Nhạc

---

1. *Đại Nam thực lục, Tiền biên*, quyển 12, tập I, Sđd, tr. 183.

cùng Đông cung về Quy Nhơn. Quân Trịnh thắng, đóng quân ở Quảng Nam.

**- Quân Nguyễn đánh chiếm Phú Yên**

Tháng 5-1775, quân Nguyễn chia hai đường thủy, bộ từ Xuân Đài (thuộc Phú Yên) và Lầm Úc (Vũng Lầm; thuộc Phú Yên), tiến quân đánh chiếm được Phú Yên. Tổng Phước Hiệp sai người ra lệnh cho Nguyễn Nhạc phải trả Đông cung cho chúa Nguyễn, nếu không sẽ đem đại quân tiến đánh. Lúc này do chưa được củng cố thế lực nên Nguyễn Nhạc không khỏi lo sợ, đem giấu hết của báu trên núi Tây Sơn. Rồi đón Đông cung đến Hà Liêu, An Thái (thuộc Quy Nhơn) để tránh.

Thời điểm này, thế trận quả là bất lợi cho quân Tây Sơn. Quân Trịnh chiếm Quảng Nam, quân Nguyễn chiếm Phú Yên. Quân Tây Sơn từ sau trận Cẩm Sa, quân lính nhiều người chết nên lực lượng quân đội chưa được củng cố. Không những thế Nguyễn Nhạc lại nghe tin quân Nguyễn do Tổng Phước Hiệp chỉ huy đang kéo quân đến. Tình thế hết sức căng thẳng, không thể cùng một lúc đương đầu với hai thế lực Trịnh, Nguyễn từ hai phía bắc, nam, Nguyễn Nhạc bèn dùng kế hoãn binh với quân Trịnh, sai Phan Văn Tuế mua chuộc Hoàng Ngũ Phúc bằng vàng bạc, của báu, đồng thời giả xin trá hàng, cống nạp. Hoàng Ngũ Phúc đã tin lời Nguyễn Nhạc liền dâng biểu xin chúa Trịnh cho Nguyễn Nhạc làm tiền phong tướng quân, giữ chức hiệu trưởng Tây Sơn, rồi sai Chương thư ký Nguyễn Hữu Chinh đem sắc ấn cờ kiếm với áo, mũ, ngựa trao cho. Sự sơ hở của Hoàng Ngũ Phúc đã tạo điều kiện cho quân Tây Sơn tạm yên được mạn Bắc. Sau đó, Nguyễn Nhạc còn tìm cách hoà hoãn với quân Nguyễn nhằm ngăn chặn trận chiến sắp xảy ra, tranh thủ thời gian củng cố lực lượng. Ông đã sai người đến chiêu dụ Tổng Phước Hiệp, nhưng không thành.

Mùa Hè năm 1775, quân Trịnh phần vì đi xa mệt mỏi lại bị dịch bệnh chết rất nhiều nên không dám tiếp tục tiến quân, tạm nghỉ và bí mật định kế hoạch kéo quân về Đàng Ngoài.

**- Quân Tây Sơn chiếm lại Phú Yên**

Mùa Thu, tháng 7 năm 1775, Phú Yên lại là chiến trường giao tranh giữa quân của Nguyễn Nhạc và quân của Tổng Phước Hiệp. Nguyễn Nhạc dùng mưu sai người đến trá hàng, Tổng Phước Hiệp tin lời, chủ quan. Thừa lúc Phước Hiệp không phòng bị, Nguyễn Nhạc cử Nguyễn Huệ đem quân đánh úp Phú Yên và thắng lợi. Địa bàn Phú Yên đã hoàn toàn do Tây Sơn làm chủ.

Nguyễn Nhạc lấy lý do Nguyễn Huệ đánh phá được Phú Yên, đề nghị với Hoàng Ngũ Phúc cho Nguyễn Huệ làm Tây Sơn hiệu tiên phong tướng quân.

Mùa Thu, tháng 7 năm 1775, quân Trịnh đóng ở Châu Ô (nay là thị trấn Châu Ô, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) do gặp bệnh dịch quân sĩ bị chết khá nhiều nên Hoàng Ngũ Phúc định rút quân về. Trước tình thế khó có thể giữ được địa bàn từ Thuận Hóa đến địa giới Quảng Ngãi, Hoàng Ngũ Phúc gửi thư cho chúa Trịnh Sâm xin đem quân về Thuận Hóa, đành bỏ đất hai phủ Thăng Hoa và Điện Bàn. Lúc này Hoàng Ngũ Phúc đã mắc bệnh. Ông nói với các tướng tá rằng: “Tây Sơn bây giờ đương như ngọn lửa bốc mạnh. Tôi già mắt rồi. Còn các tướng, tôi e, không phải là tay đối địch với họ được”<sup>1</sup>. Mùa Đông, tháng 10 năm 1775, Hoàng Ngũ Phúc dẫn quân về Phú Xuân<sup>2</sup>, đến tháng 12, Trịnh Sâm triệu ông về Kinh. Đề

---

1. Xem: Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm, *Quang Trung - Anh hùng dân tộc 1788-1792*, Nxb. Văn hóa Thông tin, 1998, tr. 46.

2. Ở Thuận Hóa gần 2 năm (từ đầu năm 1774 đến cuối 1775), Hoàng Ngũ Phúc đặt cơ quan hành chính, quân sự, sửa đôn lũy, khai hào trị, đổi lại phong tục cho “đồng hoá” với nhà Trịnh ở Đàng Ngoài. Tóm lại là cải cách hết mọi mặt những gì là dấu ấn của chính quyền Đàng Trong cho phù hợp với chính quyền Đàng Ngoài. Chúa bỏ dụng Bùi Thế Đạt và Nguyễn Đình Thống lưu giữ Phú Xuân và Phan Trọng Phiên, Uông Sĩ Điển, Nguyễn Lệnh Tân giúp việc. Sau đó bỏ dụng Lê Quý Đôn và Nguyễn Mậu Dĩnh giữ chức Hiệp đồng, xếp đặt công việc trong quân. Theo *Cương mục*, quyển 44, tập II, Sđd, tr. 725.



bảo vệ Thuận Hóa, chúa Trịnh phái 3.000 đồn binh, 30.000 thú binh đóng giữ, lại cử một viên đại tướng, một phó tướng cùng với một phó đốc thị trông nom công việc đó. Các nơi trọng yếu từ đèo Hải Vân trở ra đều có lập đồn đóng quân canh phòng. Nhân cơ hội này, Nguyễn Nhạc chiếm luôn hai Phủ Thăng Hoa và Điện Bàn.

***- Quân Nguyễn tấn công quân Tây Sơn ở Quảng Nam, bị thua***

Tháng 11-1775, Tôn Thất Quyền (con thứ 14 của Thế Tông) và Tôn Thất Xuân (con thứ 17 của Thế Tông) dấy binh ở Quảng Nam, thế quân rất mạnh. Quân Tây Sơn do Nguyễn Nhạc chỉ huy dốc hết binh lực ra đánh. Sau hơn hai tháng, gặp phải lúc đói kém, quân của Tôn Thất Quyền thiếu lương. Nguyễn Nhạc thừa thế đánh tan. Tôn Thất Xuân chạy về Gia Định. Nguyễn Nhạc cho tham tướng là Nguyễn Văn Huệ giữ Quảng Nam, rồi tự dẫn quân về Quy Nhơn.

Năm 1776, để tập trung sức lực đánh quân Nguyễn, Tây Sơn ra sức mộ binh, sắm sửa binh khí, tích trữ lương thực, chặn lấp nơi hiểm yếu, phòng giữ quan ải, thế lực ngày càng thịnh vượng. Số binh lính tăng lên rất nhiều.

***- Quân Tây Sơn tấn công quân Nguyễn ở Gia Định lần thứ nhất***

Tháng 2-1776, Nguyễn Lữ làm tiết chế, đem thủy binh vào đánh quân Nguyễn ở Gia Định. Chúa Nguyễn phải chạy đến Trấn Biên, đóng ở Đòng Lam (nay là Hải Động). Quân Tây Sơn chiếm được Sài Gòn.

Tháng 3-1776, sau khi tạm yên ổn mạn bắc, quân Tây Sơn khước trương thanh thế, bắt đầu xếp đặt nghi thức như một triều đình mới. Nguyễn Nhạc dời Đông cung Dương đến chùa Thập Tháp, đắp thêm thành Chà Bàn, tự xưng là Tây Sơn vương, đúc ấn vàng. Nguyễn Huệ xưng là Long Nhượng tướng quân. Nguyễn Lữ làm thiếu phó và họ được tùy cơ phong thưởng cho người khác. Các tướng đều được trao giữ chức khác nhau.

Tháng 4-1776, Nguyễn Nhạc đánh Thủ tướng của Trịnh là Trương Công Phụng<sup>1</sup> ở Quảng Nam. Phụng thua chạy.

**- Quân Nguyễn tấn công Tây Sơn, thu lại được Gia Định**

Sau khi quân Nguyễn bị Nguyễn Lữ đánh tan và chiếm được Sài Gòn hồi tháng 2 năm 1776, chúa Nguyễn một mặt triệu Tổng Phước Hiệp đem quân đến cứu viện và cho Trần Văn Thúc, Chu Văn Tiếp đóng giữ các đạo Phú Yên, Bình Thuận. Mặt khác, chúa sai Đỗ Thanh Nhân truyền hịch mộ quân cần vương ở các đạo, quân số lên đến 3.000 người. Tháng 5-1776, Đỗ Thanh Nhân tự xưng là Đông Sơn Thượng tướng quân từ Tam Phụ (Ba Giồng; thuộc tỉnh Định Tường) kéo đến đánh úp Nguyễn Lữ và thắng lợi. Quân Nguyễn Lữ kịp thu hết thóc gạo trong kho chờ trên 200 thuyền chạy về Quy Nhơn. Đỗ Thanh Nhân chiếm lại được Sài Gòn.

Tháng 8-1776, Trịnh Sâm lấy cớ rằng Quảng Nam chưa bình định được mà lòng dân Thuận Hóa lại chưa hoàn toàn quy thuận, Chúa ra lệnh triệu Bùi Thế Đạt, Lê Quý Đôn, Lê Phiên cùng 13 quân hiệu về, đồng thời cử Phạm Ngô Cầu, Trần thủ Sơn Nam lãnh chức Trấn thủ Thuận Hóa<sup>2</sup>, được tùy ý thi hành mọi việc. Nguyễn Mậu Dĩnh, Nguyễn Lệnh Tân ở lại giúp việc. Rồi điều đến đây binh lính 10 doanh, cơ, đội<sup>3</sup>.

Tháng 10-1776, Đông cung cùng với Trương Phúc Dĩnh bí mật trốn khỏi quân Tây Sơn, đi thuyền vào Sài Gòn cốt để cho quân Nguyễn không phải vì mình mà không dám tấn công quân Tây Sơn. Quân Lý Tài đã hộ tống Đông cung về Dầu Mít (từ lúc này Lý Tài rời hàng ngũ Tây Sơn về với chúa Nguyễn).

---

1. Trương Công Phụng lúc đầu theo Nguyễn Nhạc, sau chạy sang Hoàng Ngũ Phúc. Phúc sai coi một cơ quân giữ núi Hải Vân. Bấy giờ Phụng vượt núi vào Quảng Nam lấy lúa, bị quân của Nguyễn Nhạc đánh cho thua (theo *Đại Nam thực lục, Tiền biên*, quyển 12, tập I, Sđd, tr. 186).

2. Vào trọng trấn Thuận Hóa, sau Hoàng Ngũ Phúc là Bùi Thế Đạt, sau Bùi Thế Đạt là Phạm Ngô Cầu.

3. *Cương mục*, quyển 44, tập II, Sđd, tr. 730.

Tháng 11-1776, Lý Tài rước Đông cung về Sài Gòn. Chúa đại hội các quan văn võ, nhường ngôi cho Đông cung. Đông cung bắt đắc dĩ phải vâng mệnh, xưng là Tân Chính vương, tôn chúa làm Thái Thượng vương.

Trước tình hình quân Trịnh gặp khó khăn nhiều mặt, tháng giêng năm Đinh Dậu (1777), theo đề nghị của Nguyễn Nhạc, Trịnh Sâm cho Nguyễn Nhạc làm *Trấn thủ tuyên úy đại sứ* Quảng Nam. Quân Tây Sơn được lợi thế, ra sức sắm sửa binh khí, tích trữ lương thực, thế quân ngày càng mạnh.

**- Quân Tây Sơn tấn công quân Nguyễn ở Gia Định lần thứ hai thắng lợi**

Tháng 3-1777, quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ, hai đạo quân thủy, bộ tấn công chúa Nguyễn ở Gia Định. Bộ binh của Tây Sơn bí mật vào miền Thượng đạo. Tân Chính vương để Lý Tài ở lại giữ Sài Gòn, rồi tự đem quân đóng ở Trấn Biên. Trước sức tấn công của quân Tây Sơn, quân Nguyễn đã bị thua. Quân Lý Tài chạy đến Tam Phú thì bị quân của Đỗ Thanh Nhân (còn gọi là quân Đông Sơn) giết hết do mối thù trước đây. Tân Chính vương cùng với quân Trương Phúc Thuận lui về giữ Tranh Giang (thuộc tỉnh Gia Định). Chúa Duệ Tông chạy đến Đàng Giang (thuộc tỉnh Định Tường) thì được Nguyễn Ánh đem 4.000 quân đến cứu viện rồi cùng kéo quân đến đóng ở Tài Phú (Giồng Tài, một trong ba giồng, thuộc tỉnh Gia Định) tiếp tục bày thế trận.

Tháng 4-1777, quân Tây Sơn đánh quân Nguyễn ở Tài Phú. Chúa chạy đi Long Hưng (thuộc tỉnh Định Tường) rồi Cần Thơ (tức đạo Trấn Giang thuộc tỉnh An Giang) hợp quân với Mạc Thiên Tứ (Mạc Thiên Tứ từ khi thất thủ Hà Tiên về đóng ở đây), nhưng quân của Mạc Thiên Tứ quá ít lại yếu, nên chúa cho người bí mật đi Bình Thuận gọi Chu Văn Tiếp và Trần Văn Thúc vào cứu.

Tháng 7-1777, Trần Văn Thúc vâng lệnh chúa từ Phú Yên vào cứu viện, khi đến Bình Thuận, đánh nhau với quân Tây Sơn bị thua và chết trận.

Quân Tây Sơn đuổi đánh quân Nguyễn ở Tranh Giang, Tân Chính vương phải lùi đến Trà Tân (tên xã thuộc tỉnh Định Tường) thì được Thiêm Lộc đem thủy binh đón đến Ba Việt (thuộc tỉnh Vĩnh Long). Tại đây Tân Chính vương bố trí lực lượng như sau: Tổng Phước Hựu giữ Mỹ Lung, Thiêm Lộc giữ Hương Đồi (Mỹ Lung, Hương Đồi đều thuộc tỉnh Vĩnh Long). Tổng Phước Hòa quản lãnh quân hộ vệ mặt trận để tiếp tục chiến đấu với quân Tây Sơn.

Lúc này, một số tướng lĩnh quan trọng của quân Nguyễn như: Tôn Thất Chí, Nguyễn Mẫn, Tổng Phước Hiệu bị bệnh và chết, chỉ còn Chương cơ Tổng Phước Hòa, một mình chống đánh quân Tây Sơn, đánh nhiều trận đều thắng, khiến quân Tây Sơn lo sợ.

Tháng 8-1777, quân Nguyễn Huệ ở Sài Gòn tăng cường binh lính liền tiến đánh quân Thiêm Lộc ở Hương Đồi. Thiêm Lộc phải chạy đi Ba Việt hợp với quân của Tân Chính vương. Lúc này, quân Nguyễn sa vào tình thế quân ít, lương hết, khó có thể địch được quân Nguyễn Huệ. Tân Chính vương bàn kế chạy về Bình Thuận hợp quân với Chu Văn Tiếp. Nhưng, kế ấy không thành, các tướng mỗi người mỗi ngả. Tổng Phước Hòa thấy chúa Duệ Tông lo lắng mà không làm gì được bèn tự tử. Sau đó, Tân Chính vương cũng bị quân Tây Sơn giết chết (vào ngày Tân Hợi).

Tháng 9-1777, chúa Duệ Tông đến Long Xuyên (thuộc tỉnh Hà Tiên), nhưng bị quân của Nguyễn Huệ không ngừng truy đuổi. Duệ Tông bị nạn và mất (vào ngày Canh Thìn), thọ 24 tuổi. Nguyễn Ánh chạy sang đóng ở đảo Thổ Châu. Thành Sài Gòn lại thuộc về tay quân Tây Sơn. Nguyễn Huệ phân công cho Tổng đốc Chu, Hồ tướng Hãn, Tư khấu Oai, Điều khiển Hòa, Cai cơ Chấn (đều không rõ họ) chia giữ các dinh ở Gia Định, còn ông kéo quân về Quy Nhơn.

***- Quân Nguyễn tấn công quân Tây Sơn, chiếm lại được Gia Định***

Tháng 10-1777, Nguyễn Ánh cử binh ở Long Xuyên rồi tiến đến Sa Đéc (thuộc tỉnh An Giang). Quân Nguyễn gồm Đỗ Thanh Nhân (xưng là Phương Quận công), Lê Văn Quân (có thuyết nói là

họ Nguyễn) và các nghĩa dũng quyết tâm một lòng tiến đánh quân Tây Sơn. Ba quân đều mặc áo tang, thanh thế lẫy lừng. Tháng 11-1777, đánh úp quân Tây Sơn do Điều khiển Hòa phụ trách ở dinh Long Hồ (tức tỉnh Vĩnh Long ngày nay). Tháng 12 cùng năm, quân Nguyễn lấy lại được Sài Gòn.

Năm 1778, Nguyễn Ánh đóng ở Sài Gòn. Đỗ Thanh Nhân cùng các tướng tôn Nguyễn Ánh lên làm Đại nguyên soái, mặc dù chưa lên ngôi vua, nhưng quyền lớn trong nước đều thuộc về Nguyễn Ánh khi mới 17 tuổi (sinh năm Nhâm Ngọ - 1762).

Tháng 2-1778, Tổng đốc quân Tây Sơn là Chu (không rõ họ) đem thủy binh tiến đánh những địa phương ven sông ở Trấn Biên (Biên Hòa) và Phiên Trấn (Gia Định). Phạm Ngạn cũng từ Quy Nhơn đến đạo Nghĩa Hòa. Quân Nguyễn chống trả ở sông Phúc Lộc, bị thua.

Tháng 3-1778, một mặt, Nguyễn Ánh đề Đỗ Thanh Nhân giữ Sài Gòn rồi tự làm tướng đóng quân ở Lật Giang, dựng cờ “Tam quân tư mệnh” để chỉ huy tướng sĩ. Lê Văn Quân và Nguyễn Văn Hoàng đem đại binh tiến đánh quân Tây Sơn, giành được thắng lợi ở Lật Giang và Ô Nguyên. Quân Tây Sơn phải lui về Trường Giang. Mặt khác, Nguyễn Ánh tích cực tăng cường các phương tiện để chống cự với quân Tây Sơn như đắp lũy từ bờ Tây sông Bến Nghé (Ngư Chừ) đến kênh Thông (Thông cảng), ở cửa kênh còn cho đóng cọc gỗ. Và, đóng được hơn 50 chiến thuyền.

Tháng 5-1778, Lê Văn Quân đánh thắng quân Tây Sơn trong trận giao chiến bằng thủy binh, lại được Đỗ Thanh Nhân đem quân đến phối hợp nên càng thêm thắng lợi, chém được Tư khấu Oai ở Bến Nghé và thu hết thuyền chiến. Nguyễn Văn Hoàng cũng đánh thắng quân Tây Sơn ở Đồng Nai (Lộc Dã; thuộc Biên Hòa). Trấn Biên rơi vào tay quân Nguyễn. Quân chúa Nguyễn đã chiếm được Gia Định. Khi lấy lại được Gia Định, Nguyễn Ánh có thời gian để lo việc xây dựng tôn miếu, lăng Duệ Tông và phần mộ của Tân Chính vương. Đặt công đường ở các dinh Trấn Biên, Phiên Trấn và Long Hồ. Tiến hành luận công phong thưởng cho tướng sĩ, đồng

Quân Tây Sơn đuổi đánh quân Nguyễn ở Tranh Giang, Tân Chính vương phải lùi đến Trà Tân (tên xã thuộc tỉnh Định Tường) thì được Thiêm Lộc đem thủy binh đón đến Ba Việt (thuộc tỉnh Vĩnh Long). Tại đây Tân Chính vương bố trí lực lượng như sau: Tổng Phước Hựu giữ Mỹ Lung, Thiêm Lộc giữ Hương Đồi (Mỹ Lung, Hương Đồi đều thuộc tỉnh Vĩnh Long). Tổng Phước Hòa quản lãnh quân hộ vệ mặt trận để tiếp tục chiến đấu với quân Tây Sơn.

Lúc này, một số tướng lĩnh quan trọng của quân Nguyễn như: Tôn Thất Chí, Nguyễn Mẫn, Tổng Phước Hiệu bị bệnh và chết, chỉ còn Chương cơ Tổng Phước Hòa, một mình chống đánh quân Tây Sơn, đánh nhiều trận đều thắng, khiến quân Tây Sơn lo sợ.

Tháng 8-1777, quân Nguyễn Huệ ở Sài Gòn tăng cường binh lính liền tiến đánh quân Thiêm Lộc ở Hương Đồi. Thiêm Lộc phải chạy đi Ba Việt hợp với quân của Tân Chính vương. Lúc này, quân Nguyễn sa vào tình thế quân ít, lương hết, khó có thể địch được quân Nguyễn Huệ. Tân Chính vương bàn kế chạy về Bình Thuận hợp quân với Chu Văn Tiếp. Nhưng, kế ấy không thành, các tướng mỗi người mỗi ngả. Tổng Phước Hòa thấy chúa Duệ Tông lo lắng mà không làm gì được bèn tự tử. Sau đó, Tân Chính vương cũng bị quân Tây Sơn giết chết (vào ngày Tân Hợi).

Tháng 9-1777, chúa Duệ Tông đến Long Xuyên (thuộc tỉnh Hà Tiên), nhưng bị quân của Nguyễn Huệ không ngừng truy đuổi. Duệ Tông bị nạn và mất (vào ngày Canh Thìn), thọ 24 tuổi. Nguyễn Ánh chạy sang đóng ở đảo Thổ Châu. Thành Sài Gòn lại thuộc về tay quân Tây Sơn. Nguyễn Huệ phân công cho Tổng đốc Chu, Hồ tướng Hãn, Tư khấu Oai, Điều khiển Hòa, Cai cơ Chấn (đều không rõ họ) chia giữ các dinh ở Gia Định, còn ông kéo quân về Quy Nhơn.

***- Quân Nguyễn tấn công quân Tây Sơn, chiếm lại được Gia Định***

Tháng 10-1777, Nguyễn Ánh cử binh ở Long Xuyên rồi tiến đến Sa Đéc (thuộc tỉnh An Giang). Quân Nguyễn gồm Đỗ Thanh Nhân (xưng là Phương Quận công), Lê Văn Quân (có thuyết nói là

họ Nguyễn) và các nghĩa dũng quyết tâm một lòng tiến đánh quân Tây Sơn. Ba quân đều mặc áo tang, thanh thế lẫy lừng. Tháng 11-1777, đánh úp quân Tây Sơn do Điều khiển Hòa phụ trách ở dinh Long Hồ (tức tỉnh Vĩnh Long ngày nay). Tháng 12 cùng năm, quân Nguyễn lấy lại được Sài Gòn.

Năm 1778, Nguyễn Ánh đóng ở Sài Gòn. Đỗ Thanh Nhân cùng các tướng tôn Nguyễn Ánh lên làm Đại nguyên soái, mặc dù chưa lên ngôi vua, nhưng quyền lớn trong nước đều thuộc về Nguyễn Ánh khi mới 17 tuổi (sinh năm Nhâm Ngọ - 1762).

Tháng 2-1778, Tổng đốc quân Tây Sơn là Chu (không rõ họ) đem thủy binh tiến đánh những địa phương ven sông ở Trấn Biên (Biên Hòa) và Phiên Trấn (Gia Định). Phạm Ngạn cũng từ Quy Nhơn đến đạo Nghĩa Hòa. Quân Nguyễn chống trả ở sông Phúc Lộc, bị thua.

Tháng 3-1778, một mặt, Nguyễn Ánh đề Đỗ Thanh Nhân giữ Sài Gòn rồi tự làm tướng đóng quân ở Lật Giang, dựng cờ “Tam quân tư mệnh” để chỉ huy tướng sĩ. Lê Văn Quân và Nguyễn Văn Hoảng đem đại binh tiến đánh quân Tây Sơn, giành được thắng lợi ở Lật Giang và Ô Nguyên. Quân Tây Sơn phải lui về Trường Giang. Mặt khác, Nguyễn Ánh tích cực tăng cường các phương tiện để chống cự với quân Tây Sơn như đắp lũy từ bờ Tây sông Bến Nghé (Nguru Chừ) đến kênh Thông (Thông cảng), ở cửa kênh còn cho đóng cọc gỗ. Và, đóng được hơn 50 chiến thuyền.

Tháng 5-1778, Lê Văn Quân đánh thắng quân Tây Sơn trong trận giao chiến bằng thủy binh, lại được Đỗ Thanh Nhân đem quân đến phối hợp nên càng thêm thắng lợi, chém được Tư khấu Oai ở Bến Nghé và thu hết thuyền chiến. Nguyễn Văn Hoảng cũng đánh thắng quân Tây Sơn ở Đồng Nai (Lộc Dã; thuộc Biên Hòa). Trấn Biên rơi vào tay quân Nguyễn. Quân chúa Nguyễn đã chiếm được Gia Định. Khi lấy lại được Gia Định, Nguyễn Ánh có thời gian để lo việc xây dựng tôn miếu, lăng Duệ Tông và phần mộ của Tân Chính vương. Đặt công đường ở các dinh Trấn Biên, Phiên Trấn và Long Hồ. Tiến hành luận công phong thưởng cho tướng sĩ, đồng

thời, vẫn tích cực đóng thuyền chiến, tích trữ lương thực để thực hiện những cuộc chiến với quân Tây Sơn.

Trong khi đó (năm 1778), ở Quy Nhơn, quân Tây Sơn sửa sang thành trì, đắp thành Đồ Bàn cao to hơn trước gấp nhiều lần, lại xây dựng nhiều cung điện đồ sộ bằng đá ong trong thành. Tây Sơn vương Nguyễn Nhạc lên ngôi Hoàng đế<sup>1</sup>, niên hiệu Thái Đức, đổi thành Đồ Bàn làm thành Hoàng Đế, phong em là Nguyễn Huệ làm *Bắc Bình vương*, đóng ở Thuận Hóa, giữ từ Quảng Nam trở ra Bắc, Nguyễn Lữ làm *Đông Định vương*, giữ Gia Định.

Đến mùa Xuân, tháng Giêng năm 1780, Nguyễn Ánh lên ngôi vương ở Sài Gòn. Văn thư đưa xuống gọi là chỉ truyền, sai phái gọi là chỉ sai, biểu chương của quân thần đều xưng là bẫm, nhưng vẫn theo niên hiệu nhà Lê.

Tháng 3-1781, Đỗ Thanh Nhân bị Nguyễn Ánh lập mưu giết. Bởi Đỗ Thanh Nhân luôn cậy mình có công mà có ý vượt quyền, lòng kiêu ngạo, quyền sinh quyền sát trong tay lại có âm mưu làm phản. Sau đó bố trí quân ngũ như sau: Bộ binh do Chương Thủy dinh tên là Hoàng quân; Thủy binh do Phước Thiêm quân; Quân Đông Sơn của Đỗ Thanh Nhân chia làm bốn quân, Lê Văn Quân coi Tiền quân, Vũ Doãn Triêm coi Hữu quân, Tống Phước Long coi Tả quân, Trương Văn Bác coi Hậu quân. Tuy nhiên, sau khi Đỗ Thanh Nhân bị giết, khá nhiều quân lính đã trốn đi, không chịu hợp tác với Nguyễn Ánh.

Tháng 5-1781, Nguyễn Ánh sai điếm duyệt số quân thủy bộ, tất cả có khoảng 3 vạn người. Thuyền đi biển 80 chiếc, thuyền chiến lớn 3 chiếc, tàu Tây 2 chiếc. Kế hoạch đánh quân Tây Sơn được bàn định với các tướng như: Tôn Thất Dụ đem Bộ binh ở Bình Thuận, Tống Phước Thiêm, Nguyễn Hữu Thụy và Dương Công Trừng đem thủy binh ở Gia Định cùng tiến đánh. Tôn Thất Dụ đến

---

1. Nguyễn Nhạc xưng vương, đặt niên hiệu là Thái Đức từ năm 1777, đến năm 1778 lên ngôi Hoàng đế.



Nha Trang và Hòn Khói (thuộc tỉnh Khánh Hòa) cùng hợp quân với Chu Văn Tiếp đánh lũy chiến đấu với quân Tây Sơn.

Lúc này, thủy quân của Tây Sơn không đủ sức giao chiến với quân Nguyễn nên tập trung bộ binh cùng voi chiến dàn trận. Quân Nguyễn thấy thế không dám tiến. Chu Văn Tiếp lùi giữ Trà Lang (thuộc tỉnh Phú Yên). Tôn Thất Dụ định tiến quân nhưng vừa hay tin Đỗ Thanh Nhân bị giết nên nản chí rút quân về.

***- Quân Tây Sơn tấn công quân Nguyễn ở Gia Định lần thứ ba thắng lợi***

Tháng 3-1782, Nguyễn Nhạc nghe tin Đỗ Thanh Nhân đã bị giết chết rất lấy làm mừng, vì: “Thanh Nhân chết rồi, các tướng khác không đủ sợ nữa”<sup>1</sup>. Nên Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đã cử đại binh gồm vài trăm chiến thuyền vượt biển vào tấn công quân Nguyễn ở cửa biển Cần Giờ và đánh tan quân Nguyễn ở Ngã Bảy (Thất Kỳ giang). Quân Tây Sơn đã kiểm soát được vùng Sài Gòn.

Tháng 5-1782, Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ dẫn quân về Quy Nhơn, giao cho hàng tướng quân Đông Sơn là Đỗ Nhân Trập cùng Hộ bộ quân Tây Sơn là Bá (không rõ họ) quản 3.000 quân đóng đồn ở Bến Nghé để giữ Gia Định. (Xem chương X, mục *Thời kỳ Nguyễn Ánh lưu vong và cầu viện bên ngoài*).

***- Quân Nguyễn tấn công quân Tây Sơn và chiếm lại Gia Định***

Tháng 8-1782, quân Nguyễn do Chu Văn Tiếp cùng với Thiếu phó Tôn Thất Mân phân công các tướng đánh chiếm lại Gia Định. Phạm Văn Sĩ làm tiên phong, Lê Văn Quân làm Tả chi, Nguyễn Văn Thuận làm Hữu chi, Nguyễn Văn Thảo làm Hậu đạo, Nguyễn Long và Phan Viện làm Bảo hộ, Tôn Thất Mân làm Trung quân. Chu Văn Tiếp lĩnh quân tinh nhuệ làm sách ứng. Quân Tây Sơn do Đỗ Nhân Trập chỉ huy, dốc toàn lực ra đánh và bị thua to, quân lính chết rất nhiều. Sử chép: “Quân giặc (tức quân Tây Sơn) vỡ to, chết

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 1, tập I, Sđd, tr. 211.

không kê xiết”<sup>1</sup>. Đỗ Nhân Trập phải bỏ Gia Định chạy về Quy Nhơn. Thế là, Chu Văn Tiếp và các tướng sĩ lấy lại được Gia Định, liền sai người ra đảo Phú Quốc báo tin thắng trận và tự đem quân đi đón Nguyễn Ánh.

Mặc dù quân Tây Sơn đã rút về Quy Nhơn, nhưng Nguyễn Ánh xét thấy binh lực bị tổn thất nhiều do chiến tranh liên mấy năm nên một mặt ra sức tập hợp thủy binh, đóng chiến thuyền, nhưng mặt khác, lại tìm kiếm sự viện trợ từ nước Xiêm, liền sai Cai cơ Lê Phúc Điền, Tham mưu Lê Phúc Bình đem hoa vàng, hoa bạc sang Xiêm thông hiếu, với lời dụ các tướng rằng: “Giặc (tức quân Tây Sơn - tác giả) nay đã thua, sang Xuân hẳn lại vào cướp. Ta quân yếu, lương ít thì lấy gì mà chống? Kế sách ngày nay không gì bằng kết hảo với nước Xiêm để nhờ giúp đỡ khi hoãn cấp<sup>2</sup>.”

Thời điểm này, ở Đàng Ngoài, nổi lên sự kiện binh lính Tam phủ (còn gọi là quân ưu binh tức vệ) nổi loạn phé Trịnh Cán, lập Trịnh Khải. Họ không ủng hộ việc đưa Trịnh Cán lên nối ngôi. Binh lính Tam phủ còn giết chết Hoàng Đình Bảo và em là Hoàng Lương. Nguyễn Hữu Chinh<sup>3</sup>, Tham quân của chúa Trịnh, một thời từng theo Hoàng Đình Bảo đánh giặc biển có công, hiện là Quản lãnh cơ Tiên Ninh trấn Nghệ An, nghe tin Hoàng Đình Bảo bị giết chết đã cùng với Hoàng Viết Tuyển dắt dфу gia quyến chạy vào với

---

1, 2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 1, tập I, Sđd, tr. 214.

3. “Nguyễn Hữu Chinh lúc trẻ tuổi đỗ Hương cống, là người hào phóng không bó buộc vào khuôn phép. Du lịch kinh sư, Hữu Chinh vào yết kiến Hoàng Ngũ Phúc. Ngũ Phúc khen là người có tài khác thường, dùng làm gia khách. Khi Ngũ Phúc vào xâm lấn trong Nam, cho Hữu Chinh đi theo quân thứ, giữ công việc thư ký, rồi sai đến Quy Nhơn khuyên Văn Nhặc quy thuận với triều đình, được Văn Nhặc kính trọng. Sau theo Hoàng Đình Bảo đánh giặc biển có công, đổi bổ sang quản lĩnh đội Tuần hải, rồi chuyển bổ quản lĩnh cơ Tiên Ninh thuộc trấn Nghệ An”. Theo *Cương mục*, quyển 44, tập II, Sđd, tr. 764.

Tây Sơn, muốn mượn quân Tây Sơn để trừ ưu binh và được Nguyễn Nhạc rất tin dùng. Việc quân Tây Sơn có được Nguyễn Hữu Chỉnh là có thêm được một sức mạnh, hỗ trợ quân Tây Sơn trong những bước đi sau này.

**- Quân Tây Sơn tấn công quân Nguyễn ở Gia Định lần thứ tư thắng lợi**

Tháng 2-1783, quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ chỉ huy đem quân vào đánh quân Nguyễn. Quân Tây Sơn từ cửa biển Cần Giờ ngược dòng tiến lên đánh bại quân Nguyễn. Hòa công của quân Nguyễn gặp lúc gió đông bắc thổi mạnh nên lửa tạt ngược lại, thành ra tự đốt cháy thuyền mình, khiến cho trận địa rối loạn. Quân Tây Sơn thừa thắng xông tới. Nguyễn Ánh phải chạy đi Ba Giồng cùng với sự hộ vệ của gần một trăm quân lính.

Mùa Hạ, tháng 4-1783, sau thất bại trên, Nguyễn Ánh tổ chức lại quân đội, đóng đồn ở Đòng Tuyên. Nhưng, một lần nữa lại bị Nguyễn Huệ đánh tan. Nguyễn Ánh tiếp tục chạy đi Lật Giang, rồi đi thuyền cùng mẹ và gia quyến ra đảo Phú Quốc. Nhưng không được bao lâu lại bị quân Tây Sơn tấn công phải chạy lánh sang đảo Côn Lôn (tháng 6-1783).

Tháng 7-1783, Nguyễn Huệ sai Trương Văn Đa đem thủy binh ra đảo Côn Lôn, bao vây Nguyễn Ánh kín ba vòng. Nhưng, bất ngờ biển nổi sóng dữ dội, mây kéo tối tăm, đến nỗi không nhìn thấy thuyền và người. Sóng quá to làm cho thuyền và quân lính Tây Sơn bị chìm đắm và chết rất nhiều.

Trước tình thế quân ít, lực yếu, Nguyễn Ánh nghe tin Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine) đang ở Chân Bôn (Chantabun - Xiêm), đã sai người sang nước Xiêm mời Bá Đa Lộc và muốn thông qua Bá Đa Lộc để trông chờ vào sự giúp đỡ của nước Pháp. Nguyễn Ánh cho con là Cảnh (4 tuổi) làm con tin, cùng Bá Đa Lộc sang Đại Tây (nước Pháp) cầu viện. Sau đó, quân Nguyễn Ánh tiến đến

cửa biển Ma Li dò xét tình hình quân Tây Sơn. Quân Tây Sơn dùng 20 chiến thuyền bao vây ráo riết và truy đuổi, quân Nguyễn Ánh chạy được đến đảo Thổ Châu và đóng quân tại đó.

Tháng 8-1783, sau khi chiếm được Gia Định và kết thúc những cuộc truy đuổi quan quân Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ trở về Quy Nhơn, giao cho Phò mã Trương Văn Đa và Chương tiền Bảo (không rõ họ) ở lại giữ Gia Định.

Tháng Giêng nhuận (năm 1784), Trương Văn Đa đuổi đánh Tôn Thất Hội ở đồn Tinh Phụ (Giồng Sao), được Hồ Văn Lân đến cứu viện, Tôn Thất Hội thừa cơ phá vòng vây, rồi chạy về hợp với Lê Văn Quân ở sông Tân Hòa. Nhưng đã bị Trương Văn Đa truy đuổi, quân Nguyễn thua to, phải chạy sang Xiêm.

Tháng 2-1784, Nguyễn Ánh sang Xiêm theo lời mời của vua nước đó. Tháng 3-1784, Nguyễn Ánh đến thành Vọng Các (Xiêm). Tại đây, Nguyễn Ánh đã cầu viện vua Xiêm giúp sức nên quân Xiêm cùng quân Nguyễn Ánh chuẩn bị về nước mở đợt tấn công quân Tây Sơn. Vốn có âm mưu bành trướng lại nhân cơ hội này, quân Xiêm thực hiện cuộc tấn công xâm lược nước ta.

### **Đánh tan quân Xiêm xâm lược**

Vào nửa cuối thế kỷ XVIII, Xiêm trở thành vương quốc lớn mạnh trong số các nước ở vùng Đông Nam Á. Năm 1767, Xiêm bị quân Miến Điện tấn công, Trịnh Quốc Anh (có tài liệu chép là Trịnh Sinh hoặc Trịnh Chiêu), người Triều Châu (Trung Quốc) tổ chức kháng chiến chống quân Miến Điện thắng lợi. Vương triều Xiêm - Ayuthya sụp đổ, Trịnh Quốc Anh chớp lấy cơ hội này liền đoạt quyền, lập ra vương triều Taksin (Phya Tak; 1767-1782) đóng đô ở Thonburi. Trong khi đó, các nước phía đông của Xiêm lại ở trong tình trạng suy yếu và khủng hoảng. Điều này đã kích thích tham vọng bành trướng của Taksin. Vừa mới lên ngôi, Taksin đã tiến hành nhiều hoạt động quân sự tấn công sang các nước lân cận.

Năm 1769, Taksin đã bắt Chân Lạp phải nộp cống nhưng bị từ chối, Taksin liền đem quân tấn công Chân Lạp, chiếm Battambang rồi đưa Ang Non lên ngôi vua lập ra vương triều thân Xiêm.

Năm 1771, Taksin lại chỉ huy 6 vạn quân đánh chiếm Hà Tiên và mở rộng cuộc chiến ra toàn lãnh thổ Chân Lạp, tiến sâu vào Gia Định. Nhưng chỉ một năm sau, quân Xiêm đã bị quân chúa Nguyễn đánh bại và phải tháo chạy khỏi Chân Lạp. Đến 1773, quân chúa Nguyễn lấy lại được trấn Hà Tiên.

Năm 1777, Taksin lại chữa mũi tấn công sang Lạn Xạng (Lào). Lần này, Taksin phái tướng Chát Tri (Chao Phya Chaksi) và Sô Si (Chao Phya Surasih) đem quân sang xâm lấn nhằm chinh phục Lạn Xạng. Quân của Chát Tri và Sô Si đã chiếm được phần đất rộng lớn của Champassak và phần đất thuộc hữu ngạn sông Mê Kông, buộc Luông Pha Băng (Luang Prabang) phải thừa nhận quyền tôn chủ của Xiêm.

Năm 1781, nhân việc người Khome nổi dậy chống vua Ang Non, Taksin lại sai Chát Tri và Sô Si đem 2 vạn quân sang xâm lược Chân Lạp, chiếm kinh thành Phnôm Pênh. Nhưng vì trong nước có cuộc nổi dậy chống Taksin nên Chát Tri liền đem quân về thực hiện cướp đoạt ngôi vua. Đầu năm 1782, Chát Tri giết chết Taksin và lên ngôi vua lập ra vương triều Chakri, đóng đô ở Bangkok (từ năm 1782 đến nay) và tiếp tục thực hiện chính sách xâm lược nước ngoài. Vừa mới lên ngôi vua, Chát Tri đã sai Thát Xi Đa đem thủy quân đánh chiếm đất Hà Tiên lần thứ hai.

Như vậy, chỉ trong vòng 15 năm (1767-1782), vương triều Taksin và sau đó là vương triều Chakri đã 3 lần xâm lược Chân Lạp, 1 lần xâm lược Lạn Xạng và 2 lần xâm lược Hà Tiên của nước ta. Tuy nhiên, đối với nước ta quân Xiêm chỉ mới xâm phạm tới vùng Hà Tiên, Rạch Giá, Châu Đốc và đương nhiên đây chưa phải là điểm dừng khi vương triều Chakri vẫn không ngừng thực hiện mộng bành trướng bá quyền. Và, thời cơ xâm chiếm miền đất Gia Định đã đến khi Nguyễn Ánh ở thành Vọng Các đã đề nghị vua Xiêm đem quân sang nước ta tấn công quân Tây Sơn.

Tháng 6-1784, vua Xiêm sai cháu là Chiêu Sương và Chiêu Tăng đem 2 vạn thủy binh và 300 chiến thuyền, bộ binh gồm 3 vạn do Lục Côn, Sa Uyển, Chao Thùy Biện chỉ huy<sup>1</sup>, theo hai đường thủy, bộ cùng với quân Nguyễn Ánh tiến đánh Gia Định.

Nguyễn Ánh cử Chu Văn Tiếp làm Bình Tây Đại đô đốc, chỉ huy các quân. Quan quân Xiêm - Nguyễn rời thành Vọng Các vào ngày Nhâm Thìn, xuất phát từ cửa biển Bắc Nôm cùng quân Xiêm tiến đánh Tây Sơn.

Tháng 7-1784, liên quân Xiêm - Nguyễn đã đánh được đạo Kiên Giang, rồi sang Trấn Giang và đánh được Đô đốc Tây Sơn là Nguyễn Hóa ở đây. Sa Uyển đóng giữ tại đạo Đông Khẩu (ở hữu ngạn Tiền Giang, thuộc Sa Đéc). Chiêu Sương và Chiêu Tăng đem đại binh xuống Ba Thắc (thuộc Sóc Trăng, Hậu Giang). Thất Xi Đa cùng Tham tướng Mạc Tử Sinh và Nguyễn Ánh đánh Trà Ôn (nay thuộc tỉnh Vĩnh Long). Mạc Tử Sinh là con thứ của Mạc Thiên Tứ, được Nguyễn Ánh khi ở Xiêm cho làm Cai cơ, sai hầu bên cạnh. Đến lúc này cho làm Tham tướng trấn Hà Tiên, quản lý binh dân sự vụ. Nguyễn Ánh để Mạc Tử Sinh giữ Trà Ôn rồi cùng quân Xiêm kéo quân đến Mân Thít (nay thuộc tỉnh Vĩnh Long).

Quân Tây Sơn do Chương tiến Bảo đem quân đến đánh Nguyễn Ánh ở Mân Thít. Nguyễn Ánh đốc thúc quân lính đánh gấp, chém

---

1. *Mạc thị gia phả* cho biết: Sau khi bị đại bại ở Rạch Gầm - Xoài Mút, "Chiêu Tăng liền cho kiểm quân số của mình. Lúc ở Xiêm La ra đi, thủy binh và bộ binh tổng cộng là 5 vạn, đến đây chỉ còn hơn 1 vạn" (Vũ Thế Dinh (Doanh): *Hà Tiên trấn Hiệp trấn Mạc thị gia phả* (gọi tắt là *Mạc thị gia phả*); Phan Huy Lê, "Tác động và ảnh hưởng của phong trào Tây Sơn trong bối cảnh khu vực cuối thế kỷ XVIII", trong: *Phú Xuân - Thuận Hóa thời Tây Sơn* do Ủy ban nhân dân Thành phố Huế - Hội Khoa học Lịch sử Thừa Thiên - Huế xuất bản năm 2001. Trong *Đại Nam thực lục* chỉ chép đến 2 vạn quân thủy do Chiêu Sương và Chiêu Tăng chỉ huy, không thấy chép đến quân bộ. Trong *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức cũng chép là: "Chiêu Tăng làm Chủ soái và Chiêu Sương làm Tiên phong, đem 2 vạn thủy binh với 300 chiến thuyền".

chết Chương tiền Bảo. Phò mã Trương Văn Đa lên thay và chiếm được Mân Thít và Trường Giang.

Tháng 10 năm Giáp Thìn (1784), vào ban đêm Chu Văn Tiếp đem thủy binh cùng với Thát Xi Đa tập kích thuyền của quân Tây Sơn ở sông Mân Thít. Quân Tây Sơn giao chiến hồi lâu. Nguyễn Ánh đốc thúc quân lính tiến đánh quân Tây Sơn dữ dội. Chu Văn Tiếp khi nhảy lên thuyền đã bị trúng gươm, vết thương quá nặng không qua khỏi<sup>1</sup>. Quân của Trương Văn Đa phải chạy khỏi Long Hồ. Quân Tây Sơn bị thương nhiều, thuyền bè và khí giới bị quân Nguyễn thu được khá nhiều.

Chu Văn Tiếp, tướng cao cấp nhất của Nguyễn Ánh, người được Nguyễn Ánh cử sang Xiêm cầu viện và trực tiếp dẫn đường cho quân Xiêm kéo quân vào Gia Định, nay đã chết, Nguyễn Ánh rất thương xót. Người được Nguyễn Ánh chọn thay Chu Văn Tiếp là Lê Văn Quân. Lê Văn Quân được cử làm Khâm sai tổng nhung Chương cơ chỉ huy đại quân để đánh quân Tây Sơn và đã tổ chức tấn công quân Tây Sơn thắng lợi ở hai đồn Ba Lai và Trà Tân<sup>2</sup>. Nguyễn Ánh chia quân ra làm nhiều đạo đóng giữ những nơi hiểm yếu. Quân Nguyễn Ánh và quân Xiêm đóng đại bản doanh ở Ba Lai còn đội quân tiên phong thì đóng ở Trà Tân.

Nguyễn Ánh tranh thủ thời cơ ra sức chiêu tập quân sĩ, sai Cai cơ Trịnh Ngọc Trí bí mật đem mật chỉ đến các đồn chiêu dụ những bè tôi cũ hào kiệt trong dân. Trịnh Ngọc Trí đến Liêm Áo (Vùng Liêm) chiêu dụ được Phó đốc chiến của Tây Sơn tên là Lý (không rõ họ) đem quân đến hàng. Một số thuộc hạ của Nguyễn Ánh trước

- 
1. *Mạc thị gia phả* cho biết Chu Văn Tiếp chết vào ngày 10 tháng Mười năm Giáp Thìn (tức ngày 30-11-1784).
  2. Theo nghiên cứu của tác giả Phan Đại Doãn trong "Khởi nghĩa diệt Nguyễn và chống Xiêm" (trong *Tư liệu về Tây Sơn Nguyễn Huệ*, tập II, Sở Văn hóa thông tin Nghĩa Bình xuất bản 1993), thì Tà Luật, Trà Luật chính là Trà Lọt huyện Cái Bè. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng Tà Luật, Trà Luật, Trà Tân trong *Mạc thị gia phả* và một số thư tịch khác là một, là Trà Tân thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (tr. 218).

đây đã đầu hàng Tây Sơn, nay nghe tin Nguyễn Ánh về nước tự nguyện đến xin chịu tội và được tha.

Trên đường tiến vào nước ta, quân Xiêm đi đến đâu là cướp bóc đến đấy, khiến nhân dân oán ghét vô cùng. Nguyễn Ánh thấy vậy muốn lui quân về, báo các tướng rằng: “Muốn được nước phải được lòng dân. Nay Chu Văn Tiếp đã mất, quân Xiêm không ai chế ngự được. Nếu được Gia Định mà mất lòng dân thì ta cũng không nở làm. Thà hãy lui quân để đừng làm khổ nhân dân”<sup>1</sup>.

Tháng 11 năm Giáp Thìn (tháng 12-1784), khi nhận được tin cấp báo, Nguyễn Nhạc liền cử Nguyễn Huệ đem thủy binh<sup>2</sup> vào cứu Sài Gòn. *Mạc thị gia phả* chép: “Thủy quân của Huệ đóng từ cửa cảng Mỹ Tho chạy dài đến sông Trà Ôn. Hàng ngày những khi nước thủy triều lên thì Huệ đem binh vào đánh. Quân của vua ta (tức Nguyễn Ánh - tác giả) đóng đồn ở hai bên bờ sông. Quân Xiêm lên cả trên bờ để cố thủ, còn các thuyền thì đỗ theo dọc bờ sông làm ý dốc. Hơn 10 ngày, quân giặc (tức quân Tây Sơn - tác giả) không đánh vào được bèn lui thuyền ra bày ở Trường Giang để đợi xem biến chuyển ra sao”<sup>3</sup>. Quốc sử quán triều Nguyễn chép: “Huệ đến, đánh vài trận đều không được, muốn đem quân về. Có tên phản thần là Lê Xuân Giác bày kế cho Huệ đem hết quân mạnh mai phục ở Rạch Gầm và ở sông Xoài Mút (thuộc tỉnh Định Tường), rồi dụ quân Xiêm lại đánh”<sup>4</sup>. Lê Xuân Giác là người trước đây đứng trong hàng ngũ của Nguyễn Ánh, nay theo về Tây Sơn. Và, tất nhiên khi theo về Tây Sơn, Lê Xuân Giác cũng muốn lập công. Tuy nhiên,

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 2, tập I, Sđd, tr. 222.

2. *Mạc thị gia phả* của Vũ Thế Dinh chép là số quân của Nguyễn Huệ là 5 vạn; Phan Huy Lê (Chủ biên), *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976, trên cơ sở phân tích các nguồn sử liệu khác nhau cho rằng tổng số quân của Tây Sơn (kể cả quân Tây Sơn có mặt trước đó ở Gia Định) không quá 2 vạn.

3. *Mạc thị gia phả*, Dẫn theo: Phan Đại Doãn, “Khởi nghĩa diệt Nguyễn và chống Xiêm”, Sđd, tr. 219.

4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 2, tập I, Sđd, tr. 222-223.



dựa vào các tư liệu hiện có thì vai trò của Lê Xuân Giác không quan trọng như ghi chép của Quốc sử quán triều Nguyễn ở trên. Bởi người trực tiếp vạch ra kế hoạch chiến lược là Nguyễn Huệ. Ngay sau khi đánh quân Xiêm - Nguyễn vài trận không thắng, Nguyễn Huệ liền nghĩ kế giảng hòa, mật sai một tù binh người Chân Lạp làm sứ giả đem gấm vóc và vàng bạc đến đồn quân Xiêm giao thiệp với Chiêu Sương và Chiêu Tăng với nội dung đề nghị quân Xiêm không tương trợ Nguyễn Ánh. Sứ giả nói: "Tôi là bọn giặc Cao Miên bị bắt làm tù binh. Nay sớ chủ Tây Sơn sai tôi đến giảng hòa với ngài. Điều ước giảng hòa như sau: Tân triều và cựu triều (Tân triều là chỉ Tây Sơn, cựu triều là chỉ chúa Nguyễn - tác giả) nước tôi tranh nhau đất đai và nhân dân, không thể cùng đứng với nhau được. Nước tôi cùng nước Xiêm xa cách... chẳng hay ngài đến nước tôi làm gì. Chi bằng nước ngài cùng nước tôi giao hảo. Sau khi xong việc, nước tôi sẽ y lệ cống hiến đó không phải là lợi lâu dài ư? Vậy việc cựu chủ nước tôi, mặc tôi hành động, xin ngài đừng có tương trợ"<sup>1</sup>. Chiêu Tăng nhận được lời cầu hòa, tiếp đãi sứ giả rất tử tế. Việc này đã khiến cho Nguyễn Ánh rất ngờ vực. Chiêu Tăng nói: "Quốc vương ngờ tôi à? Tôi phụng mệnh quả quân tôi đem quân vượt biển sang giúp quốc vương, chưa phân thắng phụ, mà đã có lòng tham của, thì có khác gì loài thú cắn lại chủ nhà. Dù có được lợi, nhưng làm hèn hạ giá trị của quân sĩ và làm sỉ nhục quốc thể, thì còn tránh đi chỗ nào để tránh khỏi trời giết hại? Xin quốc vương đừng nghi ngờ"<sup>2</sup>. Sau đó tướng Xiêm và Nguyễn Ánh đi đến thống nhất kế hoạch tấn công quân Tây Sơn. Chiêu Tăng nói với Nguyễn Ánh: "Hiện nay giặc (tức quân Tây Sơn - tác giả) rất tin tôi, không phòng bị, vậy ta nên thừa cơ tiến công. Tôi định đến đêm mùng 9 tháng này quốc vương đem ngự binh đến tấn công trước các thuyền của giặc, còn tôi cùng các tướng tá bản bộ đem

---

1. *Mạc thị gia phả*, Dẫn theo: Phan Đại Doãn, "Khởi nghĩa diệt Nguyễn và chống Xiêm", Sdd, tr. 219.

2. *Mạc thị gia phả*, Dẫn theo: Phan Đại Doãn, "Khởi nghĩa diệt Nguyễn và chống Xiêm", Sdd, tr. 220.

các chiến thuyền lớn bé xung phá những thuyền chắn ngang sông của giặc, thì thể nào cũng được toàn thắng"<sup>1</sup>. Nguyễn Ánh thấy vậy, bề ngoài vẫn tỏ vẻ đồng ý nhưng bên trong đã định liệu con đường chạy trốn. Lúc bấy giờ Tham tướng Từ Sinh đang trấn thủ Trấn Giang, vào yết kiến Nguyễn Ánh nhưng theo lệnh của Nguyễn Ánh đã lập tức về ngay phòng khi có sự cố bất trắc xảy ra thì đã có đường chạy trốn. Tham tướng Từ Sinh liền đem quân đến đóng ở Long Hồ. Như vậy, quân Xiêm - Nguyễn Ánh định tấn công quân Tây Sơn vào đêm mùng 9 tháng Một năm Giáp Thìn (tức đêm 19-1-1785) ở Mỹ Tho, đại bản doanh của Nguyễn Huệ.

Về phía quân Tây Sơn, trong khi tìm cách giảng hòa với tướng Xiêm, điều tra tình hình và có khả năng thông qua nguồn tin tình báo của Lê Xuân Giác, Nguyễn Huệ đã bí mật bố trí trận địa mai phục tại Rạch Gầm - Xoài Mút. Đoạn sông Rạch Gầm - Xoài Mút dài khoảng 7km. Đây là địa hình sông nước hết sức phức tạp, phía trước mặt là cù lao Thới Sơn. Đặc biệt ở đây lại có các loại cây có thể làm bè và dẫn lừa phục vụ cho chiến thuật đánh hỏa công như cây dầu rái, cây bàng, dương, soạp, trái mù u...). Cách Rạch Gầm về phía thượng lưu khoảng 4 km có rạch Rau Răm, tuy nhỏ hẹp nhưng có thể quan sát được đối phương dưới sông và trên bộ.

Từ Trà Tân đến Rạch Gầm khoảng 15km đường sông uốn khúc quanh co, quân Xiêm - Nguyễn Ánh xuất phát từ đêm 19-1-1785 đến được Rạch Gầm phải mất 5 giờ, tức rạng sáng ngày 19-1 (khoảng 3 - 4 giờ sáng) lúc này nước triều còn đang xuống<sup>2</sup>. Đúng lúc đó, Nguyễn Huệ đã bố trí binh lực mạnh ở phía Tây cù lao Thới Sơn, trước cửa vàm Xoài Mút rồi cho lực lượng nghi binh như quân Xiêm - Nguyễn vào trận địa mai phục, cánh quân ở Xoài Mút có

- 
1. *Mạc thị gia phá*, Dẫn theo: Phan Đại Doãn, “Khởi nghĩa diệt Nguyễn và chống Xiêm”, Sđd, tr. 220.
  2. Ứng dụng khoa học hiện đại vào việc tính toán mực nước triều lên xuống theo thời gian là khá chính xác, xem: Lương Gia Tĩnh, “Vấn đề thủy triều trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút (19-1-1785)”, trong *Sử học*, Số 2 - *Những vấn đề khoa học lịch sử ngày nay*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1981, tr. 316-322.

nhệm vụ chặn đánh quân giặc đang thuận dòng tiến xuống. Khi quân Xiêm - Nguyễn lọt vào trận địa mai phục thì cánh quân ở Rạch Gầm có nhiệm vụ khóa đuôi quân giặc. Trên bờ từ Rạch Gầm đến Xoài Mút Nguyễn Huệ cho bố trí thuyền lữa, bè lữa để khi quân Xiêm - Nguyễn bị chặn ở cù lao Thới Sơn - Xoài Mút và ứn tắc lại, đồng thời lợi dụng nước thủy triều lên lao vào đốt cháy chiến thuyền giặc. Đúng như ghi chép trong *Mạc thị gia phả*: "Đêm mồng 9 tháng 12, đầu trống canh năm, súng đại bác bắn liên thanh, đó là quan quân tấn công thuyền giặc... Thoạt tiên ngự binh đại tiến, đốt cháy những thuyền chắn ngang sông của giặc. Quân giặc sợ hãi, ngã xuống sông chết đuối rất nhiều. Quân Xiêm tham lợi nhỏ chi tranh nhau lấy tiền của, không chịu hiệp lực tấn công thuyền giặc. Nguyễn Huệ đốc chiến ở phía sau, ra lệnh liêu chết đánh... Lại nhân được lúc triều lên thuận lợi, tấn công rất là mãnh liệt"<sup>1</sup>. Quân Xiêm phần vì không thông hiểu địa thế vùng này, phần vì thắng được mấy trận sinh ra chủ quan, cứ thế dẫn quân tiến thẳng đến Mỹ Tho, cuối cùng sa vào trận địa mai phục của quân Tây Sơn. Hai mặt quân thủy, bộ cùng ập đánh. Chiến sự diễn ra quyết liệt từ rạng sáng đến xế chiều quân Xiêm bị tiêu diệt gần hết. Chiêu Sương và Chiêu Tăng thua đậm, bỏ chạy, quân lính chỉ còn hơn một vạn theo đường núi Chân Lạp mà chạy về. Lê Văn Quân và các quân cũng tan vỡ. Nguyễn Ánh chạy đi Trấn Giang cùng Mạc Tử Sinh rồi ra đảo Thổ Châu. *Quân Tây Sơn hoàn toàn kiểm soát được Gia Định*. Kết quả, chỉ trong vòng một ngày đêm, quân Xiêm và quân Nguyễn Ánh đã bị Nguyễn Huệ tiêu diệt.

Tháng 4-1785, Nguyễn Huệ dẫn quân về Quy Nhơn, giao cho Đô úy Đặng Văn Trấn (hoặc Chấn) giữ Gia Định.

Chiến thắng này đã làm cho uy danh của quân Tây Sơn trở nên vang dội và chấn động sang cả Chân Lạp. Sử nhà Nguyễn cũng nhận xét rằng: "Người Xiêm từ sau bại trận năm Giáp Thìn, miệng tuy nói khoác mà lòng thì sợ Tây Sơn như cọp"<sup>2</sup>.

1. *Mạc thị gia phả*, Dẫn theo Phan Đại Doãn, "Khởi nghĩa diệt Nguyễn và chống Xiêm", Sđd, tr. 221.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 227-228.



### 3. TIỀN QUÂN RA BẮC ĐÁNH BẠI THỂ LỰC THỐNG TRỊ HỌ TRỊNH

#### \* Đánh tan quân Trịnh ở Thuận Hóa

Sau khi quân Xiêm bị đại bại trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút, Nguyễn Ánh phải chạy ra trú ở đảo Thổ Châu (tháng Giêng năm 1785) và đến tháng 3-1785 thì sang Xiêm lưu vong, trú tại Long Kỳ (Xiêm gọi là Đồng Khoai) ở ngoại thành Vọng Các. Thời gian này, quan quân Nguyễn Ánh, một mặt giữ mối liên hệ thân thiện với Xiêm, giúp Xiêm đánh bại cuộc xâm lược Xiêm của Miến Điện và Chà Và (đảo Java). Mặt khác, không ngừng thu nạp binh lính, sắm sửa vũ khí, đóng chiến thuyền, mong có ngày trở lại đánh quân Tây Sơn, chiếm Gia Định.

Tại Phú Xuân, quan quân nhà Trịnh lộng quyền, kiêu căng, ức hiếp dân chúng, gây nên sự bất bình giữa nhân dân với chính quyền họ Trịnh ở Thuận Hóa. Mặt khác, trong nội bộ lại xảy ra mâu thuẫn giữa tướng Phạm Ngô Cầu và phó tướng Hoàng Đình Thề. Phạm Ngô Cầu là người tham lam, nhút nhát, chỉ chuyên lo việc buôn bán không quan tâm đến việc sắm sửa khí giới, tích trữ lương thực. Quân và dân đều chán nản, khinh thường.

Về phía quân Tây Sơn, sau khi đánh bại chúa Nguyễn, đánh tan quân xâm lược Xiêm ở phía Nam, thì cơ hội đánh chiếm Thuận Hóa<sup>1</sup> xuất hiện. Nhân khi bắt được do thám của quân Trịnh là Nguyễn Như Phu vốn quen biết với Nguyễn Hữu Chỉnh đã tiết lộ cho biết về tình hình Thuận Hóa là có khả năng đánh chiếm được. Nguyễn Hữu Chỉnh bèn báo với Nguyễn Nhạc. Nguyễn Nhạc liền cử Nguyễn Huệ làm chỉ huy cùng với Nguyễn Hữu Chỉnh làm Hữu quân, Võ Văn Nhậm làm Tả quân, Nguyễn Lữ quản thủy quân tiến đánh quân Trịnh ở Phú Xuân (Huế).

---

1. Nguyễn Huệ khi ở Quy Nhơn đã có ý định đánh chiếm Phú Xuân, nhưng Nguyễn Nhạc can ngăn.

Tháng 5-1786, sau khi bố trí xong đội hình, quân Tây Sơn bắt đầu tấn công quân Trịnh. Quân Tây Sơn đã dùng kế li gián Hoàng Đình Thê và Phạm Ngô Cầu đang trấn giữ Thuận Hóa. Hai người này vốn ngầm ghen ghét nhau. Bằng kế này, quân Tây Sơn nhanh chóng hạ được thành Phú Xuân. Khi bộ binh đến đèo Hải Vân, tướng giữ đồn là Hoàng Nghĩa Hồ xông ra đánh nhưng bị tử trận. Nguyễn Hữu Chỉnh biết Phạm Ngô Cầu là người nhút nhát liền gửi thư đi trước dụ hàng. Quả nhiên, khi chiến trận xảy ra, Phạm Ngô Cầu không biết thi thố thế nào, vừa lúc nhận được thư của quân Tây Sơn thì Phạm Ngô Cầu có ý đầu hàng. Đến khi quân Tây Sơn kéo đến thì chỉ có Phó tướng Hoàng Đình Thê ra thành cự chiến, đến khi hết súng đạn mới sai người về yêu cầu Phạm Ngô Cầu tiếp tế, nhưng Cầu đã từ chối. Cơn tức giận của Hoàng Đình Thê chưa kịp trút lên đầu Phạm Ngô Cầu thì Cầu đã ở trên thành kéo cờ trắng. Quân Tây Sơn cứ thế vừa đánh trống vừa hò reo kéo vào thành. Hoàng Đình Thê và hai con đều tử trận. Sách *Cương mục* chép: “Giặc (tức quân Tây Sơn - tác giả) tung quân vào thành, chém giết thà cửa, hơn vài vạn tướng sĩ đóng ở đồn, chỉ còn được vài trăm người qua sông trở về Bắc Hà mà thôi. Do đây tướng đóng ở các đồn Cát Doanh và Động Hải nghe được phong thanh đều chạy trốn”<sup>1</sup>. Phạm Ngô Cầu tự trói tay ra hàng Tây Sơn, nhưng liền bị giết ngay. Quân Tây Sơn thừa thắng, kéo quân ra Quảng Bình, đánh chiếm nốt những địa bàn phía Nam sông Gianh. Quân Trịnh thấy bóng quân Tây Sơn không kịp chống cự mà tự tan vỡ. Quân Tây Sơn kiểm soát được Thuận Hóa. Như vậy, đất Đàng Trong hoàn toàn thuộc quyền kiểm soát của Tây Sơn.

Với chiến thắng này, uy danh của Nguyễn Huệ nói riêng, quân Tây Sơn nói chung đã chấn động cả Bắc Hà.

Đang trên đà thắng lợi, Nguyễn Huệ hội họp các tướng, cho quân tu sửa lại trường lũy Động Hải định tiến quân ra Bắc ngay, nhưng trong lòng còn phân vân. Sau được Nguyễn Hữu Chỉnh

---

1. *Cương mục*, quyển 46, tập II, Sdd, tr. 781.

thuyết phục với lời lẽ: “Tướng công đánh một trận được đại thắng, uy danh chấn động cả thiên hạ. Đường lối dụng binh, một là thời, hai là thế, ba là cơ hội, nếu có thể dựa vào ba điều ấy, thì đánh đâu mà không được. Nay ở Bắc Hà, quân lính thì kiêu ngạo, tướng sớ thì lười biếng, triều đình lại không có kỷ cương gì. Tướng công mang uy thanh ấy, nhân lúc bên kia đã đổ nát, nếu thực biết dùng danh nghĩa “phò Lê, diệt Trịnh” thì thiên hạ ai mà không hưởng ứng? Đây là cơ hội và thời, thế đều không thể để lỡ được”<sup>1</sup>. Nguyễn Huệ cho là phải, liền cử Nguyễn Lữ ở lại trấn giữ Thuận Hóa, đồng thời ông viết thư cho Nguyễn Nhạc thông báo việc Bắc chiến của ông.

### \* Nguyễn Huệ dẫn quân ra Bắc Hà tiêu diệt họ Trịnh

Ở Đàng Ngoài, từ tháng 3 năm Bính Ngọ (1786), giá gạo lên cao vùn vụt, dân chết đói rất nhiều. Chúa Trịnh cho phép bán chức tước lấy tiền mua gạo phát chẩn cho dân.

Quân lính Tam phủ thì cậy có công lập vua và chúa nên luôn đòi ban thưởng, “quân sĩ ngày càng rộng rãi tràn, không chịu ràng buộc dưới quyền cai quản của quân binh nữa... Do đó, động tí thì họ nổi trống tụ họp, kéo đàn kéo lũ hàng chục hàng trăm, hò la ầm ĩ, ngày càng rộng rãi hung hăng, không thể kiềm chế được nữa”<sup>2</sup>. Loạn kiêu binh này đã gây nên trong xã hội cảnh: “Giữa dân và quân coi nhau như thù địch. Chính phủ (chỉ phủ Chúa) hễ làm việc gì thì quân sĩ họp nhau bàn tán chê bai”<sup>3</sup>. Quân lính nhà Trịnh thì mệt mỏi vì cảnh “loạn kiêu binh” và tình hình xã hội lúc bấy giờ, nên sức chiến đấu rất kém. Còn trong dân gian thì: “Hào kiệt các trấn đâu đâu cũng kéo cờ nêu lên danh nghĩa đi giết kiêu binh. Đám này đổ rồi, đám khác lại nổi, quan quân không sao trị được. Khi nhà chúa bí mật dụ bảo, họ mới dần dần giải tán”<sup>4</sup>.

1. *Cương mục*, quyển 46, tập II, Sđd, tr. 781-782.

2. Nguyễn Thu, *Lê Quý kỷ sự*, Hoa Bằng dịch và chú giải, Văn Tân hiệu đính, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974, tr. 20-21.

3, 4. Nguyễn Thu, *Lê Quý kỷ sự*, Sđd, tr. 25.

Trước sự suy sụp của xã hội Đàng Ngoài, sự lộng quyền của chúa Trịnh, việc vua Lê Hiến Tông bị chúa Trịnh ức hiếp đã gây nên những bất bình sâu sắc trong hàng ngũ quan lại và dân chúng. Đây chính là cơ hội để phong trào Tây Sơn khi tấn công ra Bắc đã nhanh chóng thu được thắng lợi lớn.

***- Quân Nguyễn Huệ đánh chiếm Thanh Hóa, Nghệ An và Vị Hoàng***

Tháng 6-1786, bằng chiến thuật “thần tốc”, quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ đã cử Nguyễn Hữu Chỉnh làm tiền phong thủy quân, đem những thuyền nhanh nhẹ kéo quân đi trước. Trước hết tiền quân theo cửa biển Việt Hải (thuộc Quảng Trị) đến Vị Hoàng (nay thuộc tỉnh Nam Định) chiếm lấy kho lương. Quân Tây Sơn đánh đến đâu thắng lợi đến đó, đã làm chủ Nghệ An, Thanh Hóa và sau đó là Vị Hoàng. Sử chép, quân lính trong đồn Vị Hoàng hoảng sợ không đánh mà tự tan vỡ. Quân Tây Sơn chiếm được Vị Hoàng và thu được kho thóc lớn. Nguyễn Huệ thống suất đại binh, theo đường thủy, bộ tiếp đến, tập kết ở Vị Hoàng. Như vậy, *quân Tây Sơn đã nhanh chóng chiếm được Thanh Hóa, Nghệ An và Vị Hoàng*, rồi thừa thế, kéo quân về Phố Hiến (nay thuộc tỉnh Hưng Yên).

Về phía quân Trịnh, khi thấy đại binh Tây Sơn tiến ra Bắc, Trịnh Khải sai Thái Đình hầu Trịnh Tự Quyền thống lĩnh quan quân 27 hiệu tiến quân nhằm giữ lấy đất địa đầu Nghệ An. Nhưng quân lính Trịnh, như đã nêu ở trên, không chịu xuất phát, suốt ngày đòi tiền bạc, lương thưởng, lại không chịu sự thống lĩnh của Trịnh Tự Quyền, đòi thay đổi thống tướng. Nên, lệnh ban ra đã nửa tháng mà quân Trịnh mới đi được 30 dặm, thì vừa lúc gặp quân Tây Sơn đã chiếm được Vị Hoàng. Chúa Trịnh lại lệnh cho Trịnh Tự Quyền dẫn quân về đóng ở Kim Động.

***- Quân Tây Sơn đánh chiếm trấn Sơn Nam***

Trước sức tấn công như vũ bão của quân Tây Sơn, quân Trịnh, được lệnh của Trịnh Khải bố trí như sau: Trịnh Tự Quyền đóng ở



Kim Động; Đỗ Thế Dận, trấn thủ Sơn Nam đem quân bộ đóng ở bờ sông Phù Sa<sup>1</sup>; Đinh Tích Nhưỡng, vốn nổi tiếng giỏi thủy chiến, chỉ huy các đạo quân thủy tiến thẳng đến giữ ở cửa sông Luộc. Các tướng họp bàn đón đánh quân Tây Sơn. Nhưng quân Tây Sơn đã lợi dụng sức gió vào ban đêm cho 5 chiếc thuyền không người với những tay chèo bù nhìn lao thẳng đến. Sách *Cương mục* chép: “*Thuyền của giặc* (tức quân Tây Sơn - tác giả) đương đêm từ hạ lưu nhân chiều gió tiến thẳng lên, thế rất sắc bén”<sup>2</sup>. Đinh Tích Nhưỡng hạ lệnh cho quân lính dàn hàng chữ nhất và xả đạn bắn xối xả vào thuyền. Khi trời hừng sáng mới biết đó là thuyền nghi binh thì quân Trịnh đã hết cả súng, đạn. Lúc đó, quân Tây Sơn mới ào ạt xông tới, “*Thanh thế kinh thiên động địa*” (Cương mục). Một toán quân mạnh của Tây Sơn dùng súng phun lửa xông thẳng vào hàng ngũ của Đỗ Thế Dận, khiến cho quân lính kinh sợ tan vỡ. Quân thủy của Đinh Tích Nhưỡng cũng tranh nhau bỏ chạy. Quân của Trịnh Tự Quyền nghe tin hai cánh quân kia thua chạy cũng tự tan vỡ. Thế là, *quân Tây Sơn chiếm được trấn Sơn Nam*, rồi truyền hịch đi các lộ bày tỏ danh nghĩa: “Phù Lê diệt Trịnh”, kêu gọi nhân dân Bắc Hà ủng hộ. Quân Tây Sơn như vũ bão tiến vào Thăng Long cập bến Nam Dư<sup>3</sup>.

*- Quân Tây Sơn tiêu diệt tập đoàn thống trị họ Trịnh ở Thăng Long*

Trước sức tấn công của quân Tây Sơn và nhất là sau khi mất trấn Sơn Nam, đã gây nên nỗi kinh sợ cho quan, quân họ Trịnh ở Thăng Long. Việc lo lắng nhất của họ lúc bấy giờ là chạy trốn thoát thân, không còn nghĩ gì đến chiến đấu nữa. Trong phủ chúa, người

---

1. Sông Phù Sa: Thuộc địa phận xã Phù Sa, huyện Đông An (nay là huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên). Khúc sông này là hạ lưu sông Hồng.

2. *Cương mục*, quyển 46, tập II, Sđd, tr. 783.

3. Thuộc địa phận làng Nam Dư, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay thuộc phường Trần Phú và phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội).

thì bàn đánh, người thì bàn rút lui. Cự Tham tụng Nguyễn Khánh<sup>1</sup> từ Nghệ An về kinh, khuyên Trịnh Khải: “Sai tướng giữ kinh thành, mà rước nhà vua chạy lên Sơn Tây, để lo tính công việc sau này. Nếu đánh nhau với giặc (tức quân Tây Sơn - tác giả) thì kiêu binh không thể dùng được, việc nước thành ra hỏng mất”<sup>2</sup>. Trịnh Khải đã định làm theo kế ấy, nhưng lại bị kiêu binh phản đối dữ dội. Cuối cùng, Trịnh Khải theo lời khuyên của Trần Công Xán (Trần Công Thước) là quyết đánh. Trịnh Khải triệu Quận Thạc Hoàng Phùng Cơ ở Sơn Tây về cho làm tiền bộ. Hoàng Phùng Cơ cùng 8 người con vừa trai, vừa rể dẫn quân lính bản bộ đóng ở hồ Vạn Xuân<sup>3</sup>. Đội quân Tứ thị thùy dàn thuyền ở bến Thúi Ái<sup>4</sup> do hai Thiên tướng là Nguyễn Trọng Yên, quản lãnh đội Tiền Ưu, Ngô Cảnh Hoàn quản lãnh đội Tiền Trạch. Chúa Trịnh đem hết binh lính trong thành ra ngoài cửa Tây Luông (Tây Long)<sup>5</sup> bày trận ở dưới Ngũ Long lâu (ngày 25 tháng Sáu năm Bính Ngọ 1786).

Ngày 26 tháng 6 năm Bính Ngọ, quân Tây Sơn từ bến Nam Dư, nhân lúc gió đông nam thổi mạnh, thuyền của quân Tây Sơn lao thẳng đến, đánh úp quân Trịnh. Quân chúa Trịnh, trước hết là quân thùy - Tứ thị thùy tan vỡ ngay ở cửa sông Thúi Ái. Hai viên Thiên tướng chống đánh quân Tây Sơn quyết liệt nhưng bị tử trận. Quân Trịnh do chủ quan, thiếu cẩn mật, lại bị đánh bất ngờ nên rối loạn, hoảng hốt, bỏ chạy tán loạn. Quân Tây Sơn thu hết được cả thuyền bè, khí giới quân Trịnh. Rồi, tiếp tục đánh tan quân của Hoàng Phùng Cơ trên bộ. Hoàng Phùng Cơ cùng hai người con cướp lấy đường mà chạy. Thừa thắng, quân Tây Sơn trống đánh vang trời

---

1. *Cương mục*, quyển 46, tập II, Sdd, tr. 784 chép là Nguyễn Lệ.

2. *Cương mục*, quyển 46, tập II, Sdd, tr.784.

3. Tức đầm Vạn Phúc, ở làng Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay thuộc phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội).

4. Thuộc địa phận bãi Thúi Ái, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay thuộc phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội).

5. Thuộc địa phận thôn Hậu Lâu, huyện Thọ Xương, Hà Nội.

rầm rập kéo thẳng đến bến Tây Luông, bắn hỏa hổ ầm ầm. “Khải mặc nhung phục cầm cờ lệnh chi huy, nhưng quân sĩ nhìn nhau, không ai chịu tiến lên. Giặc (tức quân Tây Sơn) tung quân ra chém giết, quan quân tan vỡ lung tung”<sup>1</sup>. Quân Tây Sơn nhanh chóng chiếm được vương phủ. Trịnh Khải cùng 400 tàn quân chạy về phía Sơn Tây. Khi qua sông, sang Yên Lãng (thuộc tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay) tùy tùng và quân lính đều tan tác hết, chỉ có Nội thị là Tập Trung hầu đi theo. Đến Hạ Lôi thuộc huyện Yên Lãng (nay thuộc huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội) thì chúa Trịnh Khải gặp phải tên phản nghịch Nguyễn Trang đem theo vài chục tên gian ác kéo đến bao vây. Trịnh Khải thế cùng đã tự vẫn. Thiêm sai Tri lại phiên Lý Trần Quán làm nhiệm vụ ở Hạ Lôi can ngăn Nguyễn Trang không được, thấy chúa chết cũng tự tử theo. Phong trào Tây Sơn đến đây đã đánh dấu mốc chấm dứt vai trò của chúa Trịnh ở kinh thành Thăng Long (vào ngày 26 tháng Sáu năm Bính Ngọ 1786).

#### 4. TIẾN QUÂN RA BẮC HÀ LẬT ĐỔ CHÍNH QUYỀN NHÀ LÊ

##### \* Tình hình Bắc Hà sau thất bại của họ Trịnh

Sau khi kết thúc vai trò của chúa Trịnh, tại Kinh thành Thăng Long, Nguyễn Huệ ra mắt vua Lê Hiển Tông ở điện Vạn Thọ, “xin nhà vua định ngày cử hành nghi lễ đại triều, dâng sổ sách binh và dân để tỏ rõ ý nghĩa nhà vua nhất thống”<sup>2</sup> và bày tỏ ý tôn phò vua Lê. Nguyễn Huệ trao lại quyền hành cho nhà vua. Sách *Lê quý kỷ sự* chép: “Nguyễn Huệ muốn tỏ công lao cho mọi người biết, bèn xin với vua Lê ấn định ngày rằm, đặt lễ triều hạ, ban bài chiếu “Nhất thống đất nước” niêm yết ở ngoài cửa Đại Hưng, bỏ cáo cho thiên hạ biết”<sup>3</sup>. Vua Lê Hiển Tông phong cho Nguyễn Huệ làm *Nguyên soái phù chính dục vận Uy quốc công*, ban cho đất Nghệ

---

1. *Cương mục*, quyển 46, tập II, Sđd, tr. 785.

2. *Cương mục*, quyển 46, tập II, Sđd, tr.790.

3. Nguyễn Thu, *Lê quý kỷ sự*, Sđd, tr. 40.

An để thường công rồi gả con gái út là công chúa Ngọc Hân cho Nguyễn Huệ. Ngày 15 tháng Bảy năm Bính Ngọ (1786), vua Lê Hiến Tông nhận lễ châu mừng về việc thống nhất, nhưng chỉ hai ngày sau, bệnh quá nguy kịch đã băng hà tại điện Vạn Thọ (ngày 17 tháng Bảy năm Bính Ngọ), hưởng thọ 70 tuổi. Hoàng tử tôn Lê Duy Kỳ lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Chiêu Thống (1787-1789).

Nguyễn Nhạc nghe tin Nguyễn Huệ đã diệt được họ Trịnh, dẹp yên được Thăng Long, trong lòng lo sợ. Sách *Lê quý kỷ sự* chép: "Được tin Huệ dẹp yên Thăng Long, Nhạc cả sợ, vì cho rằng Huệ vốn tính mạnh tợn, ngang ngược, một khi cầm quân ở ngoài, làm xong chuyện lớn thì không phải là chuyện có thể dùng mảnh giấy mà gọi về được. Nhạc bèn chính mình đem toán thân quân, gấp đường tiến ra, nói là đi ứng tiếp cho Huệ, thực ra cốt để giám sát và kiểm chế Huệ không được rộng dài"<sup>1</sup>. Khi Nguyễn Nhạc ở Thăng Long, đóng ở phủ chúa, vua Lê Chiêu Thống ngự giá đến cửa phủ, yết kiến Nguyễn Nhạc, thể thức như hai vua gặp nhau. Sau đó, Nguyễn Nhạc cùng với Nguyễn Huệ trở về Nam, giao cho tướng Nguyễn Huệ trấn giữ Nghệ An, mặc cho Nguyễn Hữu Chỉnh ở lại Bắc Hà.

Tình hình Bắc Hà sau khi quân Tây Sơn rút về Nam lại lâm vào cảnh rối loạn. Nhân dân đói khổ. Nhà vua triệu các đại thần đến bàn rằng: "Giặc (tức quân Tây Sơn) để lại cho ta một nước trống rỗng, nếu có sự nguy cấp thì chống đỡ bằng cách nào? Bèn viết thư triệu hết những người thế gia và bày tôi cũ dấy quân vào bảo vệ hoàng thành"<sup>2</sup>. Việc này đã gây nên cái cơ khiến cho các hào mục các nơi nổi lên chiếm giữ châu quận, chiêu tập binh mã mà đều mượn danh nghĩa "Bảo vệ hoàng thành". Xã hội rối loạn. Thêm nữa, khi Trịnh Khải chết, dư đảng họ Trịnh là Trịnh Bồng, Trịnh Đệ đánh nhau để giành ngôi chúa. Trịnh Đệ thua.

---

1. Nguyễn Thu, *Lê quý kỷ sự*, Sđd, tr. 42.

2. *Cương mục*, quyển 46, tập II, Sđd, tr. 794.

Lê Chiêu Thống lại luôn luôn nung nấu ý định trả thù họ Trịnh.

Tháng 9-1786, Trịnh Bồng đem thủ hạ là Đinh Tích Nhưỡng, người đang nắm quân đội mạnh vào Thăng Long, bức xin vua Lê cho Trịnh Bồng lên nối ngôi chúa. Trước tình thế này, vua Lê Chiêu Thống buộc phải chấp thuận và phong Trịnh Bồng làm *Nguyên sủy Yén Đô vương*. Nhưng thực chất Trịnh Bồng lại là người rất “nhu nhược, lười biếng, không biết tự lập, chính sự đều xuất phát từ tay Tích Nhưỡng”<sup>1</sup>. Đinh Tích Nhưỡng lại bí mật câu kết với Hoàng Phùng Cơ, do đây, thế lực của Trịnh Bồng được củng cố, được thế Trịnh Bồng ra sức hoành hành, lộng quyền. Sách *Cương mục* chép: “Từ đây, chính quyền trong nước lại về tay họ Trịnh, nhà vua rất tức giận, mọi việc đều giằng co hạn chế, trong triều rối beng, không biết thế nào là chuẩn định”<sup>2</sup>. Vua Lê Chiêu Thống vì buộc phải chấp nhận phong vương cho Trịnh Bồng nhưng vẫn muốn tìm mọi cách chế ngự thế lực của họ Trịnh, nên vua Lê lại vời Nguyễn Hữu Chỉnh về giúp. Dân chúng thấy Nguyễn Hữu Chỉnh trở lại tôn phò vua Lê và nhận được tờ hịch kêu gọi “phù Lê”, nên “xa gần đều hưởng ứng, trong khoảng 10 ngày, mộ được hơn vạn lính, đặt hiệu quân là Tứ Đột và Tứ Thành, bèn hội họp đông đủ tướng sĩ, hẹn ngày xuất phát”<sup>3</sup>. Ngay lập tức, Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân tấn công tiêu diệt Trịnh Bồng. *Yén Đô vương* Trịnh Bồng phải chạy đi Dương Xá, rồi dời đi Quế Ô, được Đinh Tích Nhưỡng và Thiêm Liêm đem quân đến hội. Quân nhà Chúa, tụ tập lại mỗi ngày mỗi đông, chia ra đóng đồn, giữ vùng Quế Dương và Đông Triều.

Khi Trịnh Bồng chạy khỏi Thăng Long, Lê Chiêu Thống bí mật sai người đốt cháy phủ chúa. Sách *Lê quý kỷ sự* chép: “Từ khi Trung hưng đến nay, cơ nghiệp hơn hai trăm năm của họ Trịnh sau

1. *Cương mục*, quyển 46, tập II, Sđd, tr. 798.

2. *Cương mục*, quyển 46, tập II, Sđd, tr. 800.

3. *Cương mục*, quyển 46, tập II, Sđd, tr. 801.

một mớ lửa, bị tiêu thổ triệt hết. Người bấy giờ không ai là không than phiền Tự hoàng (Lê Chiêu Thống - tác giả) là tàn nhẫn”<sup>1</sup>.

Cục diện Bắc Hà lúc này rơi vào tay Nguyễn Hữu Chỉnh. Sách *Cương mục* chép: “Từ đây, uy quyền quá lẫy lừng, Chỉnh kéo bà con bè đảng, cắt đặt chia giữ các chức ở trong kinh đô và ngoài các trấn, việc gì cũng tự Chỉnh chuyên quyền quyết định cả... Chỉnh lại bắt chước lối chúa Trịnh xưa cho thế tử ra ở phủ riêng. Chỉnh kiêu ngạo lẩn lút làm cho nhà vua dần dần phát chán”<sup>2</sup>. Nguyễn Hữu Chỉnh còn tự lập trại quân doanh Võ Thành, đóng ở phủ chúa. Hành động của Chỉnh đã khiến hào kiệt trong nước thất vọng, ai cũng mong muốn giết Nguyễn Hữu Chỉnh.

Nguyễn Hữu Chỉnh ngày càng lộng hành, âm mưu chống lại Tây Sơn, nhân cơ hội anh em Tây Sơn đang đánh lẫn nhau muốn tìm cách chiếm lấy Nghệ An, đắp lũy Hoàng Sơn, lấy sông Gianh làm giới hạn, lập lại cục diện Nam - Bắc như xưa.

### **\* Vũ Văn Nhậm đem quân ra Bắc tiêu diệt Nguyễn Hữu Chỉnh, làm chủ Thăng Long**

Như trên đã nêu, thời điểm này (tháng 4-1787), hai anh em Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ lại nảy sinh mâu thuẫn, đem quân đánh lẫn nhau. Khi cuộc vây hãm Nguyễn Nhạc kết thúc, Nguyễn Huệ từ Quy Nhơn rút quân về, sai Vũ Văn Nhậm tiết chế các quân thủy, bộ tiến quân đóng giữ Nghệ An, tranh thủ mộ binh lính, tích trữ lương, mưu việc đánh lấy Bắc Hà. Nguyễn Huệ, tướng cũ của Nguyễn Nhạc đang trấn giữ Nghệ An nghe tin Nguyễn Nhạc bị bao vây, đã vội vã đi đường tắt trốn về với Nguyễn Huệ. Vũ Văn Nhậm vì thế nhanh chóng chiếm được Nghệ An, đóng quân ở Phù Thạch rồi truyền hịch mộ hết quân lính ở đây, quân đội của Vũ Văn Nhậm rất cường thịnh. Tuy nhiên, trong lòng Nguyễn Huệ vẫn không hoàn toàn tin vào Vũ Văn Nhậm, nên đã cử Ngô Văn Sở và

---

1. Nguyễn Thu, *Lê quý kỳ sự*, Sđd, tr. 61-62.

2. *Cương mục*, quyển 47, tập II, Sđd, tr. 806.

Phan Văn Lân làm Tham tán để chia sẻ quyền lực của Vũ Văn Nhậm, vì “Văn Nhậm là con rể của vua anh”<sup>1</sup>.

Nguyễn Hữu Chỉnh thấy Vũ Văn Nhậm chiếm được Nghệ An, lấy làm lo sợ, vì vợ và con hầy còn ở đó. Bởi vậy, mặc dù theo quyết định của nhà vua là quyết chiến một trận nhưng lúc này sự thành bại, hưng vong chính là ở chỗ bên nào giữ được Nghệ An. Vì lý do trên, Nguyễn Hữu Chỉnh khuyên nhà vua thực hiện chủ trương nghị hòa. Nhà vua chấp thuận, Chỉnh bèn phái một sứ bộ gồm Trần Công Sán, Ngô Nho và Lê Duy Hiên đem thư vào thương lượng với Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ xem thư xong cả giận, sai giam sứ giả vào ngục. Việc nghị hòa không thành.

Tháng 11-1787, Vũ Văn Nhậm từ Nghệ An đem quân tiến đánh Thanh Hoa (Thanh Hóa), được Ngô Văn Sở đem quân hợp sức, đã đánh úp được Nguyễn Duật, Trấn thủ Thanh Hoa, rồi thừa thắng, qua đèo Ba Dội (Tam Điệp sơn, nơi giáp giới Thanh Hóa và Ninh Bình), thẳng đến bến đò Gián (nay thuộc Ninh Bình). Nguyễn Hữu Chỉnh huy động hết quân tinh nhuệ ở bản đạo cộng với hơn hai vạn quân ở các đạo khác, cho Nguyễn Như Thái làm tướng cai quản. Nguyễn Như Thái dẫn quân theo đường tắt đánh úp quân Tây Sơn ở phía sau, bị tướng Tây Sơn là Quỳnh (không rõ họ) đánh cho đại bại. Quân Tây Sơn tiến đến đóng quân ở sông Thanh Quyết (thuộc địa phận xã Thanh Quyết, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình).

Trước sức tấn công mạnh mẽ của quân Tây Sơn, Nguyễn Hữu Chỉnh ở kinh thành Thăng Long rất lo sợ. Nguyễn Hữu Chỉnh tập trung hết quân sĩ ở Thăng Long và tướng ở các đạo khác được hơn 30.000 người do chính mình chỉ huy, đóng ở bờ Bắc sông Thanh Quyết. Quân thủy gồm hơn 50 chiếc thuyền chở đại pháo và hỏa khí do tướng Hữu Du quản lãnh, đóng ở cửa sông đối diện với quân Tây Sơn. Quân Hữu Du do quá chủ quan, không phòng bị nên nhân ban đêm quân Tây Sơn bí mật bơi sang dùng thùng chảo dài buộc vào thuyền của Hữu Du kéo sang bờ Nam. Quân lính hoảng sợ

---

1. Chi vua Thái Đức, Nguyễn Văn Nhạc.

nhảy hết xuống sông, toàn bộ thuyền bè và đại pháo rơi vào tay quân Tây Sơn. Nguyễn Hữu Chỉnh bàn với các tướng lui giữ Châu Cầu (Châu Kiều, ở địa phận xã Châu Cầu, huyện Kim Bảng). Nhưng đến nửa đêm lại bất ngờ nổi trống thu quân làm cho quân lính hoảng sợ đập lên nhau mà chạy trốn. Nguyễn Hữu Chỉnh và Hữu Du chỉ kịp đem theo vài trăm quân chạy thẳng về Thăng Long hộ tống vua Lê chạy đi Kinh Bắc (gồm Bắc Giang và Bắc Ninh ngày nay). Trấn thủ Kinh Bắc - Nguyễn Cảnh Thước đã bí mật theo về với Tây Sơn từ trước, nên khi vua đến đã đóng cửa thành, cáo bệnh, không ra nghênh tiếp mà còn sai lính ra chặn cướp đoàn người hộ giá, chỉ còn lại 6, 7 người là vẫn thần đi theo nhà vua mà thôi. Khi vua đến Yên Thế (Bắc Giang), được thổ hào Mục Sơn là Dương Đình Tuấn làm trù mỗ lộ Lạng Giang đem quân và dân đi nghênh đón, nhưng quân Tây Sơn do Nguyễn Văn Hòa kịp đuổi đánh, quân nhà vua bị thua. Nguyễn Hữu Chỉnh bỏ chạy, nhưng do ngựa què nên bị bắt. Dương Đình Tuấn thu tàn quân, hộ vệ nhà vua chạy đi sơn trại Bảo Lộc, đến Chí Linh thì bị quân Đinh Tích Nhưỡng bao vây hơn một tháng, sau được hương binh giải cứu. Nhà vua từ Thủy Đường (trước thuộc tỉnh Hải Dương, nay là huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng) vượt biển đi Chân Định (tên huyện, nay thuộc tỉnh Nam Định) rồi đóng ở Vị Hoàng.

Tháng 12-1787, quân Tây Sơn chiếm được Thăng Long.

Nguyễn Hữu Chỉnh bị giải về Thăng Long và bị Vũ Văn Nhậm sai xé xác ở cửa thành. Kể từ đây, lại nổi lên vấn đề của Vũ Văn Nhậm. Sau khi Vũ Văn Nhậm tiêu diệt được Nguyễn Hữu Chỉnh, chiếm được Thăng Long, tự cho mình nhiều quyền hành: tự đúc ấn chương, chuyên quyền trong việc cất đặt, sắp xếp công việc. Ngô Văn Sở vốn có hiềm khích với Vũ Văn Nhậm, bởi khi Ngô Văn Sở tiến quân ra Bắc, Vũ Văn Nhậm tỏ ra bất hợp tác. Sách *Lê quý kỷ sự* chép: “Nhậm điều động Sở đem quân bản bộ đến đóng ở Phú Xuyên (Hà Tây nay thuộc Hà Nội) để chống cự với Tuyên (Hoàng Việt Tuyên - tác giả). Từ lương thực, tiền tiêu đến quân nhu, Nhậm bảo Sở phải tự thu lấy, chứ không cung cấp cho một tí gì cả. Sở



buồn bã ra đi, trong lòng rất căm giận Nhậm”<sup>1</sup>. Ngô Văn Sở đã không bỏ qua việc này liền viết thư cho Nguyễn Huệ tố cáo Vũ Văn Nhậm làm phản.

**\* Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc tiêu diệt Vũ Văn Nhậm, kết thúc vai trò của nhà Lê**

Tháng 4-1788, Nguyễn Huệ tự đốc suất thân binh vượt ngàn dặm ra Thăng Long với mục đích tiêu diệt Vũ Văn Nhậm. Vũ Văn Nhậm không hay biết gì nên vẫn ra ngoài thành đón. Nguyễn Huệ vỗ về bằng lời nói ôn tồn, còn nhường cả ngựa đang cưỡi và lọng cho Nhậm. Song, khi vào trong thành thì lập tức sai trói ngay Vũ Văn Nhậm ở trước sân. Sau khi tra khảo, xét hỏi, mặc dù không có chứng cứ, nhưng Nguyễn Huệ cương quyết không tha và sai chém Vũ Văn Nhậm<sup>2</sup>. Nguyễn Huệ cử Ngô Văn Sở làm đại tư mã, quản lãnh binh chúng, kiêm trấn phủ thành Thăng Long.

Tháng 5-1788, Nguyễn Huệ triệu tập các đại thần văn võ nhà Lê, sắp đặt quan chức, cải tổ bộ máy chính quyền ở Bắc Hà. Nguyễn Huệ mời *Sùng Nhưộng công* Lê Duy Cận làm Giám quốc. Một số cựu thần nhà Lê được Nguyễn Huệ tuyển bổ những chức quan trọng như: Ngô Thì Nhậm làm *Lại bộ Tả thị lang*, Phan Huy Ích làm *Hình bộ Tả thị lang*, Nguyễn Du<sup>3</sup> và Nguyễn Bá Lan làm *Hàn lâm trực học sĩ*. Sau vài ngày ở Thăng Long, trước khi kéo quân vào Nam, Nguyễn Huệ dặn các quan rằng: "Nay ta đem các việc quân quốc trong cả nước giao cho các người được tùy tiện làm việc, nên hội đồng bàn bạc với nhau, chớ lấy người mới, người cũ mà xem cách nhau, đó là điều ta mong muốn vậy"<sup>4</sup>.

1. Nguyễn Thu, *Lê quý kỳ sự*, Sđd, tr. 92.

2. Có sách chép: Nguyễn Huệ sai võ sĩ Hoàng Văn Lợi đâm chết Vũ Văn Nhậm khi đang ngủ say rồi chôn ngay sau phủ. Xem: Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm, *Quang Trung - Anh hùng dân tộc 1788-1792*, Sđd, tr.138.

3. *Nguyễn Du*: Người Văn Xá, huyện Thanh Oai (nay thuộc Hà Nội), không phải là Nguyễn Du tác giả *Truyện Kiều*.

4. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập 2, Sđd, tr. 513.

## 5. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC MÃN THANH

### \* Lê Chiêu Thống cầu viện nhà Thanh đánh Tây Sơn, quân Thanh mượn cơ xâm lược Đại Việt

Trước đây (tháng 12-1787), khi Vũ Văn Nhậm tiến đánh Thăng Long, hoàng đệ Lê Duy Chi cùng thị thân Lê Quýnh và tôn thất tất cả hơn 30 người rước Thái hậu và Nguyên tử chạy lên lánh ở Cao Bằng được *Đốc đồng* Nguyễn Huy Túc, *Địch Quận công* Hoàng Ích Hiếu, *Tụng thần* Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đống bảo vệ. Ngày mùng 9 tháng Năm năm Mậu Thân (1788) thì bị quân Tây Sơn đuổi tới. Thái hậu và Nguyên tử cùng đoàn hộ tống theo cửa ải Thủy khẩu chạy sang Long Châu nhà Thanh xin nương tựa nhưng thực chất là cầu viện nhà Thanh tiến đánh quân Tây Sơn. Quan châu là Trần Tốt đem việc báo lên quan *Tổng đốc* Tôn Sĩ Nghị và *Tuần phủ* Tôn Vĩnh Thanh. Tôn Sĩ Nghị lập tức tâu lên vua Càn Long (1736 -1797) nhà Thanh là nên cứu viện nhằm hai mục đích vừa giúp khôi phục nhà Lê vừa nhân đó thôn tính luôn nước ta. Vua Càn Long sau khi cho kiểm tra cẩn thận đã chuẩn y kế hoạch trên, rồi chính tay mình viết tờ chiếu, trong đó có câu: “Trẫm sẽ giải tỏ nghĩa cả với thiên hạ, nâng đỡ cương thường ở thuộc quốc. Mọi việc về Nam Giao đều phó thác cho khanh cả đấy”<sup>1</sup>. Tôn Sĩ Nghị nhận được tờ chiếu liền hạ lệnh điều động binh mã 4 tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu tất cả tướng tá 29 vạn quân<sup>1</sup> do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy tiến đánh nước ta. Trước khi xuất phát, quân Thanh tung ra vài trăm tờ hịch để tuyên bố cho thiên hạ; lại sai Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đống bí mật đi đường tắt về tâu với Lê Chiêu Thống. Khi đoàn của Lê Quýnh mới đến Lạng Sơn thì trước đó thổ mục ở Yên Quảng đã nhận được tờ hịch của Tôn Sĩ Nghị nên đã cho chạy ngựa về báo cho Lê Chiêu Thống, khi đó

1. *Cương mục*, quyển 47, tập II. Sđd, tr. 837.

2. Theo điều thứ 8 trong “*Quân luật bát điều*” của Tôn Sĩ Nghị thì khi quân Thanh chạy đi, tuy ai nấy phải đeo khí giới tùy thân, nhưng mỗi người lính lại có một người phu đi theo. Xem: Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm, *Quang Trung - Anh hùng dân tộc 1788-1792*, Sđd, tr. 159.

đang ẩn nấp ở Kinh Bắc. Khi đoàn của Lê Quýnh đến Kinh Bắc yết kiến Lê Chiêu Thống thì ngay lập tức, Lê Chiêu Thống sai *Tham tri chính sự* Lê Duy Đản và *Hàn lâm hiệu thảo* Trần Danh Án vâng mệnh lệnh đem tờ bảm, đi đường tắt sang nhà Thanh đón quân cầu viện.

Tháng 11-1788, quân Thanh chia làm ba đạo, ồ ạt tiến vào Đại Việt theo các đường:

- Đề tống Vân Nam và Quý Châu, họ Ô từ Tuyên Quang tràn vào;
- Tri phủ Điền Châu, Sầm Nghi Đống từ Cao Bằng kéo xuống;
- Tôn Sĩ Nghị và *Đề đốc* Hứa Thế Hanh do đường lớn từ trấn Nam Quan (Mục Nam Quan - tác giả) xuất phát<sup>1</sup>.

Các tướng gồm: Đề đốc Hứa Thế Hanh, Tiên phong Trương Sĩ Long<sup>2</sup>, Tả dực Thượng Duy Thăng và Hữu dực Sầm Nghi Đống.

Khi quân Thanh qua biên giới đến Lạng Sơn thì tướng Tây Sơn ở Lạng Sơn là Phan Khải Đức vội đầu hàng quân Thanh.

Trước tình thế đó, tại Thăng Long, Ngô Văn Sở và Ngô Thì Nhậm hội các tướng bàn bạc, xem xét tình hình. Ngô Thì Nhậm nói: hiện thời ở Bắc Hà “các bô thần nhà Lê đâu đâu cũng có. Nghe tin người Thanh đến cứu, họ đều ngẩn cổ trông mong, chực chờ ngoại viện làm việc hưng phục. Vả, dân mình lại nhẹ dạ, trúng cái mưu độc “diệt Hồ lập Trần” thuở trước, họ cũng náo nức đi đón quân Thanh. Như vậy, quân ta mai phục ở đâu, địa thế hiểm hay dễ, số quân ít hay nhiều, thế nào chẳng có nội công cáo tồ...”<sup>3</sup>. Nghe xong, Ngô Văn Sở còn phân vân bởi lời dận dò của Nguyễn Huệ trước khi vào Nam, ông nói: “Nếu bây giờ sợ bóng sợ gió, chưa chi đã vội chạy, bỏ thành cho giặc thì chẳng những có tội với Đại

1. *Cương mục*, quyển 47, tập II, Sdd, tr. 838.

2. *Đồng hoa toàn lục*, quyển 108, tờ 22a chép là Trương Triều Long, còn *Cương mục*, quyển 47, tập II, Sdd, tr. 839 chép là Trương Sĩ Long.

3. Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm, *Quang Trung - Anh hùng dân tộc 1788-1792*, Sdd, tr. 163-164.

vương (tức Nguyễn Huệ - tác giả), mà lại để tiếng cười cho người Bắc Hà nữa”<sup>1</sup>. Nhưng Ngô Thì Nhậm đã thuyết phục được Ngô Văn Sở và các tướng lĩnh bằng lý lẽ sau: “Tướng giỏi đời xưa liệu giặc rồi mới đánh, tính trước rồi mới làm, lâm cơ, ứng biến, vào quý, ra thân, cũng như tay cao tính nước, tùy thế mà đánh cờ vậy. Ta kéo quân về đủ, không phí một người lính, một mũi tên, cho giặc ngủ nhờ một đêm, rồi lại đuổi chúng đi, nào có mất gì mà sợ”<sup>2</sup>. Và, chiến lược “vườn không nhà trống” được thực hiện, toàn bộ trưởng sĩ rút khỏi Thăng Long, lui về phía Nam xây dựng kế hoạch phòng thủ, quân thủy đóng đồn ở hải phận Biện Sơn, quân bộ thì chặn giữ ở đèo Ba Dội (Tam Điệp sơn), rồi cử Nguyễn Văn Tuyết cấp báo cho Nguyễn Huệ ở Phú Xuân.

Tôn Sĩ Nghị sau khi vào được Lạng Sơn, cứ thế thẳng tiến đến Kinh Bắc. Tại Kinh Bắc, Ngô Văn Sở cắt cử tướng chặn giữ bên đò Xương Giang (thuộc sông Thương ngày nay); Nội hầu Phan Văn Lân đem hơn vạn quân tinh nhuệ từ Thăng Long qua sông Nguyệt Đức, chỗ giáp giới hai huyện Vũ Giàng (Bắc Ninh) và Việt Yên (Bắc Giang) lên đóng ở Thị Cầu. Phan Văn Lân phản đối kế hoạch rút lui của Ngô Thì Nhậm, lại được sự đồng ý của Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân nhân đêm tối, không kể thời tiết rét buốt bí mật cho quân lội qua sông đến bờ Nam sông Nguyệt Đức, bao vây doanh trại Tôn Sĩ Nghị, đóng ở núi Tam Tầng (chỗ giáp giới hai huyện Vũ Giàng và huyện Việt Yên). Thời điểm đó là vào tháng Một năm Mậu Thân (1788), trời quá rét, quân lính của Phan Văn Lân, nhiều người lội đến giữa sông thì bị chết rét. Quân Tôn Sĩ Nghị không những phòng thủ vững chắc mà còn liên tục bắn súng hỏa sang vào quân Tây Sơn làm cho quân Phan Văn Lân không tiến gần được. Tướng của quân Thanh là Trương Sĩ Long đem quân tiên phong tấn công quân Tây Sơn. Hai cánh quân Tả dực và Hữu dực không ngớt bắn cung tên, khiến cho quân của Phan Văn Lân bị tổn thất nặng. Phan Văn Lân thua phải một mình một ngựa chạy về Thăng Long.

---

1, 2. Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm, *Quang Trung - Anh hùng dân tộc 1788-1792*, Sđd, tr. 163-164.

Sách *Cương mục* chép: “Quân giặc (quân Tây Sơn - tác giả) bị chết vô kể. Trước đó, Sĩ Nghị ra quân kỳ<sup>1</sup>, do phía thượng lưu, vượt qua sông, đánh úp doanh trại Thị Cầu. Trông thấy trong trại bốc lửa, giặc cả sợ, phải vượt lũy mà chạy. Quân Thanh thừa thắng, ruổi dài, cả phá được giặc”<sup>2</sup>. Việc Phan Văn Lân bị thất bại làm cho Ngô Văn Sở cảm thấy hết sức nhục nhã. Ông bí mật tìm cách không cho tin này lan ra Thăng Long.

Đồn Thị Cầu thất thủ. Tôn Sĩ Nghị cùng quân sĩ thẳng tiến đến bờ Bắc sông Nhị (sông Hồng), sai làm cầu phao ở bến Bồ Đề để đưa quân sang sông, dựng đồn đóng trại ở bên bờ sông, khí thế rất vững mạnh.

Ngày 17-12-1788, quân chủ lực của Tôn Sĩ Nghị, được sự nội ứng của tàn quân Lê Chiêu Thống đã vào đến Thăng Long. Quân Thanh chia quân đóng giữ như sau:

- Tôn Sĩ Nghị đặt màn trướng<sup>3</sup> ở cung Tây Long (Tây Luông);
- Đạo quân của Sầm Nghi Đống đóng ở Khương Thượng (Đống Đa, Hà Nội);
- Đạo quân của Ô Đại Kinh đóng ở Tây Sơn.

Quân Thanh lập nhiều đồn lũy liên tiếp ở phía Nam Thăng Long: một đồn ở bên bờ Bắc sông Nguyệt Quyết (Thanh Quyết) thuộc huyện Thanh Liêm (nay thuộc tỉnh Hà Nam); một đồn ở làng Nhật Tảo, thuộc huyện Duy Tiên (nay là làng Nhật Tựu, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam); một đồn ở Ngọc Hồi (thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội) và các đồn Văn Điển, Yên Quyết<sup>4</sup>.

- 
1. Lối đánh bất ngờ, cho quân xuất kỳ bất ý, đột kích vào đối phương.
  2. *Cương mục*, quyển 47, tập II, Sdd, tr. 839.
  3. Chỗ viên trướng đóng, có màn vây trướng che, ở doanh trại tạm trú trong khi hành quân.
  4. Nay chia làm hai làng: Thượng Yên Quyết sau đổi làm Yên Hòa; Hạ Yên Quyết, tục gọi làng Cốt, nay thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Tôn Sĩ Nghị thiết lập hệ thống đồn lũy vừa dễ liên lạc lại tỏ ra kiên cố: Chia khoảng cách từ đồn nọ đến đồn kia, đặt súng đại pháo, chôn địa lôi ở ngoài đồn trại, cắm chông sắt bên bờ sông phía trước cung Tây Long. Tôn Sĩ Nghị còn ra lệnh cho quân sĩ thả sức chơi bời đón xuân từ ngày 25-12-1788 đến 20-1-1789.

Lê Chiêu Thống theo chân quân Thanh vào Thăng Long, nhà Thanh sách phong làm An Nam quốc vương. Lê Chiêu Thống luận công và thăng thưởng chức tước cho những người có công và ra sức trả thù, trị tội những người theo hàng Tây Sơn hết sức tàn bạo<sup>1</sup>. Giáng Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích làm dân thường. Việc làm này của Lê Chiêu Thống càng làm cho lòng người ly tán. Hoàng Thái hậu từ nước Thanh trở về nghe những việc làm ngang ngược của Lê Chiêu Thống, đã kêu lên: "Thôi diệt vong đến nơi rồi".

Lê Chiêu Thống thì như thế, lòng dân Bắc Hà lúc này ra sao? Dân chúng khi nghe tin vua Lê Chiêu Thống khôi phục được nước thì: "Hào kiệt bốn phương đua nhau trở sức để làm việc, nhưng nhà vua chỉ chủ yếu dựa vào người Thanh. Khi chia ban quan chức, nhà vua chỉ trao cho các bầy tôi đi theo hộ giá và theo hầu ở hành tại... Trong kinh thành và ngoài các trấn thấy đều chán nản và rời rạc"<sup>2</sup>.

Thêm nữa, nạn đói hoành hành, mấy năm liền mất mùa, nhất là trong năm này (1788) đói kém càng trầm trọng. Đã thế Lê Chiêu Thống còn lệnh cho nhân dân phải nộp lương thực, được bao nhiêu đều cung cấp cho quân đội nhà Thanh. Quân lính nhà Thanh đóng ở kinh thành lại thả sức cướp bóc nhân dân, hãm hiếp phụ nữ, gây không biết bao nhiêu cảnh đau thương cho dân chúng, làm cho dân chúng càng thêm chán ghét, tan tác.

Tại Phú Xuân, Nguyễn Huệ khi nhận được thư của Ngô Văn Sở, trong đó thông báo tình hình quân Thanh với nội dung được

---

1. *Cương mục* chép: "Trong họ tôn thất có người phụ nữ lấy tướng giặc, đang có mang, cũng bị nhà vua sai mổ bụng chết. Lại sai chặt chân ba người hoàng thúc, quăng ra chợ cung (chợ ở trong cung). Lòng người ngày càng ngờ vực không nhất trí", quyển 47, tập II, Sđd, tr. 844.

2. *Cương mục*, quyển 47, tập II, Sđd, tr. 843.

sách *Cương mục* chép: “Nói quá ghê gớm về thanh thế của quân nhà Thanh”<sup>1</sup>. Nhưng điều đó không làm cho Nguyễn Huệ nao núng. Ông bình tĩnh thực hiện một số công việc trước khi xuất quân ra Bắc. Sách *Cương mục* còn chép: “Văn Huệ cười mà rằng: Việc gì mà cuống quýt lên vậy? Chúng nó chỉ tự đến để đi tới chỗ chết thôi. Ta hãy lên ngôi, làm cho danh nghĩa được quang minh chính đại để ràng buộc lấy lòng người trong Nam và ngoài Bắc trước đã, rồi sẽ ra bắt sống chúng nó cũng chưa muộn”<sup>2</sup>. Rồi, Nguyễn Huệ chọn ngày tốt, làm lễ tế trời ở Bân Sơn (thuộc xã An Cựu, huyện Hương Trà, Huế), xưng Hoàng đế, đổi niên hiệu *Thái Đức* năm thứ 11 làm niên hiệu *Quang Trung* năm thứ nhất vào ngày 25 tháng Một năm Mậu Thân (1788).

#### \* Quang Trung đại phá quân Thanh

Ngay ngày lên ngôi hoàng đế, vua Quang Trung tự làm tướng cầm đại binh chia quân theo hai đường thủy, bộ kéo ra Bắc.

Ngày 29 tháng Một, đến Nghệ An, Thanh Hóa, Quang Trung mộ thêm quân lính lên đến hơn 10 vạn người. Sách *Đại Nam liệt truyện, Chính biên* chép: “Ngày 29 đến Nghệ An, đóng quân ở lại hơn 10 ngày, chọn thêm dân Nghệ An, cứ 3 đình lấy 1... Tân binh ở Nghệ An là *trung quân*, quân đặc thắng có hơn 10 vạn người, voi chiến vài trăm thớt”<sup>3</sup>. Tại trấn bản doanh Nghệ An, vua Quang Trung làm lễ duyệt binh.

*Thân quân* Thuận Quảng chia làm 4 doanh: Tiền, Hậu, Tả, Hữu. Tân binh Nghệ An đặt làm *Trung quân*. Tất cả binh sĩ, nhất là *Thân quân* Thuận Quảng đều được huấn luyện thành thực: bơi lội rất giỏi, cơ động rất nhanh. Vua Quang Trung vời thầy *La Sơn phu tử* Nguyễn Thiếp đến và hỏi cách đánh, giữ và số được thua thế nào? Thầy La Sơn thưa: Quân Thanh từ xa đến, không rõ tình hình

---

1, 2. *Cương mục*, quyển 47, tập II, Sđd, tr. 845.

3. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, tập II, Sđd, tr. 517; *Cương mục*, quyển 47, tập 2, Sđd, tr. 845 chép là 8 vạn quân.

khỏe, yếu và phương cách đánh giử. Chúa công ra chuyến này chẳng qua 10 ngày thì dẹp được giặc. Nghe vậy, Quang Trung mừng lắm. Ngày hôm sau, Quang Trung hạ lệnh cho quân sĩ gấp tiến, dọc đường đi, quân Tây Sơn không gặp phải một sự kháng cự nào. Đến Thanh Hóa, quan quân đóng ở Thọ Hạc (thuộc huyện Đông Sơn), Quang Trung không vội cho quân tiến ngay, mà cho người đưa thư cho Tôn Sĩ Nghị đề xin đầu hàng. "Lời lẽ trong thư rất nhũn nhặn, khiêm tốn"<sup>1</sup> cốt để Tôn Sĩ Nghị kiêu ngạo mà chủ quan.

Ngày 20 tháng Chạp năm Mậu Thân (15-1-1789) đại quân Tây Sơn tập kết ở Tam Điệp - Biện Sơn. Sau khi xem xét tình hình, vua Quang Trung quyết định mở một cuộc tấn công lớn, với chiến lược thần tốc, nhằm tiêu diệt nhanh chóng và triệt để toàn bộ lực lượng địch. Vua Quang Trung cắt cử tướng tá như sau<sup>2</sup>:

- *Quân chủ lực* do Quang Trung chỉ huy đánh thẳng vào các đồn lũy phía Nam Thăng Long.

- *Tiền quân* (quân tiên phong), do *Đại tư mã* Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân quản lãnh.

---

1. *Cương mục*, quyển 47, tập II, Sđd, tr. 845.

2. Theo *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 518. Sách *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, ở trang 352 chép: Quân Tây Sơn chia làm 5 đạo:

- Đạo thứ nhất, quân chủ lực do Quang Trung chỉ huy đánh thẳng vào các đồn lũy phía Nam Thăng Long.

- Đạo thứ hai, do Đô đốc Đặng Tiến Đông chỉ huy đánh vào đồn Khương Thượng rồi qua cửa Tây Nam thẳng vào Thăng Long.

- Đạo quân thứ ba, do Đại Đô đốc Bảo chỉ huy tiến vào Đại Áng (Thường Tín, nay thuộc Hà Nội) tham gia tiêu diệt đồn Ngọc Hồi.

- Đạo quân thứ tư, do Đô đốc Tuyết chỉ huy vượt biển lên đóng ở Hải Dương, uy hiếp mặt Đông của quân địch.

- Đạo quân thứ năm, do Đô đốc Lộc chỉ huy, vượt biển vào sông Lục Đầu tiêu diệt tàn quân giặc.



- *Hậu quân*, do *Đô đốc* Hồ Hồ hầu<sup>1</sup> chỉ huy, có nhiệm vụ đốc chiến.

- *Tả quân*, do *Đại đô đốc* Lộc và *Đô đốc* Tuyết chỉ huy kiêm cả quân thủy, vượt biển vào sông Lục Đầu. *Đô đốc* Tuyết ở lại Hải Dương, giữ việc tiếp ứng mạn Đông. *Đô đốc* Lộc tiến gấp lên Lạng Sơn, Phượng Nhãn, Yên Thế (thuộc tỉnh Bắc Giang) để chặn đường về của quân Thanh.

- *Hữu quân*, do *Đại đô đốc* Bảo và *Đô đốc* Long chỉ huy, quản đội voi ngựa ra huyện Chương Đức (nay thuộc Hà Nội) rồi tiến đến làng Nhân Mục (nay thuộc Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội) để đánh tạt ngang đồn quân Điền Châu của Sầm Nghi Đống đóng ở khu chùa Bộc, gò Đống Đa (nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội). *Đô đốc* Bảo quản lãnh tượng quân (đội quân có voi) từ huyện Sơn Minh (Ứng Hòa, nay thuộc Hà Nội) tiến ra làng Đại Áng (nay thuộc Thanh Trì, Hà Nội) làm quân ứng cứu cho *Hữu quân*.

Tất cả tướng sĩ đều chịu sự chỉ huy của vua Quang Trung. Sắp đến Tết cổ truyền, vua Quang Trung mở tiệc khao quân, ăn tết trước, *hẹn đến ngày mùng 7 Tết vào Thăng Long ăn mừng chiến thắng*.

Tôn Sĩ Nghị từ khi tiến quân vào Đại Việt do đánh đầu được đẩy, sinh ra chủ quan khinh địch. Khi lấy được Thăng Long, Tôn Sĩ Nghị càng đắc ý nghĩ rằng đã làm chủ được nước ta nên thả sức chơi bời. Khi quân Quang Trung kéo đến Tam Điệp - Biện Sơn thì Tôn Sĩ Nghị vẫn còn đang say sưa tửu sắc. Lê Chiêu Thống thấy vậy, trong lòng rất lo sợ, hỏi Tôn Sĩ Nghị về mưu kế, Sĩ Nghị nói: “Ta cứ lấy thế thông thả để chờ đợi ứng phó với kẻ đang nhọc

---

1. *Hồ Hồ hầu*: Không rõ tên họ. Sau này Hồ Hồ hầu làm trung gian đưa thư của vua Quang Trung cho Thang Hùng Nghiệp nhà Thanh, rồi lại nhận thư của Thang Hùng Nghiệp về việc bang giao chuyển đạt lên vua Quang Trung. Bức thư của Nghiệp đề ngày 18 tháng Giêng năm Kiền Long 54 (1789) là gửi cho Hồ Hồ hầu này. Xem: Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm, *Quang Trung - Anh hùng dân tộc 1788-1792*, Sđd, tr. 189.

nhân, cần chi phải hấp tấp đánh vội”<sup>1</sup>. Tôn Sĩ Nghị xếp đặt như sau: Từ Thăng Long vào Nam, cứ 60 dặm một, chia đặt ba chỗ đồn binh với mục đích là do thám, phòng khi quân Tây Sơn tấn công bất ngờ và dự định đến sang năm mới tiến đánh. Hai vị trí quan trọng bảo vệ phía Đông Nam và Nam Thăng Long được Tôn Sĩ Nghị giao cho *Đề đốc* Hứa Thế Hanh đem bốn cánh quân đóng đồn ở Hà Hồi (nay thuộc huyện Thường Tín, Hà Nội), cách Thăng Long 20km và ở Ngọc Hồi (nay thuộc xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội), cách Thăng Long 14 km.

Ngày 25 tháng 1 năm 1789 (tức đêm 30 tết), đại quân Tây Sơn đã âm ỉ kéo đến Sơn Nam (nay thuộc Nam Định). Cựu tướng nhà Lê - Hoàng Phùng Nghĩa, trấn giữ Sơn Nam, khi thấy quân Tây Sơn đến thì sợ quá, chưa kịp giao tranh đã tự tan vỡ, chạy đến sông Nguyệt Quyết (thuộc Hà Nam). Quân do thám nhà Thanh thấy vậy cũng sợ quá, bỏ chạy tán loạn. Nhưng Nguyễn Huệ đã thúc quân rượt đuổi đến Phú Xuyên (nay thuộc Hà Nội) thì bắt được hết quân do thám, và sợi dây thông tin liên lạc của quân Thanh đã bị vua Quang Trung cắt đứt. Vì vậy, quân Thanh đóng ở Hà Hồi và Ngọc Hồi không hề hay biết gì về việc quân Tây Sơn đang tiến đến gần.

#### **- Trận Hà Hồi, Ngọc Hồi**

Đêm 28-1-1789 (tức đêm mùng 3 tết Kỷ Dậu), quân Tây Sơn bí mật bao vây đồn Hà Hồi, rồi bằng chiến thuật "làm ít hóa nhiều", dùng loa với nhiều giọng nói thay đổi tiếp ứng nhau, khiến cho quân Thanh tưởng là có thiên binh vạn mã. Quân Thanh đang trong vòng vây quá khiếp sợ đã kéo cờ đầu hàng. Quân lính mất hết tinh thần chiến đấu. Quân Tây Sơn không tốn một mũi tên, hòn đạn đã tiêu diệt được một đồn lũy trọng yếu của địch.

---

1. *Cương mục*, quyển 47, tập II, Sdd, tr. 846.

Rạng sáng ngày 30-1-1789 (tức mùng 5 tết), quân Tây Sơn tiếp tục quyết chiến với quân Thanh ở đồn Ngọc Hồi<sup>1</sup>, một đồn lũy kiên cố (từ cửa ô thành Thăng Long đến Hà Hồi, quân Thanh đều bố trí súng lớn, ngoài đồn ngầm đặt trần địa lôi), giữ vị trí then chốt trong hệ thống phòng thủ của quân Thanh ở phía Nam Thăng Long. Vua Quang Trung trực tiếp chỉ huy trận đánh này. Mở đầu trận đánh, quân Tây Sơn cho hơn một trăm voi chiến xông vào tiến công. Đội kỵ binh thiện chiến của quân Thanh ra nghênh chiến nhưng bị thua ngay lập tức. Quân Thanh cố thủ, từ trên chiến lũy bắn xối xả đại bác và cung tên để cản đường tấn công của quân Tây Sơn. Vua Quang Trung cho đội quân cầm tù dùng lá chắn bằng gỗ quấn rơm ướt<sup>2</sup> xông thẳng vào chiến lũy, giáp chiến với quân Thanh. Đại quân Tây Sơn âm thầm xông vào trận địa<sup>3</sup>. Sách *Đại Nam liệt truyện, Chính biên* chép: "(Quân Thanh - tác giả) trên lũy đạn bắn xuống như mưa, Huệ sai chiến sĩ đội ván gỗ để xông vào trận, mà tự đốc voi thúc đằng sau. Khi đã phá được cửa lũy đều ném ván gỗ xuống đất, đem dao ngắn chém bừa đi, quân nước Thanh chống cự không được, tan vỡ chạy ra bốn mặt, gặp máy chôn ngầm, lại bị chấn địa lôi nổ ra, chết và bị thương rất nhiều"<sup>4</sup>. Trước sức công

1. Đồn Ngọc Hồi cách Thăng Long 14km, án ngữ con đường thiên lý trong Nam ra. Quanh đồn có chiến lũy bảo vệ. Phía ngoài lũy có bãi chướng ngại dày đặc chông sắt, cạm bẫy, địa lôi. Ở đây tập trung khoảng 3 vạn quân tinh nhuệ, dưới quyền chỉ huy của đề đốc Hứa Thế Hanh là phó tướng của Tôn Sĩ Nghị và là tướng chỉ huy toàn bộ hệ thống phòng ngự phía Nam Thăng Long. Xem: *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 354.
2. Quân Tây Sơn lấy 60 tấm ván gỗ, cứ 3 tấm lại xếp thành một bó, ngoài phủ rơm tấm nước, được 20 bó. Rồi cứ 10 người lực lưỡng, lưng đeo đoàn đao đi trước, tiếp theo là 20 kinh binh, cầm binh khí đi sau tiến theo thế trận chữ "nhất". Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm, *Quang Trung - Anh hùng dân tộc 1788-1792*, Sdd, tr. 193.
3. Trần Nguyên Nhiếp, *An Nam quân doanh kỳ yếu* viết về quân Tây Sơn: "hợp lại đông như kiến cỏ, thế lực ồ ạt như nước triều dâng", Dẫn lại sách *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Sdd, tr. 354.
4. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sdd, tr. 518.

phá của quân Tây Sơn, đồn Ngọc Hồi bị san bằng. Quân Thanh chết và bị thương quá nửa. Tướng nhà Thanh là Hứa Thế Hanh, Thượng Duy Thăng cùng nhiều tên tướng khác tử trận. Số sống sót bỏ chạy về Thăng Long. Nhưng vua Quang Trung đã cho một cánh quân nghi binh, giương cờ khua trống ở mạn Đông, quân Thanh xa xa thấy thế sợ mất vía, càng vội vã chạy. Bất ngờ, đoàn quân có voi chiến của Đô đốc Bảo từ làng Đại Áng đổ ra đánh chúng chạy về phía đầm Mực (Mặc đầm, thuộc xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội). Tại khu đầm rộng lớn và lầy lội này, hàng vạn quân Thanh chết vì voi dày xéo. Hạ xong đồn Ngọc Hồi, quân Tây Sơn thừa thắng, hò reo, thẳng tiến, xông lên triệt phá luôn các đồn quân Thanh đóng ở Văn Điển, Yên Quyết. Các tướng Thanh như Đô đốc Hứa Thế Hanh, Tổng binh Trương Sĩ Long, Thượng Duy Thăng đều chết cả.

#### **- Trận Khương Thượng - Đống Đa**

Cũng rạng sáng ngày 30-1-1789 (tức mùng 5 Tết), đạo quân của Đô đốc Long từ Nhân Mục bất ngờ tấn công vào đồn Khương Thượng- Đống Đa do Sầm Nghi Đống chỉ huy. Quân Tây Sơn bao vây và tấn công dữ dội, quân Sầm Nghi Đống hoảng loạn, rồi kiệt sức. Trong tình thế không có quân cứu viện, Sầm Nghi Đống thế cùng phải thắt cổ tự tử. Hàng trăm thân binh cũng tự chết theo. Thừa thắng Đô đốc Long dẫn quân đánh thẳng vào Thăng Long.

Quân Tây Sơn liên tiếp thắng trận trong thời gian ngắn làm cho Tôn Sĩ Nghị quá bất ngờ, vừa hay tin đồn Hà Hồi, Ngọc Hồi bị hạ, chưa kịp điều binh ứng cứu thì lại đến đồn Khương Thượng cũng bị tiêu diệt. Tôn Sĩ Nghị liền sai lính kỵ mã đi do thám và tự mình trèo lên kỳ đài quan sát. Bỗng thấy ở cửa ô, quân Tây Sơn kéo kín một góc trời. Tôn Sĩ Nghị vội vàng lên ngựa, đem theo vài kỵ binh, vượt cầu phao sông Hồng chạy lên phía Bắc. Quan quân cùng binh lính cũng chen chúc nhau vượt qua cầu thoát thân. Khi cầu bị gãy do quá tải, hàng vạn người rơi xuống nước, làm tắc nghẽn cả dòng sông. Quân của Ô Đại Kinh vừa đến Sơn Tây thấy vậy cũng vội vàng rút chạy về nước. Những toán quân Thanh thua chạy vào các

thôn trang ở ngoài thành Thăng Long đều bị nhân dân tiêu diệt hoặc bắt sống.

Trưa ngày mồng 5 Tết Kỷ Dậu (30-1-1789), vua Quang Trung đi đầu đại quân tiến vào Thăng Long trong sự vui mừng chào đón của nhân dân.

Quân Tây Sơn vui mừng ăn Tết khai hạ tại thành Thăng Long vào ngày mồng 7, tháng Giêng, năm Kỷ Dậu.

Như vậy, trong vòng gần 5 ngày đêm vừa hành quân thần tốc, vừa chiến đấu quyết liệt, mưu trí, dũng cảm, quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy của vua Quang Trung đã chiến thắng oanh liệt quân Thanh, đập tan hoàn toàn ý đồ xâm lược và thống trị Đại Việt của chúng. Bề lũ Lê Chiêu Thống cũng theo đó mà thất bại thảm hại và nhục nhã.

Chiến thắng này, một lần nữa khẳng định thiên tài quân sự của người anh hùng áo vải đất Tây Sơn: Quang Trung - Nguyễn Huệ.



Gò Đống Đa (Hà Nội)

*Nguồn:* [https://static.mytour.vn/upload\\_images/Image/Minh%20Hoang/ha%20noi/go%20dong%20da/0%20bc%20g%C3%B2%20C4%91%E1%BB%91ng%20C4%91adbcf5b019145\\_46829914.dsc03031.jpg](https://static.mytour.vn/upload_images/Image/Minh%20Hoang/ha%20noi/go%20dong%20da/0%20bc%20g%C3%B2%20C4%91%E1%BB%91ng%20C4%91adbcf5b019145_46829914.dsc03031.jpg)

\*

\* \*

Từ một cuộc khởi nghĩa ở Tây Sơn Thượng đạo, khởi nghĩa Tây Sơn phát triển thành phong trào nông dân rộng lớn, vươn lên gánh vác sứ mệnh lịch sử của dân tộc, lập nên những kỳ tích hiếm có. Đó là, đánh đổ chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong, chính quyền chúa Trịnh cùng chế độ quân chủ vua Lê ở Đàng Ngoài, đập tan cuộc xâm lược của quân Xiêm ở phía Nam, quân xâm lược Mãn Thanh ở phía Bắc, bảo vệ nền độc lập dân tộc, xóa bỏ tình trạng chia cắt đất nước, bước đầu đặt nền móng cho sự thống nhất nước nhà.

Với những kỳ tích oanh liệt đó, phong trào Tây Sơn đã trở thành phong trào dân tộc vĩ đại, lừng danh trong lịch sử Việt Nam thời quân chủ.

## Chương IX

# TRIỀU ĐẠI TÂY SƠN VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

### 1. CÁC VƯƠNG TRIỀU TÂY SƠN

Sự nghiệp của phong trào nông dân Tây Sơn đã để lại một tiếng vang lớn trong lịch sử dân tộc ở thế kỷ XVIII, trong vòng 31 năm, kể từ khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ (1771) đến lúc chính quyền rơi vào tay nhà Nguyễn (1802), phong trào nông dân Tây Sơn đã thực hiện được nhiệm vụ lịch sử trọng đại là đánh đổ tập đoàn phong kiến lỗi thời trong nước (chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong, chính quyền Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài), dẹp nạn ngoại xâm (quân Xiêm, quân Thanh) hoàn thành vẻ vang công cuộc thống nhất đất nước. Nhưng do hạn chế lịch sử vào cuối thế kỷ XVIII, những lãnh tụ của phong trào nông dân trong khi đảm đương nhiệm vụ đã nảy sinh những mối bất hòa làm phương tổn đến thành quả của phong trào. Khi đạt được một số kết quả ban đầu, trong nội bộ lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa đã nảy sinh ra mối nghi kỵ, dẫn đến việc phân chia quyền lực, hình thành nên những vương triều quản lý từng vùng đất, đi ngược lại sự nghiệp thống nhất đất nước.

Sau khi đã chiếm giữ được đất Quảng Nam, đánh bại được quân Nguyễn ở Gia Định, đầu năm Bính Thân (1776), Nguyễn Nhạc đã tự xưng là *Tây Sơn vương* rồi cho dời Đông cung đến chùa Thập Tháp và đắp thêm thành Đồ Bàn, đúc ấn vàng, phong chức tước cho các tướng lĩnh, Nguyễn Lữ được làm Thiếu phó, Nguyễn Huệ được làm Phụ chính<sup>1</sup>.

---

1. *Đại Nam thực lục, Tiền biên*, quyển 12, tập I, Sđd, tr. 186.

*Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Bản dịch, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 497.

Hai năm sau (1778), Nguyễn Nhạc lại tự xưng làm *Hoàng đế*<sup>1</sup>, đặt niên hiệu là *Thái Đức*, gọi thành Đồ Bàn là thành *Hoàng đế*, phong cho Nguyễn Lữ làm Tiết chế, Nguyễn Huệ làm Long Nhượng tướng quân.

Tuy Nguyễn Nhạc xưng vương và phong chức tước cho các bộ tướng như vậy, nhưng đây chưa phải là Vương quyền của một chính thể quân chủ mà thực tế chỉ là một bộ chỉ huy tối cao của cuộc khởi nghĩa mang màu sắc Đế Vương đang tiếp tục chỉ đạo cuộc đấu tranh chống áp bức và chống ngoại xâm giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc.

Khi nghĩa quân Tây Sơn đã liên tục đánh bại được quân Nguyễn ở Gia Định, đánh tan quân xâm lược Xiêm và lật đổ ách thống trị của họ Trịnh ở Bắc Hà vào năm 1786, thì trong nội bộ của thủ lĩnh phong trào bắt đầu nảy sinh những mối bất hòa làm chia rẽ và suy yếu phần nào lực lượng đang lên của phong trào. Vốn từ sau khi đánh chiếm được Gia Định, giao cho Nguyễn Lữ cai quản, Nguyễn Huệ thừa thắng đưa quân ra Bắc đánh quân Trịnh, Nguyễn Huệ có đưa thư báo tin cho Nguyễn Nhạc. Nguyễn Nhạc không bằng lòng, sai người ngăn lại nhưng không kịp. Lại nghe được tin Nguyễn Huệ đánh thắng quân Trịnh, chiếm được kinh thành Thăng Long, Nguyễn Nhạc "cả sợ", "ngờ là Huệ phản mình", "muốn triệu Huệ về" nhưng Nhạc cho rằng "Huệ giữ quân ở ngoài, không thể dùng một mảnh giấy mà triệu về được", nên ông đã tự đem quân ra Bắc để đón Huệ về<sup>2</sup>. Sau khi lưu lại Bắc Hà 10 ngày, trở về Nhạc đem chia đất từ núi Hải Vân trở ra Bắc (Nghệ An) phong cho Huệ làm Bắc Bình vương, đóng ở Phú Xuân, đất Gia Định thì giao cho Lữ quản lĩnh, phong làm Đông Định vương, còn Nhạc tự xưng là Trung ương hoàng đế, đóng ở Quy Nhơn<sup>3</sup>, chiếm giữ vùng đất miền Trung chạy dài từ Quảng Nam đến cực Nam Trung Bộ.

---

1. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 498.

2, 3. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 500; *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 2, tập I, Sđd, tr. 226.



Việc phân chia đất đai và quyền lực giữa nội bộ anh em Tây Sơn và cũng là giữa nội bộ của bộ tham mưu nghĩa quân chưa làm thỏa mãn ý nguyện của Huệ - người có nhiều công lao hơn. Huệ thì "muốn lấy cả đất Quảng Nam, Nhạc không cho"<sup>1</sup>. Lúc đi đánh dẹp ở Bắc Hà, thu được nhiều chiến lợi phẩm "của báu ở phủ Chúa, về cả tay Huệ", Nhạc đòi Huệ cũng không cho, mới thành ra cừ thù hiềm khích nhau"<sup>2</sup>. Huệ thì truyền hịch kể tội ác của Nhạc<sup>3</sup>. Nhạc giận, bèn sửa quân đánh nhau. Huệ cậy thế dẫn quân vào vây đánh Quy Nhơn. Cuộc chiến giằng co kéo dài vài tháng, cuối cùng Nhạc và Huệ phải giảng hòa. Nhạc lại lấy Bản Tân (bến Ván) làm giới hạn, giao cho Huệ quản thêm vùng đất từ phủ Thăng Hoa, Điện Bàn (giáp Quảng Ngãi) trở ra Bắc, còn từ Quảng Ngãi trở vào đến Bình Thuận thì vẫn do Nhạc làm chủ<sup>4</sup>.

Cuộc xung đột bằng vũ lực giữa Nhạc và Huệ tuy đã giải quyết được bằng việc phân chia lại đất đai, nhưng từ mỗi hiềm khích giữa hai người cùng với việc phân chia đất nước thành ba khu vực quản lý riêng trước đó đã làm ảnh hưởng nhiều đến lực lượng của phong trào khiến cho những thế lực phong kiến phản động trong nước dễ dàng có điều kiện phản công lại về sau. Đã thế ba thủ lĩnh nghĩa quân Lữ, Nhạc, Huệ cai quản ba vùng đất từ Nam ra đến Bắc lại theo cách thức riêng của từng người, không có một sự chỉ đạo thống nhất, nên thực tế trong ba vương triều Tây Sơn không phải vương triều nào cũng đều đạt được hiệu quả trong công cuộc tái thiết đất nước vào cuối thế kỷ XVIII.

### 1.1. Đông Định vương Nguyễn Lữ

Năm 1786, Nguyễn Lữ được Nguyễn Nhạc phong cho làm Đông Định vương và cho chiếm giữ vùng đất Gia Định. Gia Định vốn là vùng đất rộng lớn, phì nhiêu của Thủy Chân Lạp đặt dưới

---

1, 2. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 501.

3. Nguyễn Nhạc ngày càng dâm ô bạo ngược, giết Nguyễn Thung, lại thông dâm với vợ Nguyễn Huệ (*Đại Nam liệt truyện, Sđd*).

4. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 501.

quyền quản lý của các chúa Nguyễn từ nửa đầu thế kỷ XVIII. Nhưng đến lúc này Gia Định vẫn còn là vùng đất mới, ruộng đất phần lớn còn nằm trong tay địa chủ thời các chúa Nguyễn. Tầng lớp địa chủ này được hình thành từ trong quá trình khai thác đất đai, họ chiếm hữu một số lượng ruộng đất tương đối lớn và chính họ lại là cơ sở vững chắc cho các chúa Nguyễn trong cuộc đấu tranh với nhà Tây Sơn trên đất Gia Định. Đây là vùng đất quan trọng và là nơi xảy ra cuộc đấu tranh giằng co lâu dài nhất giữa họ Nguyễn và Tây Sơn, đồng thời nó còn là một căn cứ điểm vững chắc cuối cùng của họ Nguyễn trong cuộc đấu tranh chống lại Tây Sơn. Trong khoảng 9 năm (1776-1785), quân Tây Sơn đã mở tới 6 đợt tấn công vào Gia Định, đánh bại quân Nguyễn. Nhưng bộ chỉ huy của quân Tây Sơn lại rất chủ quan và sơ hở, mỗi lần thắng, đáng lý phải có thái độ triệt để hơn nữa trong việc trấn áp những thế lực địa chủ phản động ở địa phương và có những biện pháp tích cực hơn để củng cố lực lượng phong trào thì lại cho quân rút về, chỉ để một số ít ở lại giữ mấy tòa thành chính, khiến những con cháu và quan lại cũ của họ Nguyễn đã nhân cơ hội câu kết với tầng lớp địa chủ địa phương, mưu đồ khôi phục lại đất Gia Định, tăng thêm phần khó khăn, nguy nan cho phong trào.

Nguyễn Lữ được trao giữ vùng đất Gia Định quan trọng đầy tiềm năng như thế nhưng lại tỏ ra bất lực. Trong ba anh em Tây Sơn thì Nguyễn Lữ là người nhu nhược nhất, chỉ thu mình, đóng quân trong thành Gia Định (Sài Gòn) và cử một ít tướng lĩnh trông coi một số thành lũy quan trọng khác, chứ ông hầu như không đề ra được một biện pháp cũng như chính sách hữu hiệu nào có tính tích cực nhằm giải quyết những mâu thuẫn kinh tế - xã hội ở địa phương cũng như củng cố chính quyền, vì thế địa phương trở nên sớm bị suy yếu.

Tình hình đó xảy ra vào năm 1787, khi Nguyễn Ánh đem quân từ Xiêm trở về đánh Long Xuyên, thì hàng loạt phần tử thuộc tầng lớp địa chủ phản động ở đây nổi lên hưởng ứng rất đông trong đó có cả những tướng sĩ của Nguyễn Lữ. Tướng Nguyễn Văn Trương

là người Quảng Nam, rất tài lược, lúc đầu theo Tây Sơn, đến đây thấy thuyền của Nguyễn Ánh đến đã đem ngay "binh thuyền sớ bộ đến theo" gồm "hơn 300 quân và 15 thuyền chiến bày ra bên đường để bái yết"<sup>1</sup>. Nguyễn Ánh rất vui lòng và trao cho Trương chức *Khâm sai Chương cơ*, quản đạo tiên phong của Thủy dinh thuộc Trung quân. Thuộc hạ của Trương đều được trao chức *Cai cơ*, *Cai đội*... Hoặc Nguyễn Văn Nghĩa thấy Nguyễn Ánh đến cũng đem "quân sớ bộ đến để bái yết"<sup>2</sup> được trao chức *Chương cơ* và được theo ra trận. Tháng 9 năm đó, khi Nguyễn Ánh đến cửa biển Cần Giờ thì "nghĩa quân bốn phương kéo lại như mây để hưởng ứng, tiếng quân lừng lẫy"<sup>3</sup>. Thấy vậy, vốn bất lực, Nguyễn Lữ không thể nghĩ ra phương sách gì để phòng chống, đành bỏ thành Gia Định đem quân lánh đi Lang Phụ (thuộc Biên Hòa) đắp lũy đất để ở<sup>4</sup>. Trong khi Nguyễn Lữ bỏ thành chạy thì một vài tướng lĩnh hã còn tiếp tục chiến đấu với quân Nguyễn ở Gia Định như tướng Phạm Văn Tham đóng quân ở thành Gia Định còn chống trả với quân Nguyễn Ánh khá lâu, quan quân của Nguyễn Ánh "đánh mãi không hạ được"<sup>5</sup>. Cho đến năm sau (1788), Nguyễn Ánh mới chiếm được Gia Định.

Khi quân Nguyễn Ánh bày mưu cho tướng Phạm Văn Tham đem cờ trắng chạy đến Lang Phụ, Nguyễn Lữ tưởng rằng Tham đã ra hàng, sợ quá lại chạy tiếp về Quy Nhơn, rồi ốm chết ở đó. Đến đây chấm dứt vương triều Đông Định vương ở Gia Định. Vương triều chỉ kéo dài trong vòng một năm (1786-1787). Trong thời gian tồn tại, dù ngắn ngủi và cũng có nhiều khó khăn ở vùng Gia Định, song về mặt chủ quan Nguyễn Lữ không làm được việc gì đáng kể cho một vương triều, ngoài sự khư khư giữ thành như một viên tướng đồn trú không hơn không kém, để dẫn đến hậu quả là vào năm 1788, đất Gia Định lại trở thành địa bàn hoạt động của tập đoàn Nguyễn Ánh trong cuộc chiến với Tây Sơn.

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên, đệ nhất kỷ*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 228.

2, 3, 4, 5. *Đại Nam thực lục, Chính biên, đệ nhất kỷ*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 229.

## 1.2. Trung ương Hoàng đế Nguyễn Nhạc

Nguyễn Nhạc là người đầu tiên phát cờ khởi nghĩa, lãnh đạo phong trào nông dân Tây Sơn. Trong những năm tháng đầu tiên của cuộc khởi nghĩa, Nguyễn Nhạc là người đứng đầu bộ tham mưu nghĩa quân và đã có những đóng góp đáng kể vào sự nghiệp chung.

Nhưng không được bao lâu, cùng với những thắng lợi ban đầu, Nguyễn Nhạc đã sớm có những biểu hiện hưởng thụ, gây không ít khó khăn cho phong trào sau đó. Năm 1776, Nguyễn Nhạc tự xưng là Tây Sơn vương và tiếp đến 1778, lại xưng là Hoàng đế xây dựng nên một vương triều mới, đặt phạm vi thống trị từ Quảng Nam đến cực Nam Trung Bộ (vùng Bình Thuận), thoát ly khỏi vai trò của một thủ lĩnh nghĩa quân. Chỉ trong vòng 7 năm (1771-1778) kể từ khi bắt đầu khởi binh ở ấp Tây Sơn, Nguyễn Nhạc từ một thủ lĩnh nông dân, đã nghiêm nhiên trở thành một Hoàng đế. Tuy nhiên, việc xưng Vương và ban chức tước cho các em của Nguyễn Nhạc vào thời điểm này không chứng tỏ là một Vương triều của Đế Vương mà chỉ thể hiện một bước dài trên con đường quân chủ hóa bộ chỉ huy của nghĩa quân, đứng đầu là Nguyễn Nhạc với tư cách là Trung ương Hoàng đế. Trung ương Hoàng đế ở đây không đồng nghĩa với một vị Hoàng đế tối cao của cả nước vì quyền hành cai quản chỉ thu hẹp trong phạm vi vùng đất miền Trung, Trung ương Hoàng đế không kiểm soát được cả vùng đất từ Quảng Nam trở ra Bắc cũng như vùng đất Gia Định, phải phân quyền cho Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ.

Về tổ chức chính quyền cũng như chính sách của Vương quyền Nguyễn Nhạc, không thấy có tài liệu nào ghi chép nên không thể biết trong thời gian tồn tại (1778-1793) Vương triều Trung ương Hoàng đế thực thi được những gì. Trong tờ chiếu lên ngôi vào cuối năm 1788, Nguyễn Huệ viết rằng: "Về phần Đại huynh (Nguyễn Nhạc) vì khó nhọc và mệt mỏi, chỉ muốn giữ một phủ Quy Nhơn, khiêm nhường xưng làm Tây vương"<sup>1</sup>. Cho đến năm 1792, một

---

1. Hàn Các Anh Hoa, Tờ chiếu lên ngôi, *Tuyển tập Ngô Thì Nhậm*, quyển II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr. 107-108.

năm trước khi Vương triều Trung ương Hoàng đế kết thúc và cũng là thời điểm trước khi Quang Trung Nguyễn Huệ qua đời, ông có trời trăng lại cho những tướng lĩnh thân tín về Nguyễn Nhạc và vùng đất phía Nam như sau: "Ngoài có thù nước (Nguyễn Ánh) ở Gia Định, Thái Đức (Nguyễn Nhạc) thì tuổi già, nhàn rồi vui chơi cầu yên, không mưu tính đến lo sau"<sup>1</sup>. Theo như lời bày tỏ của Nguyễn Huệ thì Nguyễn Nhạc là người sớm tỏ ra bằng lòng và thỏa mãn với uy quyền Đế Vương *tự phong* của mình chứ không hề có được một tầm nhìn và con mắt chiến lược của một vương giả trong công cuộc kiến thiết đất nước trước hoàn cảnh thù trong giặc ngoài đang nhòm ngó. Cụ thể là trong việc đối phó với những âm mưu khôi phục Gia Định của Nguyễn Ánh. Khi Nguyễn Ánh mang quân từ Xiêm quay trở về Gia Định, được tầng lớp địa chủ địa phương cùng nhiều người hưởng ứng, Nguyễn Lữ không kháng cự được, đã bỏ chạy về Quy Nhơn, rồi bị chết. Trong tình thế nguy cấp, quân Nguyễn tấn công mạnh, Nguyễn Lữ thì nhu nhược, bất lực, Nguyễn Nhạc ở Quy Nhơn không hề có một phương sách trợ giúp, cứu viện nào để cho Lữ phải thất bại, quân Nguyễn mau chóng làm chủ được Gia Định và lại biến Gia Định thành căn cứ địa tấn công lại Tây Sơn. Suốt 3 năm (1788-1790), quân Nguyễn Ánh đã xây dựng ở Gia Định một lực lượng vững mạnh làm bàn đạp tấn công Quy Nhơn ngay bên cạnh vùng đất Nguyễn Nhạc quản lĩnh, thế mà Nguyễn Nhạc cũng không hề có biện pháp gì gọi là trấn áp hoặc ngăn chặn sớm những mưu đồ đen tối ấy.

Khi đã bình định xong Gia Định, cho đắp lại thành trì<sup>2</sup>, năm 1790, quân Nguyễn Ánh bắt đầu tấn công đánh chiếm những căn cứ của Nguyễn Nhạc ở Bình Thuận, Bình Khang, Diên Khánh. "Nhạc thế ngày càng cùng quẫn, chỉ bo bo giữ được Quy Nhơn, Quảng Ngãi, Phú Yên thôi"<sup>3</sup>, không chống đỡ nổi, lâm vào thế bị động. Năm 1793, quân Nguyễn tấn công thành Quy Nhơn, Nhạc

1. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 528.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên, đệ nhất kỷ*, quyển 4, tập I, Sđd, tr. 257.

3. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 502.

không chống cự được, sai con là Bảo ra đánh cũng bị thua, quân lính chạy tan vỡ hết, không còn cách nào, Nhạc phải cho người cấp báo ra Phú Xuân cầu viện. Lúc đó Nguyễn Huệ đã qua đời, con là Quang Toàn lên thay. Quang Toàn cử Thái úy Phạm Công Hưng, Hộ giá Nguyễn Văn Huân, Đại tư lệ Lê Trung, Đại tư mã Ngô Văn Sở đem 17.000 bộ binh, 80 thớt voi, hơn 30 thuyền chiến chia làm 5 đạo vào cứu viện. Quân Nguyễn rút lui, Phạm Công Hưng bèn vào bức hiếp Nhạc chiếm lấy thành Quy Nhơn, Nhạc vừa giận vừa bức tức, rồi thổ huyết chết. Con Nhạc là Nguyễn Bảo chỉ được Quang Toàn phong cho làm Hiếu công và cắt một huyện Phù Ly làm ấp để ăn lộc, gọi là Tiểu triều<sup>1</sup>. Đến đây kết thúc vương triều Trung ương Hoàng đế ở Quy Nhơn. Đất Quy Nhơn lại thống thuộc vào vương triều mới là Quang Toàn. Vương triều Nguyễn Nhạc nhanh chóng kết thúc chứng tỏ Nguyễn Nhạc không xây dựng được một cơ sở vững chắc cho sự tồn tại của vương triều cũng như những biện pháp cần thiết cho sự phát triển của xã hội lúc bấy giờ.

### 1.3. Bắc Bình vương Nguyễn Huệ và triều đại Quang Trung

Trong ba vương triều Tây Sơn: Đông Định vương Nguyễn Lữ, Trung ương Hoàng đế Nguyễn Nhạc và Bắc Bình vương Nguyễn Huệ, thì vương triều của Nguyễn Huệ đã tồn tại bền vững nhất và cũng là vương triều có nhiều đóng góp quan trọng nhất đối với lịch sử của đất nước vào nửa cuối thế kỷ XVIII. Nguyễn Huệ là một người có cá tính mạnh mẽ nhất trong ba anh em nhà Tây Sơn "tiếng như tiếng chuông lớn, mắt sáng nhoang nhoáng như chớp, giáo hoạt khôn ngoan"<sup>2</sup>, là bộ tướng quan trọng, cánh tay phải của Nguyễn Nhạc. Ngay từ sau khi phong trào mới dấy lên ở ấp Tây Sơn, năm 1775, Nguyễn Huệ đã đánh úp phá được Phú Yên, được Nguyễn Nhạc nêu công lên Hoàng Ngũ Phúc, Hoàng Ngũ Phúc phong cho Nguyễn Huệ làm Tây Sơn hiệu *Tiên phong tướng quân*. Khi Nguyễn Nhạc xưng Đế (1778), Nguyễn Huệ lại được phong

---

1. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 502.

2. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 503.

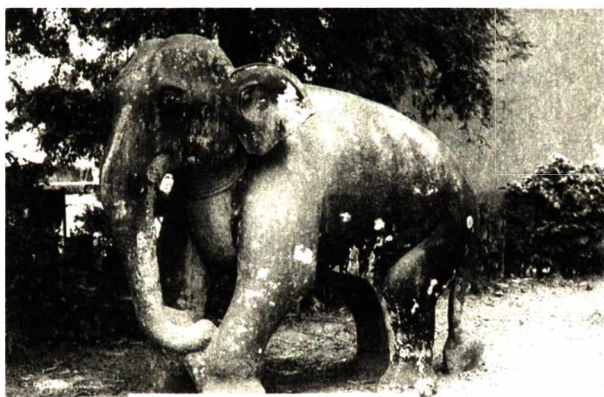
làm *Long Nhung tướng quân*. Nguyễn Huệ có rất nhiều công trong việc đánh dẹp các thế lực chống đối của họ Nguyễn (bốn lần đánh chiếm Gia Định), đập tan được tập đoàn phong kiến Xiêm ở phía Nam, đánh đổ tập đoàn thống trị họ Trịnh ở phía Bắc, cho đến năm 1786, Nguyễn Huệ được Nguyễn Nhạc phong cho làm Bắc Bình vương cai quản vùng đất từ đèo Hải Vân ra đến Nghệ An, cùng với Đông Định vương Nguyễn Lữ cai quản vùng đất Gia Định và Trung ương hoàng đế Nguyễn Nhạc cai quản vùng đất từ Quảng Nam vào đến cực Nam của Trung Bộ. Nhưng khác với Đông Định vương Nguyễn Lữ ở Gia Định và Trung ương Hoàng đế Nguyễn Nhạc ở Quy Nhơn, trong khi Nguyễn Lữ chỉ đóng vai trò như một viên trấn thủ coi giữ thành Gia Định, Nguyễn Nhạc tự xưng làm Tây Sơn vương thu mình giữ phủ Quy Nhơn không đưa ra được một biện pháp hữu hiệu nào giúp cho việc tái thiết đất nước, thì Nguyễn Huệ vẫn tiếp tục sự nghiệp của mình là hoàn thành nhiệm vụ của một phong trào nông dân khởi nghĩa, tiến quân ra Bắc tiêu diệt quân xâm lược Mãn Thanh câu kết cùng bè lũ bán nước nhà Lê, lật đổ triều đại vua Lê thối nát cùng những thế lực phản động ở Bắc Hà, rồi dốc sức dốc lòng vào công việc xây dựng và tái thiết đất nước. Do vậy, nói đến công cuộc xây dựng và kiến thiết đất nước dưới triều Tây Sơn chủ yếu là nói đến những chính sách có tính tích cực của Nguyễn Huệ vào cuối thế kỷ XVIII. Ngày 25 tháng Một năm Mậu Thân (1788), trước khi kéo quân ra Bắc tiêu diệt đội quân Mãn Thanh âm mưu câu kết với triều đình vua Lê vào giày xéo đất nước, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nền độc lập của dân tộc, Nguyễn Huệ đã lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là *Quang Trung*<sup>1</sup>. Phạm vi cai quản của triều đại Quang Trung tính từ năm 1787, đã bao gồm cả khu vực Bắc Hà trở vào đến Phú Xuân. Trên địa bàn cai quản rộng lớn ấy, Quang Trung đã vạch ra và thực hiện được những chính sách tiến bộ, đóng góp một phần rất quan trọng vào công cuộc phục hồi và phát triển kinh tế, mở mang văn hóa phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội đương thời.

---

1. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 517.



Dấu vết tường phía nam thành Chà Bàn (Bình Định)



Voi đá ở thành Chà Bàn (Bình Định)

*Ảnh:* Nguyễn Văn Kự.



## 2. CÔNG CUỘC KIẾN THIẾT VÀ XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC CỦA TRIỀU ĐẠI QUANG TRUNG

### 2.1. Xây dựng bộ máy chính quyền Nhà nước

#### - Thời kỳ đầu

Sau khi quét sạch đội quân xâm lược Mãn Thanh ra khỏi đất nước, thu phục lại Bắc Hà, Hoàng đế Quang Trung Nguyễn Huệ đã bắt đầu bước vào công cuộc kiến thiết đất nước trên nhiều phương diện.

Tuy nhiên, công cuộc xây dựng đất nước không phải đến lúc này mới triển khai mà đã được xúc tiến từ trước đó, khi Nguyễn Huệ còn là Bắc Bình vương, cụ thể là việc xây dựng bộ máy chính quyền Nhà nước của triều đại mới. Lúc bấy giờ, ở kinh đô Phú Xuân, ngoài những võ tướng trong quân đội, đã có các *bộ* như *bộ Binh*, *bộ Hình*, *bộ Hộ* với những chức *Thượng thư* và *Thị lang*... Phiên chế và hoạt động cụ thể của các *bộ* này như thế nào không được chính sử của triều Nguyễn chép lại, nhưng theo nguồn tài liệu đương thời do Hoàng Xuân Hãn sưu tập từ những bức thư trao đổi giữa Nguyễn Huệ và *La Sơn phu tử* Nguyễn Thiếp - người có công giúp Nguyễn Huệ trong việc củng cố và ổn định lại đất nước lúc bấy giờ, có nhắc đến các chức quan đứng đầu các *bộ* của triều đình ở Phú Xuân khi đó. Cụ thể, bức thư thứ nhất viết vào cuối năm 1786, Nguyễn Huệ đã giao cho hai vị quan trong triều, một quan *bộ Binh*, một quan *bộ Hộ*<sup>1</sup> mang đến dâng Nguyễn Thiếp vào đầu năm 1787. Bức thư thứ hai cũng được Nguyễn Huệ giao cho hai vị quan, một vị là viên *lưu thủ* Danh Phương hầu Nguyễn Văn Phương và một vị là viên *Binh bộ Thị lang* Giác Lý hầu Lê Tài mang đến cho Nguyễn Thiếp vào tháng 8 năm 1787<sup>2</sup>. Bức thư thứ ba viết vào tháng 9 năm 1787 cũng được một viên *Thượng thư*

---

1. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", trong *Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003, tr. 536.

2. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 541, 542, 543.

bộ *Hình* là Thuyền Quang hầu Hồ Công Thuyền mang đến cho Nguyễn Thiếp<sup>1</sup>.

Từ năm 1787, sau khi giết được gian thần Nguyễn Hữu Chỉnh, lật đổ được triều Lê, thực tế có cả Bắc Hà, Nguyễn Huệ đã cử Sùng Nhưộng công Lê Duy Cận (người trước kia đã được vua Lê lập làm Đông cung, rồi bị phế vào năm Nhâm Dần -1782) đứng ra coi việc nước<sup>2</sup> thay thế bộ máy quan liêu đã đổ nát của nhà Lê. Rồi tiếp đến tháng 4 năm Mậu Tuất (1788), sau khi ra Thăng Long diệt được Vũ Văn Nhậm, Nguyễn Huệ đã lưu lại ở đây ít ngày để tổ chức lại bộ máy quan liêu nhằm ổn định tình hình Bắc Hà. Lúc này (tháng 5 năm Mậu Tuất), Nguyễn Huệ vẫn để cho Sùng Nhưộng công Lê Duy Cận trông coi việc nước, làm chức *Giám quốc*, giữ việc thờ tự nhà Lê và cho triều hết thầy bề tôi của nhà Lê đến để bổ dụng. Những viên tướng trung thành có công với Tây Sơn, như *Đại tư mã Ngô Văn Sở, Nội hầu Phan Văn Lân, Chương phụ Nguyễn Văn Dựng, Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết, Hộ bộ Trần Thuận Ngôn...* đều được cử ở lại coi giữ thành Thăng Long. Nguyễn Huệ còn coi Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân là "nanh vuốt của mình" nên đã ủy thác "các việc quân quốc trong cả nước"<sup>3</sup>, cho họ và còn khuyên rằng mọi người "nên hội đồng bàn bạc với nhau chớ lấy người mới, người cũ mà xem cách nhau"<sup>4</sup>. Đối với những sĩ phu thức thời như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích... cũng được Nguyễn Huệ trọng dụng vào những trọng trách trong bộ máy chính quyền mới. Ngô Thì Nhậm cho làm *Thị trung trực học sĩ*, Phan Huy Ích cho làm *Thị trung ngự sử*... Hàng loạt những người

---

1. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 546, 547.

2. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 511.

3. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 513; *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 231-232; Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 561.

4. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 513; *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 231-232; Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 561.

khác như Nguyễn Thế Nhân, Nguyễn Nha, Nguyễn Bá Lan, Nguyễn Du, Trần Bá Lãm, Vũ Huy Tân, Đoàn Nguyễn Tuấn... cũng đều được bổ dụng quan chức<sup>1</sup>.

Tuy kinh đô lúc đó đang ở Phú Xuân, nhưng Nguyễn Huệ đã lường trước được tình hình phức tạp của đất nước lúc bấy giờ, nhất là tình hình ở Bắc Hà đang còn lộn xộn, các thế lực phản động trong nước đang ngấm ngấm nổi dậy ở nhiều nơi, bên ngoài thì quân Thanh đang sửa soạn kéo sang xâm lược, nên ngay từ lúc chưa lên ngôi Hoàng đế, Nguyễn Huệ đã có ý định xây dựng kinh đô mới ở Nghệ An, nơi có vị trí trung độ, thuận tiện cho việc chế ngự ở cả hai đầu Nam và Bắc. Trong bức thư gửi cho Nguyễn Thiếp viết vào ngày mùng 3 tháng 9 năm Thái Đức thứ 11 (1788), Nguyễn Huệ đã nói rõ ý đồ dời đô ra Nghệ An bởi lẽ "Nay kinh Phú Xuân thì hình thế cách trở. Ở xa Bắc Hà, sự thế rất khó khăn. Theo định thần nghị rằng: Chi đóng đô ở Nghệ An là độ đường vừa cân, vừa có thể khống chế được trong Nam ngoài Bắc, và sẽ làm cho người tứ phương, đến kêu kiện tiện việc đi về"<sup>2</sup>.

Ý định rời đô ra Nghệ An được Nguyễn Huệ đặt ra ngay từ tháng 4 năm Mậu Tuất (1788) trên đường ra Thăng Long giết Vũ Văn Nhậm, khi nghỉ chân ở Nghệ An, ông có mời La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp đến hội kiến và hẹn ông chọn đất lập đô ở Phù Thạch trên bờ sông Lam, dưới chân núi Nghĩa Liệt<sup>3</sup> - là nơi trung tâm của chốn Hồng Lam, có sông kẻ núi cạnh, đi lại tiện mà phòng thủ cũng dễ dàng<sup>4</sup>. Nhưng đến cuối tháng 5 năm đó, về đến Nghệ An, Nguyễn Huệ vẫn chưa thấy Nguyễn Thiếp xem hộ, đã cho quân về Phú Xuân và viết thư tiếp theo vào ngày mùng 1 tháng 6 nhờ ông tiến hành nhanh việc chọn đất và giao cho Nguyễn Thận, viên

1. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 513; *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 231-232; Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 561.

2. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 568.

3, 4. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 564.

trần thủ Nghệ An trông nom công việc xây dựng hạn định trong 3 tháng phải hoàn thành. Bức *chiếu thư* viết nửa Nôm nửa Hán Việt đã nói rõ sự giao phó công việc chọn đất và xây dựng đô ở Phù Thạch cho La Sơn phu tử và *Trần thủ* Nguyễn Thận với lời lẽ như sau: “Vây chiếu ban hạ Phu tử tảo nghi dữ trần thủ Thận cộng sự, kinh chi dinh chi, tướng địa tác đô tại Phù Thạch, Hành cung sảo hậu cận sơn. Kỳ chính địa, phòng tại dân cư ư dân, hay là đầu cát địa khả đô, duy Phu tử đạo nhân giám định. Tảo tảo bốc thành! Uy cho trần thủ Thận tảo lập cung điện. Kỳ tam nguyệt nội hoàn thành, đắc tiện giá ngự”<sup>1</sup> (nghĩa là: Vây chiếu ban xuống cho Phu tử nên sớm cùng ông trần thủ Thận tính toán mà làm việc, xem đất đóng đô tại Phù Thạch. Hành cung thì để phía sau khá gần núi. Chọn đất hoặc ở chỗ có dân cư, hoặc chỗ nào đất tốt có thể đóng đô được, là tùy Phu tử lấy con mắt tinh mà xét định. Sớm sớm chọn lấy, giao cho trần thủ Thận chóng dựng cung điện. Hẹn trong ba tháng thì xong, để tiện việc giá ngự - Hoàng Xuân Hãn dịch). Việc xây dựng kinh đô ở Phù Thạch được *trần thủ* Thận chuẩn xây đắp, nhưng Nguyễn Thiếp trừ trừ ngăn cản, cho là đóng đô ở Phù Thạch không hợp, đất đai chật hẹp, kê núi kê sông, bờ sông bị lở...<sup>2</sup>. Kế hoạch bị phá vỡ.

Kế hoạch lập đô ở Phù Thạch không thành, nhưng chủ trương dời đô ra Nghệ An của Nguyễn Huệ không bị từ bỏ. Nguyễn Huệ vẫn tiếp tục viết thư cho Nguyễn Thiếp nhờ chọn đất. Lần này Nguyễn Huệ đã quyết định chọn nơi đóng đô ở xã Yên Trường, huyện Chân Lộc (trước có dinh Vĩnh Doanh nằm ở địa phận của hai làng Vĩnh Yên và Yên Trường - thuộc Vinh ngày nay) - là nơi có “hình thế rộng rãi, khí tượng tươi sáng, có thể chọn để xây kinh đô mới. Thực là chỗ đất đẹp để để đóng đô vậy”<sup>3</sup> (Thư của Nguyễn Huệ gửi Nguyễn Thiếp ngày mùng 3 tháng 9 năm 1788). Công việc xây dựng kinh đô ở Yên Trường cũng được xúc tiến rất tích cực,

---

1. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 562.

2. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 570.

3. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 569.

quan trấn đã “sửa soạn gõ, ngói, khí cụ, hẹn ngày làm việc”<sup>1</sup>, chỉ còn nhờ Nguyễn Thiếp xem thế đất là xong. Nhưng rồi kết cục việc xây đô thành ở Yên Trường cũng không thực hiện được. Dù không thành công nhưng lòng kiên trì theo đuổi việc dời đô của Nguyễn Huệ đã chứng tỏ sự lo lắng của Nguyễn Huệ đối với tình hình của Bắc Hà và thế nước lúc bấy giờ, nên khi lên ngôi Hoàng đế rồi, Nguyễn Huệ vẫn còn tiếp tục ý định này.

Trong thời kỳ còn là Bắc Bình vương, công việc xây dựng chính quyền đã được Nguyễn Huệ đặt ra như vậy, nhất là ý định dời đô ra Nghệ An đã làm Nguyễn Huệ tốn bao tâm lực mà chưa thành, trong bối cảnh đất nước còn bao điều quan trọng khác phải làm. Đó là việc trấn áp các thế lực phong kiến phản động Bắc Hà và chuẩn bị đối phó với âm mưu xâm lược của nhà Thanh. Đối với nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu đó, vấn đề cần phải tập trung trước hết là củng cố lực lượng quốc phòng, nên công việc xây dựng chính quyền mới chưa thể đặt ra một cách cấp thiết được.

Nhìn thấy nguy cơ xâm lược đã đến gần, trước khi hành quân ra Bắc đại phá quân Thanh, Nguyễn Huệ đã chính thức lên ngôi Hoàng đế<sup>2</sup> và đặt niên hiệu để “ràng buộc lòng người”<sup>3</sup> như mong muốn của các tướng sĩ cũng như để tăng thêm uy thế và quyền lực của chính quyền mới. Trong vòng hơn một tháng, lực lượng quân đội của triều Quang Trung đã đánh tan tác 29 vạn quân Thanh xâm lược và tẩy trừ được những ảnh hưởng cuối cùng của nhà Lê trên đất Bắc Hà, Hoàng đế Quang Trung đã thu phục được toàn bộ lãnh thổ, “*có cả đất nước An Nam*”<sup>4</sup>. Từ sau thắng lợi vẻ vang ấy, Hoàng đế Quang Trung càng có nhiều cơ hội tốt để thu phục lòng dân Bắc Hà và cũng từ đây Hoàng đế Quang Trung mới có đầy đủ mọi danh nghĩa để hoàn thành công việc xây dựng chính quyền mới cũng như tiến hành công cuộc xây dựng và kiến thiết đất nước.

---

1. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sdd, tr. 569.

2, 3. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sdd, tr. 517.

4. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sdd, tr. 519.

**- Tiếp tục xây dựng chính quyền mới**

Sau khi lên ngôi, Hoàng đế Quang Trung đã cho chinh đôn lại chính quyền Nhà nước mới, theo quy cách của một chính thể Đế Vương. Lê Ngọc Hân được lập làm *Bắc cung Hoàng Hậu*, con đích Nguyễn Quang Toàn được lập làm *Thái tử*<sup>1</sup>, con thứ hai Nguyễn Quang Thùy được làm *Khang công* lĩnh chức *Tiết chế* các quân thủy bộ ở Bắc Hà, con thứ ba Nguyễn Quang Bàn được làm *Tuyên công* lĩnh chức *Đốc trấn* Thanh Hoa, tổng lý mọi việc quân dân<sup>2</sup>. Dưới vua là hàng ngũ quan thần bá quan văn võ, gồm có: *Tam công, Tam thiếu, Đại tòng tể (Đại chùng tể), Đại tư đồ, Đại tư khấu, Đại tư mã, Đại tư không, Đại tư hội, Đại tư lễ, Thái úy, Ngự úy, Đại tổng quản, Đại tổng lý, Đại đô hộ, Đại đô đốc, Nội hầu, Hộ giá, Kiểm điểm, Chi huy sứ, Đô ty, Đô úy, Trung úy, Vệ úy, Quản quân, Tham đốc, Tham lĩnh, Trung thư sảnh, Trung thư lệnh, Phụng chính, Thị trung, Đại học sĩ, Hiệp biện đại học sĩ, Thị trung ngự sử...* Trong triều đình có các cơ quan chuyên trách như Lục bộ<sup>3</sup>, có các chức *Thượng thư* đứng đầu mỗi bộ cùng nhiều chức quan khác như *Tà đồng nghị, Hữu đồng nghị, Tà phụng nghị, Hữu phụng nghị, Thị lang, Tư vụ...* Ngoài các bộ còn có các cơ quan như *Hàn lâm viện, Ngự sử viện, Thái y viện, Sùng chính viện, Quốc sử quán.*

Kinh đô của đất nước lúc này đóng ở Phú Xuân, song Quang Trung Nguyễn Huệ thấy rằng, Nghệ An ở vào vị trí chính giữa của nước, đường từ Nam ra, từ Bắc vào, đều bằng nhau, lại là nơi quê quán của tổ tiên, nên ông vẫn tiếp tục phương án là dời đô ra Nghệ An. Trước kia, ý định dời đô ra núi Lam Thành, rồi Yên Trường không thành, đến đây Quang Trung đã cho trưng dụng rất nhiều thợ thuyền chuyên chở gỗ đá, gạch ngói để xây dựng cung

1. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 526.

2. Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*, Bản dịch, Nxb. Văn học, tập II, Hà Nội, 1987, tr. 203.

3. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 527.

phù lâu dài<sup>1</sup>, đắp thành đất ở núi Kỳ Lân<sup>2</sup> gọi tên là Trung Đô hay Phượng hoàng Trung đô. Vì Phượng hoàng Trung đô nằm ở khoảng giữa hai núi Quyết và Mèo. Núi Mèo có tên là Kỳ Lân và núi Quyết có tên là Phượng hoàng. Phía trước thành có sông Lam chảy qua. Thành được xây lâu Rộng ba tầng cùng điện Thái Hòa và hai dãy hành lang để phòng dùng đến trong những khi có lễ triều hạ<sup>3</sup>, xung quanh thành còn có các đồn, trên núi có kho lúa...

Dấu vết của thành, đường hào và nền nhà hã còn đến sau này. Theo sưu tập điều tra của học giả Hoàng Xuân Hãn trong tác phẩm *La Sơn phu tử*, thành hình tam giác, mặt nam dựa vào núi Mèo, mặt đông bắc lấy núi Quyết làm thành. Ở giữa thành, còn dấu thành trong và nền nhà cao ba bậc ở mặt bắc. Thành quy mô không lớn, thành Nam chỉ dài chừng 300m, thành Tây dài 450m và nền nhà cao ở mặt bắc ngang dọc cũng chỉ chừng 20m<sup>4</sup>. Thành đặt ở địa thế núi non và quy mô không lớn như vậy, chứng tỏ đây chỉ là một tòa thành mang nhiều ý nghĩa về phòng ngự khi cần thiết, hơn là thủ đô của một nước. Có lẽ đây mới chỉ là một bộ phận trong kế hoạch xây thành thời Quang Trung. Công việc bị dở dang, hành cung chưa kịp đổi thành cung điện, do cái chết đột ngột của Quang Trung. Sau này thời Quang Toàn, kinh đô vẫn đóng ở Phú Xuân, công việc xây thành Phượng Hoàng ở Nghệ An đã không được Quang Toàn tiếp tục hoàn thành.

Cùng với việc xây thành Phượng Hoàng Trung đô, Quang Trung Nguyễn Huệ đã cho đổi tên thành Thăng Long thành *Bắc Thành*<sup>5</sup> và cho chinh đốn lại các khu vực hành chính cùng tổ chức chính quyền các cấp thống nhất và chặt chẽ hơn. Từ miền Trung (Quảng Nam) trở ra Bắc được chia làm nhiều trấn. Riêng Sơn Nam

---

1. Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*, tập II, Sđd, tr. 203.

2. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 526.

3. Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*, tập II, Sđd, tr. 203.

4. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 572.

5. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 526.

được chia làm hai trấn *Son Nam Thượng* và *Son Nam Hạ*. Không dùng tên lộ như thời Lê - Trịnh trước đó<sup>1</sup>. Trị sở của Thượng trấn đóng ở Châu Cầu (Hà Nam) và Hạ trấn đóng ở Vị Hoàng (Nam Định). Hai phủ Trường Yên và Thiên Quan vẫn lập thành trấn *Thanh Hóa ngoại*, Thanh Hóa thì gọi là *Thanh Hóa nội*<sup>2</sup>. Dưới trấn gồm nhiều phủ, mỗi phủ chia làm nhiều huyện, dưới huyện là tổng, đơn vị thấp nhất là xã và thôn.

Quang Trung đã định lại việc đặt quan chức cho các cấp chính quyền địa phương. Hàng quan vẫn có chức *Phân tri*, hàng quan võ có chức *Phân xuất*.

Quan lại đứng đầu trấn gồm có: *Trấn thủ* (quan võ) và *Hiệp trấn* (quan văn). Ở mỗi trấn, ngoài một viên Trấn thủ, một viên Hiệp trấn còn có thêm một viên Tham trấn giúp việc. Mỗi huyện có hai chức quan đứng đầu là *Phân tri* và *Phân xuất*, dưới có thêm hai viên: *Tà quản lý* và *Hữu quản lý* giúp việc, chuyên trưng thu binh lương và xử lý các việc kiện cáo<sup>3</sup>. Ở tổng có chức *Thôn trưởng*<sup>4</sup> phụ trách việc hành chính.

Để quản giữ những nơi trọng yếu, Quang Trung đã thực hiện chế độ phân phong cho các con: Quang Thùy được phong làm *Khang công*, lĩnh chức Bắc Thành *Tiết chế thủy bộ chư quân*; Quang Bàn làm *Tuyên công* lĩnh chức Thanh Hóa *Đốc trấn tổng lý quân dân sự*<sup>5</sup>. Bắc Thành lúc bấy giờ bao gồm 7 nội trấn (Thanh

- 
1. Thời Lê - Trịnh năm 1741, Sơn Nam được chia thành hai lộ: Sơn Nam Thượng lộ và Sơn Nam Hạ lộ (*Cương mục*, quyển 39).
  2. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 527 và *Hoàng Lê nhất thống chí*, tập II, Sđd, tr. 203.
  3. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 527; *Hoàng Lê nhất thống chí*, tập II, Sđd, tr. 203; *Lê Quý dật sử*, bản dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1987, tr. 95.
  4. Hàn Các Anh Hoa, *Tờ chiếu lên ngôi*, *Tuyển tập Ngô Thì Nhậm*, Sđd, tr. 120.
  5. *Lê Quý dật sử*, Sđd, tr. 95.



Hóa ngoại, Sơn Nam thượng, Sơn Nam hạ, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, Phụng Thiên) và 6 ngoại trấn (Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Yên Quảng). Tuy nhiên, việc phân phong này cũng chỉ mang ý nghĩa là trấn giữ một vùng đất quan trọng như các viên quan *trấn thủ* của triều đình trung ương, chứ không có nghĩa là phân phong thành những thái ấp riêng, vì các con của Quang Trung chỉ được phong đến tước công. Nên chế độ phân phong này vẫn đảm bảo được tính tập trung của bộ máy Nhà nước cũng như tính thống nhất giữa các địa phương, chứ không đưa đến tình trạng phân tán cát cứ.

Chính quyền Nhà nước do Quang Trung xây dựng cũng là một tổ chức Nhà nước theo chế độ quân chủ tập trung quan liêu. Thành phần giai cấp trong bộ máy lãnh đạo Nhà nước thời Quang Trung bao gồm trước hết là những tướng lĩnh gốc nông dân; sau đó là số quan lại sĩ phu cũ của triều Lê, trung thành với Tây Sơn được giữ lại và cuối cùng là những quan lại mới xuất thân từ chế độ khoa cử của triều đại mới. Do chính quyền Tây Sơn còn non trẻ, Nhà nước Tây Sơn vừa mới phôi thai từ trong ngọn lửa chiến tranh nên lớp viên chức trong bộ máy lãnh đạo Nhà nước chưa kịp thời đào tạo theo một quy chế cụ thể, vì vậy phần lớn quan chức đều bao gồm những tướng lĩnh ngày hôm qua còn mặc áo vải, không có một tác đất, đến hôm nay đã trở nên địa vị lớn của xã hội - người đứng đầu Nhà nước. Trong bức thư gửi Nguyễn Thiếp viết vào năm 1787, Nguyễn Huệ cũng nhận thức rõ rằng: “Những người giúp việc trong nhất thời đều là kẻ chiến đấu mạnh bạo”<sup>1</sup>, xung quanh mình “bấy giờ chỉ rất tướng võ như Vũ Văn Nhậm, Lê Văn Sở”<sup>2</sup>, còn “văn thân sĩ phu giúp việc chưa có ai”<sup>3</sup>.

Để đáp ứng nhu cầu xây dựng chính quyền mới cũng như để đào tạo lớp quan lại mới, bên cạnh phương thức *tiến cử* và *câu hiền* trong buổi ban đầu, Quang Trung đã ban hành chính sách khuyến

1, 3. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 546.

2. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 549.

học, tổ chức trường học và thi cử, đào tạo nhân tài. Trong tờ chiếu lập nhà học, Quang Trung cũng nhấn mạnh: “Dựng nước lấy học làm đầu, cầu trị lấy nhân tài làm gốc. Trước đây bốn phương nhiều việc phải phòng bị, việc học không được sửa sang, khoa cử bỏ dần, nhân tài ngày càng thiếu thốn... Trẫm khi vừa mới bình định đã có nhĩ ý hậu đãi nhà nho, lưu tâm mến kẻ sĩ, muốn có người thực tài để dùng cho quốc gia”<sup>1</sup>. Chính vì vậy, ngay sau khi tiêu diệt xong quân Thanh, năm 1789, Quang Trung đã cho mở khoa thi Hương đầu tiên ở Nghệ An, sai Nguyễn Khải Xuyên làm *Đề điệu* trường thi<sup>2</sup> kiêm làm *Chánh chủ khảo*<sup>3</sup>. Và quy định, lấy tú tài hương thí, hạng ưu thăng lên sung vào trường Quốc học, hạng thứ bỏ vào trường phủ học. Đối với những hương cống triều cũ mà chưa có chức tước đều phải đến cửa khuyết châu hầu đợi bổ nhiệm. Còn những nho sinh và sinh đồ cũ cứ đợi đến kỳ thi vào thi, hạng ưu mới được tuyển, hạng kém bãi về trường học xã. Đặc biệt đối với những “sinh đồ ba quan” của triều Lê - Trịnh, tức những người chi nộp tiền cho Nhà nước để được dự thi và vào làm quan thì bị bãi miễn, không được sử dụng và bắt về làm dân thường<sup>4</sup>. Bởi vì trước đó ở triều Lê - Trịnh và đặc biệt là dưới thời chúa Nguyễn, chế độ thi cử không được thịnh hành. Việc mua bán chức tước đặc biệt phát triển và được coi như phương thức chủ yếu để tuyển quan lại<sup>5</sup>. Đến đây Quang Trung đã cải tổ và dần dần đưa khoa cử lên thành *phương thức đào tạo quan liêu quan trọng*. Tuy vậy, chế độ khoa cử thời Tây Sơn chưa thực hiện được bao nhiêu do chính quyền Tây Sơn tồn tại quá ngắn ngủi. Bởi thế cho nên trong sử sách thường nhắc nhiều đến tên tuổi và công trạng của những sĩ phu triều trước theo Tây Sơn như Nguyễn Thiếp, Trần Văn Kỳ, Ngô

---

1. Hàn Các Anh Hoa, *Chiếu lập nhà học, Tuyển tập Ngô Thì Nhậm*, Sđd, tr. 127.

2. *Lê quý dật sử*, Sđd, tr. 93.

3, 4. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 580.

5. *Lịch triều hiến chương loại chí*, "Quan chức chí", tập II, Sđd, tr. 95.

Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn, Nguyễn Thế Lịch, Trần Bá Lãm, Nguyễn Bá Lân, Nguyễn Nha, Đoàn Nguyễn Tuấn...

Những nhân sĩ trung thành này, Nguyễn Huệ đã có ý thức dung nạp và trọng dụng ngay từ lúc còn là lãnh tụ của phong trào nông dân. Như trường hợp Trần Văn Kỳ, người huyện Hương Trà, xứ Thuận Hóa, đậu giải nguyên và “có tiếng là hay chữ” ở Đàng Trong, đã từng là trợ thủ đắc lực “người giúp việc bên cạnh Chính Bình vương”<sup>1</sup>. Còn hàng loạt những nhân sĩ ở Bắc Hà như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn, Nguyễn Thế Lịch, Trần Bá Lãm, Nguyễn Bá Lân, Nguyễn Nha, Đoàn Nguyễn Tuấn... vừa nêu ở trên đã được Nguyễn Huệ trọng dụng ngay trong lần ra Bắc Hà năm 1788<sup>2</sup>.

Khi quyết định lập Viện Sùng chính ở Vĩnh Dinh trên núi Nam Hoa (Nghệ An) vào năm 1791, Nguyễn Huệ cũng thu nạp thêm được nhiều nhân sĩ nổi tiếng như Nguyễn Thiếp, Nguyễn Công, Nguyễn Thiện, Phan Tô Định, Bùi Dương Lịch...<sup>3</sup>. Việc tiến cử hiền tài lúc này vẫn được Nguyễn Huệ chú ý, ông đã giao quyền cho Viện trưởng Viện Sùng chính là Nguyễn Thiếp hàng năm có nhiệm vụ phải khảo xét “đức nghiệp, hạnh nghệ”<sup>4</sup> của những người có đức hạnh và học tốt, đưa lên chờ để tuyển dụng.

Còn đối với những nhân sĩ có danh vọng nổi tiếng như Nguyễn Thiếp - người đã chán ghét chế độ quan trường của triều Lê lui về ở ẩn, Nguyễn Huệ đã nhân nại, mềm mỏng và hết sức khéo léo, nhiều lần mời mới được ông ra giúp việc. Trong hai năm 1786, 1787, Nguyễn Huệ rất kiên trì “câu hiền”, đã ba lần cử người mang thư và lễ vật đến trại Bùi Phong (nơi ở ẩn của Nguyễn Thiếp) để mời ông ra giúp nước nhưng đều bị Nguyễn Thiếp từ chối. Hai năm tiếp theo (1788, 1789) trong thời gian đưa quân ra Bắc, giết Vũ Văn Nhậm và tiêu diệt quân Thanh, Nguyễn Huệ lại ba lần mời Nguyễn Thiếp

---

1. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 549.

2. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, tập II, quyển 30, Sđd, tr. 513.

3, 4. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 595.

đến hội kiến ở Nghệ An, nơi quê hương ông<sup>1</sup>. Nguyễn Thiếp vốn là một danh sĩ nổi tiếng ở Nghệ An, đã đỗ hương giải trong kỳ thi Hương năm 1743 và đỗ tam trường trong kỳ thi Hội năm 1748, giữ chức *Huấn đạo* huyện Anh Đô (năm 1756) và *Tri huyện* huyện Thanh Chương (năm 1762). Không chịu được cảnh thế thời rối ren của triều đình Lê - Trịnh, năm 1786, Nguyễn Thiếp đã lui về ở ẩn trên núi Thiên Nhẫn, sớm hôm chuyên nghề dạy học. Nghe tiếng Nguyễn Thiếp, Nguyễn Huệ đã tìm đến bằng được. Sau nhiều lần chối từ, cuối cùng Nguyễn Thiếp phải ưng thuận ra giúp triều Tây Sơn trước thái độ cầu hiền khiêm nhường và nhẫn nại cùng với những chiến công trong sự nghiệp cứu nước vẻ vang của Nguyễn Huệ. Năm 1791, Nguyễn Thiếp đã đồng ý vào hội kiến bàn bạc việc nước và góp nhiều ý kiến quan trọng với Quang Trung tại Phú Xuân. Rồi Nguyễn Thiếp lại nhận nhiệm vụ làm chức Viện trưởng Viện Sùng chính, đem tài năng của mình ra giúp triều đại mới trong công cuộc giáo dục, một sự nghiệp mà Nguyễn Thiếp rất quan tâm cũng như triều đại mới đang cần. Còn đối với những phân tử trí thức của triều đại cũ không chịu đứng ra hợp tác nhưng không tỏ thái độ chống đối, thì Quang Trung đã có thái độ cư xử đúng mực và độ lượng.

Tuy nhiên, bên cạnh những sĩ phu của triều đại cũ đã từng theo Tây Sơn và tỏ ra trung thành, phục vụ đắc lực cho triều đại mới như Trần Văn Kỳ, Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích... thì lại có không ít trong số những sĩ phu cũ, do quyền lợi của họ gắn liền với triều đại phong kiến đổ nát, họ đã tỏ rõ thái độ chống đối chính quyền mới của Quang Trung, không chịu hợp tác, người thì tìm cách thoái thác, lấy cố già ốm không chịu ra làm quan xin được trí sĩ như Quốc sư của họ Trịnh là Nguyễn Hoàn, Bình chương Phan Lê Phiên, Tham tụng Bùi Huy Bích... Có người còn tuyệt vọng tỏ thái độ không hợp tác bằng cách uống thuốc độc tự vẫn như *Thiên đô*

---

1. Nguyễn Thiếp (1723-1804), quê ở làng Mật Thôn, xã Nguyệt Ao, tổng Lai Thạch, huyện La Sơn, xứ Nghệ An (nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh). Theo Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd.

ngự sử Nguyễn Huy Trạc<sup>1</sup> chẳng hạn. Số còn lại đa phần có âm mưu nổi lên chống đối hoặc cùng Lê Chiêu Thống trốn chạy sang Trung Quốc.

Ngay cả những người đã đứng ra hợp tác, tham gia trong chính quyền Tây Sơn thì không phải không còn có người vẫn mang tư tưởng chờ thời, thậm chí có người còn nuôi ý chí ngấm ngấm phá hoại. Đó là những khó khăn trở ngại trên con đường thực thi những đường lối cũng như những chính sách cải cách có tính tiến bộ của triều Quang Trung. Vì những chính sách về kinh tế, văn hóa, xã hội được triều đình Quang Trung ban hành xuống đến nơi đều thông qua đội ngũ giúp việc không trung thành này, rồi thường bị xuyên tạc hoặc thực thi không triệt để. Những hạn chế này là không tránh khỏi của một chính quyền mới vừa được ra đời và xây dựng từ trong khói lửa của chiến tranh, chưa có được một cơ sở giai cấp làm chỗ dựa vững chắc.

## 2.2. Củng cố quốc phòng, xây dựng quân đội

Tuy đã dẹp xong thù trong giặc ngoài, thống nhất đất nước, xây dựng và kiện toàn bộ máy chính quyền mới, nhưng tình hình xã hội dưới triều Tây Sơn vẫn chưa được bình ổn do những thế lực phong kiến phản động trong nước vẫn còn nhiều nguy cơ hồi phục, đặc biệt ở phía Nam, Nguyễn Ánh đã chiếm lại được Gia Định và đang tấn công Nguyễn Nhạc. Ở phía Bắc, quan hệ bang giao với nhà Thanh chỉ có thể duy trì được trên cơ sở giữ vững độc lập chủ quyền nếu có được một lực lượng quốc phòng hùng hậu. Trước tình hình đó, Quang Trung không thể không chú ý nhiều hơn đến việc củng cố quốc phòng, xây dựng một đội quân hùng mạnh để trấn áp những thế lực chống đối bảo vệ chính quyền mới cũng như bảo vệ chủ quyền dân tộc.

Quân đội của triều Quang Trung, phiên chế như thế nào không được sử sách ghi lại. *Đại Nam liệt truyện Chính biên* và *Hoàng Lê*

---

1. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 513.

*nhất thống chí* đều chép trong trận đánh quân Thanh vào cuối năm Mậu Thân (1788) và đầu năm Kỷ Dậu (1789), quân đội của Quang Trung được chia làm 5 *doanh*: *Trung, Tiền, Hậu, Tả, Hữu*. Vốn trước quân ở hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam đã có sẵn 4 *doanh*: *Tiền, Hậu, Tả, Hữu*. Khi đem quân đến Nghệ An (vào ngày 29 tháng Một năm Mậu Thân), Quang Trung lưu lại cho tuyển thêm tân binh ở đây đặt làm *Trung quân* cộng với số Thân quân ở Thuận Quảng gộp thành 5 *doanh*<sup>1</sup>. Sau khi định đặt quan chế, Quang Trung vẫn cho giữ nguyên 5 *hiệu* quân và cho đặt thêm 5 *ché* Tả bật, Hữu bật với các *doanh hiệu* như: *Kiến Thanh, Thiên Cán, Thiên Trường, Thiên Sách, Hồ Bôn, Hồ Hải, Thị Lân, Thị Loan*...<sup>2</sup>. Ở thời kỳ này các chức võ quan cao cấp gồm có: *Đại tổng quản, Đại tổng lý, Đại đô hộ, Đại đô đốc, Đô đốc, Nội hầu, Hộ giá, Kiểm điểm, Chỉ huy sứ, Đô ty, Đô úy, Trung úy, Vệ úy, Quản quân*...<sup>3</sup>; chức *trấn thủ* đứng đầu mỗi *trấn*, chức *võ phân suất* đứng đầu mỗi *huyện*, cai quản và chỉ huy quân đội ở địa phương. Còn quân đội ở Bắc Thành, Quang Trung đã cử con là Quang Thùy quản lĩnh với chức Bắc Thành *Tiết chế thủy bộ chư quân*. Số lượng quân sĩ của triều Quang Trung đã lên tới hơn 10 vạn trong lần duyệt binh ở Nghệ An vào cuối năm 1788, chưa kể số tân binh mới tuyển hơn 1 vạn ở Nghệ An cùng số quân đội thường trực bảo vệ kinh thành Phú Xuân và đội quân do Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân đóng ở kinh thành Thăng Long khi trước. Về voi chiến cũng có đến vài trăm thớt<sup>4</sup>. Đó là đội quân hùng mạnh có tinh thần chiến đấu rất kiên cường, đánh bại một cách nhanh chóng 29 vạn quân Thanh xâm lược, giành độc lập cho Tổ quốc.

Đội quân này thường xuyên được tăng cường và củng cố. Khi dừng chân ở Nghệ An, Quang Trung đã cho tuyển thêm quân, cứ 3

1. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 517; *Hoàng Lê nhất thống chí*, tập II, Sđd, tr. 179.

2, 3. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 527.

4. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 517.

đình lấy một suất lính<sup>1</sup> được đến hơn 1 vạn quân. Hai năm sau (1790), Quang Trung lại cho lập sổ đình điền để căn cứ vào đó mà tuyển lính. Dân đình được chia làm 4 hạng theo lứa tuổi: 9 đến 17 tuổi là hạng *vi nhập cách*; 18 đến 55 tuổi là hạng *tráng*; 56 đến 60 tuổi là hạng *lão* và 61 tuổi trở lên là hạng *nhieu*<sup>2</sup>. Trong 4 loại dân đình này, có lẽ loại thứ hai từ 18 đến 55 là loại *tráng* hạng phải sung vào lính theo tỷ lệ 3 người lấy 1. Đây là những biện pháp mang tính tiến bộ trên bình diện quân sự và an ninh quốc phòng.

Quân đội thời Quang Trung gồm nhiều binh chủng như: *bộ binh, thủy binh, tượng binh, kỵ binh và pháo binh*. Thuyền chiến có nhiều loại, loại lớn chở được cả voi chiến hoặc sáu bảy trăm lính và hàng chục đại bác trên thuyền. Vũ khí gồm có súng, đại bác gắn vào thuyền hoặc đặt trên mình voi, có ống phun lửa lợi hại và những vũ khí thông thường khác như giáo mác, cung tên...

Trên cơ sở xây dựng lực lượng quân đội vững mạnh như vậy, Quang Trung mới có điều kiện thuận lợi để trấn áp những thế lực phản động còn đang âm mưu nổi dậy khắp nơi ở trong nước, bảo vệ chính quyền mới vừa xây dựng, đồng thời tiến hành tốt công tác đối ngoại khôn khéo với bên ngoài, nâng cao thêm địa vị của nước Đại Việt trong bối cảnh chính trị - xã hội đương thời.

Ngay từ sau khi quân Thanh bị đại phá, Lê Chiêu Thống và đồng đảng đã kéo nhau chạy sang đất nhà Thanh, nương nhờ, định một lần nữa quay trở lại, rước quân Thanh về dày xéo đất nước. Nhưng bằng chính lực lượng quân đội hùng mạnh và bằng đường lối ngoại giao khôn khéo của người anh hùng dân tộc Quang Trung đã đập tan và đẩy lùi được mưu mô hèn hạ bán nước của bè lũ lưu vong triều Lê. Ngay cả những hành động nổi dậy của tôn thất nhà

---

1. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 517; *Hoàng Lê nhất thống chí*, tập II, Sđd, tr. 179.

2. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 527.

Lê mưu dựng lại cơ đồ cũ cũng bị đẩy lùi bởi sức mạnh và lực lượng quân đội hùng hậu của Quang Trung. Như trường hợp Lê Duy Chi (em thứ ba của Lê Chiêu Thống) không kịp chạy trốn theo sang nước Thanh đã lén lút hoạt động ở vùng biên giới Việt - Trung, đắp đồn xây lũy, tích chứa lương thực, đem quân đánh phá vùng Tuyên Quang, Cao Bằng, rồi liên kết cả với nước Vạn Tượng (Lào) định đánh úp thành Nghệ An... cuối cùng đều bị trấn áp bởi lực lượng quân sự mạnh mẽ của Quang Trung. Ngoài ra, còn có nhiều những cựu thần của nhà Lê nổi dậy ở nhiều nơi như Nghệ An, Hải Dương, Bắc Giang... mưu đồ khôi phục lại cơ đồ cũ cũng đều bị đẩy lùi ngay từ khi mới nổi lên, những kẻ cầm đầu đều bị bắt hoặc bị giết. Một sử gia nước ngoài J. Buttinger cũng phải thừa nhận rằng: "Quang Trung lập ra một nền chính trị hoàn toàn mới, trong đó lần đầu tiên trong lịch sử Đông Dương, quân sự được xem trọng hơn dân sự"<sup>1</sup>.

Làm được như vậy, chứng tỏ Quang Trung - Nguyễn Huệ là người rất biết mình biết người, rất biết trọng dụng kẻ sĩ, kính trọng những sĩ phu danh tiếng hiểu biết thời thế tình nguyện theo Tây Sơn và tỏ ra rất độ lượng<sup>2</sup> với những cận thần muốn giữ "khí tiết" khi sa cơ lỡ vận, không chịu đứng ra hợp tác, nhưng lại rất kiên quyết dùng sức mạnh quân sự trấn áp những phần tử phong kiến phản động luôn có âm mưu phục hồi lại vương triều đã đổ nát không còn vai trò lịch sử. Với tinh thần ấy, chính quyền vừa được xây dựng cũng vượt qua được những gian nan và tồn tại một cách vững chắc tuy không lâu.

- 
1. J. Buttinger, "Phong trào nông dân Tây Sơn", theo *The smaller dragon* New York, 1962, trong *Phong trào nông dân Tây Sơn dưới con mắt của người nước ngoài*, Nxb. Nghĩa Bình, 1986, tr. 65.
  2. Tháng Một năm Canh Tuất, niên hiệu Quang Trung thứ 3 (1790), khi vua Quang Trung vời Tiến sĩ nhà Lê là Trần Án vào chầu. Nhưng Trần Án làm thơ cố ý cáo bệnh từ chối không đến, vua Quang Trung rất độ lượng đã phê bằng son đỏ rằng: "*Cho được làm theo chí hướng cao thượng*", *Lê quý dật sử*, Sđd, tr. 109.



### 2.3. Phục hồi sản xuất và phát triển kinh tế

#### \* *Phục hồi sản xuất nông nghiệp*

Sau những năm chiến tranh binh lửa vào cuối thế kỷ XVIII, tình hình Bắc Hà hết sức khó khăn, tình trạng "luôn năm mất mùa đói kém, dân gian trôi giạt lưu ly" là một thực trạng được phản ánh trong sử sách. Vào thời điểm năm 1789, lúc vừa diễn ra chiến sự lớn, đánh đuổi quân Thanh, ở Thanh Hóa "một hạt gạo cũng không có", dân gian đói khổ, lại thêm "bệnh dịch hoành hành", "chết không biết bao nhiêu mà kể". Ở Nghệ An thì cũng bị "mất mùa, dịch tật, kẻ thì chết đói, người thì xiêu bạt, còn lại chỉ mười phần có năm, sáu mà thôi"<sup>1</sup>, ruộng đất bị bỏ hoang khắp nơi, không người cày cấy. Tình hình này đã đặt ra một yêu cầu cấp thiết cho chính quyền vừa mới ra đời sau chiến tranh là phải nhanh chóng phục hồi sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, phát triển nền kinh tế của đất nước nói chung.

Khi cuộc chiến tranh vừa kết thúc, Quang Trung đã bắt tay vào việc phục hồi nền kinh tế của đất nước, trước hết là kinh tế nông nghiệp. Ngay năm 1789, Quang Trung đã ban bố "Chiếu khuyến nông" kêu gọi dân lưu tán trở về khai khẩn ruộng nương, kêu gọi dân du thủ du thực trở về làm ruộng. Trong tờ "Chiếu khuyến nông", Quang Trung nhấn mạnh: "Từ trải qua loạn lạc đến nay, binh hỏa liên miên, lại thêm đói kém, nhân dân lưu tán, ruộng đất bỏ hoang. Thực số đình điền chẳng được bốn năm phần mười khi trước. Trẫm chịu mệnh trời giữ nghiệp lớn, bốn bề trong lặng. Nay buổi đầu đại định chính sách khuyến khích sản xuất làm cho dân giàu, phải được tiến hành lần lượt... Cái đạo che chở dân, chẳng gì bằng bắt dân du thủ du thực trở về làm ruộng"<sup>2</sup>. Quang Trung đã giao cho quan lại địa phương thôn trưởng, xã trưởng quán xuyên công việc này và quy định đến tháng 9 năm Quang Trung thứ hai (1789) phải đệ trình sổ điền hộ, kê khai số đình, sổ ruộng hiện có

1. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 586-587.

2. Hàn Các Anh Hoa, "Chiếu khuyến nông" trong *Tuyển tập Ngô Thì Nhậm*, quyển II, Sđd, tr. 119-120.

và số ruộng bỏ hoang mới khai khẩn để Nhà nước quy định ngạch thuế. Nhà nước cũng quy định thời hạn ngắn nhất, các địa phương phải đảm bảo giải quyết hết diện tích ruộng đất bỏ hoang. Hết thời hạn quy định, ruộng đất còn bỏ hoang không khai khẩn, nếu là ruộng công thì sẽ chiếu theo ngạch thuế điền thu gấp đôi, nếu là ruộng tư sẽ tịch thu thành ruộng công<sup>1</sup>. Những biện pháp này tuy chưa làm thay đổi gì nhiều về kết cấu kinh tế - xã hội của đất nước lúc bấy giờ nhưng nó đã đưa đến kết quả là giải quyết được tình trạng ruộng đất bỏ hoang, tạo điều kiện cho người dân lao động có cơ hội làm ăn và đặc biệt là thanh toán được tình trạng phiêu bạt của nhân dân sau bao năm binh lửa, như lời mở đầu trong tờ "Chiếu khuyến nông", Quang Trung có nhấn mạnh là "làm sao cho dân được yên ổn, có ruộng đất cày cấy, để rồi trong nước không có dân lười biếng. ngoài đồng không có ruộng bỏ hoang"<sup>2</sup>. Nhờ thế, nền sản xuất nông nghiệp của đất nước đang bị đình đốn sau bao năm chiến tranh đến đây đã phần nào được hồi phục.

Nhìn chung, chính sách "khuyến nông" của Quang Trung tuy chưa giải quyết được toàn bộ vấn đề ruộng đất ở cuối thế kỷ XVIII (vì chưa đụng đến quyền sở hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, chỉ tịch thu ruộng đất tư bỏ hoang quá hạn và ruộng đất của những phần tử chống đối), nhưng xét trong bối cảnh xã hội đương thời, việc chia ruộng đất công cho dân để có điều kiện sản xuất, chấm dứt tình trạng phân tán như thế là mang ý nghĩa tích cực và về mặt nào đó nó cũng đưa lại một số hiệu quả nhất định. Đến vụ mùa năm 1791, "mùa màng trở lại phong đăng và năm phần mười trong nước khôi phục được cảnh thái bình"<sup>3</sup>. Trong bài phú "Tụng Tây Hồ", nhà thơ yêu nước dưới thời Tây Sơn - Nguyễn Huy Lượng cũng đã hết lời ca ngợi cảnh thái bình thịnh trị của đất nước với những công lao và cải cách tiến bộ của Quang Trung trong sự nghiệp xây dựng đất nước:

---

1, 2. Hàn Các Anh Hoa, "Chiếu khuyến nông" trong *Tuyển tập Ngô Thì Nhậm*, quyển II, Sđd, tr. 119-120.

3. Xem Hoa Bằng, *Quang Trung anh hùng dân tộc*, Sđd, tr. 286.

"Tới Mậu Thân<sup>1</sup> từ rở về tường vân, sông núi khắp nhờ công  
đăng địch.

Qua Canh Tuất (1790) lại tưới cơn thời vũ, cỏ cây đều gọi đức  
chiêm thu"<sup>2</sup>.

**\* Phục hồi và phát triển kinh tế công thương nghiệp**

Trong lúc tập trung sức lực để phục hồi nền sản xuất nông  
nghiệp, một nhiệm vụ kinh tế quan trọng hàng đầu của đất nước, thì  
chính quyền Quang Trung cũng rất quan tâm tới việc ổn định và  
phát triển nền kinh tế công thương nghiệp sau một thời kỳ dài bị  
đình trệ. Ngay từ những ngày đầu lên ngôi, khi đất nước còn chưa  
sạch bóng quân thù, Quang Trung đã có ý nguyện xây dựng mọi  
ngành sản xuất theo tinh thần độc lập tự chủ. Quang Trung nói với  
Nguyễn Thiếp trong lần hội kiến ở Nghệ An vào năm 1788, rằng:  
"Tôi muốn khí dụng gì cũng chẳng phải mua của nước Tàu"<sup>3</sup>. Và  
ông đã kêu gọi nhân dân trong nước phải nhanh chóng ổn định sản  
xuất: "Hỡi dân các ngươi! Ai nấy yên chức nghiệp, chớ làm điều  
không phải đạo thường"<sup>4</sup>.

Để tập trung vào việc ổn định và phát triển nền kinh tế công  
thương của đất nước, Quang Trung đã bãi bỏ chính sách "ức  
thương" mà chính quyền Lê - Trịnh trước đây từng áp dụng, từng  
bước thực hiện chính sách phát triển buôn bán trong nước cũng như  
mở rộng quan hệ giao thương với bên ngoài.

Nhờ có sự quan tâm thích đáng cùng với những chính sách  
chăm lo, nâng đỡ trực tiếp của Nhà nước, nền kinh tế công thương  
nghiệp dưới thời Quang Trung đã có những bước tiến triển đáng kể.

Trong dân gian, kinh tế công thương nghiệp của nhân dân ngày  
càng được phục hồi và phát triển mạnh mẽ hơn trước, làm thay đổi

---

1. Năm Mậu Thân là năm 1788.

2. Xem: Văn Tân, Hoài Thanh, Nguyễn Đồng Chi, *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, quyển 4 (thế kỷ XVIII), Nxb. Văn - Sử - Địa, Hà Nội, 1959, tr. 140.

3. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 575.

4. Hàn Các Anh Hoa, *Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm*, quyển 2, Sđd, tr. 108.

bộ mặt của xã hội. Làng gổm Bát Tràng là một trung tâm sản xuất và tiêu thụ mặt hàng gổm sứ nổi tiếng đã trở lại nhịp điệu sản xuất và buôn bán nhộn nhịp "trên bến dưới thuyền" được nhà thơ Cao Huy Diệu, người làng Phú Thị (Gia Lâm) viết trong bài thơ "*Bát Tràng vãn bạc*" vào năm 1794 rằng: "... Tôi đi chơi bèn đáp thuyền ở bến Bát Tràng, thấy chợ phố đông đúc, hàng đầy của ắp, mái chèo đi lại tấp nập ngoài bờ sông một bãi dài..."<sup>1</sup>.

Nhiều nghề thủ công khác ở ven đô như nghề nuôi tằm dệt vải, dệt gổm, nung vôi, làm giấy... cũng trở lại không khí sản xuất nhộn nhịp thay cho cảnh tượng hoang tàn, loạn lạc của những năm tháng chiến tranh cuối thời Lê - Trịnh. Kinh đô của đất nước đã chuyển vào Phú Xuân, nhưng Thăng Long với tên mới là Bắc Thành vẫn đóng vai trò là một trung tâm kinh tế. Sản xuất thủ công nghiệp diễn ra khá nhộn nhịp được nhà thơ Nguyễn Huy Lượng miêu tả trong bài *Phú tụng Tây Hồ*, nào là "Lò thạch khối khối tuôn nghi ngút", "Thoi oanh nọ gheo hai phường dệt gấm", "Lửa dóm ghen Năm xã gầy lò", rồi "Chày Yên Thái nện trong sương chênh chỏi", "Lưới Nghi Tàm năm ngọn nước quanh co"...<sup>2</sup>.

Không chỉ có thủ công nghiệp dân gian, thủ công nghiệp Nhà nước cũng được duy trì và chú trọng. Những xưởng đúc tiền, đúc vũ khí, đóng thuyền chiến, sản xuất những mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu của Nhà nước vẫn được đẩy mạnh. Những xưởng đóng thuyền chiến phục vụ chiến tranh thời Quang Trung đã đóng được những loại "tàu biển thật lớn, có thể chở nổi voi"<sup>3</sup>.

Kinh đô Phú Xuân lúc này cũng trở thành một trung tâm sản xuất và buôn bán nhộn nhịp, thu hút nhiều khách thập phương: "Đô thành Phú Xuân sinh tụ dần dần thành chỗ rất đông vui" và là nơi "tứ dân đều ở đậu, sầm uất hơn cả các xứ khác trong bản quốc"<sup>4</sup>.

- 
1. Chu Thiên, "Ba bài thơ xuân nói đến sự thái bình phồn thịnh ở thời Tây Sơn", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 48, 1966, tr. 60.
  2. *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1978, tr. 238.
  3. *Hoàng Lê nhất thống chí*, tập II, Sđd, tr. 205.
  4. Xem Hoa Bằng, *Quang Trung anh hùng dân tộc*, Sđd, tr. 205.

Sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp được duy trì và phát triển đã làm tiền đề tốt cho sự mở mang của nền kinh tế thương nghiệp. Hoạt động thương nghiệp ngày càng trở nên nhộn nhịp ở khu vực Bắc Thành - Thăng Long lúc bấy giờ đã đi vào thơ văn của những nhà thơ đương thời, với hình ảnh: "Khách Ngô Sờ chợ Tây ngòi san sát", "Rập rình cuối bãi đuôi nheo, thuyền thương khách hầy chen buồm bướm bướm"...<sup>1</sup>.

Để phục vụ lưu thông hàng hóa và nhu cầu trao đổi trong nước, Quang Trung đã cho đúc tiền *Quang Trung thông bảo* và *Quang Trung đại bảo*. Trước đó, Nguyễn Nhạc đã nhiều lần cho đúc tiền đồng hiệu *Thái Đức thông bảo*, lưu thông chủ yếu ở khu vực thuộc quyền quản lý của Nguyễn Nhạc. Từ năm 1788-1792, Quang Trung cho đúc loại tiền mới để lưu thông rộng rãi từ Phú Xuân trở ra Bắc. Khi Quang Toàn nối tiếp sự nghiệp của Quang Trung cũng cho đúc loại tiền gọi là *Cánh Thịnh thông bảo*. Nhìn chung, tiền Tây Sơn được đúc nhiều loại và được lưu thông rộng rãi trong dân gian mãi đến tận thời Nguyễn sau này. Năm 1840, Minh Mệnh còn ra lệnh "cấm tiêu tiền của nọ Tây Sơn".

Song song với việc mở mang và phát triển nền kinh tế công thương nghiệp trong nước, chính quyền Quang Trung đã chú ý tới việc mở rộng quan hệ buôn bán với bên ngoài. Nhờ chủ trương mở rộng ngoại thương, dưới thời Tây Sơn, quan hệ buôn bán với các nước láng giềng đặc biệt là đối với Trung Quốc có bước tiến triển hơn trước. Khác với chính quyền Lê - Trịnh trước đó, thường có những chính sách ngặt nghèo về ngoại thương, khiến quan hệ buôn bán với bên ngoài bị hạn chế. Còn chính quyền Tây Sơn thì chủ trương "mở cửa ải, thông buôn bán, khiến cho các hàng hóa không ngưng đọng để làm lợi cho dân dưng"<sup>2</sup> là một chủ trương mang tính

---

1. *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, Sđd, tr. 239.

2. Ngô Thì Nhậm, *Bang giao lục* (trong *Ngô Gia Văn Phái tuyển tập*), Dẫn theo *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 360.

tiến bộ, phù hợp với xu thế đi lên của thời đại. Ngay từ cuối năm 1789, khi quan hệ bang giao giữa triều Tây Sơn với nhà Thanh được bình thường hóa, Quang Trung đã viết thư phái người sang yêu cầu với nhà Thanh được mở cửa ải giữa Việt Nam và Trung Quốc để tiện cho việc đi lại buôn bán giữa nhân dân hai bên. Sử cũ của ta còn ghi lại rằng, Quang Trung đã viết thư "xin mở chợ thông thương cửa ải Bình Thủy ở trấn Cao Bằng" và "cửa ải Du Thôn ở trấn Lạng Sơn"<sup>1</sup>. Từ cửa ải Bình Thủy, thương nhân có thể qua lại buôn bán ở phố Mục Mã (Cao Bằng) và từ cửa ải Du Thôn, thương nhân có qua lại buôn bán ở phố Kỳ Lừa (Lạng Sơn) rất thuận tiện. Đây là những tụ điểm buôn bán ở vùng biên giới giáp ranh giữa hai nước được Quang Trung khôi phục sau một thời kỳ dài bị lụi tàn do chính sách hạn chế thông thương giữa hai bên. Quang Trung còn đề nghị cho "rút miễn thuế buôn" và "xin lập nha hàng ở phủ Nam Ninh (Quảng Tây)"<sup>2</sup>. Những đề nghị có lợi cho việc giao thương giữa hai nước như vậy đã được vua Càn Long nhà Thanh chấp thuận<sup>3</sup>. Nhờ thế, việc buôn bán trao đổi giữa Việt Nam và Trung Quốc lúc bấy giờ tại vùng biên giới được khôi phục và đẩy mạnh hơn nhiều.

Chủ trương mở rộng quan hệ ngoại thương của triều Tây Sơn không chỉ giới hạn đối với Trung Quốc, một nước láng giềng sẵn có truyền thống buôn bán với Việt Nam mà còn mở rộng ra đối với tất cả các nước muốn đặt quan hệ buôn bán với Việt Nam. Năm 1777, khi Tây Sơn đã làm chủ được hầu hết khu vực Đàng Trong, có một lái buôn người Anh tên là Saclơ Sapman (Charles Chapman) lúc đó đang là đại diện của công ty Anh ở Ấn Độ đã đến gặp Nguyễn Nhạc, được Nguyễn Nhạc đón tiếp và cho phép thương nhân của họ vào buôn bán tại các cửa biển trong khu vực thuộc quyền kiểm soát của Tây Sơn. Viên lái buôn này còn đề nghị với Nguyễn Nhạc cho "thay vào các khoản thuế các thứ đồ bến... hiện thời nên nhận một món nộp trả dưới hình thức thuế hay bằng một

---

1, 2, 3. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 526.

cách nào khác nhà vua xét thích hợp<sup>1</sup>. Nguyễn Nhạc đã đồng ý cho lái buôn Anh tự do buôn bán suốt cả vựa, chỉ cần trả một khoản thuế nhất định là: "Mỗi tàu có 3 cột buồm sẽ phải nộp 10.000 quan, mỗi tàu có 2 cột buồm nộp 7.000 quan và tàu nhỏ hơn 4.000 quan"<sup>2</sup> (cứ 5 quan bằng 1 đôla Iphanho). Nhưng viên lái buôn người Anh này đã xin nhà vua "giảm bớt cho đôi chút để khuyến khích". Cuối cùng mức thuế được Nguyễn Nhạc rút xuống là: tàu có 3 cột buồm chỉ còn phải nộp 7.000 quan, 2 cột buồm 4.000 quan và những tàu nhỏ hơn 2.000 quan<sup>3</sup>. Với sự rộng lượng đó, nền kinh tế hàng hóa được kích thích, lái buôn các nước đã đến buôn bán với vùng đất của Tây Sơn một cách dễ dàng hơn. Khi Charles Chapman rời thuyền ra cửa biển Đà Nẵng và Phú Xuân, khu vực thuộc quyền quản lý của quân Trịnh, đã gặp phải một sự đối xử khác biệt. Ông ta có bán được một số hàng hóa (kim thuộc, đồ thủy tinh, chén đĩa, vải) nhưng hằng ngày ông gặp nhiều phiền nhiễu, các quan thì đòi tặng vật, người Tàu thì phao những tin đồn vu cáo. Sau cùng, được tin chúa Trịnh sai chiếm đoạt tàu Jenny đang đậu ở cửa Thuận, Charles Chapman phải cùng tàu này vào Tourane (Đà Nẵng) để gặp tàu Amazon rời vào Nam, định ghé thăm vua Thái Đức (Nguyễn Nhạc), nhưng ngược gió, tàu không vào bờ được, phải đi luôn Ấn Độ<sup>4</sup>. Cho đến sau này, nhà Tây Sơn mất rồi, những thương nhân người nước ngoài đến Việt Nam vẫn còn so sánh về sự đối đãi rộng lượng của chính quyền Tây Sơn đối với họ. Năm 1822, có một thương nhân người Anh đến Việt Nam tên là Craford đã viết rằng: "Tôi đã gặp những thương nhân Hoa kiều ở Huế, đã nói chuyện với họ. Họ đã sống dưới chế độ Tây Sơn và chế độ nhà Nguyễn; họ nói chắc chắn rằng anh em Tây Sơn cai trị công bằng và ôn hòa hơn nhà vua hiện tại (Minh Mệnh) hay cha nhà vua ấy (Gia Long)"<sup>5</sup>.

1, 2, 3. Dẫn theo Thành Thế Vỹ, *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVII, XVIII và đầu XIX*, Sđd, tr. 136.

4. Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong (1558-1777)*, Sđd, tr. 568.

5. Dẫn theo *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập III, Sđd, tr. 431.

Nhìn đại thể, nền kinh tế công thương thời Tây Sơn chưa có bước phát triển thật mạnh mẽ nhưng nó đã đóng góp một vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, đặc biệt nó đã góp phần khôi phục lại sức sống của một nền kinh tế đã bị mai một bởi những năm tháng chiến tranh triền miên dưới thời Lê - Trịnh. Tuy chính quyền Tây Sơn chưa đưa ra được một đường lối phát triển kinh tế lâu dài, nhưng với chủ trương khuyến khích sản xuất, lưu thông hàng hóa và mở rộng buôn bán với bên ngoài đã có tác động tích cực đến sự phục hồi và phát triển của ngành kinh tế công thương nghiệp nói chung.

**\* Tài chính**

Cùng với những chính sách khuyến khích phục hồi sản xuất nông nghiệp, mở mang và đẩy mạnh nền kinh tế công thương nghiệp, chính quyền Quang Trung cũng đã thi hành một chính sách tài chính thuế khóa phù hợp với tình hình mới của đất nước.

Ngay từ năm 1789, khi vừa quét sạch 29 vạn quân Thanh ra khỏi đất nước, Quang Trung đã ra lệnh cho dân làm lại sổ đinh điền để định lại thuế cho phù hợp. Sổ đinh điền vốn được lập từ năm 1722 dưới thời Lê - Trịnh, đã gần bảy mươi năm, nơi tăng nơi giảm khác nhau rất nhiều, thuế khóa và sai dịch vì thế cũng không đồng đều. Năm Quý Tỵ (1773) đã có lệnh làm lại, song không làm nổi "vì dân ương ngạnh, quan thì ăn hối lộ"<sup>1</sup> phải theo sổ cũ. Đến đây, Quang Trung hạ lệnh cho dân xã các nơi phải mở sổ của thôn ấp mình để làm lại. Sổ đinh ở các làng xã lập xong, quan huyện có nhiệm vụ tập hợp lại, rồi đối chiếu và phát cho mỗi người một tấm thẻ in chữ "*Thiên hạ đại tín*" bằng chữ triện, có hoa văn, xung quanh viết họ tên, quê quán và có điểm chỉ làm bằng. Mỗi người phải mang theo, gặp người hỏi thì xuất trình, gọi là "Tín bài". Người nào không có tín bài gọi là dân ẩn lậu, bắt tội dân xã ấy sung đi làm phu dịch. Các xã lập điểm canh, bắt những người làng không có tín bài. Ngay cả quan quân qua lại cũng bị tra hỏi tín bài<sup>2</sup>. Đây là

---

1, 2. *Lê quý dật sử*, bản dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1987, tr. 106.



một biện pháp kiểm kê lại số dân đình một cách hữu hiệu sau bao năm chiến tranh loạn lạc, sổ sách bị mất mát. Một khi đã kê khai được đầy đủ số đình hiện có, Nhà nước mới thi hành được phép đánh thuế phù hợp.

Cùng với việc kiểm tra khai báo dân đình, Quang Trung đã cho lập lại sổ ruộng. Ruộng được chia làm ba hạng: nhất đẳng điền, nhị đẳng điền và tam đẳng điền cho cả hai loại công điền và tư điền. Trên cơ sở đó, Nhà nước quy định mức thuế cụ thể. Đối với ruộng công: ruộng hạng nhất (nhất đẳng điền), mỗi mẫu nộp 150 bát thóc; ruộng hạng nhì (nhị đẳng điền), mỗi mẫu nộp 80 bát thóc và ruộng hạng ba (tam đẳng điền), mỗi mẫu nộp 50 bát thóc. Ngoài ra, mỗi mẫu còn phải nộp: tiền thập vật 1 tiền và tiền khoán làm kho 50 đồng. Ruộng tư thì mỗi mẫu ruộng hạng nhất nộp 40 bát thóc, hạng nhì 30 bát thóc và hạng ba là 20 bát thóc. Tiền thập vật bằng ruộng công, còn tiền khoán làm cho mỗi mẫu là 30 đồng<sup>1</sup>.

Hiện nay chúng ta chưa xác định rõ được đơn vị "bát"<sup>2</sup> thời Quang Trung là như thế nào nên không tính được chính xác mức thuế thời kỳ này cũng như để so sánh với mức thuế ở các thời kỳ khác. Nhưng cứ theo nguồn tài liệu vừa dẫn thì ngoài tô thuế chính mà người dân phải nộp chỉ còn lại mỗi loại tiền thập vật và tiền khoán kho (làm kho) chứ không còn phải nộp một khoản nào khác. Như vậy, với chính sách thuế khóa đơn giản này cũng đã phần nào làm giảm nhẹ được gánh nặng đóng góp của người dân, khiến họ phấn khởi sản xuất hơn, đời sống của họ vì thế cũng dễ chịu hơn.

Riêng đối với thuế nhân đình ở thời Quang Trung cũng giảm đi được một phần thuế điệu, là một trong ba thứ thuế: tô - dung - điệu thi hành từ năm 1722 dưới thời Lê - Trịnh. Trước kia mỗi nhân đình một năm phải nộp 6 tiền thuế điệu, thì đến đây (năm 1789) Quang Trung đã cho bãi bỏ thuế điệu cho nhân dân thuộc khu vực

---

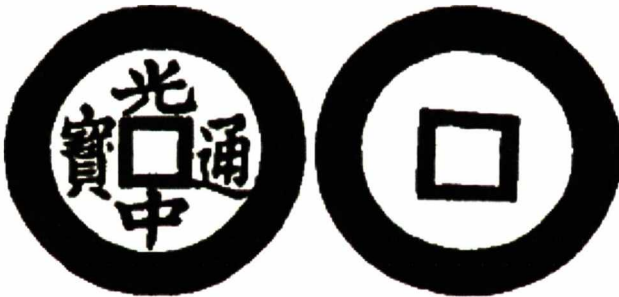
1. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr.527.

2. Theo Hoa Bằng, *Quang Trung anh hùng dân tộc*, Sđd, tr. 265, ước tính 1 bát bằng khoảng 1 nửa lít.

từ sông Gianh trở ra. Ngay cả mức thuế đinh cũng giảm đi một chút so với thời trước. Trước, vào thời Lê - Trịnh, mỗi chính đinh phải nộp 1 quan 2 tiền và 4 bát gạo. Thời Quang Trung chỉ phải nộp 1 quan 2 tiền.

Ngoài chính sách về thuế khóa, Quang Trung còn cho đúc tiền mới để tiện lợi cho việc lưu thông hàng hóa và nhu cầu trao đổi trong nước (xem mục *Phục hồi và phát triển kinh tế công thương nghiệp*).

Về đại thể, những chính sách về kinh tế - tài chính trên dưới thời Quang Trung tuy chưa phải là những biện pháp có tính cách mạng, nhưng nó mang tính cải cách tích cực, góp phần phục hồi lại nền kinh tế nông công thương nói chung của đất nước sau một thời kỳ dài bị chiến tranh loạn lạc và đã góp phần kích thích nền sản xuất phát triển. Với những chính sách tích cực như vậy, nếu đủ thời gian thực hiện một cách triệt để chắc sẽ mang lại nhiều hiệu quả cho sự biến chuyển của xã hội.



Tiền thời Tây Sơn (Quang Trung thông bảo)

#### 2.4. Văn hóa - giáo dục

Một trong những việc làm mang ý nghĩa thiết thực và tiến bộ hơn cả của vương triều Quang Trung là những chính sách về mở mang và phát triển văn hóa - giáo dục. Tuy là một chính quyền vừa được hình thành từ sau thắng lợi của cuộc khởi nghĩa nông

dân, nhưng Quang Trung đã sớm có ý thức trong việc phát triển văn hóa. Hai chính sách về văn hóa - giáo dục thời Quang Trung còn để lại dấu ấn trong lịch sử phát triển văn hóa - giáo dục của đất nước ta là việc coi trọng chữ Nôm và mở rộng hệ thống trường học cấp địa phương.

Chữ Nôm là một loại chữ được xây dựng trên cơ sở của chữ Hán, nhưng từ lâu nó đã trở thành một thứ văn tự riêng ghi lại một cách chân thực tiếng nói của dân tộc Việt Nam. Không phải đến thời Tây Sơn, việc coi trọng chữ Nôm mới được đặt ra, mà ngay từ cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV, người đưa chữ Nôm lên vị trí quan trọng là Hồ Quý Ly. Nhưng lúc đó Hồ Quý Ly mới chỉ dừng ở việc cho dịch các sách chữ Hán ra chữ Nôm, như làm sách *Quốc ngữ thi nghĩa* vào tháng 11 năm 1396 (dịch *Kinh Thi* ra tiếng Quốc ngữ) chứ chữ Nôm chưa được đưa lên vị trí xứng đáng như dưới thời Tây Sơn. Ở thời kỳ này, chữ Nôm đã được đưa vào những văn bản chính thức của Nhà nước, như trong các bài hịch, thư từ, mệnh lệnh... đã được soạn thảo bằng văn Nôm. Bức thư Nguyễn Huệ viết cho Nguyễn Thiếp vào năm 1788 về việc nhờ Nguyễn Thiếp chọn đất đóng đô ở Nghệ An đã được viết bằng chữ Nôm<sup>1</sup>. Sau khi đánh đuổi xong giặc ngoại xâm, xây dựng chính quyền mới, Quang Trung đã mạnh dạn gạt bỏ được tư tưởng độc tôn chữ Hán vốn có từ các triều đại phong kiến trước, để đưa chữ Nôm lên vị trí xứng đáng hơn. Đặc biệt chữ Nôm đã được *chính thức đưa vào khoa cử*, đây là *lần đầu tiên trong lịch sử*, chữ Nôm thực sự được coi trọng như vậy. Quang Trung quy định, trong các kỳ thi, đề thi phải được ra bằng chữ Nôm và đến kỳ *tam trường*, thí sinh phải làm thơ phú bằng văn Nôm.

Để tăng cường phổ biến chữ Nôm, Quang Trung đã cho lập ra *Viện Sùng chính* vào cuối năm 1791. Viện này được đặt ở Vĩnh Dinh, trên núi Nam Hoa (Nghệ An), nơi ở ẩn của Nguyễn Thiếp - người mà Quang Trung chọn làm Viện trưởng. Việc lập ra *Viện*

---

1. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 562.

*Sùng chính* lúc này "cốt ý để cải cách sự học"<sup>1</sup>. Quang Trung đã nhờ Nguyễn Thiếp tuyên thầy và khuyên dân theo "chính học". Trong tờ *Chiếu lập Viện Sùng chính* gửi Nguyễn Thiếp, Quang Trung nói rõ mục đích của mình rằng: "Trẫm định đặt Sùng Chính thư viện... ban cho ông làm chức Sùng chính Viện trưởng. Cho ông hiệu La Sơn tiên sinh và giao cho ông chuyên coi việc dạy. Nhất định theo phép học Chu tử, khiến cho nhân tài có thể thành tựu, phong tục trở lại tốt đẹp"<sup>2</sup>. Nguyễn Thiếp không chỉ nhận nhiệm vụ trông coi việc học tập mà còn được Quang Trung giao cho phụ trách việc dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm, để phổ biến rộng rãi. Nguyễn Thiếp và một số nhà nho khác như Nguyễn Công, Nguyễn Thiện, Phan Tố Định, Bùi Dương Lịch...<sup>3</sup> đều được tham gia vào công việc dịch thuật này. Lệnh vừa ban ra vào cuối năm 1791 thì đến tháng 5 năm Quang Trung thứ năm (1792) các sách *Tiểu học*, *Tứ thư*<sup>4</sup> đã được dịch xong, đóng thành 32 tập gửi vào Phú Xuân, được Quang Trung hạ chiếu khen La Sơn phu tử và những người giúp việc, kèm theo lệnh "ban thưởng cổ tiền 100 quan"<sup>5</sup>. Sau đó, Quang Trung lại ban lệnh cho quan bản trấn (Nghệ An) cấp thêm cho Nguyễn Thiếp "hai mươi ba viên *văn thuộc*, *từ lại*, giúp vào việc biên lục cho *Viện Sùng chính*" và giục tiếp tục dịch thêm các sách *Kinh*, *Thư*, *Dịch* hẹn trong ba tháng phải xong, nhưng trước hết là *Kinh Thi*, còn *Kinh Thư* và *Kinh Dịch* sẽ dịch sau theo đúng hạn định<sup>6</sup>.

Tuy nhiên, việc dịch sách chưa thực hiện xong thì Quang Trung đã sớm qua đời và công việc đó không được Quang Toàn tiếp tục, nhưng việc làm này đã thể hiện niềm khát khao cũng như hoài bão lớn của Quang Trung muốn thoát ly khỏi sự lệ thuộc về văn hóa đối

---

1, 2. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 594

3. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 598.

4. Sách *Tiểu học* là: Dương tiết, Minh tâm, Thuyết ước...; sách *Tứ thư* là: Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh tử.

5. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 598.

6. Hoàng Xuân Hãn, "La Sơn phu tử", Sđd, tr. 599-600.

với bên ngoài, cụ thể là muốn thay thế dần chữ Hán bằng tiếng mẹ đẻ, đưa chữ Nôm trở thành thứ văn tự chính thức của quốc gia. Đây là một chính sách *tiến bộ trên lĩnh vực văn hóa*. Dù chưa có điều kiện thực hiện triệt để, song nó đã đánh dấu một bước thắng lợi của tiếng nói dân tộc trong bối cảnh xã hội đương thời khi mà còn nhiều thế lực phong kiến đối lập đang âm mưu phá hoại, dèm pha những thành quả tiến bộ đó. Dù còn có những phản ứng ngược trở lại của một số phần tử chống đối, song không thể ngăn chặn nổi trào lưu văn hóa đang trên đà phát triển một cách hết sức tự phát lúc bấy giờ. Nhiều nhà văn Nôm xuất sắc lần lượt xuất hiện trên văn đàn ở thời kỳ này, đó là Phan Huy Ích, Nguyễn Huy Lượng, Lê Ngọc Hân...

Cùng với việc đề cao chữ Nôm, Quang Trung đã chú ý ngay tới nền "*học vấn*" đang còn là vấn đề nan giải trong buổi đầu dựng nghiệp. Chính sách giáo dục của vương triều Tây Sơn trong buổi đầu dựng nghiệp này là *mở rộng hệ thống trường học xuống tận xã* mà từ trước tới lúc bấy giờ chưa thời nào làm được. Trong tờ *Chiếu lập học*<sup>1</sup> quy định, các xã đều dựng nhà xã học. Những con nhà nho có học và có hạnh kiểm trong xã được chọn làm người giảng dạy gọi là "*Xã giảng dụ*". Những "*Xã giảng dụ*" này do xã chọn nhưng Nhà nước đứng ra cấp bằng công nhận.

Do chưa kịp xây dựng cơ sở vật chất, Quang Trung đã lệnh cho các địa phương được sử dụng một số đền chùa vào làm *trường học phủ*. Những thầy dạy tại *trường học phủ* này phải là chức *huân đạo* do Nhà nước bổ nhiệm, được cử đến đảm trách.

Nội dung học tập cũng như chế độ thi cử tuyển dụng nhân tài từ đây đã được chấn chỉnh lại cho phù hợp với tình hình mới, vì qua một thời gian dài, việc học hành thi cử dưới thời Lê - Trịnh đã tỏ ra nhiều bất cập. Những lối học sáo rỗng, từ chương, câu lợi của kẻ sĩ không còn phù hợp với yêu cầu đòi hỏi của xã hội mới. Tình hình

---

1. Hàn Các Anh Hoa, "Chiếu lập nhà học", trong *Tuyển tập Ngô Thì Nhậm*, Sđd, tr. 127.

đó được Nguyễn Thiếp, Viện trưởng *Viện Sùng chính*, chuyên phụ trách việc giáo dục đã viết trong bức thư gửi Quang Trung vào cuối năm Tân Hợi (1791) rằng: "Nước Việt ta, từ khi lập quốc cho đến bây giờ, chính học lâu ngày mất. Người ta chỉ tranh nhau đua tập việc học từ chương, cầu công lợi và quên bẵng cái giáo tam cương, ngũ thường. Chúa tầm thường, tôi nịnh hót. Quốc pháp, gia phong; những tệ kia đều ở đó mà ra"<sup>1</sup>. Quang Trung đã nhận thức được tình trạng đồi trệ của việc học tập trước kia và đi đến nhất trí với Nguyễn Thiếp về quan điểm dạy và học là: "Phép dạy, nhất định theo Chu Tử". Về học thì "Trước học Tiểu học để bồi bổ lấy gốc. Tuần tự tiến lên, rồi đến Tứ thư, Ngũ kinh, Chu sử. Học cho rộng rồi ước lược cho gọn, theo điều học biết mà làm. *Họa may nhân tài mới có thể thành tựu, Nhà nước nhờ đó mà vững yên*"<sup>2</sup>.

Về thi cử, năm 1789, Quang Trung đã cho mở khoa thi Hương đầu tiên ở Nghệ An, Nguyễn Thiếp được cử làm *Đề điều* trường thi và kiêm *Chánh chủ khảo*<sup>3</sup>. Trong tờ *Chiếu lập học*, quy định người đỗ trong kỳ thi Hương này được gọi là *Tú tài*. Hạng ưu được sung vào *trường Quốc học*, hạng thứ bổ vào *trường Phủ học*. Để hạn chế và xóa bỏ hậu quả của chế độ khoa cử không thực chất của chế độ trước, Quang Trung đã quy định, "những nho sinh và sinh đồ cũ cứ đợi đến kỳ thi, vào thi, hạng ưu mới được tuyền, hạng kém bãi về trường học xã". Đặc biệt đối với những "sinh đồ ba quan" của triều Lê - Trịnh thì bị bãi miễn không được sử dụng và bắt làm dân thường<sup>4</sup>.

Bên cạnh việc ban hành những chính sách văn hóa tiên bộ, Quang Trung còn có thái độ khoan dung đối với các tín ngưỡng khác của nhân dân, trong khi Nho giáo vẫn được Quang Trung coi trọng. Quang Trung cũng đã quan tâm tới việc tu sửa nhà Văn Miếu và dựng lại những tấm bia Tiên sĩ ở Văn Miếu Quốc Tử giám Hà

---

1, 2. Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn phu tử*, Sđd, tr. 592.

3. Dẫn theo Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn phu tử*, Sđd, tr. 580.

4. Hàn Các Anh Hoa, *Chiếu lập học*, quyển 2, Sđd, tr. 127.

Nội. Ông đã tự tay phê chuẩn vào Bài số của nông dân trại Văn Chương<sup>1</sup> rằng:

"Nay mai dọn lại nước nhà,  
Bia nghè lại dựng trên tòa muôn gian"<sup>2</sup>.

Nhưng sau khi Quang Trung qua đời (1792), sự nghiệp bị bỏ dở, vấn đề xây dựng nhà bia và sửa sang Văn Miếu không được thực hiện.

Việc tôn sùng Nho giáo không có nghĩa là Quang Trung hạn chế đạo Phật. Với đạo Phật, Quang Trung đã cho chấn chỉnh lại. Vì từ thời Lê - Trịnh, Phật giáo đã trở thành tệ nạn trong xã hội. Những kẻ lười biếng đã chọn nhà chùa làm nơi ẩn dật, ăn bám trốn tránh sản xuất. Những kẻ lưu manh, côn đồ đã chọn nhà chùa thành nơi tụ tập đảng chúng. Quang Trung đã ban hành lệnh chỉ cho những nhà sư có đức hạnh và thành tâm mới được ở lại chủ trì tại các chùa, còn bắt những nhà sư không xứng đáng phải hoàn tục. Ngoài những chùa nhỏ hoang tàn, Nhà nước đã cho phép các làng xã tập trung vật liệu vào tu bổ các chùa lớn ở phủ và huyện.

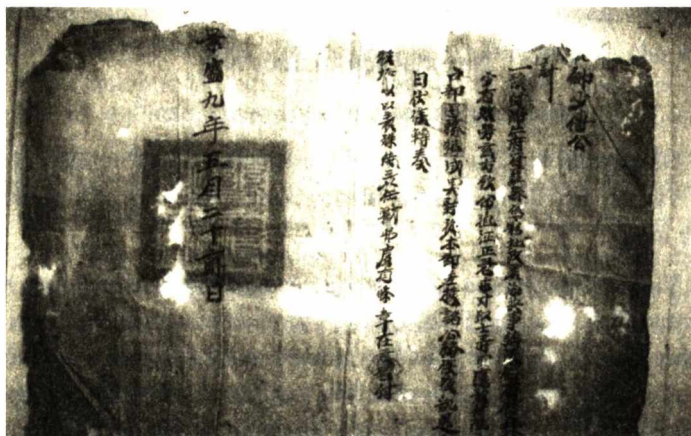
Với đạo Thiên Chúa, Quang Trung đã có thái độ rộng lượng hơn, không cấm đoán như các triều Lê - Trịnh và chúa Nguyễn trước đó. Dưới triều Quang Trung, việc truyền đạo của các giáo sĩ không bị ngăn trở và tín ngưỡng của nhân dân được tôn trọng. Theo ghi chép của Giáo sĩ Le Roa (Le Roy): "Từ khi nhà Tây Sơn lên làm chủ, tôn giáo được tiến bộ"<sup>3</sup>. Điều đó chứng tỏ nhà Tây Sơn lên cầm quyền không tỏ ra bối rối trước những âm mưu can thiệp của chủ nghĩa tư bản phương Tây như các triều đại trước đó.

---

1. Trại Văn Chương ở gần nhà Quốc Tử giám thời Lê, nay là Văn Miếu.

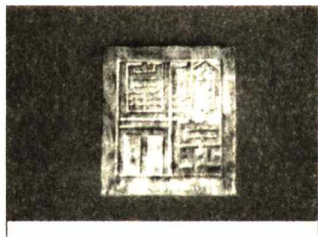
2. Xem Trần Văn Giáp, "Nguyễn Huệ với bia Tiến sĩ ở Văn Miếu Hà Nội", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 46, tháng 1-1963, tr. 18.

3. Dẫn theo Hoa Bằng trong *Quang Trung anh hùng dân tộc*, Sđd, tr. 292.



Sắc phong thời Cảnh Thịnh tại Bảo tàng Quang Trung  
(Bình Định)

Ảnh: Nguyễn Văn Kự.



Ấn thời Quang Trung tại  
Bảo tàng Quang Trung

Ảnh: Nguyễn Văn Kự.



Trống đồng thời Tây Sơn



## 2.5. Quan hệ ngoại giao

### - Đối với nhà Thanh

Sau khi đã đánh đuổi đạo quân viễn chinh của nhà Thanh ra khỏi đất nước vào mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789), giải phóng được Thăng Long, đưa lại nền độc lập cho Tổ quốc, nhưng một vấn đề hết sức lớn lao lại đặt ra cho Vương triều Tây Sơn là làm thế nào sớm gây được mối quan hệ bang giao thật hòa hảo với nhà Thanh, một đế chế hùng mạnh ở phương Bắc vẫn còn nuôi mộng xâm lăng Đại Việt sau khi bị bại trận.

Đại thắng quân Thanh rồi, nhưng Quang Trung đã nhìn thấy trước vấn đề và ông đã nói rõ ý định đó của mình với văn thần Ngô Thì Nhậm rằng: Quân Thanh "nay sau khi thua, tất lấy làm xấu hổ, quyết không cầu hòa, nhưng hai nước đánh nhau cũng không phải là phúc cho dân. Nay chỉ có người nào khéo về giấy tờ mới có thể ngăn được mối binh đao, việc ấy cần ở Người chủ trương lấy"<sup>1</sup>. Để thực hiện tốt ý định đó, Quang Trung còn ra lệnh cho mọi người phải đối xử tốt với những bại binh của nhà Thanh, không được giết càn, tất cả đều phải đưa họ đến đô thành, cấp cho lương ăn, chọn đất cho ở yên...<sup>2</sup>.

Về phía nhà Thanh, kể từ sau khi đạo quân viễn chinh của Tôn Sĩ Nghị thất bại, vua Thanh rất lo lắng, trong bụng muốn nghị hòa, nhưng lại ra mặt giữ thể diện của "thiên triều" nên đã dùng biện pháp phao tin tiếp tục cử binh sang Đại Việt. Trước hết, vua Thanh cho bãi chức của Tôn Sĩ Nghị, cử Phúc Khang An thay Nghị làm Tổng đốc Lương Quảng<sup>3</sup>. Phúc Khang An vốn là người Mãn, thuộc đội cờ viền vàng, do chân *ám sinh* làm đến chức quan trong Nội các, được vua Thanh rất tin dùng, nên đã giao cho kinh lý việc nước Nam<sup>4</sup>. Khang An được coi đốc binh mã của 9 tỉnh, điều khiển

---

1. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 520.

2. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 520-521.

3. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 519.

4. *Hoàng Lê nhất thống chí*, tập II, Sđd, tr. 192.

50 vạn quân để chuẩn bị sang đánh trả đũa<sup>1</sup>. Nhưng viên quan Tổng đốc mới này vừa đến mặc phủ ở Quảng Tây, đã nhìn tận mắt thấy cảnh Tôn Sĩ Nghị trơ trọi một mình chạy về và lại được nghe thanh thế của Quang Trung, nên trong bụng không khỏi rụt rè lo sợ<sup>2</sup>. Khang An nói với viên phân phủ họ Vương<sup>3</sup> ở phủ Thái Bình (viên quan giữ biên ải của nhà Thanh) rằng: "Nam Bắc thôi việc binh đao, đó là phúc của sinh dân, mà thực là điều may lớn cho các quan ở ngoài bờ cõi"<sup>4</sup>. Như vậy, chính các viên quan được cử coi giữ biên ải và phụ trách nước ta của nhà Thanh lúc ấy cũng rất sợ cảnh chiến tranh sẽ tiếp tục, nên họ đều đồng lòng tìm cách thương lượng để bãi binh. Phúc Khang An, đón biết ý định của vua Thanh, đã bàn với viên quan canh giữ biên ải rằng: "Ta nghe nói có viên quan coi việc giấy tờ của nước Nam tên là Ngô Thì Nhậm, bao nhiêu thư từ từ trước đến giờ đều do tay y mà ra. Vậy ông nên viết thư trả lời, báo y chuyên tâm chủ trương giảng hòa, gấp rút viết tờ biểu tạ tội đưa sang, ta sẽ ở trong giúp đỡ cho, việc ấy thế nào cũng xong"<sup>5</sup>.

Ngô Thì Nhậm nhận được thư biết ý vua Thanh muốn giảng hòa, báo với Quang Trung, Quang Trung đã rút về Phú Xuân giao việc bang giao với nhà Thanh lại cho Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích lo liệu. Ở bên ngoài có Phúc Khang An đề đạt ý kiến, trong triều đình nhà Thanh có các thần Hòa Khôn chủ trương mọi việc. Hòa Khôn cũng là người Mãn Châu, thuộc đội Cờ Vàng, cũng do chân *ám sinh* vào làm quan ở Nội các, cùng với Khang An quản lý việc Hộ<sup>6</sup>. Trong quá trình giao thiệp qua lại, những thư từ của Ngô Thì Nhậm được Phúc Khang An đưa Hòa Khôn đề đạt lên vua Thanh. Hòa Khôn tâu với vua Thanh xin bãi binh, phong vương

---

1. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 519.

2. *Hoàng Lê nhất thống chí*, tập II, Sđd, tr. 192.

3. *Đại Nam liệt truyện* ghi viên binh bị Tả giang Thang Hùng Nghiệp là người thu xếp giảng hòa với Quang Trung lúc đầu.

4. *Hoàng Lê nhất thống chí*, tập II, Sđd, tr. 193.

5, 6. *Hoàng Lê nhất thống chí*, tập II, Sđd, tr. 194.

cho Quang Trung và không nên gây hấn với nước ngoài, làm hao phí cho đất nước. Lời tâu rằng: "Từ xưa đến nay, chưa có đời nào làm nên công trạng ở cõi Nam. Nhà Tống rồi nhà Nguyên, nhà Minh, rốt cuộc đều bị thua trận, gương ấy hãy còn rành rành"<sup>1</sup>. Vua Thanh nghe thấy "cho là phải, bèn quyết ý giảng hòa"<sup>2</sup>. Bọn Hòa Khôn đón ý vua Thanh làm mọi việc đều hợp với ý vua, vua Thanh rất thích và khen ngợi. Được tin ấy, Khang An báo với Ngô Thì Nhậm, giục Nhậm viết tờ biểu tạ ơn và Khang An đến tận Việt Tây chuyển ý giảng hòa, đưa thư dâng điều lợi hại. Lúc này Quang Trung cũng sai mang vàng lụa thật hậu để đáp lại cho thành việc. Rồi Quang Trung đã đổi tên làm Quang Bình, sai cháu là Nguyễn Quang Hiến<sup>3</sup> và bồi thần là Vũ Huy Tấn, Ngô Vi Quý, Nguyễn Đình Cừ mang cống vật và biểu văn sang nhà Thanh đợi ở cửa quan xin vào yết kiến vua Thanh và xin cầu phong vào mùa hạ năm 1789. Vua Thanh đọc tờ biểu, rất mừng đã chuẩn y cho đoàn sứ thần của Tây Sơn vào kinh đô. Đoàn sứ thần của Tây Sơn được đón tiếp rất long trọng và được ban thưởng rất hậu. Khi đi qua Quế Lâm, đoàn sứ thần còn được nhà Thanh cho vào xem mặt bọn vua tôi hèn mạt Lê Chiêu Thống đã bị cạo đầu, đổi y phục theo người Thanh để tỏ ý quy phục. Sau khi đã giảng hòa với Tây Sơn, bọn này bị nhà Thanh ngược đãi, nhốt ở thành phủ Quế Lâm rồi phân tán ra cho ở các nơi<sup>4</sup>.

Còn đối với nhà Thanh, tuy đã thực hiện được ý nguyện giảng hòa, chấm dứt chiến tranh, nhưng vẫn muốn giữ thể diện của "thiên triều" nên đã yêu cầu Quang Trung phải làm hai việc: Sang năm sau (1790), vua Quang Trung phải thân hành sang nhà Thanh để dự lễ "bát tuần vạn thọ" (mừng thọ 80 tuổi) của vua Thanh và lập đền thờ tế lễ hằng năm viên *Đề trấn* chết trận (tướng Hứa Thế Hanh)<sup>5</sup>.

---

1, 2. *Hoàng Lê nhất thống chí*, tập II, Sđd, tr. 194.

3. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 522-523.

4. *Hoàng Lê nhất thống chí*, tập II, Sđd, tr. 195-196.

5. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 523.

Tất nhiên, Quang Trung phải chấp thuận hai đề nghị đó để nhanh chóng nối lại quan hệ bang giao cần thiết cho đất nước. Trong thời điểm này Quang Trung đã dâng biểu tạ, xin đến sang năm vào triều yết vua Thanh. Vua Thanh tin tưởng, liền sách phong cho Quang Trung làm *An Nam quốc vương* vào ngay mùa thu năm 1789, mà việc này đáng lẽ phải đợi đến mùa xuân năm sau (1790) vua Thanh mới dự định tiến hành. Viên Hậu bổ Quảng Tây là Thành Lâm được nhận nhiệm vụ sang làm việc phong vương cho vua Quang Trung. Nhưng khi đến cửa quan, Quang Trung đã ép sứ giả của nhà Thanh phải vào Phú Xuân để tuyên phong với lời thoái thác rằng: "Vượng khí ở thành Thăng Long tiêu hết rồi, xin đến Phú Xuân"<sup>1</sup>. Thành Lâm cho không phải lẽ, không chịu đi Phú Xuân. Quang Trung lại biện cố đang bị bệnh không đi được, mới cho cháu gọi bằng cậu tên là Phạm Công Trị, giả mạo thành Quang Trung ra Thăng Long để nhận lễ phong vương<sup>2</sup>.

Mùa xuân năm Canh Tuất (1790), Phúc Khang An giục Quang Trung sửa hành trang sang triều cận vua Thanh như hẹn ước, nhưng Quang Trung lại thoái thác là mẹ chết, đang có tang không đi được, rồi xin cho con là Quang Thùy đi thay. Phúc Khang An không nghe lại phải mật sai người sang cửa quan khuyên Quang Trung cố tìm lấy người dung mạo giống mình để đi thay. Quang Trung lại lấy Phạm Công Trị đội tên mình và sai các bề tôi là Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn, Vũ Danh Tiêu, Nguyễn Tiến Lễ, Đỗ Văn Công cùng đi<sup>3</sup>. Đoàn sứ thần của Quang Trung đã đem theo đủ lễ vật và thêm hai thớt voi đực. Ngựa trạm đưa đi khó nhọc, tốn kém, dân ven đường lấy làm khổ. Tổng đốc Lương Quảng là Phúc Khang An và Tuần phủ Quảng Tây là Tôn Vĩnh Thanh cùng đưa đoàn đến Yên Kinh. Vị vua "Quang Trung giả" được tiếp kiến vua Thanh tại hành cung Nhiệt Hà - nơi nhà vua đang nghỉ mát, rồi cùng về kinh đô. Vua Càn Long nhà Thanh "muốn nêu khen khác mọi người" đã tiếp đón vua nước Nam rất

---

1, 2, 3. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sdd, tr.524.

nồng nhiệt và ban thưởng rất hậu. Vua Thanh cầm bút viết bốn chữ đại tự:

*"Cùng cực quy thành"*

(Nghĩa là: Châu vào ngôi sao Bắc cực đem lòng thành kính quy phục").

và một câu đối:

*"Chúc bỏ hiệu tôn thân, vinh sĩ đan thâm tri phát thế.*

*Cận quang ung sung tích tài kê thanh sự vị tiền văn".*

(Nghĩa là: Chúc phúc tỏ lòng tôn thân, giữ mãi tấm son không bỏ mất.

Vào châu nhận được sùng mệnh, xét trong sử trước chưa từng ghi)<sup>1</sup>.

Ngoài ra, vua Thanh còn làm thơ tặng vị vua "Quang Trung giả", rồi ban yến, thưởng quần áo, đồ dùng giống như *thân vương* kèm theo một vạm lạng bạc. Trước khi từ biệt về nước, vua Thanh còn gọi vua nước Nam đến gần bên giường, yên ủi dặn bảo ôn tồn và sai thợ vẽ hình để tặng. Khi về vua Thanh còn đưa cho chữ "Phúc" và đồ quý báu của vua dùng. "Sứ giả đi lại liền nói ở đường"<sup>2</sup>.

Như vậy, cho đến thời điểm này, cuộc thương lượng hòa bình giữa triều đình nhà Thanh và vương triều Tây Sơn đã thành công tốt đẹp. Có được kết quả đó là do đường lối ngoại giao vừa mềm mỏng, vừa kiên quyết giữ vững độc lập chủ quyền của vị vua Quang Trung trẻ tuổi. Bên trong, vừa muốn nhân dân yên ổn, không còn chiến tranh, không phải đổ máu, nhưng bên ngoài, Quang Trung đã luôn tỏ rõ thái độ cứng rắn của người đứng đầu một dân tộc vừa chiến thắng. Điều đó thể hiện trong suốt quá trình đấu tranh ngoại giao trên bàn đàm phán qua những lời viết trong *biểu văn* gửi tới vua Thanh rồi đến những lời thoái thác khôn khéo

1. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 524-525.

2. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 525.

để không phải trực diện với vua Thanh mà vẫn đạt được mục đích phong vương và hòa bình giữa hai nước. Phải nói rằng đây là một trong những thành công của Quang Trung trên bước đường xây dựng đất nước và củng cố vương triều. Đặc biệt từ sau công cuộc ngoại giao này, triều đình nhà Thanh đã bỏ được lệ cống người bằng vàng cho nước ta, đó là thắng lợi đáng kể nhất.

Khi công việc giảng hòa với nhà Thanh đã thu xếp xong, Quang Trung mới quay lại vấn đề cương giới, tính chuyện thu lại những vùng đất đã mất vào tay *thổ ty* nước Thanh từ cuối triều Lê mà nhiều lần biện bạch vẫn chưa lấy lại được, đó là vùng đất 6 châu ở Hưng Hóa và 3 động ở Tuyên Quang. Quang Trung đã đưa thư cho Tổng đốc Lương Quảng xin định rõ cương giới cũ. Nhưng Tổng đốc Lương Quảng bác đi và nói rằng cương giới đã định rồi. Quang Trung rất bất bình, nhưng biết rằng việc này không thể dùng lời lẽ trên giấy tờ mà thành được nên ông đã cho luyện tập binh mã, làm các hạng thuyền, củng cố lực lượng để đòi lại bằng được vùng đất của Tổ quốc bị mất. Ông đã nói với các tướng hiệu của mình rằng: "Để cho ta sống vài năm nữa chứa uy thế, nuôi khí mạnh, thì ta có sợ gì kẻ kia"<sup>1</sup>.

Khi đã củng cố được lực lượng, năm Nhâm Tý (1792), Quang Trung bắt đầu để ý dò la tình hình nhà Thanh. Ông đã viết tờ biểu sai Vũ Văn Dũng đưa sang nước Thanh, "xin cầu hôn, để do thám ý vua Thanh"<sup>2</sup>, nhưng sứ bộ vừa đi thì Quang Trung đã đột ngột qua đời, ý định đòi lại đất đã mất không thực hiện được. Tuy vậy, qua những bước chuẩn bị của Quang Trung, đã thấy rõ ý chí quyết tâm giữ vững biên cương và bảo vệ nền độc lập dân tộc của vị vua đầy nhiệm huyết dưới triều Tây Sơn.

#### **- Đối với nước Vạn Tượng (Lào) ở phía Tây**

Nước Vạn Tượng vốn xưa là nước Ai Lao, một nước láng giềng ở phía Tây. Vào cuối thế kỷ XI (năm 1067) dưới thời vua Lý

---

1. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 526.

2. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 528.

Thánh Tông, đã có quan hệ thông hiếu, rồi lại thôi. Đến thế kỷ XV khi Lê Lợi khởi binh, có kết hiếu với nước ấy, sau vì hiềm khích lại cắt đứt quan hệ giao hiếu. Vào cuối đời Lê Trung hưng nước này gọi là Vạn Tượng. Năm 1622, Hy Tông hoàng đế Nguyễn Phúc Nguyên đã cho đặt *doanh Ai Lao*<sup>1</sup> để thông với các Man ở Tây Bắc thì Quốc trưởng nước Vạn Tượng mới sang dâng biểu xưng làm phiên bang đời đời sửa chức cống<sup>2</sup>. Sau nước Vạn Tượng bị lệ thuộc vào nước Xiêm. Lúc đầu, Xiêm lập Chiêu Nan làm Quốc trưởng, sau lại phế Chiêu Nan, lập Chiêu Ân. Năm 1786, Chiêu Ân sang châu nước Xiêm, lúc ấy Nguyễn Ánh đang trú chân ở Vọng Các<sup>3</sup>, Chiêu Ân đến yết kiến, lòng rất kính mộ. Khi Chiêu Ân trở về Vạn Tượng, nghe tin Nguyễn Ánh đã lấy được Gia Định, muốn sai sứ sang nộp lễ vật nhưng bị nghẽn đường không đến được. Vào năm 1791, Quang Trung sai người đòi hỏi lễ cống, Chiêu Ân không chịu, bèn sai Trần Quang Diệu đem hơn 1 vạn quân sang đánh<sup>4</sup>. Đó là cái cơ để Quang Trung điều quân, còn thực chất của việc đi đánh dẹp này là muốn để cắt đứt âm mưu của bè lũ Lê Duy Chi (là em Lê Chiêu Thống). Lê Duy Chi không trốn được cùng Lê Chiêu Thống ra nước ngoài, đã lần trốn chiếm cứ ở vùng Tuyên Quang, Cao Bằng nương tựa vào bọn thổ tù Nùng Phúc Tấn, Hoàng Văn Đồng rồi liên kết với bọn Mán ở Vạn Tượng, Trấn Ninh, Trịnh Cao, Quy Hợp để đánh phá thành Nghệ An. Tướng Trần Quang Diệu được cử làm Đại tổng quản cùng với Đô đốc Nguyễn Văn Uyên đem binh đi đánh lấy được Trấn Ninh, diệt được Trịnh Cao,

---

1. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, “Truyện các nước ngoài”, quyển 33, tập II, Sđd, tr. 618.

*Đại Nam thực lục, Tiền biên*, quyển 2, tập I, Sđd, tr. 41.

2. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, Truyện các nước ngoài, quyển 33, tập II, Sđd, tr. 618.

*Đại Nam thực lục, Tiền biên*, quyển 2, tập I, Sđd, tr. 41.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 227.

*Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 33, tập II, Sđd, tr. 618.

4. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, ghi là 5.000 quân.

Quy Hợp, tiến sâu vào đất Vạn Tượng. Quốc trưởng của nước Vạn Tượng phải bỏ thành chạy, Quang Diệu bắt được voi ngựa chiêng trống, đuổi mãi tới tận địa giới Xiêm La, chém được tướng Phạm Duy ở bên tả, Phan Siêu ở bên hữu. Cuối cùng Lê Duy Chi cùng Phúc Tấn, Văn Đồng thế lực không địch được đều bị hại<sup>1</sup>. Như vậy, việc cử quân sang đánh Vạn Tượng của Quang Trung không phải vì lý do xâm chiếm, mà mục đích chính là để phá tan âm mưu của những thế lực phản động trong nước liên kết với bên ngoài làm ảnh hưởng tới nền độc lập của đất nước.

\*

\* \*

Nhìn chung, toàn bộ công cuộc xây dựng và kiến thiết đất nước dưới triều Tây Sơn với hàng loạt những chính sách được ban hành trên các lĩnh vực *chính trị, kinh tế, văn hóa và giáo dục* đã mang lại một tác dụng và ý nghĩa rất quan trọng đối với bước tiến triển của xã hội Việt Nam vào cuối thế kỷ XVIII. Về mặt nào đó, toàn bộ các chính sách này đã đáp ứng đúng được yêu cầu phát triển cấp thiết của xã hội Đại Việt lúc bấy giờ. Ví dụ các chính sách về kinh tế như "khuyến nông", chính sách về phát triển công thương nghiệp, xóa bỏ lệ "ức thương", mở mang buôn bán với bên ngoài... đã góp phần quan trọng vào việc phát triển một nền kinh tế hàng hóa, tạo tiền đề cho việc hình thành của quan hệ sản xuất mới. Đặc biệt trong lĩnh vực văn hóa - giáo dục với "Chiếu lập nhà học", rồi việc đề cao chữ Nôm, một thứ chữ viết và ngôn ngữ của dân tộc đã được đưa lên vị trí xứng đáng cùng với hệ thống trường học xuống tận xã thôn đã tạo điều kiện mở mang tri thức cho nhiều tầng lớp trong xã hội với khẩu hiệu "*Trị nước lấy học làm đầu*" là tất cả một loạt chính sách tiên bộ dưới triều đại Quang Trung. Tuy nhiên, việc thực thi những chính sách này đã bị hạn chế bởi thời gian tồn tại của vương triều quá ngắn ngủi và sự khó khăn bởi việc ngăn cản của những thế lực quan lại cũ không dốc bầu nhiệt huyết cùng

---

1. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 30, tập II, Sđd, tr. 526.



vương triều Tây Sơn trong công cuộc kiến thiết nước nhà. Triều đại nối tiếp Quang Trung thì lại tỏ ra bất lực, nội bộ chia rẽ đã không làm tốt được di mệnh của người đã khuất, mà còn sớm thui chột đi những thành quả vừa mới hé mở. Điều đó đã làm cho ý nghĩa tiến bộ của những cải cách của Quang Trung mới chỉ nằm trong khả năng nhiều hơn hiện thực để đến khi Nguyễn Ánh tiếp quản thì những chính sách đó bị thủ tiêu hoàn toàn.

## Chương X

# TRIỀU TÂY SƠN SỤP ĐỔ VÀ VIỆC KHÔI PHỤC CHÍNH QUYỀN PHONG KIẾN CỦA NHÀ NGUYỄN

Triều Tây Sơn được ra đời từ sau những thắng lợi của phong trào Tây Sơn và nó đã từng có những đóng góp nhất định trong lịch sử dân tộc, nhưng chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn đã bị sụp đổ trước thế lực của Nguyễn Ánh với sự khôi phục lại chế độ phong kiến của nhà Nguyễn bắt đầu từ 1802 trở đi. Quá trình thực hiện ý đồ tiêu diệt nhà Tây Sơn của Nguyễn Ánh được tiến hành trong một giai đoạn lịch sử gồm 4 thời kỳ.

## 1. THỜI KỲ NGUYỄN ÁNH LƯU VONG VÀ CẦU VIỆN BÊN NGOÀI (1777-1787)

### 1.1. Nguyễn Ánh nhiều lần thua chạy và cầu viện Xiêm

Nguyễn Ánh là con thứ 3 của Hiếu Khang vương Nguyễn Phúc Luân và là cháu của Thế Tông Hiếu Vũ Hoàng đế Nguyễn Phúc Khoát, sinh vào năm Nhâm Ngọ (1762), húy là Chung và Noãn, tên gọi là Phúc Ánh. Năm 1765, Hiếu Khang vương mất, Nguyễn Ánh được Duệ Tông Hoàng đế Nguyễn Phúc Thuần yêu quý cho vào trong cung. Năm 1773, nghĩa quân Tây Sơn nổi dậy, năm 1774, quân Trịnh vào đánh Phú Xuân, lúc đó Nguyễn Ánh mới 13 tuổi phải theo Duệ Tông chạy vào Quảng Nam. Năm 1775, vào đến Gia Định, được Duệ Tông trao cho chức *Chương sử, coi quân Tả Dực*<sup>1</sup>. Mỗi khi có việc quân, Duệ Tông thường với Nguyễn Ánh bàn tính, nhiều điều rất đúng, các tướng đều tâm phục<sup>2</sup>. Vì thế, Nguyễn Ánh

---

1, 2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 1, tập I, Sđd, tr. 204.

đã theo Duệ Tông không lúc nào rời, năm 1776, đến Tam Phụ (Ba Giòng - thuộc tỉnh Định Tường), Nguyễn Ánh đã chiêu tập binh sĩ ở Đông Sơn. Mùa xuân năm 1777, Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ đem quân vào đánh Gia Định, Duệ Tông phải chạy đến Đàng Giang (sông Gianh - thuộc Định Tường), Nguyễn Ánh đem binh Đông Sơn đến cứu viện đón Duệ Tông đến Cần Thơ (thuộc tỉnh An Giang), rồi ra Long Xuyên (thuộc tỉnh Hà Tiên). Tháng 9 năm đó, quân Tây Sơn đuổi riết, Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần bị nạn chết. Nguyễn Ánh chạy thoát ra sông Khoa (thuộc Long Xuyên), rồi ra lánh ở đảo Thổ Châu<sup>1</sup>. Nguyễn Huệ cho lui quân về Quy Nhơn, đã giao việc chia giữ các dinh ở Gia Định lại cho *Tổng đốc* Chu, *Hồ tướng* Hãn, *Tư khấu* Oai, *Điều khiển* Hòa và *Cai cơ* Chấn. Nguyễn Ánh thừa cơ đến tháng 10 (1777) đã đem quân về Long Xuyên, tiến đến Sa Đéc tập hợp các quan quân cũ ở các nơi lại như *Chưởng dinh ngoại hữu* Phương quận công Đỗ Thanh Nhân cùng với *thuộc hạ* là Lê Văn Quân nhóm họp nghĩa dũng ở Ba Giòng, truyền hịch cho *Thống nhung* Nguyễn Văn Hoàng, *Trưởng dinh* Tống Phước Khuông, *Tổng Phước Lương* và *Điều khiển* Dương Công Trừng, *Cai cơ* Hồ Văn Lân đem quân đến họp. Tháng 11, đánh úp được *Điều khiển* Hòa (quân của Tây Sơn) ở dinh Long Hồ (tức Vĩnh Long). Tháng 12, quân Nguyễn Ánh đã tiến đánh chiếm lại được Sài Gòn. Đầu năm Mậu Tuất (1778), vì Duệ Tông mất, Đỗ Thanh Nhân cùng các tướng đã tôn Nguyễn Ánh lên làm Đại nguyên soái, nhiếp chính, quyền coi việc nước lúc ấy mới 17 tuổi<sup>2</sup>. Tháng 2, quân Tây Sơn do *Tổng đốc* Chu và *Hộ giá* là Phạm Ngạn đem quân đánh phá vùng ven sông Trấn Biên và Biên Hòa đều bị đánh lui. Tháng 3, Nguyễn Ánh sai Đỗ Thanh Nhân giữ Sài Gòn, rồi tự làm tướng đóng ở Lật Giang, dựng cờ "Tam quân tư mệnh" để chỉ huy tướng sĩ. Tháng 5, Đỗ Thanh Nhân cùng Lê Văn Quân hợp bàn đánh thắng được Tây Sơn ở Bến Nghé, chém được *Tư khấu* Oai của Tây Sơn, rồi cướp hết tất cả thuyền chiến. Nguyễn Văn Hoàng thì tiến

---

1, 2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 1, tập I, Sđd, tr. 205.

quân đánh thắng được Tây Sơn ở Lộc Dã (Đồng Nai) thuộc Biên Hòa, thu phục được Trấn Biên, khôi phục lại đất Gia Định. Tướng Tây Sơn là Phan Ngạn phải bỏ chạy về Quy Nhơn. Sau đó, Lê Văn Quân đem quân tiến đánh được Bình Thuận. Nguyễn Ánh cho triệu Quân về, rồi sai Thống nhung *Chương cơ* Nguyễn Văn Hoàng và Lễ bộ Nguyễn Nghi, hợp binh với Chu Văn Tiếp để giữ đất Bình Thuận.

Trong thời gian này (từ 1779 đến tháng 3-1782), Nguyễn Ánh đã sai Đỗ Thanh Nhân, Hồ Văn Lân và Dương Công Trừng đem quân đi đánh Chân Lạp, giết vua Chân Lạp là Nặc Vinh (vì Nặc Vinh đã giết anh là Nặc Thâm để lên ngôi) và lập con Nặc Vinh là Nặc Ân lên thay, rồi lưu Văn Lân ở lại bảo hộ<sup>1</sup>.

Tháng 11, Nguyễn Ánh cho xem lại bản đồ các dinh ở đất Gia Định, chia vạch địa giới của các dinh và cho bãi bỏ 9 khổ trường, sai các dinh châm chước lệ cũ thuế điền thổ mà chữa lại cho cân bằng<sup>2</sup>.

Đầu năm 1780, Nguyễn Ánh chính thức lên ngôi vương ở Sài Gòn<sup>3</sup>, ra lệnh luận công tôn phò, thăng chức cho quan lại. Đỗ Thanh Nhân được làm *Ngoại hữu phụ chính* thượng tướng công, Tổng Phước Khuông làm *Ngoại tả*, Tổng Phước Lương làm *Nội hữu*, Nguyễn Đình Thuyên làm *Nội tả*, Trần Đại Thê làm *Tham nghị*, Hồ Đồng làm Thượng thư *bộ Lại*, Trần Phúc Giai làm Thượng thư *bộ Hộ*, Nguyễn Nghi làm Thượng thư *bộ Lễ*, Thượng thư *bộ Binh* là Minh và Thượng thư *bộ Hình* là Trần Minh Triết cùng hàng loạt tướng sĩ đều được thăng thưởng có thứ bậc khác nhau.

Tháng 6 năm đó, Nguyễn Ánh sai *Cai cơ* là Sâm và Tĩnh sang Xiêm để giao hiếu.

Sang tháng 3 năm 1781, Nguyễn Ánh đã sai người sát hại *Ngoại hữu phụ chính* Thượng tướng công Đỗ Thanh Nhân về tội cậy thế lộng quyền và tham nhũng của công quỹ, rồi chia quân Đông Sơn làm 4 quân: *Tiền*, *Hữu*, *Tả*, *Hậu* giao cho các tướng khác trông coi, kể cả thủy binh và bộ binh.

---

1, 2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 1, tập I, Sđd, tr. 207.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 1, tập I, Sđd, tr. 208.

Đến tháng 5, Nguyễn Ánh đã cho điểm duyệt số quân các dinh ở thủy bộ trong ngoài<sup>1</sup>, gồm có: 3 vạn người, thuyền đi biển 80 chiếc, thuyền chiến lớn 3 chiếc, tàu Tây Dương 2 chiếc, bàn định việc đi đánh Tây Sơn. *Tiết chế* Tôn Thất Dụ được lệnh đem bộ binh ở Bình Thuận, *Chương cơ* Tống Phước Thiêm, Nguyễn Hữu Thụy và Dương Công Trừng được lệnh đem thủy quân ở Gia Định cùng tiến đến hội quân với Chu Văn Tiếp ở Nha Trang. Quân Tây Sơn đã đem rất nhiều voi chiến ra bày trận khiến quân của Nguyễn Ánh phải lui, Chu Văn Tiếp lui quân về giữ Trà Lang (thuộc Phú Yên), gặp lúc ở Gia Định lại có cuộc biên của quân Đông Sơn do vây cánh cũ của Đỗ Thanh Nhân là Võ Nhân và Đỗ Bang chủ mưu, quân của Nguyễn Ánh thế yếu phải lui về.

Tháng 10, nước Xiêm sai tướng Chắt Tri và So Si (là hai anh em) sang đánh Chân Lạp. Vua Chân Lạp là Nặc Ân bẩm báo lên Nguyễn Ánh. Đầu năm 1782, Nguyễn Ánh sai Nguyễn Hữu Thụy và Hồ Văn Lân đem binh thuyền sang cứu viện. Chắt Tri tâu báo vua Xiêm là Trịnh Quốc Anh đã bắt giam cả nhà họ, nên họ muốn cầu hòa nước ta xin kết làm ngoại viện<sup>2</sup>. Hữu Thụy và Chắt Tri đã họp bàn cùng uống rượu và bẻ mũi tên để thề, Hữu Thụy còn đem ba bảo vật là cờ, đao và kiếm để tặng rồi về. Chắt Tri về nước giết vua Xiêm là Trịnh Quốc Anh, tự lập mình lên làm vua gọi là vua Phật, phong cho em Sô Si làm vua thứ hai và cháu là Ma Hặc làm vua thứ ba<sup>3</sup>. Những nạn nhân của nước ta do Trịnh Quốc Anh đày đi nơi khác đều được thả về thành Vọng Các rồi được vua mới của Xiêm cấp cho tiền, gạo và nuôi nấng đầy đủ<sup>4</sup>. Hữu Thụy bẩm báo việc bên ngoài về nước, Nguyễn Ánh lệnh cho rút quân.

Bắt đầu từ tháng 3 năm 1782, quân Tây Sơn lại đem quân vào đánh phá Gia Định. Nguyễn Văn Nhạc nghe tin Đỗ Thanh Nhân đã bị giết, mừng và nói rằng: "*Thanh Nhân chết rồi, các tướng khác không đủ sợ nữa*"<sup>5</sup>. Bèn đem chiến thuyền vài trăm chiếc và cù đại

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 1, tập I, Sđd, tr. 210.

2, 3, 4, 5. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 1, tập I, Sđd, tr. 211.

binh vào đánh. Quân Tây Sơn kéo đến cửa biển Cần Giờ, Nguyễn Ánh sai Tổng Phước Thiêm, điều bát trận thủy binh bày trận ở sông Thất Kỳ. Quân Tây Sơn nhân chiều gió xông thẳng tới. Quân Nguyễn Ánh phải lùi. Một mình *Cai cơ* Mãn Hòe (Emmanuel - người Pháp do Bá Đa Lộc giới thiệu) đi trên tàu Tây Dương cố sức đánh rất lâu, sau bị chết vì hỏa công. Được tin, Nguyễn Ánh tự đốc binh thuyền ra tiếp ứng bị quân Tây Sơn đánh lùi về Ngã Ba (Tam Kỳ Giang), rồi rời về Ba Giồng. Tổng Phước Thiêm bị đồ đảng của quân Tây Sơn giết chết. *Quân Tây Sơn lại chiếm giữ được Sài Gòn*<sup>1</sup>. Tháng 4, Tiết chế dinh Bình Thuận là Tôn Thất Dụ đem Tả chi Hoàng Xuân Trạch, thuộc tướng là Trần Văn Tự và thuộc tướng đạo Hòa Nghĩa là Trần Công Chương vào cứu viện, chém được hộ giá của Tây Sơn là Phạm Ngạn ở cầu Tham Lương. Nguyễn Văn Nhạc nghe tin Ngạn chết, đau như mất hai tay và cho rằng đạo quân Hòa Nghĩa toàn là người Thanh, bèn sai bắt hết người Thanh hơn 1 vạn người ở Gia Định (không kể là dân hay lính, thậm chí cả người buôn bán) đem giết, bỏ xác xuống sông, đến hơn một tháng sau không ai dám ăn tôm, cá và uống nước sông ấy<sup>2</sup>. Nguyễn Ánh phải dời đi Lữ Phụ (Giồng Lữ - thuộc tỉnh Định Tường), bầy tôi lục tục chạy theo. Nguyễn Ánh thu thập được tàn quân chỉ còn độ 300 người, sai dựng đồn để chống giữ, gặp lúc tướng quân của Tây Sơn là Đô đốc Nguyễn Học vừa đến, quân của Nguyễn Ánh chém được, quân Tây Sơn chạy, Nguyễn Ánh bắt được 30 chiến thuyền, thừa thắng tiến đến dinh Trấn Định, tiến đóng ở Ngã tư (sông Tứ Kỳ thuộc tỉnh Gia Định). Gặp lúc Nguyễn Huệ đem quân mạnh ào ạt tiến đến, bày trận đánh rất dữ. Quân Nguyễn Ánh thua phải lui về giữ sông Lật Giang, rồi lại lánh sang miền Hậu Giang. Sau đó Nguyễn Ánh phải cử Nguyễn Hữu Thụy, Trần Xuân Trạch cùng *Cai cơ* Cao Phúc Trí mượn đường Chân Lạp sang *Xiêm cầu viện*. Chân Lạp ngầm giúp Tây Sơn bèn giết chết bọn Hữu Thụy. Nguyễn Ánh chạy đến Giá Khê (Rạch Giá thuộc Kiên Giang), Chân Lạp đã hợp binh thuyền gồm hơn 30 chiếc đuổi Nguyễn Ánh đến Sơn

---

1, 2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 1, tập I, Sđd, tr. 212.

Chiết<sup>1</sup>. Nguyễn Ánh phải chạy đến Hà Tiên, đi thuyền nhỏ trốn ra đảo Phú Quốc<sup>2</sup>.

Tháng 5, Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đã dẫn quân về Quy Nhơn chỉ lưu hàng tướng Đông Sơn là Đỗ Nhân Trập cùng *Hộ bộ* là Bá ở lại cùng 3.000 quân giữ Gia Định, đóng đồn ở Bến Nghé.

Tháng 6, tướng của Nguyễn Ánh là Hồ Văn Lân thu hợp dư đảng, đánh được Đô đốc của Tây Sơn là Nguyễn Loan ở Long Hồ, sau đó cùng với *Điều khiển* Dương Công Trừng và *Cai cơ* Nguyễn Văn Quý hợp binh tiến đánh quân Tây Sơn ở sông Lật Giang, bắt được hơn 10 chiếc thuyền.

Tháng 6, tướng Chu Văn Tiếp của Nguyễn Ánh đã mang quân vào cứu viện dưới lá cờ đề bốn chữ "*Luong son tá quốc*" cùng với *Thiếu phó* Tôn Thất Mãn chia các tướng: Phạm Văn Sỹ làm *Tiên phong*, Lê Văn Quân làm *Tả chi*, Nguyễn Văn Thuận làm *Hữu chi*, Nguyễn Văn Thảo làm *Hậu đạo*, Nguyễn Long và Phạm Viện làm *Bảo hộ*, Tôn Thất Mãn làm *Trung quân*. Văn Tiếp tự lãnh quân làm sách ứng. Tướng của Tây Sơn là Đỗ Nhân Trập đem quân ra đón đánh bị quân của Nguyễn Ánh nối tiếp đánh theo, bị thua, chết không kể xiết. Nhân Trập phải chạy về Quy Nhơn. Văn Tiếp lấy lại được Sài Gòn, sai người ra đảo Phú Quốc báo tin thắng trận và đón Nguyễn Ánh về Gia Định. Sau trận này Chu Văn Tiếp được làm *Ngoại tả chương dinh*. Tôn Thất Dụ làm *Ngoại hữu chương dinh*.

Tháng 11 năm đó, Nguyễn Ánh sợ quân Tây Sơn lại vào đánh, đã cho đặt đồn Thảo Cầu (Vàm Cỏ ở phía Nam sông lớn Gia Định), giao cho tướng Dương Công Trừng giữ, ở phía Bắc thì đặt đồn Giác Ngự (Cà Dốc) giao cho Tôn Thất Mãn giữ. Ngang sông bắc cầu phao để tiện đi lại. Trong sông cho đặt hơn 100 chiếc thuyền làm thế dựa vào nhau cho Chu Văn Tiếp, Tôn Thất Cốc, Võ Di Ngụy, Lưu thủ Thăng và *Tiên phong* Túy quản lãnh, ở phía trước đặt một con rồng cỏ để phòng hòa công<sup>3</sup>.

---

1, 2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 1, tập I, Sđd, tr. 213.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 1, tập I, Sđd, tr. 215.

Tháng 2 năm Quý Mão (1783), quân Tây Sơn do Nguyễn Văn Lữ và Nguyễn Văn Huệ đem thuyền ngược dòng lên cửa biển Cần Giờ (Cần Thơ) đánh phá được Sài Gòn. Quân Nguyễn Ánh thua, tướng Tôn Thất Mãn thua bị chết và Dương Công Trừng bị bắt. Nguyễn Ánh phải dời đi Ba Giồng (Tam Phú), bầy tôi đi theo chỉ còn 5-6 người, quân lính không đầy một trăm<sup>1</sup>. Tháng Tư, Nguyễn Ánh lại đem quân phản công, nhưng bị thua, nhiều tướng lĩnh bị bắt và chết, Nguyễn Ánh phải chạy đến sông Đăng Giang (sông Chanh), về Mỹ Tho, rồi đón quốc mẫu và gia quyến trốn ra đảo Phú Quốc, đóng ở hòn Điệp Thạch (hòn Đá Chồng)<sup>2</sup>. Bị quân Tây Sơn do tướng Phạm Tiến Thận đánh úp, Nguyễn Ánh phải đi thuyền khác trốn ra đảo Côn Lôn, những người còn lại là Tôn Thất Điền, Tôn Thất Cốc, *Chương cơ* Hoàng và tướng Xiêm cùng đi theo là Vinh Ly Ma đều bị bắt. Tháng Tám, Nguyễn Huệ sai *Phò mã* Trương Văn Đa đem quân đến vây đánh Nguyễn Ánh ở Côn Lôn. Binh thuyền gặp gió bão bị đắm không thắng được, Nguyễn Ánh vượt vòng vây thoát ra khỏi đảo Cổ Cốt (thuộc Côn Lôn), rồi lại trở về đảo Phú Quốc<sup>3</sup>.

Nguyễn Văn Lữ và Nguyễn Văn Huệ rút về Quy Nhơn, chỉ để *Phò mã Trương Văn Đa* và *Chương tiền quân* Bảo ở lại giữ Gia Định. Nguyễn Ánh đến cửa biển Đốc Công, rồi dời về Hòn Chông, sau nữa lại về đảo Thổ Châu<sup>4</sup>. Các tướng đi theo cuộc chạy dài của Nguyễn Ánh lúc thì khiêng kiệu, lúc thì chèo thuyền rất mệt nhọc, có lúc Nguyễn Ánh đã phải tự mình chèo thay, khiến mọi người càng thêm lòng trung nghĩa với Nguyễn Ánh.

Tháng Hai năm Giáp Thìn (1784), Nguyễn Ánh phải chạy sang cầu cứu Xiêm. Đi theo có Tôn Thất Hội cùng nhiều đồ đệ khoảng hơn 30 người và vài chục quân lính theo hầu<sup>5</sup>. Nguyễn Ánh và đoàn

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 2, tập I, Sdd, tr. 216.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 2, tập I, Sdd, tr. 217.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 2, tập I, Sdd, tr. 218.

4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 2, tập I, Sdd, tr. 219.

5. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 2, tập I, Sdd, tr. 221.



tùy tùng được vua Xiêm đón tiếp và ủy lạo hết lễ, vua Xiêm đã nhận lời giúp Nguyễn Ánh phục quốc và còn đem những lễ vật như cờ và gươm mà Nguyễn Hữu Thùy từng trao tặng trong cuộc thề ước năm 1781 ra làm tin, rồi định ngày xuất quân.

Bắt đầu từ tháng Sáu năm ấy, Nguyễn Ánh đem quân từ Xiêm về đánh Gia Định cùng sự giúp đỡ của hai người cháu vua Xiêm là Chiêu Tăng và Chiêu Sương với 2 vạn thủy quân và 300 chiến thuyền<sup>1</sup>. Chu Văn Tiếp được làm Bình Tây đại Đô đốc.

Tháng Bảy, Nguyễn Ánh đánh tan được quân Tây Sơn, lấy được Ba Xắc, Trà Ôn, Mân Thít và Sa Đéc, rồi chia quân đóng đồn. Tháng Mười, *Ngoại chương dinh* Bình Tây đại Đô đốc Chu Văn Tiếp bị tử trận ở sông Mân Thít, Nguyễn Ánh rất thương tiếc. Quân Xiêm rất tàn bạo, đi đến đâu là cướp bóc đến đấy, nhân dân oán thán rất nhiều. Nguyễn Ánh bảo các tướng rằng: "Muốn lấy được nước, phải được lòng dân... Nếu được Gia Định mà mất lòng dân thì ta cũng không nở làm. Thà hãy lui quân để đừng làm khổ nhân dân"<sup>2</sup>.

Tháng Chạp, được tin cấp báo, Nguyễn Văn Huệ đem binh thuyền vào cứu Sài Gòn, mai phục ở Rạch Gầm và Xoài Mút (thuộc tỉnh Định Tường) rồi dụ quân Xiêm lại đánh. Chiêu Tăng và Chiêu Sương thua to bỏ chạy, quân lính chỉ còn vài nghìn phải theo đường núi Chân Lạp mà chạy về nước. Nguyễn Ánh phải chạy ra Trấn Giang<sup>3</sup>, rồi lại tới Thổ Châu. Quân Tây Sơn đuổi riết đến Thổ Châu, Nguyễn Ánh lại chạy sang đảo Cổ Cốt và đến tháng 3 năm Ất Tỵ (1785) lại chạy sang Xiêm. Đồ đệ đi theo Nguyễn Ánh có Tôn Thất Huy, Tôn Thất Hội cùng 26 người, quân lính chỉ còn lại hơn 200 người và 5 chiếc thuyền<sup>4</sup>. Đến thành Vọng Các (nước Xiêm), Nguyễn Ánh trú chân tại Long Kỳ (Đồng Khoai - ngoại thành Vọng Các) vì quân Tây Sơn còn đương mạnh chưa thể tiến

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 2, tập I, Sđd, tr. 221.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 2, tập I, Sđd, tr. 222.

3, 4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 2, tập I, Sđd, tr. 223.

đánh được. Hai tháng sau, Lê Văn Quân mới dẫn 600 thuộc bộ tới và nhiều tướng lĩnh khác cũng lục tục kéo đến<sup>1</sup>.

Nguyễn Ánh đã cho quân làm đồn điền để tự cấp lương thực và còn sai người ra hải đảo để đóng thuyền chiến hoặc ngầm về Gia Định để mộ người nghĩa dũng mưu việc hưng phục.

Nguyễn Ánh đi khỏi, Nguyễn Huệ lại trở về Quy Nhơn, để Đô úy Đặng Văn Trấn ở lại giữ Gia Định.

## 1.2. Nguyễn Ánh cầu cứu nước Pháp

Cầu viện Xiêm không đưa lại kết quả, Nguyễn Ánh quay sang cầu cứu nước Pháp. Vào tháng Chín năm Đinh Dậu (1777), Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần bị quân Tây Sơn đuổi riết, mắc nạn rồi chết<sup>2</sup>, mình Nguyễn Ánh chạy thoát đến vùng sông Khoa (thuộc Long Xuyên, Hà Tiên). Tại đây, Nguyễn Ánh có cơ hội gặp Bá Đa Lộc, giám mục người Pháp đang trông coi một chủng viện ở Hòn Đất, ngoài mồm Hà Tiên, Bá Đa Lộc khuyên Nguyễn Ánh nên cầu viện nước Pháp. Tên thật của Bá Đa Lộc là Pierre Joseph Georges Pigneau de Béhaine, sinh năm 1741, mất năm 1799 tại Quy Nhơn. Bá Đa Lộc theo học và tốt nghiệp trường dòng của Hội truyền giáo ngoại quốc ở Pháp. Năm 1765, Bá Đa Lộc qua Ấn Độ, rồi đến Đàng Trong vào năm 1767, phụ trách trường dòng ở Hà Tiên. Sau một thời gian, Bá Đa Lộc lại sang Ấn Độ bốn năm, đến 1774 mới trở lại<sup>3</sup>. Ở Hà Tiên, Bá Đa Lộc được trấn thủ đất Hà Tiên là Mạc Thiên Tứ cư xử rất độ lượng. Bá Đa Lộc thường đi lại truyền giáo trên vùng đất giữa Chân Lạp và Gia Định<sup>4</sup> nên đã nắm rất chắc tình hình ở đây. Năm 1780, khi Nguyễn Ánh lên ngôi vương ở Gia Định, Bá Đa Lộc đến yết kiến và xin giúp việc<sup>5</sup>. Bá Đa Lộc

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 2, tập I, Sđd, tr. 223.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 1, tập I, Sđd, tr. 205.

3. Trung tâm biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, *Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập I, Hà Nội, 1995, tr. 107.

4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 2, tập I, Sđd, tr. 218.

*Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 28, tập II, Sđd, tr. 476.

5. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 28, tập II, Sđd, tr. 476.

muốn dựa vào lực lượng của Nguyễn Ánh để tăng thêm thanh thế cho Giáo hội và cũng là để thực hiện ý đồ mở đường cho sự xâm lược của thực dân Pháp, nên đã khuyên Nguyễn Ánh cầu cứu nước Pháp. Năm 1783, bị quân Tây Sơn đánh đuổi, Nguyễn Ánh phải long đong chạy từ đảo này sang đảo khác, lúc thì ở đảo Cổ Cốt, lúc lại trở về đảo Phú Quốc, nghe tin Bá Đa Lộc đang ở Chan Bôn (Chantabun) đất Xiêm, liền sai người mời đến để nhờ việc cầu cứu nước Pháp. Nguyễn Ánh nói với Bá Đa Lộc rằng: "Hiện nay giặc Tây Sơn chưa dẹp được, bốn mặt kinh đô còn nhiều đồn lũy mà đảo Thổ Châu và đảo Phú Quốc không có chỗ nào ở yên được, vận nước ta gặp bước gian truân, khanh đã rõ rồi. Khanh có thể vì ta đi sứ sang Đại Tây, nhờ đem quân sang giúp ta được không"<sup>1</sup>. Để làm tin, Nguyễn Ánh đã trao con trai là Hoàng tử Cảnh mới 4 tuổi cho Bá Đa Lộc<sup>2</sup>. Tháng 12 năm 1784, Bá Đa Lộc cùng hai quan hầu Hoàng tử Cảnh là Phạm Văn Nhân và Nguyễn Văn Liêm lên đường đi Tây Dương<sup>3</sup>. Đến tháng 2 năm 1785, tới Tiểu Tây Dương (thuộc địa của Pháp ở Ấn Độ), dừng lại ở thành Phong Tỳ Sê Ri (Pondichéry)<sup>4</sup>. Tháng 6 năm 1786, mới tới Đại Tây. Lúc đó Phạm Văn Nhân và Nguyễn Văn Liêm cho Hồ Văn Nghị (tức Paul Nghị - Linh mục người Pháp đi theo Bá Đa Lộc) đem tờ biểu về dâng Nguyễn Ánh ở thành Vọng Các<sup>5</sup> nước Xiêm. Về đến Pháp, Bá Đa Lộc đã phải làm một cuộc vận động nói về những nguồn lợi ở bán đảo Đông Dương nếu có sự giúp đỡ của Nguyễn Ánh ở Gia Định trong công cuộc chống chọi với Tây Sơn để khôi phục địa vị. Qua nhiều lần thương thuyết, một bản hiệp ước chính thức được ký kết ngày 28-11-1787 tại Pháp, giữa một bên là Bá tước Môngmôranh (Comte de Montmorin), đại diện cho vua Lu-i XVI của Pháp với một bên là Bá Đa Lộc, đại diện cho Nguyễn Ánh, vua của xứ Gia Định<sup>6</sup>. Bản hiệp ước với những điểm chính sau:

1, 2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 2, tập I, Sđd, tr. 218.

3, 4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 2, tập I, Sđd, tr. 223.

5. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 2, tập I, Sđd, tr. 226.

6. Theo nguồn tài liệu trong nước như *Đại Nam thực lục chính biên, Đại Nam liệt truyện chính biên*, đều nói việc Bá Đa Lộc đưa Hoàng tử Cảnh sang Pháp cầu viện 4 năm, được vua Pháp tiếp đãi theo vương lễ, nhưng

- Đối với Pháp, vua nước Pháp hứa và cam kết việc giúp Nguyễn Ánh khôi phục lại đất đai. Nước Pháp sẽ cấp cho Nguyễn Ánh về vũ khí và binh lính thường kỳ, bao gồm 4 tàu chiến, 1.200 người, 200 pháo binh và 250 lính châu Phi cùng nhiều quân khí, quân trang và trọng pháo;

- Đối với Nguyễn Ánh sẽ phải nhường cho nước Pháp được chủ quyền và sở hữu tuyệt đối về đảo và cảng Hội An ngay từ khi quân đội Pháp lấy lại được cảng này. Vua Pháp còn có chủ quyền và sở hữu về quần đảo Côn Lôn. Người Pháp được quyền xây dựng nhà ở trên đất liền và mở rộng cảng Hội An khi cần thiết. Những người Pháp được hoàn toàn tự do buôn bán ở trong nước, được quyền tự do xuất nhập khẩu mọi hàng hóa, được chính quyền Gia Định bảo vệ tính mạng và tài sản của họ. Khi vua Pháp có chiến sự với bất kỳ một nước nào, vua Gia Định phải cam đoan sẽ gửi giúp về binh lính, thủy thủ, lương thực, tàu chiến và nhận đài thọ mọi trang bị cùng việc nuôi dưỡng.

Qua nội dung của những điều khoản trong hiệp ước này chứng tỏ người Pháp đã nhân cơ hội giúp Nguyễn Ánh để giành lấy đặc quyền. Còn Nguyễn Ánh thì chỉ vì muốn khôi phục lại địa vị của mình mà đã phải chịu bán rẻ đi một phần lãnh thổ của Tổ quốc cũng như chấp nhận dành cho người Pháp nhiều chủ quyền về quốc gia. Không chỉ đối với Pháp mà trong việc cầu cứu với bên ngoài, Nguyễn Ánh còn cầu viện cả người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha nữa. Sách *Đại Nam liệt truyện, chính biên* còn ghi việc hai người Tây Ban Nha là Gia Đố Bi và Ma Nộ E cũng theo Bá Đa Lộc giúp Nguyễn Ánh. Năm Quý Mão (1783) được sai vượt biển sang Lã Tống (tên một hòn đảo lớn ở Phi Luật Tân) cầu giúp binh, nhưng

---

không giúp phải trở về nước (*Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, tr. 248; *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 28, tr. 476). Những điều khoản nói trên là theo nguồn tài liệu nước ngoài, trong "*Histoire moderne du pays d'Annam (1592-1820)*" của Charles Maybon, Paris, 1918. Dẫn theo: *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập III, Sđd, tr. 360-361.

giữa đường gặp binh thuyền của Tây Sơn giết chết<sup>1</sup>. Năm Đinh Mùi (1787), khi Nguyễn Ánh đang trú ở thành Vọng Các, một người Bồ Đào Nha tên là Ấng Tôn Nui mang vài Tây Dương cùng súng tay đến hành tạị để dâng và nói rằng: "Hoàng Cả Cảnh cầu nước ấy giúp quân, hiện đã có 56 chiếc thuyền tại thành Cô A (Goa) để giúp". Nhưng thấy vua Xiêm không bằng lòng, Nguyễn Ánh phải nói kín cho Ấng Tôn Nui về nước<sup>2</sup>.

Trong thời gian chờ viện trợ của Pháp, Nguyễn Ánh sống lưu vong ở Xiêm. Tháng 2 năm 1787, những thuộc tướng của Nguyễn Ánh là Tổng Phước Đạm, Nguyễn Đô, Tổng Phước Ngọc, Nguyễn Văn Thiệm đến yết kiến Nguyễn Ánh ở thành Vọng Các và thảo trình về việc anh em Tây Sơn giao binh chém giết lẫn nhau, Đặng Văn Chân (tướng Tây Sơn) đã đem hết quân ở Gia Định về cứu Quy Nhơn, Gia Định trở nên đơn yếu, có thể thừa kế đánh được, khuyên Nguyễn Ánh hồi loan để tính chuyện khôi phục Gia Định. Tháng 7, Nguyễn Ánh về nước trú ở Hòn Tre (Trúc Dữ), vì biết người Xiêm từ sau cuộc bại trận năm Giáp Thìn (1784) sợ Tây Sơn như cọp, không thể giúp mình được và có giúp cũng vô ích<sup>3</sup>, nên quyết định ngầm rút về nước.

## 2. THỜI KỲ NGUYỄN ÁNH CHIẾM LẠI VÀ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG Ở GIA ĐỊNH (1787-1790)

### 2.1. Nguyễn Ánh chiếm lại Gia Định

Nguyễn Ánh trở về nước lúc này đã được nhiều thế lực hưởng ứng. Khi thuyền về đến đảo Cổ Cốt, có người Thanh là Hà Kỳ Văn (là đảng của Bạch Liên giáo ở Tứ Xuyên, xưng là Thiên địa hội), từ Côn Lôn đem binh thuyền đến xin theo. Được Nguyễn Ánh trao cho Hà Kỳ Văn chức quản *Tuần hải đô dinh đại tướng quân*. Thuộc

---

1. *Đại Nam liệt truyện, Chính biên*, quyển 28, tập II, Sđđ, tr. 477.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđđ, tr. 227.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđđ, tr. 228.

hạ của Hà Kỳ Văn gồm 10 người cũng đều được trao các chức *Khâm sai tổng binh, Thống binh, Phi kỵ úy...*<sup>1</sup>

Nguyễn Ánh đã cử Võ Di Nguy và Phạm Văn Nhân ở lại đảo Phú Quốc hầu quốc mẫu và cung quyền, rồi trở thuyền về Long Xuyên. Đến đây Nguyễn Ánh được Nguyễn Văn Trương (nguyên là tướng của Tây Sơn, người huyện Lễ Dương, dinh Quảng Nam) đem hơn 300 quân tinh nhuệ và 15 chiến thuyền đến quy thuận. Được Nguyễn Ánh trao cho chức *Khâm sai chuồng cơ*, quản đạo tiên phong của Thủy dinh thuộc Trung quân. Thuộc hạ của Văn Trương cũng đều được trao các chức *Cai cơ, Cai đội*<sup>2</sup>.

Tháng 8 năm 1787, Nguyễn Ánh để Cai cơ Ngô Công Quý giữ đạo Long Xuyên, rồi cùng Nguyễn Văn Trương đem quân đánh phá vỡ đồn Trà Ôn. Nguyễn Văn Nghĩa đã đem quân sở thuộc đến hàng. Nguyễn Ánh liền trao cho chức *Chuồng cơ* và cho theo đi đánh Tây Sơn.

Tháng 9, thuyền của Nguyễn Ánh đến cửa biển Cần Giò, nghĩa quân bốn phương kéo đến như mây để hưởng ứng, tiếng quân lẫy lừng<sup>3</sup>. Nguyễn Lữ sợ phải dẫn quân lính đi Lạng Phụ (thuộc Biên Hòa), đắp lũy cố thủ. Thái bảo Phạm Văn Tham (tướng Tây Sơn) vẫn đóng giữ Sài Gòn. Nguyễn Ánh dùng kế chia rẽ quân Tây Sơn. Nhân bắt được bằng sắc và vợ của một viên quan tên là Thị Lộc, Nguyễn Ánh sai Thị Lộc mang thư và bằng sắc giả làm thư của Nguyễn Nhạc cho Tham nói Lữ nên giết Tham đi vì tính kiêu ngạo. Tham sợ, giả kéo cờ trắng đem thủy binh tiến thẳng đến Lạng Phụ. Lữ trông thấy cờ trắng, sợ Tham đã hàng, bèn chạy về Quy Nhơn, rồi ốm chết<sup>4</sup>. Tham lại đóng giữ Sài Gòn. Nguyễn Ánh đem quân về Hồ Châu, đến sông Ba Việt, Điều bát Nguyễn Kế Nhuận - tướng của Tây Sơn đem hơn 10 chiến thuyền đến đầu hàng, được Nguyễn Ánh trao cho chức *Hữu quân dinh khâm sai binh tây Đô đốc*.

---

1, 2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 228.

3, 4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 229.

Tướng Lê Văn Quân đánh quân Tây Sơn ở Ba Lai, giết được *Ngự úy* của Tây Sơn là Nguyễn Văn. Quân Nguyễn thừa thắng tiến đến đóng ở Mỹ Tho. Thái bảo Phạm Văn Tham đem quân đánh Mỹ Tho, bắt được *Cai cơ* Nguyễn Đăng Vân rồi giết. Đăng Vân vốn là người của Tây Sơn, được Nguyễn Huệ nuôi, sau chạy theo Nguyễn Ánh ở thành Vọng Các được phong chức *Cai cơ*, khi chết được truy phong chức *Chương cơ*<sup>1</sup>.

Sau Nguyễn Ánh thu hợp tướng sĩ hơn 300 người, hơn 20 thuyền chiến và chiêu tập thêm được vài nghìn dân của hai xứ Trà Vinh và Mân Thít sung vào lính đóng ở Hồ Châu, rồi lại tiến đến đóng ở Hôi Oa (thuộc tỉnh An Giang, nơi tiếp giáp hai nhánh của Tiền Giang và Hậu Giang), sai các tướng đắp thành đất, đối diện với quân Tây Sơn<sup>2</sup>.

Tháng 4 năm 1788, Võ Tánh (người Bình Dương, thuộc Phiên Trấn) có hơn một vạn quân đóng ở nguồn Khổng Tước, hợp đảng ở Gò Công đã đem cả bộ thuộc theo Nguyễn Ánh, được Nguyễn Ánh trao cho chức *Khâm sai tổng nhung chương cơ dinh tiền phong*. Những thuộc hạ của Võ Tánh đều được trao chức *Cai cơ*<sup>3</sup>. Nguyễn Ánh cho tiến quân về đóng ở Bát Tiên (thuộc tỉnh Vĩnh Long), rồi sai Tôn Thất Huy và Lê Văn Quân đi đánh đồn Trấn Định, bắt được *Chương cơ* Diệu và *Đô đốc* Nguyễn Văn Mân<sup>4</sup>.

Tháng 6, Nguyễn Ánh dự định cử đại binh tiến đánh lấy lại Sài Gòn. Hạ lệnh cho Tôn Thất Huy, Lê Văn Quân, Tôn Thất Hội, Nguyễn Kế Nhuận chuẩn bị chờ mệnh lệnh. Tháng 7, Nguyễn Ánh sai Nguyễn Văn Trương quản lính thủy quân đóng giữ ở Mỹ Tho để tiếp ứng cho bộ binh ở Trấn Định. Nguyễn Ánh tiến quân đóng ở Ba Giồng (Tam Phú) cùng với Tôn Thất Hội, Võ Tánh đem quân vây Đốc chiến của Tây Sơn là Lê Văn Minh ở đồn Ngũ Kiêu, bắt

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 230-231.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 231.

3, 4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 232.

được rất nhiều quân Tây Sơn. Cùng lúc đó, Nguyễn Văn Nghĩa cũng đánh phá được quân Tây Sơn ở Đồng Nai<sup>1</sup>.

Tháng 8, chiếm lại được thành Gia Định. Nguyễn Ánh từ Ba Giồng tiến đến Nghị Giang. Thái bảo Phạm Văn Tham của Tây Sơn dàn trận từ chợ Điều Khiển đến chợ Khung Dung để chống cự nhưng đã bị Võ Tánh cùng các tướng của Nguyễn Ánh đem quân chia đường đánh giáp lại, quân Tây Sơn tan vỡ hoàn toàn<sup>2</sup>. Từ đây, cả vùng Gia Định cũ lại thuộc về Nguyễn Ánh. Nguyễn Ánh chiếm lại được Gia Định một cách dễ dàng nhờ vào hậu thuẫn của thế lực địa chủ ở Gia Định và một phần là do sự nhu nhược và bất lực không chống đỡ nổi của Nguyễn Lữ cùng những mâu thuẫn lục đục trong nội bộ anh em nhà Tây Sơn.

## 2.2. Nguyễn Ánh xây dựng lực lượng ở Gia Định

Chiếm được Gia Định, Nguyễn Ánh đã nuôi ý đồ xây dựng lực lượng và thi hành hàng loạt biện pháp về hành chính, quân sự, kinh tế và văn hóa - xã hội trên đất Gia Định nhằm biến nơi đây làm căn cứ vững chắc để chờ thời cơ tấn công lại Tây Sơn.

### \* Về hành chính

Ngay từ cuối năm 1779 khi chưa lên ngôi vương, Nguyễn Ánh đã cho xem lại bản đồ các dinh trên đất Gia Định. Chia đặt địa giới của ba dinh *Trấn Biên*, *Phiên Trấn* và *Long Hồ* để dễ liên lạc với nhau. Dinh *Trấn Biên* có một huyện là *Phúc Long*, gồm 4 *tổng* (*Tân Chính*, *Bình An*, *Long Thành* và *Phúc An*); dinh *Phiên Trấn* có một huyện là *Tân Bình*, gồm 4 *tổng* (*Bình Dương*, *Tân Long*, *Phúc Lộc* và *Bình Thuận*); dinh *Long Hồ* đổi làm dinh *Hoàng Trấn*, có một châu là *Định Viễn*, gồm 3 *tổng* (*Bình An*, *Bình Dương* và *Tân An*). *Đạo Trường Đồn* là nơi yếu địa của ba dinh được đổi làm *dinh Trường Đồn* (tức tỉnh Định Tường sau này), gồm 1 huyện (*Kiến*

---

1, 2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 234.



An) và 3 tổng (Kiến Đăng, Kiến Hưng và Kiến Hòa). Đặt các chức *Lưu thủ*, *Cai bạ* và *Ký lục* để cai trị<sup>1</sup>.

Sau khi lên ngôi vương tháng 5 năm 1780, Nguyễn Ánh cho đổi *dinh Hoàng Trấn* làm *dinh Vĩnh Trấn*<sup>2</sup> và năm 1781 lại cho đổi *dinh Trường Đồn* làm *dinh Trấn Định*<sup>3</sup>.

Về quan chức trong hàng ngũ "*Tứ trụ đại thần*" và các bộ có các chức như sau: *Ngoại hữu*, *Ngoại tả*, *Nội hữu*, *Nội tả*, *Tham nghị* và *Thượng thư* các bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh và Hình)<sup>4</sup>.

Khi từ Xiêm trở về (7-1787) chiếm lại Gia Định, tiến quân đến đầu Nguyễn Ánh đã cho đặt quan lại và xây dựng chính quyền ở đây làm căn cứ vững chắc. Tháng 2 năm 1788, Nguyễn Ánh đã cho đặt *quan công đường* ở *dinh Vĩnh Trấn*, lấy Phạm Văn Thận làm *Ký lục*<sup>5</sup>. Tháng 7, tiếp tục đặt *quan công đường* ở *dinh Trấn Định*, cho Tôn Thất Huy, Phạm Văn Sỹ và Tống Phước Đạm cai quản mọi công việc tướng sĩ binh dân trong dinh hạt<sup>6</sup>. Khi chiếm lại được Gia Định, Nguyễn Ánh cho đặt nốt *quan công đường* ở hai dinh còn lại là *Phiên Trấn* và *Trấn Biên*<sup>7</sup>. Lấy *Ký lục* dinh Vĩnh Trấn là Phạm Văn Thận kiêm chức *Cai bạ* dinh Phiên Trấn và Nguyễn Doãn Thống làm *Ký lục*. Cự *Lưu thủ* Đoàn Văn Khoa làm *Lưu thủ* Trấn Biên và *Tham mưu* Trương Đức Khoa làm *Ký lục*. Sau đó lại cho đặt *nhà công đồng*<sup>8</sup> làm nơi cho các quan văn võ hội bàn việc công. Mọi việc đều theo chỉ vua mà truyền thị và sai phái đều xưng là *công đồng*, đóng ấn khắc bốn chữ *Thiên ngôn doãn hiệp* (Đều bàn hiệp nhau - Mọi người đồng ý). Ở những nơi xung yếu còn cho đặt thêm các đạo, các đồn, có chức *Thủ ngự* coi giữ,

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 1, tập I, Sđd, tr. 207.

2, 4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 1, tập I, Sđd, tr. 208.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 1, tập I, Sđd, tr. 210.

5. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 232.

6. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 234.

7, 8. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 235.

kiêm việc thu thuế. Như đạo Kiên Đồn (ở cửa sông Tà Ôn, dinh Vĩnh Trấn) có *Tham mưu* Nguyễn Ngọc Chương và *Cai cơ* Nguyễn Văn Thư coi giữ, kiêm thu thuế của người Hoa<sup>1</sup>, đạo Trấn Di (ở phía Bắc sông Ba Xắc) có *Cai cơ* Tống Phước Khoa coi giữ<sup>2</sup>, kiêm coi thu thuế muối. Đạo Quang Uy do *Cai cơ* Nguyễn Công Doanh coi giữ. Đạo này được chia ra làm những *ấp*, cứ 10 *nhà* làm một *ấp* nhỏ, 50 *nhà* làm một *ấp* lớn, mỗi *ấp* có *ấp trưởng*<sup>3</sup>.

Ở *Chính dinh*, Nguyễn Ánh cho kiện toàn và chia phiên trực ở công thự. Năm Ty (*Xá sai*, *Tướng thần lại*, *Lệnh sử*, *Nội lệnh sử* và *Lệnh sử đồ gia*) đều cử hai người trực liền một ngày đêm mới cho đổi phiên, ai trái lệnh bị xử 30 roi, trưởng ty phải chịu trách nhiệm liên đới. Rồi cho đặt thêm 2 ty nữa là *Lệnh sử Binh bộ* và *Chiêm hậu lại*. Tất cả là *bảy ty*, đặt ở *Chính dinh*<sup>4</sup>. Cùng với việc kiện toàn các ty, Nguyễn Ánh còn cho cải tổ, chuyển chuyển quan chức giữa các bộ ở triều đình. *Hộ bộ* Nguyễn Bào Trí sang làm *Lại bộ*, *Lại bộ* Nguyễn Thái Nguyên sang làm *Lễ bộ*, *Lễ bộ* Nguyễn Đô sang làm *Hộ bộ*... Những chương sớ của các nha trong ngoài tâu lên đều phải có hai bản *chính* và *phụ*, duy việc cơ mật mới dùng một bản và đều phải đưa duyệt qua bộ *Lại* trước khi tâu<sup>5</sup>. Dần dần, Nguyễn Ánh cho tổ chức mọi việc theo quy mô như là của một quốc gia. Tháng 7 năm 1789, bắt đầu đặt *Sứ quán* làm nơi tiếp đón và cư trú cho sứ giả đến từ các nước Chân Lạp, Xiêm, Đờ Bàn... gồm hai tòa nhà, mỗi tòa 5 gian, có 20 lính lệ canh giữ<sup>6</sup>.

Tháng Ba năm Canh Tuất (1790), Nguyễn Ánh cho xây *thành Gia Định*, có 8 cửa theo hình bát giác. Ở giữa là cung điện, bên tả dựng nhà Thái miếu, phía sau miếu là kho tàng, bên hữu đặt cục chế tạo, chung quanh là nhà ở dành cho quân túc vệ. Giữa sân dựng kỳ đài cao ba tầng, tầng trên là tòa bát giác vọng đầu, ban ngày

---

1, 2, 4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, tập I, Sdd, tr. 249.

3, 5. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, tập I, Sdd, tr. 251.

6. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, tập I, Sdd, tr. 250.

tuần, ban đêm kéo đèn làm hiệu lệnh cho các quân. Trong thành dựng cả Hậu điện để phụng sự Quốc mẫu. Tám cửa thành đều xây bằng đá ong. Phía Nam là cửa Càn Nguyên và cửa Ly Minh, phía Bắc là cửa Khôn Hậu và cửa Khâm Hiêm, phía Đông là cửa Chấn Hanh và cửa Cầm Chí, phía Tây là cửa Tôn Thuận và cửa Đoài Duyệt. Dọc ngang có 8 đường đi, Đông sang Tây dài 131 trượng 2 thước, Nam sang Bắc cũng thế. Cao 13 thước, chân dày 7 trượng 5 thước. Phía ngoài thành có đường hào rộng 10 trượng 5 thước, sâu 14 thước, bắc ngang bằng cầu treo. Chu vi ngoài thành rộng 794 trượng. Ngoài cùng là khu phố xá, dân cư, chợ búa dọc ngang la liệt thứ tự, hai bên đường quan đều trồng cây gọi là đường Thiên lý. Thành xây xong, đổi tên là *kinh thành Gia Định*<sup>1</sup>.

Song song với việc kiện toàn về tổ chức hành chính, để ổn định tình hình, Nguyễn Ánh đã hạ lệnh cho cả 4 dinh làm lại *số hộ tịch*. Ghi đầy đủ họ tên, tuổi, quê quán của các hạng dân vào sổ<sup>2</sup>. Sau đó còn lệnh cho quan công đường ở bốn dinh rằng "phàm các tổng xã thôn phường trong hạt, cứ dân số từ 40 người trở lên thì chọn đặt một xã trưởng, hầu lãnh bằng thị chữ son, lại cấp cho một người khinh phu; nơi nào không đủ số ấy thì tạm cấp văn bằng"<sup>3</sup>. Nguyễn Ánh còn hạ lệnh cho các dinh phải chiêu dụ dân lưu tán trở về sắp xếp công việc sản xuất và còn định ra các lệnh cấm chơi cờ bạc và lệnh bắt trộm cướp để cho dân được sống yên ổn. Theo quy định vào tháng 8 năm 1789 thì "kẻ nào phạm tội ăn cướp, hễ là quan quân thì không kể thù phạm hay tông phạm, đều xử chém, cha mẹ vợ con cũng đều bị tội chết". Những người phân quản (phụ trách) liên đới bị xử 100 roi và sung làm phu dịch. Là dân thì chỉ giết kẻ chính phạm, *huong trưởng* cũng bị tội liên đới như phân quản. Người biết rõ mà tổ giác đúng thực thì được thưởng tiền 100 quan. Cha mẹ, vợ con và *huong trưởng* cùng những đồ đảng đi theo mà

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, tập I, Sđd, tr. 257.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, tập I, Sđd, tr. 256.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, tập I, Sđd, tr. 258.

biết thú cáo trước thì được miễn tội, cũng thường như thế<sup>1</sup>. Hoặc có thêm một quy định đối với quan sở tại, nếu có trộm cướp mà không bắt được kẻ gian, thì phải đền tiền cho người mất của<sup>2</sup>. Về lệnh cấm đánh bạc cũng được quy định như sau: ai mở sòng chứa bạc, có người tổ cáo, xét thực thì gia tài người chủ sòng bạc bị sung công, thu tiền mặt ở sòng và mỗi người đánh bạc 10 quan để thưởng cho người tố giác. Người đánh bạc mà cáo giác cũng được thưởng như thế. Những người phạm đều bị xử 100 roi và làm phu 3 năm<sup>3</sup>.

### \* Về quân sự

Trong thời gian ở Xiêm, Nguyễn Ánh đã có ý thức chuẩn bị lực lượng tại Gia Định, cho người về vận động đặt cơ sở, giới địa chủ giàu có ở Gia Định đã chuẩn bị được một lực lượng khá lớn. Khi về nước, đi đến đâu cần điều binh khiển tướng, Nguyễn Ánh có ngay hậu thuẫn. Lúc còn trú chân ở Hồ Châu, Nguyễn Ánh đã thu hợp tướng sĩ được hơn 300 người, thuyền chiến hơn 20 chiếc và cử Nguyễn Văn Tồn chiêu tập dân lưu vong của hai xứ Trà Vinh và Môn Thít được vài nghìn người, biên bổ làm lính, gọi là đồn Xiêm Binh, tức Lính Chiêm (năm Gia Long thứ 9 đổi làm đồn Uy Viễn)<sup>4</sup>. Sau đó lại đặt thêm hai vệ *Vũ Cự nhất* và *Vũ Cự nhị*, lấy dân ở hai thôn An Hòa Đông và Tân Hòa, tổng Tân An, dinh Vĩnh Trấn (sau thuộc huyện An Xuyên, tỉnh An Giang) bổ sung vào<sup>5</sup>. Nguyễn Ánh còn cho chọn những quân Chiến tâm đặt ra thành đạo quân riêng, gọi là đạo *Chiến tâm* (tức quân cảm tử) thuộc vào doanh *Trung quân*, chuyên chiến đấu được miễn trừ mọi tạp dịch<sup>6</sup>. Tháng 10 năm 1788 bắt đầu đặt ngạch *phủ binh*<sup>7</sup>. Các xã thôn phường phải

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, tập I, Sđd, tr. 250-251.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, tập I, Sđd, tr. 254.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 238-239.

4, 5. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 230.

6. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 233.

7. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 238.

biên kê dân số, chọn những người đỉnh tráng, lấy một nửa lập thành *phủ binh* kết thành *thập* và *ngũ* luyện tập để sung vào quân lính khi cần thiết. Khi việc quân rồi thì được cho về nghỉ ngơi tại quê. Tháng 3 năm 1789, lại cho kén thêm *phủ binh* ở hai dinh Vĩnh Trấn và Trấn Định<sup>1</sup>. Trong năm 1789, Nguyễn Ánh còn quy định lệ *phiên canh*, *phiên* nghỉ cho quân lính. Quân được chia làm 3 *phiên*, mỗi tháng thay đổi một lần, cứ một *phiên* ứng trực thì hai *phiên* được nghỉ ngơi<sup>2</sup>. Đến năm 1790, thì tổ chức quân đội đã được phiên chế tương đối hoàn bị, gồm 5 *dinh*: *Trung quân*, *Tả quân*, *Hữu quân*, *Hậu quân* và *Tiên phong*. Mỗi *dinh* có 5 *chi*, mỗi *chi* có 5 *hiệu*, mỗi *hiệu* có 3 *đội*, mỗi *đội* có 4 *thập*, mỗi *thập* có 10 người. *Trung quân* thủy *dinh* thì có 5 *Thuận chi*, mỗi *chi* có 3 *hiệu*, mỗi *hiệu* có 2 *đội*, mỗi *đội* có 5 *thập*, 5 *khuông hiệu* và 5 *dực hiệu*. Mỗi *hiệu* có 3 *đội*, mỗi *đội* có 5 *thập*. *Chi* thì đặt *Chánh phó trưởng chi*, *hiệu* đặt *Chánh phó trưởng hiệu*, *đội* đặt *Cai đội*, *thập* đặt *Đội trưởng*, mỗi chức một người. *Trung quân* thì ghi sổ thuộc *dinh Phiên trấn*; *Tả quân* thuộc *tổng* Kiến Đăng *dinh Trấn Định* và *tổng* Bình Yên *dinh Vĩnh Trấn*; *Hữu quân* thuộc *tổng* Kiến Hưng *dinh Trấn Định*; *Hậu quân* thuộc hai *tổng* Bình Dương và Tân An *dinh Vĩnh Trấn*; *dinh Tiên Phong* thuộc *tổng* Kiến Hòa *dinh Trấn Định*<sup>3</sup>. Từ năm 1791, Nguyễn Ánh cho đại duyệt binh các tướng sĩ ở các *dinh quân* và đặt thành lệ thường cứ vào mùa xuân hằng năm thì duyệt quân để tăng cường sức mạnh quân sĩ<sup>4</sup>.

### \* Về kinh tế

#### - Kinh tế nông nghiệp

Khi chiếm lại được Gia Định, ổn định về hành chính, xây dựng xong lực lượng quân đội hùng hậu, Nguyễn Ánh đã chú ý ngay tới

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, tập I, Sđd, tr. 244.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, tập I, Sđd, tr. 253.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, tập I, Sđd, tr. 260-261.

4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 5, tập I, Sđd, tr. 271.

việc chăm lo phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp để chuẩn bị lương thực cho cuộc chiến với Tây Sơn. Nguyễn Ánh hạ lệnh cho quan công đường của bốn trấn, phải chiêu tập dân xiêu tán ở các nơi về làm ruộng. Đối với dân *ngụ cư* thì được miễn thuế thân, cho trở về làng cũ sinh sống<sup>1</sup>. Năm 1789, bắt đầu cho đặt chức quan *Điền tuần*<sup>2</sup> chuyên coi việc canh nông ở bốn dinh. Cờ 12 quan chuyên trách việc này, như Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Tông Chu, Hoàng Minh Khánh... Những quan Điền tuần có trách nhiệm khuyên bảo nhân dân làm ruộng, người dân nào không theo nghề làm ruộng thì sung thay chân phủ binh. Đối với những người làm ruộng thì quy định: "Đến khi lúa chín, xét số thu hoạch, người nào cấy ruộng cỏ [ruộng làng] được 100 thúng thóc (mỗi thúng 24 bát), cấy ruộng núi cao được 70 thúng thóc trở lên, phủ binh thì miễn một năm tòng chinh, dân dinh thì miễn một năm đao dịch. Không đủ số ấy thì không được lệ miễn"<sup>3</sup>. "Những dân ngoại tịch (ngoài sổ hộ khẩu của các dinh) được mộ lập làm *điền tốt*, thuộc về quan Điền tuần và được cấp ruộng hoang, trâu cày, điền khí (dụng cụ sản xuất) để làm ruộng, không đủ thì Nhà nước cho vay, sau mùa gặt thì nộp thóc để trả nợ"<sup>4</sup>. Năm 1790, còn định rõ lệnh khuyến nông<sup>5</sup>. Nguyễn Ánh ban tờ dụ rằng: "Việc gốc của thiên hạ là việc làm ruộng, không thể hoãn được. Nay giặc giã mới yên, thuế má chưa đủ, quan công đường các dinh nên khuyên bảo các phủ binh và dân làng trong hạt hết sức chăm nom ruộng nương, đừng nên lười biếng. Người siêng năng làm ruộng thì đao dịch đều miễn; nếu quan quản suất và xã trưởng dám bắt người làm việc riêng thì có tội. Ngày lúa chín, các quan Điền tuần phải đến khám sổ thu hoạch, so với năm trước hơn kém thế nào thì tâu lên". Tháng 10 năm ấy còn cho *đặt đồn điền*<sup>6</sup>. Nguyễn Ánh dụ cho các quan văn rằng: "Đạo trị nước trước hết phải cho đủ ăn. Nếu thóc nhiều của

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, tập I, Sđd, tr. 246.

2, 3, 4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, tập I, Sđd, tr. 248.

5. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 5, tập I, Sđd, tr. 263.

6. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 5, tập I, Sđd, tr. 265.

thừa thì việc gì chẳng nên? Bốn dinh Gia Định đất đai rất rộng. Trước kia việc quân chưa xong, đói kém xảy ra luôn, đến nỗi ruộng vườn bỏ hoang, dân chưa ra sức việc nông, của nước lương quân còn chưa đầy đủ. Đồn điền là phép hay đời xưa, nay muốn cử hành mà chưa nắm được chỗ cốt yếu. Các khanh vốn có mưu xa kinh quốc... đều nêu điều trần quy thức, viết thành tập riêng tiến trình, trẫm sẽ chọn những điều hay mà đem thi hành". Rồi lệnh cho các đội quân túc trực và các đội quân ở doanh Trung quân ra vỡ ruộng ở Vàm Cỏ, đặt tên là trại Đồn Điền, được cấp trâu bò, dụng cụ sản xuất và thóc, ngô, đậu làm giống. Lúc thu hoạch về được chứa vào kho Chử Tích, sau đổi làm kho Đồn Điền. Cử *Cai cơ* hiệu Tiền dực là Nguyễn Bình trông coi công việc. Sau còn ra lệnh cho các nha văn võ mộ người lập các đội nậu đồn điền, hàng năm thu thóc sưu mỗi người 6 hộc, người nào mộ được 10 người trở lên thì được làm cai trại và rút tên khỏi sổ lao dịch của làng. Năm 1791, Nguyễn Ánh lại ra lệnh cho các hạng dân và người Hoa kiều cũ mới ở đạo Long Xuyên, ai muốn làm đồn điền mà dụng cụ làm ruộng không đủ thì Nhà nước cho vay, mỗi năm nộp thóc sưu mỗi người 8 hộc, thuế thân như quân hạng và được miễn lao dịch. Ai không muốn làm đồn điền thì phải vào quân đội, để răn kẻ chơi bời lười biếng. Những người Hoa ở hai phủ Ba Xắc và Trà Vinh cũng cho khẩu đất làm đồn điền, mỗi năm thu thóc sưu mỗi người 15 hộc (sau giảm cho 5 hộc)<sup>1</sup>. Để khuyến khích việc làm ruộng, Nguyễn Ánh còn ra lệnh cấm giết trâu. Quan lại phạm điều cấm này bị bãi chức, dân thì xử 100 roi và bị sung vào làm dịch phu. Lúc bấy giờ ở tổng Kiến Hòa thuộc dinh Trấn Định nhiều ruộng bỏ hoang, Nhà nước còn cấp trâu cho để cày và gặp trường hợp trâu bị chết dịch thì người mượn không phải đền<sup>2</sup>.

Năm 1792, Nguyễn Ánh tiếp tục ban dụ, định rõ lệnh khuyến nông, vì đất đai Gia Định rất màu mỡ mà của chưa đủ, nhân dân thì phần nhiều đi buôn bán chưa chăm làm ruộng, đến đây

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 5, tập I, Sđd, tr. 270.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, Sđd, tr. 243-244.

Nguyễn Ánh đã lệnh cho các dinh thân truyền khắp cho các tổng, xã, thôn, phường, trong bản hạt, từ phủ binh cho tới người ngụ kiều, ai chăm làm ruộng thì được miễn dao dịch, người du thủ du thực thì phải phục dịch. Lý trưởng thiên vị ẩn giấu thì bị tội<sup>1</sup>.

**- Kinh tế công thương nghiệp**

Đối với kinh tế công thương nghiệp, Nguyễn Ánh cũng có sự chú trọng đáng kể.

Năm 1789, Nguyễn Ánh đã sai các quân đóng nhiều thuyền chiến, gồm 40 thuyền lớn và hơn 100 thuyền đi biển<sup>2</sup>. Tại các dinh đều có cục đóng thuyền. Sai các quan văn, võ ở các nha môn và quan coi giữ các đạo thuộc các dinh đi lấy gỗ ván về nộp để làm thuyền. Ngoài các cục đóng thuyền, còn mở tới 62 ty các cục tượng tại các dinh gồm rất nhiều nghề thủ công và thợ thủ công giỏi. Năm 1791, Nguyễn Ánh đã hạ lệnh cho các quan Tri đồ gia là Phan Văn Tào, Trịnh Phúc Tường, Nguyễn Quang Diệu kén chọn trong 62 ty các cục tượng những thợ tinh xảo bỏ làm các chức *Cai đội*, *Cai quan*, *Ty quan*, *Thủ hợp* theo thứ bậc khác nhau<sup>3</sup>. Ngoài ra, đối với các hộ thợ thủ công, còn cho lập thành các *nậu Biệt nạp*<sup>4</sup> và các *ty Biệt nạp*<sup>5</sup> chỉ phải đóng thuế thân, các dao dịch khác đều được miễn, như các hộ thủ công làm nghề chế biến dầu (dầu rái, dầu trám), hoặc làm các nghề dệt trừu, lĩnh (lĩnh sống, lĩnh thâm, lĩnh trắng...).

Đối với thương nghiệp, ngay từ năm 1789, Nguyễn Ánh đã có chính sách rõ ràng quy định mức thuế cảng và lễ vật cũng như các loại hàng hóa của thuyền buôn nước ngoài được phép đem vào bán. Thuyền buôn từ Hải Nam đến nộp thuế 650 quan, thuyền buôn từ Triều Châu: 1.200 quan, thuyền buôn từ Quảng Đông: 3.300 quan,

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 6, Sđd, tr. 285.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, Sđd, tr. 251.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 5, Sđd, tr. 281.

4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 5, Sđd, tr. 263.

5. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 7, Sđd, tr. 313.



thuyền buôn từ Phúc Kiến: 2.400 quan, thuyền buôn từ Thượng Hải: 3.300 quan... Hàng hóa chờ đến quy định: nếu là những mặt hàng liên quan đến việc binh dụng như chì, sắt, đồng, diêm tiêu, lưu hoàng thì phải bán cho Nhà nước, Nhà nước trả đúng giá, nếu ai mua bán riêng thì ghép tội<sup>1</sup>. Những mặt hàng mà Nhà nước đứng ra mua (như sắt, gang, kẽm, lưu hoàng) được định theo mức nhiều ít mà miễn thuế nhập cảng và cho đong gạo chờ về nhiều ít khác nhau. Mức quy định là: nếu đem đến 10 vạn cân được xếp vào hạng nhất, miễn thuế cảng và được chờ 30 vạn cân gạo về; nếu đem đến 6 vạn cân được xếp vào hạng nhì và được chờ về 22 vạn cân gạo; mang đến 4 vạn cân thì được chờ về 15 vạn cân gạo; còn thuyền nào không đủ số trên thì cứ 100 cân hàng được chờ gạo về 300 cân, thuế cảng vẫn phải nộp. Nhờ có chính sách như vậy, những thuyền buôn đã "vui lòng chờ đến bán mà quân dụng được dồi dào"<sup>2</sup>. Ngoài quy định trên, Nhà nước còn có lệnh cấm thuyền buôn nước ngoài chờ trộm những mặt hàng cấm như: gạo, kỳ nam, trầm hương, ngà voi, sừng tê. Nếu ai mua bán riêng những mặt hàng ấy thì xử 100 roi và bị sung vào làm phu dịch 3 năm, tài sản sung công. Người có trách nhiệm không phát hiện ra tội cũng bị xử như thế. Người tố cáo đúng sự thực thì được thưởng 300 quan<sup>3</sup>. Đến năm 1791, những thuyền buôn nước ngoài đến Long Xuyên thì được giảm một nửa thuế, vì Long Xuyên đất hẹp, dân nghèo, hàng hóa của lái buôn đến chỉ mang được những mặt hàng bình thường<sup>4</sup>. Vào những dịp hạn hán, giá gạo tăng, Nguyễn Ánh còn ra lệnh cho quan dân cùng những người Hoa kiều (người Minh Hương) được phép thông thương với Chân Bôn (đất nước Xiêm) để mua thóc gạo. Ai không có thuyền, được Nhà nước cho mượn. Các đội, trường, đả hay thuyền công, thuyền tư có ai tình nguyện đi hạt khác buôn gạo cũng cho phép và đều được miễn sưu dịch"<sup>5</sup>.

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, tập I, Sđd, tr. 241.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, tập I, Sđd, tr. 246.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, tập I, Sđd, tr. 245.

4, 5. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 5, tập I, Sđd, tr. 275.

**\* Về văn hóa - xã hội**

Khi lấy lại được Gia Định, Nguyễn Ánh không chỉ lo về việc ổn định bộ máy hành chính, xây dựng lực lượng quân đội, gây dựng cơ sở kinh tế, mà còn phải lo việc tuyên truyền, tập hợp lực lượng và gây ảnh hưởng trong nhân dân. Năm 1788, Nguyễn Ánh đã ban dụ "mở đường ngôn luận"<sup>1</sup>, xin được quan quân cùng dân chúng giúp sức "lời dùng được thì thu dùng... lời không hay thì để đó mà không bắt tội". Nguyễn Ánh còn cho đặt hòm thư ở cửa khuyết, để dân có chuyện gì oan ức muốn bày tỏ thì làm đơn bỏ vào, ghi rõ họ tên, quê quán, để tiện tra xét<sup>2</sup>.

Để tăng cường đội ngũ quan liêu, sĩ phu trung thành với dòng họ Nguyễn, Nguyễn Ánh đã cho mở rộng việc học, đặt Viện Hàn lâm, khuyến khích các sĩ phu học tập. Tháng 9 năm 1788, cho đặt Viện Hàn lâm, cử Phan Như Đăng, Trần Đại Luật, Lê Quang Định, Trịnh Hoài Đức, Ngô Tông Chu và Hoàng Minh Khánh làm Hàn lâm viện chế cao; Lê Xuân Minh, Lê Phúc Mão, Hồ Phúc Uẩn, Vũ Công Chấn, Hồ Văn Định và Hoàng Văn Đệ sung vào Viện Hàn lâm<sup>3</sup>. Tháng 4 năm 1791, mở khoa thi đầu tiên, gồm 2 kỳ: đệ nhất và đệ nhị. Lấy đỗ 12 người trong đó có Nguyễn Đình Quát, Nguyễn Công Xanh, Nguyễn Hữu Thứ, Đoàn Văn Hoảng. Người đỗ hạng ưu được bổ làm *Nho học Huấn đạo*, phủ lễ sinh; hạng thứ thì làm *nhiêu học*, được miễn thuế thân và dao dịch theo thứ bậc. Những người thi hỏng còn được khảo hạch lại, ai trúng thì cho miễn binh đao để được theo học<sup>4</sup>. Sau đó vào tháng 10, còn cho lập lại Văn miếu ở hai dinh Trấn Biên và Vĩnh Trấn, hàng năm có hai kỳ lễ vào dịp xuân - thu, quan lại ở dinh phải đến để hành lễ<sup>5</sup>.

Những binh lính chinh chiến bị tử trận, Nguyễn Ánh đã cho làm lễ truy tặng và thu dùng con cháu (không con thì dùng cháu,

---

1, 2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 239.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 3, tập I, Sđd, tr. 237.

4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 5, tập I, Sđd, tr. 274.

5. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 5, tập I, Sđd, tr. 277.

không cháu thì dùng em) tùy theo công lao nặng nhẹ, hoặc trao quan chức, hoặc miễn binh đao trọn đời<sup>1</sup>. Năm 1791, Nguyễn Ánh còn cho lập đền Hiền Trung thờ tự những chiến binh chết trận không có người thờ tự, giao cho bộ Lễ bàn định việc thờ tự vào hai kỳ xuân và thu. Ngoài ra, Nguyễn Ánh còn cho đặt *Sở hoạn dưỡng*<sup>2</sup> (nơi nuôi quân lính đau ốm), được Nhà nước cấp cho thuốc men để điều trị. Các viên quân suất phải có trách nhiệm thay nhau để chăm nom và phải thường xuyên tâu báo về tình trạng sức khỏe của họ.

Trong thời gian xây dựng và củng cố lực lượng ở Gia Định, Nguyễn Ánh còn thường xuyên cho quan quân đi dò xét tình hình trên địa bàn hoạt động của Tây Sơn, đặc biệt chú ý là vùng đất từ Thuận Hóa trở ra Bắc. Năm 1790, đã cử *Cai cơ* Nguyễn Đình Đắc đi thăm dò tình hình vua Lê và chiêu dụ hào kiệt ở Bắc Hà<sup>2</sup>. Năm 1791, Nguyễn Đán và Lê Đại Nghĩa từ Thuận Hóa vào yết kiến tâu báo tình hình của Tây Sơn, được Nguyễn Ánh khen là "người có chí" nên đã cho sung vào làm việc tại Hàn lâm viện. Nhờ có việc làm này nên "bấy giờ có người thì lặn lội từ xa đến, có người thì khởi nghĩa để hưởng ứng, cũng có người ở trong lòng giặc mà ngầm ngầm quy thuận... Tây Sơn động tĩnh thế nào, không việc gì là không biết"<sup>4</sup>.

Như vậy, từ khi Nguyễn Ánh lấy lại được Gia Định, mọi việc đã bắt đầu xây dựng, Nguyễn Ánh hằng lưu ý "kinh dinh, quy hoạch, sửa quân chế, định quan chế, nêu phép cấm, chỉnh triều nghi, quy mô mở nước đại lược đã định"<sup>5</sup>, để chuẩn bị cho công cuộc phản công chống lại Tây Sơn vào giai đoạn tiếp theo.

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 5, tập I, Sđd, tr. 277.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 5, tập I, Sđd, tr. 280.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 5, tập I, Sđd, tr. 263.

4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 5, tập I, Sđd, tr. 273.

5. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 5, tập I, Sđd, tr. 270.

### 3. THỜI KỲ NGUYỄN ÁNH PHẢN CÔNG TÂY SƠN (1790-1800)

Trong lúc anh em Tây Sơn đang mâu thuẫn, không để ý đến đất miền Nam, Nguyễn Ánh lại có thêm điều kiện chuẩn bị lực lượng để phản công lại. Năm 1790, Nguyễn Ánh nghe theo kế sách của Chương tiền quân Lê Văn Quân, đã sai Quân đem 6.000 quân thủy bộ tiến đánh Bình Thuận, cùng đi tiên phong có Võ Tánh và Nguyễn Văn Thành<sup>1</sup>. Chỉ trong những ngày tháng 4 năm 1790, Lê Văn Quân đã đánh chiếm được Phan Rí và hạ được thành Bình Thuận. Nguyễn Ánh liền cho xem đất cắm đồn, chiêu an nhân dân<sup>2</sup>. Đánh chiếm xong Bình Thuận, Quân bàn với Tánh và Thành muốn tiến đánh lấy Diên Khánh, nhưng Tánh và Thành không chấp thuận. Quân bắt đực dĩ sai Thành giữ Chợ Mơ (Mai Thị), Tánh giữ Phan Rí, tự dẫn quân về đóng ở Phan Rang, sai thuộc tướng đặt đồn ở Nha Phan và Mai Nương<sup>3</sup>. Quân Tây Sơn do Đô đốc Hồ Văn Tự, Nguyễn Công Thái và Tham tán Từ Văn Tú đem 9.000 quân thủy đến cửa Phan Rang, đánh lấy Nha Phan và Mai Nương. Lê Văn Quân không chống nổi, tướng sĩ bị chết nhiều phải cho người cấp báo, Nguyễn Ánh đã lệnh cho Nguyễn Văn Thành và Võ Tánh đem quân trở lại cứu viện và cho Phạm Văn Nhân làm phó tiên phong một doanh đem quân cùng ứng cứu. Nguyễn Ánh đem thủy quân ra cửa biển Tắc Khái, để Tôn Thất Huy, Tôn Thất Hội và Tống Phước Đạm ở lại giữ Gia Định. Lê Văn Quân và Nguyễn Văn Thành giữ thành Phan Rí. Tháng 11, quân Tây Sơn từ Phan Rang tiến vây Phan Rí, Nguyễn Ánh liền hạ lệnh rút quân về Bà Rịa, sai xem đất đắp thành chứa được hơn một nghìn quân để cố thủ.

Tháng Giêng năm 1792, Nguyễn Ánh bàn định kế hoạch tiến công quân Tây Sơn bằng cách: dùng phương kế để lừa, đánh gấp để đối phương mệt, hằng năm gặp mùa gió, thủy quân theo đường biển

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 4, tập I, Sđd, tr. 258.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 5, tập I, Sđd, tr. 259.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 5, tập I, Sđd, tr. 260.

mà tiến, nhân chỗ hờ mà đánh. Bộ binh đi từ Bình Thuận, Bình Khang lần lượt tiến lấy được một châu thì xây thành ở một châu, được một huyện thì đóng đồn ở một huyện, để làm phen đậu cho Gia Định, khiến thế giặc chia ra, sức yếu đi, như thế thì có thể lấy thiên hạ được<sup>1</sup>. Và như thế là hằng năm, cứ đến mùa gió nồm là ra quân đánh giặc, gió thuận thì tiến, gió vãn thì về. Quân không vì đóng lâu mà mỏi, trong khi đó quân Tây Sơn phải chạy vạy đối phó, không có thời gian mà mưu tính. Do cách đánh trận theo mùa như thế nên người ta còn gọi đó là những trận *giặc mùa*.

Tháng 6, được tin Nguyễn Nhạc đóng nhiều chiến thuyền ở cửa biển Thị Nại (Quy Nhơn) mưu vào đánh, Nguyễn Ánh đã khởi binh trước để chặn, để Chương tả quân dinh Tôn Thất Huy, Quản hậu quân dinh Võ Tánh, Giám quân Trung quân Tống Phước Đàm lưu giữ kinh thành Gia Định. Chương tiền quân dinh Tôn Thất Hội đi Vĩnh Trấn và Trấn Định, kiêm quản chiến sĩ hai dinh, quản Hữu quân dinh Nguyễn Hoàng Đức đi Bà Rịa hiệp sức với Tán lý Chiêu giữ đất ấy. Còn Nguyễn Ánh đi thuyền từ cửa biển Cần Giờ đến Diên Áo (Vũng Diên) cho quân tiến đánh quân Tây Sơn ở cửa biển Thị Nại, quân Tây Sơn bị thua, thuyền chiến và khí giới thuộc về quân Nguyễn gồm 5 thuyền chiến lớn, 30 thuyền đi biển và 40 thuyền khác<sup>2</sup>. Nguyễn Ánh cho đóng quân ở chợ Thị Nại, dựng cờ, chiêu an phủ dụ nhân dân, rồi rút quân về. Tháng 7, Nguyễn Ánh đưa thuyền về đóng ở bến Phan Rang, sai Nguyễn Hoàng Đức và Tán lý Chiêu đem bộ binh đánh Phố Hải, quân Tây Sơn bỏ thành chạy, Hoàng Đức bàn muốn đánh chiếm luôn Phan Rí, nhưng Nguyễn Ánh không cho vì dân từ Bình Thuận trở ra Bắc đang bị đói, ra lệnh rút quân về Gia Định, để Tán lý Chiêu giữ Bà Rịa<sup>3</sup>.

#### \* Nguyễn Ánh đánh Quy Nhơn

Tháng 4 năm 1793, Nguyễn Ánh thân chinh đi *đánh Quy Nhơn lần thứ nhất*. Đông cung Cảnh được cử ở lại giữ Gia Định, có Phó

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 6, tập I, Sđd, tr. 283.

2, 3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 6, tập I, Sđd, tr. 287-288.

tướng Tả quân Phạm Văn Nhân và Giám quân Trung dinh Tổng Phước Đạm cùng ở lại giúp việc. Tôn Thất Hội, Nguyễn Hoàng Đức cùng Nguyễn Văn Thành đem bộ binh ra đánh Phan Rí. Cai cơ trấn Thuận Thành là Nguyễn Văn Chấn và Nguyễn Văn Hào, Chương cơ đạo Ba Phủ là Cố, điều khiển là Cường đem quân đội người thiểu số theo đường thượng đạo tiến thẳng tới Phan Rang để đọ. Nguyễn Ánh cùng các tướng Nguyễn Văn Trương, Võ Di Nguy, Võ Tánh đem thủy quân đánh phá các đồn lẻ rồi tiến quân đến cửa biển Nha Trang tiến đánh lấy lại được phủ Diên Khánh và phủ Bình Khang. Tướng chỉ huy của Tây Sơn là Trí bỏ chạy về Quy Nhơn, quân và tướng còn lại đều đầu hàng. Bộ binh của Tôn Thất Hội đánh vào Phan Rí lấy lại được phủ Bình Thuận. Nguyễn Ánh cho đặt ngay quan công đường tại hai dinh Bình Khang và Bình Thuận<sup>1</sup>, cử quan *Lưu thủ* và *Cai bạ* trông coi, rồi sai Tôn Thất Hội đem quân hội với quân thủy để tiến đánh Quy Nhơn. Thuyền của Nguyễn Ánh tiến đến cửa biển Xuân Đài<sup>2</sup>, sai Võ Tánh đem quân đánh báo La Thai, Tham đốc Tây Sơn là Phạm Văn Đĩnh thua chạy, lấy lại được phủ Phú Yên. Nguyễn Ánh cho đặt quan công đường ở Phú Yên rồi tiến quân đóng ở cửa biển Thị Nại. Nguyễn Nhạc sai con là Nguyễn Văn Bảo đem quân ra chống giữ, nhưng bị thua, rồi cùng tướng Đào Văn Hồ lui về giữ thành Quy Nhơn. Còn đồn của quân Tây Sơn đóng ở Phú Trung, Tân An, Lam Kiều, Thạch Yến đều thuộc về quân Nguyễn, nhờ thế quân thủy bộ của Nguyễn Ánh đều thông được với nhau, cùng hợp sức vây thành Quy Nhơn. Nguyễn Ánh thân đốc cấm binh và sai các tướng tiến đánh. Nhưng quân Tây Sơn dựa chỗ cao, bắn xuống như mưa, quân Nguyễn Ánh không tiến lên được. Lúc ấy có Trần Công Hiến người Quảng Ngãi xin lẫn vào thành làm nội ứng, quân Nguyễn đánh thắng, thu được 35 cỗ xe đại bác bằng gang, hơn 80 thuyền biển, 3 thớt voi, 1 kho gạo, 1 kho cá mắm cùng vô số súng nhỏ và khí giới. Còn Trần Công Hiến thì được trao chức *Cai cơ*, sai về Quảng Ngãi

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 6, tập I, Sđd, tr. 292-293.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 6, tập I, Sđd, tr. 294.

mộ được hơn 700 thổ binh bỏ làm chi Hiệu nghĩa cùng theo quân của Nguyễn Ánh<sup>1</sup>. Sau đó các đạo quân của Tôn Thất Hội, Võ Tánh, Nguyễn Hoàng Đức, Nguyễn Văn Thành tiến sát vây ngoài thành Quy Nhơn trong hơn 1 tháng. Tướng Tây Sơn là Nguyễn Công Thái, Trần Văn Thái, Nguyễn Căn Chinh, Đào Văn Lương, Nguyễn Văn Phát, đem hơn 300 quân đến đầu hàng. Bị vây hãm, Nguyễn Nhạc phải sai người ra Phú Xuân cầu cứu. Bấy giờ vua Quang Trung đã mất. Quang Toản đã sai Thái úy Nguyễn Công Hưng, Hộ giá Nguyễn Văn Huân, Tư lệ Lê Trung, Tư mã Ngô Văn Sở đem bộ binh 17.000 người, 80 thớt voi cùng Đô đốc Hồ và Chương cơ Thiên đem hơn 30 binh thuyền vào cứu. Sau đó Quang Toản lại phát thêm viện binh do đường thượng đạo Sa Lung kéo vào, thế quân rất mạnh<sup>2</sup>. Nguyễn Ánh thấy viện binh Tây Sơn đến, quân lính vây thành lâu ngày đã mệt lại phải chống chọi từ hai phía, gặp thêm mùa mưa đến bèn hạ lệnh rút quân về Gia Định, cử Nguyễn Văn Nhân ở lại đắp đồn La Thái giữ Phú Yên, Nguyễn Văn Thành giữ Diên Khánh, Nguyễn Hoàng Đức giữ Bình Khang. Tháng 11 năm đó, Nguyễn Ánh lại triệu Nguyễn Văn Thành về, sai Đông cung Cảnh cùng với Bá Đa Lộc, Phạm Văn Nhân, Tống Phước Dạm ra trấn giữ thành Diên Khánh<sup>3</sup>.

Tháng 3 năm 1794, tướng Tây Sơn là Nguyễn Văn Hưng đem 40.000 bộ binh đánh vào Phú Yên<sup>4</sup>. Lưu thủ Nguyễn Văn Nhân không chống nổi đã rút quân về Diên Khánh. Tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu đem thủy binh vào cửa biển Nha Trang hợp với quân bộ của Hưng ở Bình Khang tiến vây thành Diên Khánh. Nhận được tin, Nguyễn Ánh đã thân chinh đem thủy quân đến cứu viện, cho Tôn Thất Hội làm tiên phong, Võ Tánh và Võ Di Nguy cùng đi theo. Quân Tây Sơn nghe tin binh thuyền quân Nguyễn đến đã cho giải vây tại Diên Khánh, thủy quân thì rút về Quy Nhơn, bộ binh thì

- 
1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 6, tập I, Sđd, tr. 295-296.
  2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 6, tập I, Sđd, tr. 298.
  3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 6, tập I, Sđd, tr. 301-302.
  4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 7, tập I, Sđd, tr. 307.

rút về Phú Yên. Nguyễn Ánh hạ lệnh cho tất cả quân thủy bộ đuổi theo đánh Xuân Đài, rồi tiến lên cửa Thị Nại đánh Quy Nhơn. Quân Nguyễn cướp được hơn 10 chiếc thuyền lương và bắt sống được nhiều quân lính. Tháng 9, thấy lực lượng quân Tây Sơn còn mạnh, Nguyễn Ánh đã để Võ Tánh ở lại trấn giữ thành Diên Khánh rồi cho quân và Đông cung Cảnh rút quân về Gia Định.

Cuối năm 1793, tướng Tây Sơn, Trần Quang Diệu đem quân đánh Diên Khánh chặn đường quân Nguyễn. Võ Tánh cùng quân sĩ thiếu lương ăn nước uống nhưng cố giữ thành. Được tin báo, tháng 2 năm 1794, Nguyễn Ánh đem quân cứu viện cho Diên Khánh, để Đông cung Cảnh ở lại giữ Gia Định<sup>1</sup>. Những tướng Phạm Văn Nhân, Tô Văn Hoài, Nguyễn Đô, Nguyễn Thái Nguyên, Phan Thiên Phúc, Nguyễn Văn Nghi cùng đi theo. Tháng 7, nội bộ anh em Tây Sơn bị bắt hòa, Trần Quang Diệu đã cho quân về Quy Nhơn<sup>2</sup> rồi về Phú Xuân. Tháng 8, Nguyễn Ánh cũng rút quân về Gia Định, để Tôn Thất Hội ở lại giữ thành Diên Khánh<sup>3</sup>. Tháng 6 năm 1796, Nguyễn Ánh lại triệu Tôn Thất Hội về, sai Nguyễn Hoàng Đức trấn giữ thành Diên Khánh.

Bắt đầu từ tháng 3 năm 1797, Nguyễn Ánh lại cử đại binh đi đánh Quy Nhơn lần hai, Đông cung Cảnh cũng được cử đi theo. Tôn Thất Hội lưu lại trấn giữ Gia Định. Thuyền của Nguyễn Ánh đến cửa biển Cù Huân, Nguyễn Hoàng Đức được đem tướng sĩ thuộc bộ đi theo, phó tướng Nguyễn Văn Tính và Nguyễn Văn Lợi ở lại giữ thành Diên Khánh. Nguyễn Văn Thành và Võ Tánh thì đem quân bộ ra đánh Phú Yên. Tháng 5, Nguyễn Ánh thấy thành Quy Nhơn bị quân Tây Sơn phòng thủ kiên cố, chưa thể đánh được, bèn thân chinh đem hơn 100 chiến thuyền tiến ra cửa biển Đà

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 7, tập I, Sđd, tr. 318.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 8, tập I, Sđd, tr. 326.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 9, tập I, Sđd, tr. 352.



Nặng, đánh Quảng Nam. Trong những trận này quân Tây Sơn bị thiệt hại nhiều. Nguyễn Quang Toàn sợ, sai Thiếu phó Trần Quang Diệu giữ cửa Eo và Đô đốc Lê Văn An đem quân Thuận Hóa vào cứu viện. Đông cung Cảnh đem tướng sĩ đánh vào cửa Đại Chiêm lấy được dinh Quảng Nam, rồi triệu Võ Tánh đem quân ở Phú Yên đến dẹp. Đông cung Cảnh tiến quân lấy chợ Đông An ở Hội An, thẳng tới dinh Chiêm, chia đặt đồn chờ và để phòng bị. Võ Tánh dẫn quân ra Đại Chiêm. Vua nghe tin, triệu Nguyễn Văn Thành đem quân về Bình Khang phòng giữ nơi trọng yếu. Trong thời kỳ tấn công của quân Nguyễn vào Quy Nhơn lần hai, đã nhận được sự nổi dậy hưởng ứng của nhiều quan lại địa chủ cũ, góp phần phá rối hậu phương của Tây Sơn. Như trường hợp Võ Tiến Trung đã ngầm về Quảng Nam chiêu tập được hơn 300 nghĩa quân đưa đến cửa quân xin lập làm 6 hiệu (*Tiền du, Trung, Tiền, Tà, Hữu, Hậu*) của đạo quân Trung Chấn, Nguyễn Ánh đã cho làm Thống binh của đạo quân ấy đi theo Võ Tánh cùng đánh Tây Sơn<sup>1</sup>. Tháng 8, Nguyễn Ánh lại rút quân về Gia Định, để Nguyễn Văn Thành và Đặng Trần Thường ở lại giữ thành Diên Khánh.

Tháng 3 năm 1799, khi thấy thế lực Tây Sơn đã suy yếu, Nguyễn Ánh liền để con thứ hai là Hy cùng Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Tử Châu, Nguyễn Thái Nguyên ở lại giữ Gia Định, rồi cử đại binh ra đánh Quy Nhơn<sup>2</sup> lần ba. Tháng 4, thuyền của Nguyễn Ánh đến cửa biển Thị Nại. Võ Tánh và Nguyễn Hoàng Đức đem quân đóng ở Phú Trung, tiến đánh quân Tây Sơn ở Cự Phu, hai trận đều thắng, rồi tiến lên đóng ở Trúc Khê<sup>3</sup>. Trong lúc đó, Nguyễn Văn Thành đem quân bộ ra đánh lấy được Phú Yên<sup>4</sup>,

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 9, tập I, Sđd, tr. 353-354.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 10, tập I, Sđd, tr. 382.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 10, tập I, Sđd, tr. 383.

4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 10, tập I, Sđd, tr. 385.

rồi tiến lên tiếp ứng với quân Võ Tánh. Tháng 5, quân Nguyễn vây sát thành Quy Nhơn<sup>1</sup>. Chỉ trong tháng 6, quân Nguyễn đã lấy lại được thành Quy Nhơn. Đại tổng quản của Tây Sơn là Lê Văn Thanh, Thượng thư bộ Binh là Nguyễn Đại Phác và Thiếu úy Trương Tiến Thúy dâng biểu xin đem thành đầu hàng vì đội mã không thấy viện binh của Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng tiếp ứng. Nguyễn Ánh vào thành, bọn Lê Văn Thanh cùng tướng sĩ 1 vạn 300 người đã tự thân ra hàng. Nguyễn Ánh sai tuyên chi an ủi và thưởng cho 5.000 quan tiền, rồi đổi tên thành Quy Nhơn làm thành Bình Định<sup>2</sup>.

Nguyễn Quang Toàn được tin Quy Nhơn bị mất, đã cử đại binh từ Thuận Hóa vào cứu viện, đóng ở Trà Khúc, mưu chống lại quân Nguyễn, nhưng gặp mùa gió ngược, không thể đánh được đành lui quân. Quang Toàn để Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng ở lại đóng giữ Quảng Nam, Nguyễn Văn Giáp đóng giữ Trà Khúc<sup>3</sup>. Tháng 10, Nguyễn Ánh cũng rút quân về Gia Định<sup>4</sup>, cử Võ Tánh và Ngô Tông Chu ở lại giữ thành Bình Định.

Trong thời gian đánh giằng co ở Quy Nhơn, tương quan lực lượng giữa hai bên Tây Sơn và quân Nguyễn có sự chênh lệch, nghiêng về phía quân Nguyễn. Sự chia rẽ trong nội bộ anh em Tây Sơn (giữa Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ) là cơ hội tốt cho Nguyễn Ánh rảnh tay củng cố và xây dựng lực lượng ở Gia Định. Hơn nữa, sự bất hòa mưu hại lẫn nhau giữa các đại thần của triều Tây Sơn cũng tạo thêm điều kiện thuận lợi cho Nguyễn Ánh chóng đi đến thắng lợi.

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 10, tập I, Sđd, tr. 386.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 10, tập I, Sđd, tr. 388.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 11, tập I, Sđd, tr. 392.

4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 11, tập I, Sđd, tr. 397.

Năm 1792, Quang Trung Nguyễn Huệ mất, Quang Toàn lên nối ngôi, đặt niên hiệu là Cảnh Thịnh (1793). Tháng 8 năm 1793, khi quân Nguyễn vây thành Quy Nhơn đã lâu, Nguyễn Nhạc thế cùng phải báo ra Phú Xuân, Nguyễn Quang Toàn đã cho Nguyễn Văn Hưng, Nguyễn Văn Huân vào cứu viện, giải vây Quy Nhơn, nhân lúc quân Nguyễn đã lui, Hưng bức Nhạc chiếm giữ lấy thành, thu của cải, khiến Nhạc tức giận phát bệnh chết, Quang Toàn sáp nhập cả đất Nam Quảng Ngãi, phong cho con Nhạc là Nguyễn Văn Bảo làm Hiếu công, cắt huyện Phù Ly cho làm thực ấp. Mẹ con Bảo không ưng và rất tức giận, gây sự bất hòa giữa Bảo và Quang Toàn<sup>1</sup>.

Quang Toàn lên ngôi mới 10 tuổi, quyền hành thuộc về Thái sư Bùi Đắc Tuyên (cậu ruột Quang Toàn). Bùi Đắc Tuyên cậy thế lộng quyền, các quan trong triều rất oán giận. Năm 1795, Bùi Đắc Tuyên sai Ngô Văn Sở ra Bắc thay Vũ Văn Dũng. Trên đường về Phú Xuân, Vũ Văn Dũng gặp Trung thư lệnh Bùi Văn Kỳ đang bị Đắc Tuyên đày ở trạm Mỹ Xuyên. Văn Kỳ thấy Dũng nói hết tình trạng Đắc Tuyên chuyên chế lộng hành và khuyên Dũng dùng kế trừ khử Bùi Đắc Tuyên đi để lợi cho nước. Dũng đến Phú Xuân bàn mưu với Nguyễn Văn Hưng và Nguyễn Văn Huân, đang đêm đem đồ đảng vây Đắc Tuyên ở chùa Thiền Lâm (nơi Đắc Tuyên dùng làm dinh) đem dìm chết. Con Đắc Tuyên là Đắc Thận và bè đảng là Ngô Văn Sở cùng hơn 10 người cũng bị Dũng giết chết. Quang Toàn cho Bùi Văn Kỳ làm phụ chính. Vũ Văn Dũng sai Nguyễn Văn Huân dẫn 500 quân vào thành Quy Nhơn, giả đến tiếp viện, nhưng thực tế là lập mưu giết Lê Trung và Trần Quang Diệu để cướp binh quyền<sup>2</sup>. Trần Quang Diệu đang vây thành Diên Khánh,

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 6, tập I, Sđd, tr. 299-300.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 7, tập I, Sđd, tr. 322.

được tin đã giải vây rút về Quy Nhơn, Nguyễn Văn Huân mưu không thành cũng rút về Thuận Hóa trước, Diêu cũng dẫn quân đi theo. Nguyễn Quang Toàn phải đứng ra hòa giải, rồi cho Diêu làm *Thiếu phó*, Huân làm *Thiếu bảo*, Vũ Văn Dũng làm *Tư đồ*, Nguyễn Văn Danh làm *Tư mã* gọi là "tứ trụ đại thần". Từ đó, các tướng lĩnh của Tây Sơn chia thành bè đảng, đánh giết lẫn nhau, Quang Toàn không thể ngăn được<sup>1</sup>.

Năm 1798, Nguyễn Văn Bảo cho người đưa thư hàng Nguyễn Ánh. Quang Toàn biết mưu, sai người bắt Bảo đưa về đìm chết, rồi triệu trấn thủ Lê Trung về, sai người giết chết, sau đó cho người giết nốt Nguyễn Văn Huân<sup>2</sup>. Từ đó các tướng sĩ Tây Sơn trong lòng ly tán, nhiều người theo Nguyễn Ánh, thế lực Tây Sơn yếu hẳn đi.

Trong lúc lực lượng Tây Sơn yếu đi như vậy thì lực lượng của Nguyễn Ánh ở Gia Định càng được củng cố. Nguyễn Ánh tranh thủ lúc nội bộ Tây Sơn mâu thuẫn, đánh giết lẫn nhau, tăng cường củng cố lực lượng và nhất là xây dựng ở Gia Định thành một hậu phương vững chắc cho cuộc chiến với Tây Sơn. Năm 1793, Nguyễn Ánh đã cho đặt nhà trạm và kho tạm chứa gạo từ Bình Thuận vào Gia Định, chứa được từ 500 đến 1.000 phương gạo<sup>3</sup>. Cuối năm 1797, lại cho chở 1.000 phương gạo ở Gia Định đem chứa ở đạo Ma Ly<sup>4</sup>. Năm 1798, lương thực và thuốc chuẩn bị cho quân lính được chuyển từ Gia Định đến chứa ở Diên Khánh 22.100 phương gạo, 53.500 phương thóc và 300 cân các vị thuốc<sup>5</sup>. Tháng 3 năm 1799, lại cho dựng 3 kho tạm ở Cù Huân để tích trữ 169.000 phương

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 8, tập I, Sđd, tr. 326.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 10, tập I, Sđd, tr. 373.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 6, tập I, Sđd, tr. 299.

4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 9, tập I, Sđd, tr. 360.

5. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 10, tập I, Sđd, tr. 370.

gạo<sup>1</sup>. Cuối năm 1799, cho chở tiếp 3.000 phương gạo và 7.000 quan tiền ở Gia Định đem chứa ở đạo Hưng Phúc<sup>2</sup>.

Do có điều kiện chuẩn bị được về kinh tế, ổn định được về chính trị, quân của Nguyễn Ánh càng vững tâm chiến đấu và thực hiện những kỷ luật nghiêm minh của quân đội. Trong 36 điều luật về quân chính ban hành vào tháng 3 năm 1799, có điều quy định: Quân lính nếu ai tự tiện vào nhà dân, hãm hiếp đàn bà con gái và cướp lấy của cải, thì chém ngay, rao trong quân<sup>3</sup>.

Trong lúc triều Tây Sơn đang mâu thuẫn và suy yếu, những việc làm của Nguyễn Ánh về ổn định chính trị, tăng cường kinh tế, kỷ luật nghiêm minh trong quân đội đã tạo điều kiện thuận lợi cho quân Nguyễn xây dựng được căn cứ vững chắc ở Gia Định, tiến hành nhiều đợt tấn công sâu vào địa bàn của quân Tây Sơn, uy hiếp mạnh mẽ tới chính quyền của Tây Sơn. Cho đến đầu năm 1800, cán cân lực lượng đã nghiêng về phía quân Nguyễn, Nguyễn Ánh bắt đầu cho mở cuộc tấn công ra Bắc tiêu diệt nhà Tây Sơn.

#### 4. THỜI KỲ NGUYỄN ÁNH TẤN CÔNG TÂY SƠN VÀ THẮNG LỢI CỦA NGUYỄN ÁNH (1800-1802)

##### \* *Quân Tây Sơn đánh lấy lại Bình Định*

Đầu năm 1800<sup>4</sup>, tướng Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng của Tây Sơn đã đem một lực lượng quân lớn mạnh bao gồm cả thủy lẫn bộ vào đánh Quy Nhơn. *Lưu trấn* giữ thành Bình Định là Võ Tánh đóng quân giữ thành không động binh. Trần Quang Diệu biết Võ Tánh "không ra đánh là muốn để làm già yếu quân Tây Sơn", bèn

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 10, tập I, Sđd, tr. 375.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 11, tập I, Sđd, tr. 403.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 10, tập I, Sđd, tr. 381.

4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 12, tập I, Sđd, tr. 405.

cho quân lính đắp lũy xung quanh và bao vây thành. Còn Vũ Văn Dũng thì cho thủy quân đóng giữ ở cửa biển Thị Nại. Hàng tướng *Phó trưởng chi* Phạm Văn Diễm (nguyên là tướng cũ của Tây Sơn) đã bỏ quân Nguyễn, đem Phú Yên theo về Tây Sơn. *Tây Sơn lấy lại được Phú Yên*. Vũ Văn Dũng và Trần Quang Diệu cho Diễm làm *Án trấn*, rồi ghi hết dân ở đó làm binh, chia đặt đồn để chống lại viện binh của quân Nguyễn.

Nhận được tin báo, Nguyễn Ánh cử đại binh ra sức cứu viện, cho lập thêm 5 đội quân voi ở dinh Quảng Nam và lấy thêm 5.000 quân Chân Lạp<sup>1</sup> cùng số binh cũ giao cho tướng Nguyễn Văn Thành, Lê Chất, Nguyễn Đình Đắc và Trương Tiến Bảo, chia làm 3 đạo, đánh lấy được đồn Hội An và Phú Yên, rồi Thành đưa quân về đóng ở Thị Dã (thuộc Bình Định). Nguyễn Ánh để con thứ hai là Hy ở lại giữ Diên Khánh, đem quân đến cửa biển Thị Nại. Tháng 5, quân bộ của Nguyễn Văn Thành đã lấy lại hết được miền Phú Yên, lập những kho chứa lương thực ở Xuân Đài. Nhưng gặp lúc tình thế hai cánh quân thủy bộ không liên lạc được với nhau, nên việc cứu viện không thành. Trong khi đó lại có hàng tướng *Thống chế Hữu đồn* quân Ngự lâm là Từ Văn Chiêu và *Phó thống chế* Nguyễn Văn Diễm đem 500 quân chạy sang phía Tây Sơn<sup>2</sup>, Nguyễn Văn Thành bèn kéo quân về Thị Dã đắp đồn để chống giữ. Nguyễn Ánh phải tạm dừng cuộc tấn công, cho quân lính người Chân Lạp và Gia Định về quê nghỉ, rồi Nguyễn Ánh vẫn cho đóng quân ở Cù Mông chuẩn bị cho cuộc chiến tiếp theo chứ không trở về Gia Định. Để tăng cường lực lượng, Nguyễn Ánh còn cho đóng thêm 50 chiến thuyền mới và cho chuyển 16.000 quan tiền từ Diên Khánh đến Cù Mông dùng vào việc quân<sup>3</sup>.

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 12, tập I, Sđd, tr. 407.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 12, tập I, Sđd, tr. 416.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 12, tập I, Sđd, tr. 417.

**\* Quân Nguyễn đánh chiếm Phú Xuân**

Đầu năm 1801, thủy quân của Nguyễn Ánh tập trung lực lượng đánh tan quân thủy của Tây Sơn ở cửa biển Thị Nại. Nguyễn Văn Trương và Tống Phước Lương dùng thuyền nhỏ làm tiền đạo tiến vào Hồ Cơ, đốt đồn thủy của Tây Sơn. Võ Di Nguy và Lê Văn Duyệt đốc thúc quân đánh vào đồn Thị Nại. Võ Di Nguy bị đạn chết tại trận. Lê Văn Duyệt quyết đánh, trong khi quân sĩ nhiều người bị tử thương, cuối cùng Duyệt cho dùng hỏa chiến nhân chiều gió, phóng đánh vào thuyền đại hiệu của đối phương, quân Tây Sơn bị tan vỡ, chết rất nhiều. Vũ Văn Dũng thua chạy, thu nhặt tàn quân hợp với Trần Quang Diệu, thuyền chiến của Tây Sơn bị đốt cháy gần hết. Quân Nguyễn bèn giữ cửa Thị Nại. Đây là trận đánh lớn, là "võ công to nhất"<sup>1</sup> mà Nguyễn Ánh từng lấy đó để động viên khích lệ binh sĩ và cho người báo tin về Gia Định, Phú Yên, Bình Khang và Bình Thuận cùng biết, đồng thời còn cho báo tin sang cả các nước Xiêm La và Chân Lạp. Nguyễn Ánh tìm cách liên lạc với Võ Tánh đang giữ thành Quy Nhơn, khuyên nên cố thủ chớ khinh thường Tây Sơn mặc dù vừa giành thắng lợi lớn. Tháng 2, Đông cung Cảnh bị bệnh chết, Nguyễn Ánh rất thương xót, cho mai táng cẩn thận, rồi vẫn đóng quân ở Thị Nại. Tháng 3, Nguyễn Ánh cử Nguyễn Văn Trương đem thủy quân tiến vào cửa biển Cổ Lũng ở Quảng Ngãi, phá kho Trà Khúc, đốt hết lương thực của Tây Sơn. Tháng 4, đánh lấy lại được dinh Quảng Nam, bắt được 24 con voi, 80 cỗ đại bác cùng khí giới, lương tiền vô kể<sup>2</sup>. Tin thắng trận báo về, Nguyễn Ánh cho thêm 30 chiến thuyền và hơn 1.000 quân do Tống Viết Phước dẫn đầu đến tăng viện cùng quân giữ vùng đất mới chiếm lại được<sup>3</sup>.

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 13, tập I, Sđd, tr. 429.

2, 3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 13, tập I, Sđd, tr.434.

Quân Tây Sơn sau khi bị thất bại ở Thị Nại, đã quay lại bao vây thành Quy Nhơn chặt chẽ hơn. Trong thành lúc ấy lương thực gần hết. Nguyễn Ánh thấy tình thế chưa thể giải vây được, dụ các tướng rằng "Thà mất thành chứ không để mất tướng giỏi", liền cho người mang thư lặn vào trong thành, triệu Võ Tánh bỏ thành, tìm đường ra hội với đại quân. Nhưng Võ Tánh đã kiên quyết xin giữ thành và khuyên Nguyễn Ánh nhân sơ hờ đưa quân đánh úp Phú Xuân. Võ Tánh coi việc lấy được kinh đô Phú Xuân là thỏa nguyện như đổi được tính mạng mình. Nguyễn Ánh bèn họp bàn các tướng thông báo chủ trương của Võ Tánh và cử Nguyễn Văn Thành ở lại điều quân các đạo cầm cự với Vũ Văn Dũng và Trần Quang Diệu; Nguyễn Hoàng Đức quản lĩnh binh thuyền đóng giữ cửa Thị Nại<sup>1</sup>, rồi tự dẫn đại binh đi đánh Phú Xuân.

Tháng 5, đại binh của quân Nguyễn tiến đến cửa biển Tư Dung, chia làm hai cánh: phía cửa hữu do tướng Nguyễn Văn Trương chỉ huy; phía cửa đông do Nguyễn Ánh cùng các tướng Lê Văn Duyệt, Lê Văn Chất dẫn quân vào. Tướng Tây Sơn là Phò mã Nguyễn Văn Trị và Trần Văn Tạ đã cho quân đóng cọc gỗ ở đường lạch giữ núi Quy Nhơn không cho quân Nguyễn tới. Nguyễn Ánh sai Lê Văn Duyệt và Lê Văn Chất đem quân đánh thọc hậu, Nguyễn Văn Trị phải bỏ đồn chạy. Sau đó, Nguyễn Ánh đốc các quân tiến đến bến đò Trùng Hà, Lê Văn Duyệt bắt được Nguyễn Văn Trị và Đô đốc Phạm Văn Sách, quân Tây Sơn kéo 500 người ra hàng, quân Nguyễn bèn tiến đến cửa Eo. Quang Toàn nghe tin đại quân Nguyễn đến, liền điều hết quân ra cửa Eo để chống giữ. Quân Nguyễn thừa thắng tiến lên. Chưa kịp giao chiến, Quang Toàn cùng bè đảng nghe tin đã tan chạy, quay giáo xin hàng. Quân Nguyễn thu được hết cả thuyền ghe, súng ống và khí giới. Đại binh tiến thẳng

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 13, tập I, Sđd, tr. 439.



tới Phú Xuân. Vua Tây Sơn Quang Toàn đã mang theo đồ báu bỏ thành chạy trước ra Bắc. Nguyễn Ánh tiến vào thành, thu được 13 quả ấn và 33 bản sổ sách công văn, rồi cho niêm phong kho tàng, tịch biên của cải vật phẩm, hạ lệnh cho quân lính cấm cướp bóc quấy nhiễu để dân cư được yên<sup>1</sup>, hôm đó là ngày mùng 3 tháng 5 năm Tân Dậu (15-6-1801). Sau đó, Lê Chất được lệnh đem bộ binh đuổi theo Nguyễn Quang Toàn, Nguyễn Văn Trương đem thủy binh tiến đến Linh Giang (sông Gianh) chặn đường chạy của quân Tây Sơn, Phạm Văn Nhân thì đóng giữ cửa Eo (cửa Nguyễn Hải), Lưu Phước Tường thì đem quân theo đường Cam Lộ sang Vạn Tượng không cho quân Tây Sơn tràn qua. Các em Quang Toàn là Quang Cương, Quang Tự, Quang Điện và hơn 30 người phụ nữ đều bị bắt. Lê Chất đuổi Quang Toàn đến Bồ Chính không bắt được, chỉ thu được hai quả ấn đem về nộp<sup>2</sup>.

#### **\* Nguyễn Ánh giành lại thành Bình Định**

Nguyễn Ánh sai Lê Văn Duyệt thống lĩnh bộ binh đánh lấy Quảng Nam, Tống Viết Phước thống lĩnh thủy binh chia đường đánh Tây Sơn để cứu thành Bình Định. Lê Văn Duyệt và Lê Chất đánh thắng viện binh của Tây Sơn ở Cao Đồi. Trần Quang Diệu trước đó sợ đại binh Nguyễn tiến thẳng đến Phú Xuân, đã sai Đại đô đốc Tống Phúc Phượng và Tư khấu Định đem quân đi đường núi ra đánh Phú Xuân. Nhưng đội quân này bị người thiểu số dùng mưu lừa, loanh quanh hết lương, Tống Phúc Phượng đã đem quân quy hàng quân Nguyễn. Quân Nguyễn giành thắng lợi, giải tướng lĩnh của Tây Sơn cùng Nguyễn Quang Cương về Bình Định, Nguyễn Quang Tự, Nguyễn Quang Điện, Phò mã Nguyễn Văn Trị thì giải về Gia Định rồi giết. Sau đó, Tống Viết Phước và Lê Chất

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 14, tập I, Sđd, tr. 441.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 14, tập I, Sđd, tr. 442.

đến Quảng Ngãi, đánh bắt được tướng của Tây Sơn là Nguyễn Văn Khôn, Hồ Văn Tự cùng hơn 3.000 quân và nhiều khí giới ở Trà Khúc. Tướng Khôn và Tự thì giải về kinh, còn quân lính thì chia lậ vào các vệ quân để tăng thêm binh sĩ. Lúc đó, ở trong thành Bình Định quân Nguyễn do Võ Tánh và Ngô Tông Chu coi giữ chống chọi với quân Tây Sơn đã sang đến năm thứ hai, lương ăn đã cạn, phải giết voi, ngựa làm thức ăn cho quân lính, bên ngoài Tây Sơn vây hãm và quyết đánh. Cuối cùng không thể chống đỡ được, Võ Tánh phải viết thư cho Trần Quang Diệu không nên sát hại quân lính, rồi cho chất rơm ở dưới lầu Bát Giác, để thuốc súng vào đốt, tự tử. Ngô Tông Chu cũng tử tiết và *Cai cơ quán đạo ứng nghĩa* là Nguyễn Tiến Huyền cũng tự vẫn theo. Sau khi Võ Tánh và Ngô Tông Chu chết, Diệu đem quân vào thành cố thủ, không tiến đi đâu được, vì các mặt đã bị quân Nguyễn bao vây. Cánh quân Nguyễn do Lê Văn Duyệt và Lê Văn Chất từ Quảng Nam đánh vào, cánh quân Nguyễn Văn Thành giữ cửa Thị Nại đánh lên. Cánh quân Nguyễn Văn Tính thì đang ở Phú Yên hướng vào. Quân Tây Sơn ở trong thành bị cô lập, chỉ cầm cự được 8, 9 tháng, đến tháng 3 năm 1802, lương mòn sức kiệt, Vũ Văn Dũng và Trần Quang Diệu đã nhân một đêm tối trời đem đồ đảng là Từ Văn Chiêu, Nguyễn Văn Mân, Nguyễn Văn Giáp, Nguyễn Văn Điềm, Lê Văn Hưng hơn 80 người cùng 3.000 quân, 86 thớt voi, men theo đường thượng đạo lẩn trốn ra Nghệ An<sup>1</sup>. Quân Nguyễn dò biết đuổi theo. Được tin Nguyễn Ánh mừng lắm, giao cho Nguyễn Văn Thành ở lại giữ thành Bình Định và lệnh cho Lê Văn Duyệt đem các tướng về Phú Xuân. Rồi hạ lệnh cho quân dân ở Quảng Nam và Cam Lộ ra đóng giữ các đầu nguồn để chặn đường tháo chạy của quân Tây Sơn và gửi thư báo tin cho Xiêm La và Vạn Tượng biết.

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 16, tập I, Sđd, tr. 485.

**\* Quân Nguyễn đánh ra Bắc Hà**

Khi lấy lại được Phú Xuân, Nguyễn Ánh chọn Phú Xuân làm đại bản doanh, chia quân trấn giữ từ Đồng Hới trở vào; cử Đặng Trần Thường và Nguyễn Văn Trương giữ Linh Giang (sông Gianh), Lê Chất và Lê Văn Duyệt vào đánh Quảng Ngãi. Nguyễn Ánh cho chuẩn bị lực lượng để tấn công ra Bắc.

Tháng 5 năm 1801, Nguyễn Ánh cho đặt *tri phủ, tri huyện* của hai phủ *Triệu Phong* và *Quảng Bình* nhưng vẫn để 18 quan lại cũ của triều Tây Sơn ở lại làm việc như cũ<sup>1</sup>. Sau đó, Nguyễn Ánh lại cho gửi các hàng tướng của Tây Sơn là Lê Văn Lợi, Trần Văn Kỳ, Hồ Quang Diệu... vào theo quân thứ ở Bình Định. Về quân nhu, Nguyễn Ánh quy định: 4 vạn quân từ Thạch Tân (Bến Đá) ra đến sông Gianh thì được dùng lương thu từ 3 dinh Quảng Ngãi, Quảng Nam, Thuận Hóa và hơn 3 vạn quân của Tiền quân, Hữu quân, Hậu dinh, Tượng dinh, Tiên phong ở Quy Nhơn thì dùng lương thu được từ Gia Định<sup>2</sup>. Nguyễn Ánh còn cho người mang mật thư đi dụ dân ở Thanh - Nghệ và những địa chủ ở Bắc Hà để mở đường cho cuộc tiến ra Bắc. Tháng 7 năm đó, Nguyễn Ánh lại nhờ một người buôn Trung Quốc là Triệu Đại Sỹ đem thư và lễ vật cùng mấy tên tướng giặc biển đã bị quân Nguyễn bắt sang Quảng Châu, nộp cho Tổng đốc Lương Quảng để tranh thủ sự ủng hộ của nhà Thanh<sup>3</sup>.

Ngay từ cuối tháng 5 năm 1801, Quang Toàn đã trốn chạy ra Bắc Thành, đổi niên hiệu là *Bảo Hưng*<sup>4</sup>, cho người sang nhà Thanh

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 14, tập I, Sđd, tr. 446.

2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 14, tập I, Sđd, tr. 453.

3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 14, tập I, Sđd, tr. 459.

4. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 14, tập I, Sđd, tr. 448.

xin quân, không được nhà Thanh ủng hộ, liền về ra sức chuẩn bị lực lượng để phản công quân Nguyễn. Quang Toàn ra lệnh cho tuyển lính của các trấn ở Đàng Ngoài và cử em là Nguyễn Quang Thùy vào trấn giữ Nghệ An. Trong khi đó, Đồng lý Nguyễn Văn Thận đang trấn thủ Nghệ An, nhiều lần xin Quảng Toàn cho đem quân đi đánh Động Hải (Đông Hới), nhưng không được chấp thuận, bèn lui về đóng ở Vĩnh Doanh (trấn lý Nghệ An - Vinh ngày nay). Đến tháng 11, Nguyễn Quang Toàn đã đem đại binh thủy bộ của bốn trấn và Thanh Hóa gồm 30.000 người vượt sông Gianh vào đánh quân Nguyễn để làm tiếp ứng cho Diệu và Dũng ở Quy Nhơn (lúc đó thành Bình Định chưa thất thủ). Cùng đi có vợ của Trần Quang Diệu là Bùi Thị Xuân và 5.000 quân<sup>1</sup>. Quân Tây Sơn bày trận ở Nhật Lệ. Quang Thùy và *Tổng quản* Siêu đem quân đánh Trấn Ninh. *Tư lệ* Đinh Công Tuyết, *Đô đốc* Nguyễn Văn Đăng và *Đô đốc* Lực liên kết với giặc biển Tề Ngôi (Tàu Ô) đem hơn 100 thuyền chiến bày trận ở cửa biển Nhật Lệ. Cuối năm 1801, đại quân của Quang Toàn đã vượt qua sông Gianh.

Trước thế mạnh của Tây Sơn, Đặng Trần Thường phải lui quân về giữ dinh Ngói, rồi cho người báo tin về Phú Xuân. Quân Tây Sơn đánh vào *dinh* Ngói, Đặng Trần Thường lại bỏ *dinh* Ngói rút về Động Hải. Được tin Nguyễn Ánh đề *Quốc thúc* Tôn Thất Thăng ở lại giữ kinh thành, rồi dẫn quân thẳng tiến đến Động Hải. Nguyễn Ánh sai Nguyễn Văn Trương đem thủy quân ra ngăn giữ mặt biển, Phạm Văn Nhân và Đặng Trần Thường đem quân ra giữ mặt bộ. Ngày đầu của tháng giêng âm lịch năm 1802, Nguyễn Quang Thùy đánh sát vào lũy Trấn Ninh. Nguyễn Ánh sai quân túc trực bắn vào cửa, giết được hơn một nghìn quân Tây Sơn. Quân Tây Sơn đem

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 15, tập I, Sđd, tr. 474.

quân tiến sát núi Đâu Mâu. Quân Nguyễn từ trên núi thả đá xuống, quân Tây Sơn bị thiệt mạng rất nhiều. Quang Toàn muốn rút quân, nhưng Bùi Thị Xuân vẫn cười voi liều chết đánh tiếp từ sáng đến trưa chưa chịu lùi bước. Vừa lúc đó, được tin thủy binh của Tây Sơn bị thua ở cửa Nhật Lệ, bộ binh của Tây Sơn tự tan vỡ. Quang Toàn chạy về Đông Cao (Bố Trạch, Quảng Bình). Nguyễn Kiên đem quân ra đầu hàng<sup>1</sup>.

Nguyễn Văn Trương giao chiến với quân thủy ở cửa Nhật Lệ, thu được 20 chiến thuyền. Quang Toàn tháo lui chạy qua sông Gianh, quân lính đi theo chỉ còn 1 đến 2 phần mười. Quân Nguyễn tiếp tục đuổi theo, quân Tây Sơn tan vỡ, bị bắt 700 người. Quân Nguyễn thu hàng 3.000 quân cùng 700 cỗ súng lớn và 500 con ngựa. Tướng của Tây Sơn là Thượng thư Nguyễn Thế Trực, Đô đốc Trần Văn Mô, Tham đốc Bùi Văn Ngoạn, Thiếu tể Nguyễn... bị bắt sống<sup>2</sup>.

Nguyễn Ánh sai quan ở các đạo ghi hết những người, ngựa, súng ống, khí giới đã bắt được, dâng lên. Trận này quân Tây Sơn bị thua to, lòng dân Bắc Hà xôn xao<sup>3</sup>. Quân Nguyễn càng trở nên thanh thế.

Nguyễn Quang Toàn dẫn tàn quân chạy thoát ra Bắc, Nguyễn Quang Thùy cũng tháo chạy đến sông Gianh, thấy quân Nguyễn đã chiếm giữ, liền bỏ chạy theo hướng tây, về Nghệ An cùng với Nguyễn Văn Thận.

Nguyễn Ánh thắng trận cho rút quân trở về Phú Xuân, chưa tính chuyện đánh tiếp Bắc Hà, khi thành Bình Định chưa hạ được. Sai Tổng Phước Lương và Đặng Trần Thường được phân ở lại giữ

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 16, tập I, Sdd, tr. 479.

2, 3. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 16, tập I, Sdd, tr. 480.

sông Gianh, Nguyễn Văn Trương giữ Động Hải, Hoàng Văn Diễm giữ cửa Ròn.

Từ tháng 3 năm 1802, sau khi thành Bình Định thất thủ, Nguyễn Ánh mới tính việc đi đánh Bắc Hà. Ngày mùng 1 tháng Năm (1802), trước khi tiến quân ra lấy Bắc Hà, Nguyễn Ánh đã lập đàn Nam Giao ở đồng An Ninh làm lễ tế cáo trời đất và ngày mùng 2 tháng Năm tiếp tục làm lễ kính cáo vong linh liệt thánh, lên ngôi vua, đặt *niên hiệu* là *Gia Long*<sup>1</sup>. Sau khi lên ngôi, Nguyễn Ánh đã cử một đoàn sứ bộ gồm có Trịnh Hoài Đức làm *Chánh sứ* cùng *Phó sứ* là Ngô Nhân Tĩnh và Hoàng Ngọc Uẩn đem lễ vật sang báo tin cho nhà Thanh cùng những ấn sách, tố cáo Tây Sơn thông đồng với bọn giặc biển Tề Ngôi. Được vua Thanh đồng tình.

Khi đã sắp xếp xong mọi việc, Nguyễn Ánh bắt đầu cử đại binh Bắc phạt. Sai các địa phương Quảng Đức, Quảng Trị và Quảng Bình sửa sang hành cung, cầu cống và đường sá. Rồi cử *Chương trung quân bình Tây đại tướng quân* Nguyễn Văn Trương lãnh thủy quân, *Chương tả quân bình Tây tướng quân* Lê Văn Duyệt và *Chương hậu quân bình Tây* Lê Văn Chất lãnh bộ binh đi trước xuất phát vào ngày 17 tháng Năm (tức ngày 16-6-1802). Ngày 21, đại quân của Nguyễn Ánh cũng bắt đầu khởi binh từ Phú Xuân. Ngày 27, thủy quân của Nguyễn Văn Trương tiến đến Hoàn Sơn, đánh phá đồn lũy của Tây Sơn, *Đô đốc* Tây Sơn là Nguyễn Văn Ngũ bị thua bỏ chạy. Ngày 28, quân Nguyễn đánh lấy được *Hà Trung*. Ngày 29, bộ binh tiến lấy được *Đại Nại*. Ngày mùng 1 tháng 6, thủy binh tiến lấy được *Vĩnh Dinh* (trấn lỵ Nghệ An), *Thiếu phó* của Tây Sơn là Đặng Văn Đăng đem quân ra đầu hàng, bắt được

---

1. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 17, tập I, Sđd, tr. 491.

em Nguyễn Quang Toàn là Thất và *Đô đốc* Ngũ. Ngày mùng 2, bộ binh tiến lấy được *Tiên Lý*, *Đô đốc* Tây Sơn là Ý đầu hàng. Ngày mùng 5, quân Nguyễn tiến lấy được *Dương Xá* (trần lý Thanh Hóa), bắt được em Quang Toàn là Quang Bàn và cha con *Đổng lý* Nguyễn Văn Thận. Ngày mùng 7, *Phó đô thống chế Tả dinh* Võ Doãn Văn và *Chánh thống tiền đồn* là Lê Đức Định bắt được *Thiếu phó* của Tây Sơn là Trần Quang Diệu ở miền thượng đạo Nghệ An cùng vợ Bùi Thị Xuân và nhiều tướng lĩnh là Từ Văn Chiêu, Nguyễn Văn Giáp, Lê Văn Hưng, Nguyễn Văn Mân, thu được 76 thớt voi đực. Dân Thanh Hoa (gồm 19 người làng Ngộ Xá, huyện Nông Cống) bắt được *Tur đồ* của Tây Sơn là Vũ Văn Dũng cùng các tùy tùng. Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng vốn từ Quy Nhơn đem các tùy tùng chạy trốn ra Nghệ An, đến sách Quý Hợp, thì gặp quân Nguyễn và bị bắt. Ngày mùng 9, bộ binh Nguyễn tiến đến đồn Tam Điệp, *Tur mã* Tây Sơn là Nguyễn Văn Dụng, Nguyễn Văn Tứ bỏ chạy. Ngày mùng 10, bộ binh tiến đánh đến Thanh Hoa ngoại (Ninh Bình), *Đô đốc* Tây Sơn là Tài đầu hàng. Ngày 12 tiến lấy được *Châu Cầu* (trần lý Sơn Nam Thượng). Thủy binh Nguyễn thì tiến thẳng tới sông Vị Hoàng (trần lý Sơn Nam Hạ - tức Nam Định ngày nay), *Đô đốc* Tây Sơn là Thọ đầu hàng. Ngày 17, quân Nguyễn tiến đánh chiếm lấy lại *kinh thành Thăng Long*, bắt được hơn 100 voi chiến cùng khí dụng, thuyền ghe, lương thực không kể xiết. Ngày 21, Nguyễn Ánh vào thành Thăng Long<sup>1</sup>, quan quân nhà Tây Sơn kéo ra hàng, công cuộc bình định Tây Sơn hoàn thành trong vòng 1 tháng kể từ ngày xuất quân tại Phú Xuân.

Vua Tây Sơn, Nguyễn Quang Toàn, thấy tình thế không chống đỡ nổi, đã cùng với em là Quang Thù, Quang Duy, Quang Thiện

---

1, 2. *Đại Nam thực lục, Chính biên*, quyển 17, tập I, Sđd, tr. 504.

và *Tư mã* Nguyễn Văn Dụng, Nguyễn Văn Tứ bỏ thành chạy trước, qua sông Nhĩ Hà (sông Hồng) đến sông Xương Giang (Bắc Giang), cuối cùng Quang Thù đã thất cố tự tử, những người khác đều bị bắt về Thăng Long<sup>2</sup>. Triều đại Tây Sơn kết thúc và công cuộc khôi phục chế độ phong kiến của nhà Nguyễn đã giành được thắng lợi hoàn toàn.